VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
tác giả & tác phẩm
hoàng khởi phong • trần thị kim lan • bùi vĩnh phúc

thể thơ
trần văn tích
nghệ sĩ lưu vong và hành trình tới mỹ quốc:
nhà văn việt nam mai thảo
jane katz
"từ nơi sóng vỗ bồng bềnh..."
tạ chí đại trường

truyện ngắn
nguyễn hữu nhật • hoàng chính • nguyễn hiền
điệp mỹ linh • ray bradbury
thơ
thái tú hạp • hoàng bích dào • nguyễn xuân hoàng
dặng hiền • cao dông khánh • hải phương
nguyễn tuấn hùng • hoàng xuân sơn • hà nguyên dũng

SỐ 123 • THÁNG 7 NĂM 1996

VănHọc

Số 123 • Tháng 7, 1996

TRẦN VĂN TÍCH	3	thể thơ
THÁI TÚ HẠP	19	*mùa hạ nhớ quê*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	20	nước cờ của hư trúc
HOÀNG BÍCH ĐÀO	26	*chớm thu*
JANE KATZ	27	nghệ sĩ lưu vong và hành trình tới
TÂM BÌNH dịch		mỹ quốc: nhà văn việt nam mai thảo
NGUYỄN XUÂN HOÀNG	34	*chưa bẩy mươi*
VĂN HỌC	36	giới thiệu hoàng khởi phong
NGUYỄN MẠNH TRINH	37	phỏng vấn hoàng khởi phong
VĂN HỌC	48	giới thiệu trần thị kim lan
TRẦN THỊ KIM LAN	48	gió đêm
ĐẶNG HIỀN	56	*quê hương mùa lá xanh*
VĂN HỌC	57	giới thiệu bùi vĩnh phúc
BÙI VĨNH PHÚC	59	tình yêu, cô đơn...trong thơ tô thùy yên
CAO ĐÔNG KHÁNH	79	*tháng mười ba*
NGUYỄN HỮU NHẬT	81	dâng hoa mỉm cười
HẢI PHƯƠNG	91	*nẻo ý trăng xanh bàng giúi*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	92	từ nơi sóng vỗ bồng bềnh
HOÀNG CHÍNH	102	đào nhí
NGUYỄN TUẤN HÙNG	118	*phép lạ*
NGUYỄN HIỀN	119	chiều cuối năm
HOÀNG XUÂN SƠN	125	*hư tưởng*
ĐIỆP MỸ LINH	126	qua làng sơn tịnh
PHẠM CHI LAN	137	truyện thật ngắn
RAY BRADBURY	139	hồ nước
VŨ HUY QUANG dịch		
HÀ NGUYÊN DŨNG	145	*đảo tâm sự*
VÕ ĐÌNH	146	bãi sông có đôi chim cưu
VĂN HỌC	150	giữa người đọc và người viết
NGUYỄN HUY THẠCH	156	ghi chép
VĂN HỌC	163	toà soạn với bạn đọc
VĂN HỌC	164	giới thiệu sách mới

©Copyright by authors and Văn Học, 1996
©Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Đề tài "Hiện thực và Tưởng tượng" trong văn chương do nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng gợi ra trong số trước đã có nhiều hồi âm. Nhà văn Nguyễn Quốc Trụ trong "Nước Cờ Của Hư Trúc" đưa ra một cái nhìn khác về vấn đề này, trong khi những góp ý của Phùng Nguyễn. Bùi Thanh Liêm, Nguyễn Kỳ Phong, Trần Hoài Thư, Phạm Chi Lan...trên Internet cho thấy Văn Học đã không lầm khi đưa chủ đề này làm vấn đề tranh luận. Hy vọng từ số này trở đi, các nhà văn sẽ đóng góp thêm kinh nghiệm sáng tác của mình, cho bạn đọc biết từ những chất liệu đời sống nào, qua những biến trình nào, họ đã viết nên tác phẩm. Có lẽ sau loạt bài giới thiệu những tác giả và tác phẩm của hai mươi năm văn học hải ngoại, "Hiện thực và Tưởng tượng" sẽ là đề tài thảo luận thường xuyên trên Văn Học, làm nhịp cầu thân thiết nối liền người viết và người đọc trong thời gian dài.

Trở lại nội dung Văn Học số 123 tháng 7.1996 này, Ban Chủ biên tiếp tục giới thiệu bài biên khảo khác của Trần văn Tích viết về thơ, và bản dịch bài phỏng vấn Mai Thảo của Jane Katz nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ bảy mươi của nhà văn Mai Thảo.

Phần "Tác giả và Tác phẩm" văn chương hải ngoại kỳ này, chúng tôi giới thiệu ba nhà văn: Bùi Vĩnh Phúc, Trần thị Kim Lan và Hoàng Khởi Phong.

Sáng tác văn xuôi có truyện và ký của Nguyễn Hữu Nhật, Tạ Chí Đại Trường, Hoàng Chính, Nguyễn Hiền, Điệp Mỹ Linh, Phạm Chi Lan, Ray Bradbury (Vũ Huy Quang dịch). Nhà văn Võ Đình viết về công trình phiên dịch bộ Kinh Thi của Bà Kim Y Phạm Lệ Oanh.

Phần thi ca có đóng góp của Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Đông Khánh, Thái Tú Hạp, Hải Phương, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Bích Đào, Đặng Hiền, Nguyễn Tuấn Hùng và Hà Nguyên Dũng..

Văn Học

Thể Thơ

Trần Văn Tích

Căn cứ vào hình thức tổ chức ngôn ngữ là một trong những tiêu chuẩn phân loại thi ca. Vận dụng tiêu chuẩn nầy, có thể xếp thơ một cách đơn giản theo số âm tiết trong từng câu. Ví dụ thơ Pháp có ba thể: *grands vers tức vers alexandrins*, mỗi câu mười hai âm; *vers communs*, mỗi câu mười âm; *petits vers*, mỗi câu tám âm hay ít hơn. Cũng có thể đếm số câu trong từng bài thơ để phân loại. Chẳng hạn thơ Đường luật có ba dạng chính: thơ *bát cú*, mỗi bài tám câu; thơ *tuyệt cú*, mỗi bài bốn câu, và thơ *bài luật* là dạng kéo dài của thơ Đường luật, mỗi bài hai mươi câu, bốn mươi câu v.v... Cũng có thể gom các loại thơ có vần có đối vào đại gia đình thơ *cách luật* (ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát, song thất lục bát v.v...) để phân biệt với *thơ tự do* và *thơ văn xuôi* hoặc gọn gàng hơn nữa, chia thơ thành hai loại chính: *thơ có vần* và *thơ không vần*.

Có hai thể thơ cách luật cổ điển thuần túy Việt Nam: *lục bát* và *song thất lục bát*. Khác với thơ chữ Hán chỉ có cước vận ở cuối câu, thơ Việt văn dù là lục bát hay song thất lục bát đều có cước vận và yêu vận. Do đặc tính này, thi ca mà chúng ta thưởng thức từ thuở nằm nôi nghe mẹ hát có thể làm theo lối trường thiên, dài bao nhiêu câu cũng được. Cho nên các truyện Nôm dân tộc đều mang hình thức không lục bát thì song thất lục bát.

ꕥ

Giống như bộ mật mã di truyền chỉ dựa trên bốn badờ căn bản mà cấu tạo nên được hằng hà sa số prôtêin, phép làm thơ dân tộc cũng chỉ vận dụng ba lối kết cấu câu thơ: lối sáu chữ, lối bảy chữ, lối tám chữ để viết thành cả một kho tàng bài thơ dài ngắn. Nói cách khác, ba con số 6, 7 và 8 là ba con số chuẩn trong thi pháp cổ điển của nòi Việt. Khi sáu chữ ghép với tám chữ, chúng ta có thể thơ *sáu tám* hay *lục bát*. Khi bảy chữ ghép

với sáu và tám chữ, chúng ta có:

– thể thơ *hai bảy sáu tám* hay *song thất lục bát*,

– hoặc thể thơ *sáu tám hai bảy* hay *lục bát gián thất*.

Đơn vị cơ bản của thể thơ cách luật thuần túy Việt Nam *bảy bảy sáu tám* là một khổ thơ gồm hai câu bảy chữ và hai câu sáu tám tiếp theo (*song thất lục bát*) hay đi trước (*lục bát gián thất*). Cho nên các sáng tác theo thể *song thất lục bát* luôn luôn có tổng số câu là một số chẵn, hơn nữa, là một *bội số của 4*. Xin đan cử làm ví dụ:

– *Chức cẩm hồi văn* (bản dịch Hoàng Quang) có 40 câu;

– *Tỳ bà hành* (bản dịch Phan Huy Thực) có 88 câu;

– *Trường hận ca* (bản dịch Tản Đà) có 132 câu;

– *Thu dạ lữ hoài ngâm* (Đinh Nhật Thận) có 136 câu;

– *Ai tư vãn* (Ngọc Hân công chúa) có 164 câu;

– *Văn chiêu hồn* (Nguyễn Du) có 184 câu;

– *Bần nữ thán* (Vô danh) có 216 câu;

– *Hà thành thất thủ ca* (Vô danh) có 262 câu;

– *Cung oán ngâm khúc* (Ôn Như Hầu) có 356 câu;

– *Ly tao* (bản dịch Nhượng Tống) có 372 câu;

– *Chinh phụ ngâm* có 408 hoặc 412 câu, tùy theo bản dịch;

– *Tỉnh quốc hồn ca* I (Phan Châu Trinh) có 468 câu, II có 480 câu;

– *Tự tình khúc* (Cao Bá Nhạ) có 608 câu v.v...

Ở đây, có một trường hợp ngoại lệ: bài *Khóc Dương Khuê* do Nguyễn Khuyến tự dịch chỉ có 38 câu thay vì lẽ ra phải có hoặc 36 câu hoặc 40 câu. Tuy nhiên bài thơ dịch *Di chúc văn* sang quốc ngữ cũng của Tam Nguyên Yên Đổ thì lại có đúng 40 câu. Cả hai bài, trong ngôn ngữ gốc, đều theo thể ngũ ngôn trường thiên và mỗi bài cùng có 40 câu chữ Hán. Nhưng khi chuyển sang ngôn ngữ đích, hai dịch phẩm Việt ngữ mở đầu không giống nhau: bài *Khóc Dương Khuê* mở đầu bằng một khổ lục bát, bài Di chúc tuân thủ chặt chẽ qui tắc thể thơ song thất lục bát, hai câu đầu tiên là hai câu bảy bảy. Tôi cho rằng

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

là một hình thức khai cuộc (entrée) của nhạc phẩm ai điếu *đồng niên Vân đình Tiến sĩ Dương Thượng thư* của nhà nho làng Vị hạ, là những nốt đàn dạo trước khi gửi tín hiệu nghệ thuật về tình bằng hữu.

Ngoài ra, mỗi tác phẩm trường thiên viết theo thi pháp *song thất lục bát* thường có thể phân chia thành một số tiểu đoạn, mỗi tiểu đoạn tương ứng với một khổ bốn câu thơ: bản dịch *Tỳ bà hành* gồm hai mươi hai khổ; bản dịch *Chinh phụ ngâm* (bản phổ biến rộng rãi) gồm một trăm lẻ ba

khổ. Không chú ý đến khía cạnh nầy nên có người đã lầm lẫn khi ghi nhận số câu thơ trong khúc ngâm của người vợ có chồng đi đánh trận xa: đó là trường hợp Văn Bình Tôn Thất Lương [1] trước đây và Trương Đình Nguyên [2] sau này; cả hai đều cho rằng *Chinh phụ ngâm* có bốn trăm mười một câu. Vậy thi loại *song thất lục bát* kết hợp thể thơ gồm một *liên hai* câu bảy chữ và thể thơ gồm một *liên* hai câu sáu chữ tám chư; hay nói cách khác, mỗi khổ *song thất lục bát* gồm hai đơn vị cơ bản: một tổ hợp hai câu mỗi câu bảy chữ và một tổ hợp hai câu sáu chữ và tám chữ. Thông thường hai câu bảy chữ đi trước, đó là thể *song thất lục bát* phổ thông:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt, (7)
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng (7)
Oán chi những khách tiêu phòng, (6)
Mà xui phận bạc nằm trong má đào. (8)
(*Cung oán*)

Khi hai câu sáu tám đi trước, chúng ta có thể lục bát gián thất:

Chàng đi đi chẳng trở về, (6)
Thu về thiếp những tê mê dạ sầu. (8)
Làng mây nước biết đâu nhắn gửi? (7)
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương. (7)
(Tương Phố. *Giọt lệ thu*)

Lục bát là thể thơ của *ca dao*:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Về gieo vần, chủ yếu là vần bằng và cứ mỗi cặp hai câu lại đổi vần: tiếng cuối câu sáu vần với tiếng thứ sáu câu tám, rồi tiếng cuối câu tám lại vần với tiếng cuối câu sáu sau. Do đó có *vần lưng* và *vần chân*. *Vần lưng* –tên Hán Việt là yêu vận– bắt chữ cuối câu lục gieo vần xuống một chữ số chẵn ở *lưng* câu bát, thường là chữ thứ tư hoặc thứ sáu. Trong ví dụ trên, *cùng* (chữ cuối câu sáu) vần với *chung* (chữ thứ sáu câu tám). Vần ở chữ thứ sáu trong câu sáu và chữ thứ tám trong câu tám vì ở cuối câu nên gọi là *cước vận*, *vần chân*:

Trăm năm trong cõi người ta, (cước vận)
Chữ tài chữ mệnh khéo ***là*** (yêu vận) *ghét* ***nhau***. (cước vận
Trải qua một cuộc bể ***dâu***, (cước vận)
Những điều trông thấy mà ***đau*** (yếu vận) *đớn* ***lòng***. (cước vận)
(*Truyện Kiều*)

Vần lưng cũng có thể ở tiếng thứ tư và vào trường hợp này, tiếng thứ tư phải đổi ra thanh bằng (thay vì trắc như chữ *mệnh* trong câu *Kiều* trên đây); còn tiếng thứ sáu tiếp theo lại phải chuyển sang thanh trắc (thay vì

thanh bằng như chữ là cũng trong cùng câu *Kiều*):

Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời (yêu vận, bằng) *chẳng thấy* (yêu vận, trắc)
người thương.
(Ca dao)

Đầu thời đội nón cỏ may,
Mặt vỏ mình gầy (yêu vận, bằng) *cầm sách* (yêu vận, trắc)
giờ lâu.
(*Lý công*)

Thông thường thì về phối thanh, bắt buộc tiếng thứ tư phải là trắc, các tiếng thứ hai, thứ sáu, thứ tám phải là bằng; còn các tiếng thứ nhất, thứ ba và thứ năm không bị luật phối thanh ảnh hưởng đến: chúng ta có lệ *nhất, tam, ngũ bất luận* nghĩa là tiếng thứ nhất, thứ ba và thứ năm không kể. Trong câu tám, hai tiếng thứ sáu và thứ tám lại phải khác dấu, nếu trước là dấu huyền thì sau phải không dấu, hoặc ngược lại:

Những điều trông thấy mà ***đau*** (không dấu) *đớn* ***lòng***. (dấu huyền)
Hoa đào năm ngoái còn ***cười*** (dấu huyền) *gió* ***đông***. (không dấu)
(*Truyện Kiều*)

Khi thi loại lục bát biến thể thì về hình thức, số chữ trong câu có thể tăng thêm, đồng thời *vần lưng* cũng chuyển dịch theo.

Chúng ta hay gặp thể này trong ca dao và trong các truyện Nôm bình dân như *Quan thế âm, Phạm Công Cúc Hoa, Lý công*:

Chăn tằm hái dâu, cũng bồ nâu áo vá, (9)
Đứng đường đứng sá, cũng áo vá bồ nâu. (9)
Tiền bạc ông lĩnh không biết bao cơ, (8)
Ông làm quan giữa huyện dân có ăn nhờ chi ông. (11)
Giàu thì thịt cá cơm canh, (6)
Khó thì lưng dưa dĩa muối cúng anh tôi đi lấy chồng. (12)
Tôi khóc rằng: "ối anh chồng cũ tôi ơi, (9)
Anh có khôn thiêng thì xin anh trở dậy ăn xôi nghe kèn." (13)

Luật phối thanh cũng có ngoại lệ: tiếng thứ hai có thể là thanh trắc, nhất là ở câu sáu có tiểu đối, tuy không hẳn luôn luôn như vậy:

Mai cốt (trắc) *cách, tuyết tinh thần.*
(*Truyện Kiều*)

Dù mặt (trắc) *lạ, đã lòng quen.*
(*Bích câu kỳ ngộ*)

Này sự (trắc) *con vua Thủy thần,*
Thái tử đi tuần đội lốt Lý ngư.
(*Quan thế âm*)

Tướng ấy (trắc) *ở gần hay xa,*
Đem đi mà thưởng mười ba lạng vàng.
(*Phạm Công Cúc Hoa*)
Thuở ấy (trắc) *có vua Bảo vương,*
Sinh ra công chúa phi phương lạ lùng.
(*Lý công*)

Cá biệt lục bát có thể gieo vần trắc, qua đó kéo theo sự thay đổi hệ thống bằng trắc quen thuộc:

Tò vò mà nuôi con nhện, (trắc)
Ngày sau nó lớn nó quện (vần lưng, trắc) *nhau đi.*

Vì gồm hai câu, mỗi câu có số chữ là một số chẵn (hoặc **sáu** chữ hoặc **tám** chữ) nên lục bát thiện dụng lối *tiểu đối*: mỗi câu có thể gồm hai vế cân xứng về từ loại, âm thanh, nhiệm vụ ngữ pháp và ý nghĩa biểu đạt:

Sương in mặt, tuyết pha thân.
danh từ động từ danh từ danh từ động từ danh từ
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
danh từ động từ danh từ tính từ danh từ động từ danh từ tính từ
(*Truyện Kiều*)

Hình thức tiểu đối, nhất là ở câu bát vốn dài hơi, khiến câu thơ có thể tự phân thành hai ý thơ hay hai vế của một ý thơ trong cùng một câu:

Người lên ngựa, // kẻ chia bào.
Người ngoài cười nụ, // người trong khóc thầm.
(*Truyện Kiều*)

Nói một cách thực tổng quát, lối đối càng chặt chẽ –từ Nôm đối với từ Nôm, từ Hán đối với từ Hán; loại từ nào đối với loại từ ấy –thì càng tạo nơi người đọc tác dụng mỹ cảm theo chiều hướng đăng đối trang nghiêm về hình thức trong khi tứ thơ trở thành cao sang đường bệ. Đó là một số câu sáu, câu tám (nhưng nhất là câu bảy) nổi tiếng của thơ *Cung oán*, mà phong cách, nhìn chung, vốn quý phái, kiêu kỳ:

Trên gác phượng, dưới lầu oanh.
hay *Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.*
hoặc *Cầu Thệ thủy ngồi trơ cổ độ,*
Quán Thu phong đứng rủ tà huy.

Những câu thơ đặc quánh về chữ, bảo hòa về ý, cô đúc đến mức tối đa: chúng đạt được điểm đo là do chỉ chứa tải những thực tự, không hề có hư tự.

Vay mượn những nét nhạc uốn lượn của ca dao, dân ca; nương dựa vào lối gieo vần chọn thanh của các câu hò, điệu ru; *lục bát* qui kết những phẩm chất thẩm mỹ của tiếng Việt thơ Việt. Cách hạ vần phối thanh ngắt

nhịp tuy giản dị mà linh hoạt, vừa uyển chuyển vừa phong phú, chẳng những phong tao mà còn diễm ảo.

Song thất không phải nhất thiết dựa vào thể thơ *thất ngôn* của tiếng Hán, vì sáng tác bình dân đã từng sử dụng nó, ví dụ qua tục ngữ, ca dao, hát ru, hát hò:

Mưa lâm râm ướt dầm bụi hẹ, (7)
Cảm thương nàng có mẹ không cha. (7)
hay: *Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,* (7)
Cha con còn vui thú đàng xa. (7)
hoặc: *Cơn bên Vang tìm đàng mà chạy,* (7)
Cơn bên Gộc đổ thóc ra phơi. (7)

cũng như trong truyện Nôm dân gian:

Ăn thì ăn cơm thừa canh cặn, (7)
Ăn thì ăn môn sượng khoai sùng. (7)
(*Lục súc tranh công*)

Thể *song thất lục bát* cũng từng có mặt trong Kinh Thi Việt tộc:

Áo xông hương của chàng vắt mắc, (7)
Đêm em nằm, em đắp lấy hơi. (7)
Gửi khăn, gửi túi, gửi lời, (6)
Gửi đôi chàng mạng cho người đường xa. (8)
hoặc: *Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc,* (7)
Con chàng còn trứng nước thơ ngây. (7)
Có hay chàng ở đâu đây, (6)
Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng. (8)

Vả lại cách ngắt nhịp của câu thơ bảy chữ Hán văn và câu thơ bảy chữ quốc âm khác nhau. Nếu chúng ta biết rằng thi thiết là một yếu tố quyết định mang đến bản sắc riêng tư cho từng thể loại thi ca thì sự kiện câu thơ chữ nho bảy tiếng ngắt theo nhịp 4/3 trong khi câu thơ chữ Nôm bảy tiếng lại ngắt theo nhịp 3/4 là một luận cứ thuyết phục chứng minh đặc tính dân tộc của song thất. So sánh Bạch Cư Dị và Phan Huy Thực, người thứ nhất sử dụng *thất ngôn trường thiên*, người thứ hai huy động *song thất lục bát*:

Tầm Dương giang đầu / dạ tống khách,
Phong diệp địch hoa / thu sắt sắt.
Chủ nhân hạ mã / khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm / vô quản huyền.
Bến Tầm Dương / canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu / lau lách đìu hiu.
Người xuống ngựa / khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn / nhớ chiều trúc ty.

Thực quá rõ ràng. Nếu chúng ta chẳng thể nào đọc

Tầm Dương giang / đầu dạ tống khách.

thì cũng chẳng thể nào ngâm

Bến Tầm Dương canh / khuya đưa khách.

Ở dạng hoàn chỉnh (chẳng hạn trong các thi phẩm trường thiên), song thất lục bát tuân theo cách luật nghiêm ngặt.

Về *gieo vần*, tiếng cuối câu bảy trên bắt vần trắc xuống tiếng thứ năm câu bảy dưới:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách, (vần chân, trắc)

Quạnh hơi thu lau lách (vần lưng, trắc) *đìu hiu.* (vần chân, bằng)

tiếng cuối câu bảy dưới bắt vần bằng với tiếng cuối câu sáu (vì lục bát thông thường gieo vần bằng):

Người xuống ngựa, khách dừng chèo, (vần chân, bằng)

tiếng cuối câu sáu lại bắt vần bằng với tiếng thứ sáu câu tám:

Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều (vần lưng, bằng) *trúc ty.* (vần chân, bằng)

và tiếng cuối câu tám lại bắt vần bằng với tiếng thứ ba hay tiếng thứ năm của câu bảy đầu thuộc khổ thơ sau:

Say những luống ngại khi (vần lưng, bằng) *chia rẽ...*

Như thế, mỗi khổ thơ song thất lục bát có bốn câu với hai vần trắc và ba vần bằng. Trừ câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.

Về **phối thanh** thì tiếng thứ năm và tiếng thứ bảy của câu bảy trên bắt buộc phải bằng và trắc:

*Thơ cao ẩn tay **đằng*** (vần lưng, bằng) *nên tập,* (vần chân, trắc)

còn ở câu bảy dưới thì ngược lại:

*Bức linh đài bút **dập*** (vần lưng, trắc) *vào **tranh**.* (vần chân, bằng)

(*Tự tình khúc*)

Ở hai câu sáu tám, luật bằng trắc là luật của thi loại lục bát.

Về **tiết tấu** thì hai câu bảy tuân thủ luật ngắt nhịp của thơ bảy chữ quốc âm, nghĩa là 3/4 hoặc 3/2/2. Hai câu sáu tám thì giữ tính linh hoạt như trong thơ lục bát:

Trong cung quế / âm thầm chiếc bóng,
Đàn năm canh / trông ngóng lần lần.
Khoảnh làm chi bấy / chúa xuân,
Chơi hoa cho rửa nhụy dần / lại thôi.
Lầu đãi nguyệt / đứng ngồi dạ vũ...

hoặc *Lấy gió mát / trăng thanh / kết nghĩa,*
Mượn hoa đàn / đuốc tuệ / làm duyên.

(*Cung oán*)

Về phép **đối** thì vì song thất gồm hai câu mỗi câu bảy chữ nên thường làm thành hai vế của một đôi câu đối, tuy không bắt buộc song vẫn thường gặp, đó là phép *bình đối*:

Chiếc ngựa trắng đi về góc bể,
loại từ danh từ tính từ động từ danh từ kép
Đàn chó xanh lẻ tẻ chân trời.
loại từ danh từ tính từ động từ danh từ kép
(*Tự tình khúc*)

Tính đàn hồi của cú pháp song thất lục bát khiến khổ thơ có thể giãn ra bằng cách mang thêm một số từ, thường là hư từ và bán hư từ, tạo nên dạng thức song thất lục bát **biến thể**:

Vườn có chủ giữ gìn cây cỏ chạ,
Hoa có rào ngăn đón bướm ong vô.
Hỡi ai, chớ khá bơ thờ,
Đừng có quen đường cũ bước trờ gãy chân.
(*Ca dao*)

(Mà) chớ nghi ngờ dật dờ thương nhớ,
(Cái) duyên anh (đã) lở, (cái) nợ anh (đã) mòn;
Như trăng (kia đã) khuyết, (khó) biết sao tròn,
Mặt tuy cách mặt, (dạ) em (vẫn) còn thương anh.
(*Dân ca*)

Tóm lại:

– lục bát kết hợp 6-8 âm tiết, kết hợp vần lưng bằng + vần chân bằng;

– song thất lục bát kết hợp 7-7-6-8 âm tiết, kết hợp vần lưng trắc/bằng + vần chân bằng.

Chính do sự hiện diện của những vần chân, vần lưng xen kẽ, quấn quít lấy nhau, móc nối vào nhau từng cặp hai câu một mà thể thơ song thất lục bát giàu âm điệu, đầy nhạc tính. Rồi lại chính vì âm điệu, nhạc thức của mình mà song thất lục bát trở thành đắc dụng khi cần mô tả những tình cảm lưu luyến lâm ly, phô diễn các nỗi niềm nhớ mong bi thiết. Cho dẫu những tâm trạng đó là của người vợ có chồng ra trận trong *Chinh phụ ngâm*, của viên quan nhớ thương vợ nhà trong *Thu dạ lữ hoài ngâm*, của tầng lớp nho sĩ trong *Nhân nguyệt vấn đáp*, của thành phần cung nữ trong *Cung oán ngâm khúc*, của giai tầng phụ nữ nghèo nàn trong *Bần nữ thán*, của một kẻ lâm vòng oan ức trong *Tự tình khúc*, của một góa phụ trẻ tuổi trong *Ai tư vãn* v.v... Đó toàn là những bài thơ dài thở dài. Nhưng thế mạnh của song thất lục bát không phải chỉ ở lĩnh vực miêu tả nội tâm, nó còn biểu lộ tất cả bản lĩnh khi phác họa ngoại giới. Mà đối với thơ cổ thì

thiên nhiên là cái nền trên đó nhà thơ dàn trải lòng mình. Thiên nhiên bắt buộc phải có mặt để làm chứng nhân cho tâm sự. Cảnh thu chia ly trong khúc ngâm chinh phụ, đêm trăng tiễn khách trên bến Tầm Dương, những khung trời thần thoại kỳ vĩ của Khuất Nguyên, mấy nhánh liễu nơi cung Vị Ương vua Đường v.v... là những nét chấm phá bất tử của nghệ thuật hai bảy sáu tám. Khi tâm hồn con người như trào dậy, như muốn phá vỡ cái khung nhỏ hẹp là chữ "mình" để hòa nhập vào với một cái gì không phải là "ta", khi ranh giới giữa chủ thể và khách thể chợt bỗng nhạt nhòa, khi trong châu thân có vũ trụ và khi vũ trụ chỉ phản ảnh nhân tâm, khi có nhu cầu dung hợp cảm thông giữa giới tự nhiên và giới nội thể thì công cụ sắc bén là thể thơ song thất lục bát sẵn sàng tự đặt dưới quyền sử dụng của thi nhân. Chính vì lẽ này nên khi chuyển dịch các bản *hành, ngâm, tao, ca* – mà nội dung quán xuyến là độc thoại nội tâm, mà sắc thái trình bày chủ yếu là một tiếng than của quả tim –bằng chữ Hán sang Việt ngữ, tiền nhân chúng ta thường chọn thể song thất lục bát. Hơn thế nữa, những bài thơ dịch đắc thể chứa tải tình cảm tế nhị, tha thiết, thấm thía, cũng thường theo thể bảy bảy sáu tám, cho dù nguyên tác có là ngũ ngôn trường thiên, thất ngôn trường thiên, lý v.v... Khi tự dịch bài *Khóc Dương Khuê* sang quốc âm, Nguyễn Khuyến đã chuyển từ ngũ ngôn trường thiên cô quánh đậm đặc sang lục bát gián thất uốn lượn mượt mà, có nhịp điệu êm đềm, có phong thái bâng khuâng:

Dĩ hĩ Dương đại niên!
Vân thụ tâm huyền huyền.
Hồi ức đăng khoa hậu,
Dư quân thần tịch liên...
(Thôi! thôi! bác Dương đã qua đời rồi,
Nhìn cảnh mây chiều, cây xuân mà lòng ngậm ngùi không dứt.
Nhớ lại sau khi thi đỗ,
Sớm tối cùng bác vui vầy...)
Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta!
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau...

Cũng vì thế mà khi Tương Phố phỏng theo nỗi đau chia ly trong ca dao để nói lên nỗi đau xé ruột của chính mình, thì nữ sĩ cũng lại khai thác cái buồn trong các khúc ngâm song thất lục bát kinh điển.

Trái lại, thể thơ tự sự thường là thể lục bát. Đó chẳng hạn là trường hợp *Truyện Kiều*. Nhưng chẳng phải chỉ có *Truyện Kiều*. Các *tiểu thuyết* –theo cách gọi của Phạm Đình Hổ–chữ Nôm đều có cấu trúc lục bát. Và

sở dĩ như thế là vì trong thể thơ sáu tám, chỉ cần cứ nối vần mà kéo dài liên hồi vô tận để dụng công thuật kể hay đối thoại. Lục bát có lời thơ cứ như nước trong nguồn chảy ra. Nó hầu như là một loại văn xuôi có vần có nhạc, dễ đọc dễ nhớ; cho nên *Nhất thiên tự*, sách học chữ Nho đầu lòng của tổ tiên chúng ta cũng được sáng tác theo thể lục bát:

Thiên trời, địa đất, vân mây;
Vũ mưa, phong gió, trú ngày, dạ đêm;
Tinh sao, lộ móc, tường điềm;
Hưu lành, khánh phúc, tăng thêm, đa nhiều;...
Cân khăn, y áo, trường xiêm...

Thực ra thì đã có sự thí nghiệm, tìm tòi trước khi đi đến quyết định dứt khoát chọn thể thơ sáu tám với khả năng tự sự, trữ tình sinh động và sâu sắc nhằm miêu tả, biểu hiện cuộc sống, tâm tư nhân vật truyện Nôm dài hơi. Nhưng những thí nghiệm đó đều thất bại. *Lâm tuyền kỳ ngộ*, *Truyện Vương Tương*, *Tô công phụng sứ* đã gồng mình vận dụng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật để kể lại cuộc tình duyên giữa một nho sinh và một con vượn trắng, để mô tả chuyện vua Hán gả Vương Tường cho chúa Thuyền vu hoặc thuật chuyện Tô Vũ đi sứ Hung nô:

Từ ngày kinh giáo dãi bên tai,
Hé cửa tùng hiên mé ngõ ngoài...
(*Lâm tuyền kỳ ngộ*)
...Khá thương tiết ngọc gan vàng ấy,
Tôi Hán ngồi xem, mặt mũi nào!
(*Truyện Vương Tương*)
...Đất Hồ sương tuyết gầy mình hạc,
Đền Hán đêm ngày nhớ mặt rồng...
(*Tô công phụng sứ*)

Tuy nhiên những sáng tác loại này không gây được ấn tượng đáng kể trên giới thưởng ngoạn; mà điều đó không phải do các tác gia còn khuyết danh thiếu bản lĩnh, kém thi tài. Chẳng qua chỉ vì thể thơ bảy chữ đơn thuần mang tiết điệu quá cứng cỏi, có cấu trúc quá gò bó, không đáp ứng được nhu cầu kể lể, tường thuật.

Nhưng khi chuyển qua lục bát thì tình hình lại khác: thể thơ cung cấp cho ngôn ngữ tự sự sức sống bừng bừng của kinh nghiệm mà ca dao từng tích lũy phong phú, thi pháp của nó –nhất là phép ngắt nhịp –hóa thân thành những phiếm dương cầm dưới tay một Beethoven hay một Schubert; thi tứ cũng dạt dào hơi thở trữ tình, thương cảm. Lục bát mặc sức sử dụng các thủ pháp tu từ học một cách lưu loát, tự nhiên, không khiên cưỡng, không gượng ép:

* ẩn dụ:

Bây giờ mận mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mận hỏi thì đào xin thưa,
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.
(*Ca dao*)

* điệp ngữ:

Giã non, giã nước, giã chiền,
Giã mai, giã trúc, giã miền cỏ hoa.
(*Phan Trần*)

* liên cú:

Tới nơi nghe có đàn bà →
khóc van quen tiếng thiết tha động lòng.
(*Ngọc Kiều Lê*)
Duyên tế ngộ, hội công danh →
là hai với nghĩa chung tình là ba.
(*Mai đình mộng ký*)

* liên cú và điệp ngữ:

Đường xa thì mặc đường xa,
Muốn mình làm mối cho ta một người, →
một người mười tám đôi mươi, →
một người vừa đẹp vừa tươi... như mình.
(*Ca dao*)

* hoán dụ:

Đầu xanh có tội tình gì,
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
(*Truyện Kiều*)

* nhã ngữ:

Tiếc thay một đóa trà mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.
(*Truyện Kiều*)

* đảo ngữ:

Nao nao dòng nước uốn quanh.
(*Truyện Kiều*)

* uyển ngữ:

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.
(Truyện Kiều)

* lộng ngữ:

Đi tu Phật bắt ăn chay,
Thịt chó ăn được, thịt cầy thì không.
(Ca dao)

Ba năm ăn ở thuyền trên,
Bởi anh hàng muối cho nên mặn mà.
Xuống thuyền nhịp bảy nhịp ba,
Trách anh hàng trứng ở ra đôi lòng.
(Ca dao)

* tỷ dụ:

Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.
(Ca dao)

* khoa trương, phóng đại:

Ước gì sông hẹp một gang,
Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.
(Ca dao)

Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào.
(Truyện Kiều)

* nhân cách hóa:

Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
(Ca dao)

* tượng trưng:

Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
(Truyện Kiều)

* đối trong câu:

Quan cứ lệnh, lính cứ truyền,
Đã ngày cổ buộc, lại đêm chân cùm.
(Trê cóc)

* đối trong câu và cách câu:

Hứng tay dưới, vắt tay trên,
Rán sành ra mỡ, bon chen từng điều.
Treo cổ chó, buộc cổ mèo,
Bình dưa lọ muối, chắt chiu nom dòm.
Vặt đầu cá, vá đầu tôm,

Liệu thưng bữa sớm, bữa hôm ít nhiều:
(Trinh thử)

* đối giữa hai câu:

Trước hoa lần bóng hoa rơi,
Dưới trăng lần bóng trăng soi người sầu.
(Hoa tiên)

* đối giữa hai liên:

Gà về bới nát cả sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngõ ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy gò.
(Trinh thử)

* đối từng phần:

ếch rằng: "Đồng trắng nước trong,
Tôi đây tiếng cả nhà không, có gì?"
(Trê cóc)

* ngắt nhịp lẻ:

Trên khung cửi / dám dẫy duồng / làm cao.
(Chinh phụ ngâm)
Gấm nàng Ban / đã lạt mùi thu dung:
(Cung oán)

* ngắt nhịp ba lần trong câu tám:

Nỗi tôi / tôi bạch / lạy thầy / thầy thương.
(Phan Trần)

Rồi đến giai đoạn thất ngôn kết hợp với lục bát thì tính cân đối của cặp song thất và tính cân đối của từng câu sáu câu tám sẽ mang đến cho câu thơ vẻ súc tích, chặt chẽ nhưng vẫn tao nhã, nhịp nhàng; tuy đăng đối chững chạc nhưng lại uyển chuyển hoa lệ; những đức tính vốn rất cần thiết cho ngôn ngữ thi ca, với tính cách như là một ngôn ngữ lý tưởng, một tiếng nói kết tinh, một hệ thống tín hiệu kim cương.

Trên một bình diện khác, do có nguồn gốc là ca dao nên lục bát mang sẵn những yếu tố di truyền dân dã. Khi vận dụng nó vào sáng tác văn học bác học, nhà thơ vẫn phải cố giữ nét *chân quê* [3] thì mới đạt được hiệu ứng mỹ cảm cao. *Truyện Kiều* vẫn là mẫu mực ứng dụng nguyên lý này. Nhưng qua song thất lục bát thì *hương đồng gió nội bay đi ít nhiều* [3]. Hơn thế nữa, các biện pháp từ chương học của Hán văn có thể được áp dụng rộng rãi cho thi loại này mà không ảnh hưởng đến độ quyến rũ của lời thơ, trái lại còn nâng cao thêm tính tao nhã, đưa ngôn ngữ lên mức đài các, mà tác dụng thẩm mỹ vẫn được duy trì. Sở dĩ các bản dịch sang quốc

âm *Chinh phụ ngâm, Trương hận ca, Tỳ bà hành, Ly tao* phong phú điển tích, đầy từ Hán Việt, nhan nhản những trích đoạn kinh sử, không thiếu những chữ nghĩa vay mượn ở thơ Hán, sách Nho, thiện dụng lối bình đối, tiểu đối v.v... là do qui tắc này chỉ đạo. Nhưng dẫu vậy, tình điệu và âm điệu của chúng vẫn gần gụi với tâm hồn chúng ta vì lời thơ dẫu rằng trau chuốt, có cái súc tích hoa mỹ của văn chương hàn lâm nhưng lại giàu tình cảm, dễ thưởng ngoạn, dễ đi vào lòng người.

Cho nên nhìn thực tổng quát, lối đối chữ chan chát, lối đối ý chỉnh chu, lối lạm dụng từ Hán Việt chỉ có trong *Cung oán*, rất ít nếu không muốn nói là không có, trong *Truyện Kiều*. Hơn nữa, mỗi chữ trong mỗi câu mang chức năng ngữ pháp phân minh, không thấy có tiếng đệm, tiếng lót, tiếng ký sinh. Đó cũng là đặc điểm câu thơ song thất lục bát: nó chắc nịch, nó bảo hòa. Cũng là lục bát mà khi gá nghĩa cùng song thất thì mối duyên tình mới gây một môi trường mới, có vẻ rất khắc nghiệt đối với sự sinh sôi phát triển của các từ thuộc loại giá áo túi cơm dẫu rằng trên nguyên tắc, qui luật hợp vận chi phối câu sáu câu tám trong song thất lục bát và trong lục bát vẫn là một. Chỉ trong truyện Nôm dân gian (hay bình dân) mới có những từ ký sinh gây khốn quẫn nặng nề cho câu thơ:

Dương Từ nghe tiếng hát kỳ,
Bước lên trên vực coi thì thể nao.
(Dương Từ Hà Mậu)

Nằm lăn em mới ngủ đi,
Vừa hết canh một, sang thì canh năm.
(Phạm Công Cúc Hoa)

Song le một tấm lòng quỳ,
Rồi ra lỗi đạo với thì chồng sao.
(Hoàng Trừu)

Bèn đòi văn võ tức thì,
Chiêm bao trẩm thấy điều thì lạ thay.
(Phương Hoa)

Vì đối rất chỉnh, rất sát nên cặp song thất khi đối thường né tránh từ lặp lại, phong cách bác học này cũng khác với lối đối của lời ăn tiếng nói trong khẩu ngữ:

Ông nói gà, bà nói vịt.
Lạ nước, lạ cái.

Mặt biểu cảm của ngôn ngữ *song thất lục bát*, tức là ấn tượng mà người nghe cảm nhận khi nghe ngâm khúc *Chinh phụ*, mà người đọc tri giác khi nhẩm bài hành *Tỳ bà*, là do một số đặc tính vừa kể. Bản nhạc thơ ru đưa chúng ta khi thưởng ngoạn các dịch phẩm của Đoàn nữ sĩ, của

Phan thi bá có giai điệu quán xuyến là buồn lắng, đìu hiu, tiêu tao, u uất. Tâm trạng nào, ngôn ngữ đó. Tâm cảnh nào, thi loại đó. Các nhà dịch thơ họ Đoàn, họ Phan, họ Nguyễn, họ Hoàng khi chuyển *Chinh phụ ngâm, Tỳ bà hành, Trường hận ca* và *Ly tao* sang tiếng mẹ đẻ đã lựa chọn thể loại phù hợp nhất với khả năng biểu đạt và biểu cảm của tiếng nói từng ru chư vị tư lúc nằm nôi.

ꕥ

Trong quá trình vận động của văn học, sự hình thành, phát triển và tiêu vong của các thể loại văn học là hiện tượng sinh lý bình thường. Cơ sở xã hội, nhu cầu nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ v.v... sẽ qui định tính phổ biến của một thi loại. Thời kỳ cổ đại chứng kiến sự ngự trị huy hoàng của sử thi, của anh hùng ca: *Iliade* và *Odyssée*, trong cái nôi thần thoại Hy lạp, khi tư duy nhân loại chịu sự chi phối của thế giới quan thần linh. Nhưng khi Voltaire, tự xưng là M.de Voltaire, trong khát vọng cưu mang những sáng tác độc đáo, thai nghén ra *La Ligue* năm 1723, trở thành *La Henriade* năm 1728, nhằm suy tôn vua Henri IV thì lại không thích hợp; cho nên giới văn học đã gọi loại anh hùng ca đó là *épopée artificielle*, anh hùng ca mô phỏng, anh hùng ca giả tạo. Qua nhiều thế kỷ, thể *sonnet* do nhà thơ Giacomo da Lentini sáng tạo đã thịnh hành ở Ý, Pháp, Anh, Đức; được nhiệt liệt ca tụng về hai khía cạnh vừa có ngoại hình hoàn chỉnh vừa có cấu trúc biến hóa. Thơ Nhật Bản với các thể loại đoản ca và trường ca có sức mạnh biểu hiện riêng tây, đặc biệt loại đoản ca thể hiện ý tình một cách đặc thù qua dạng thơ ba câu. Lối viết sử *biên niên* dựa theo năm tháng mà điểm suốt một thời gian dài, có khi rất dài, từng tồn tại song song với thể loại *thông sử*, và hằng lấn lướt *thông sử*, trong thư tịch cổ sử Việt Nam. Qua cả ngàn năm văn học, *tiểu thuyết* hầu như không hề có chỗ đứng trên thị trường chữ nghĩa tiếng nước ta. Trong những thế kỷ đầu tiên của chế độ phong kiến, truyện nôm chưa xuất hiện; những thế kỷ đó là thời đại hoàng kim của chuyện *cổ tích* (trong văn học dân gian), của *tiểu truyện*, của *ký* (trong văn học bác học). Giai đoạn cuối và gần cuối của chế độ phong kiến mới thấy truyện nôm hình thành và phát triển. Ở Pháp, thuật ngữ *roman* chỉ xuất hiện vào khoảng thế kỷ XIII để chỉ thể loại tiểu thuyết: lúc bấy giờ nền văn hóa châu Âu có những tác phẩm viết bằng tiếng rô-man, một thứ tiếng khác với tiếng la-tinh, vốn là ngôn ngữ thống trị trong giới trí thức. Sáng tác về nghệ thuật *chèo* chỉ xuất hiện hạn chế trên địa bàn lãnh thổ miền Bắc dải đất chữ S.

Mang nhiều sắc thái dân tộc, thể *lục bát* và thể *song thất lục bát* giàu tính chất mềm mại uyển chuyển, có khả năng biến thể linh hoạt. Cả hai thích hợp để diễn tả những trạng thái tình cảm vui buồn, nhất là chất trữ

tình thiết tha, đằm thắm trong tâm hồn và cả cái bát ngát, mênh mang của thiên nhiên tạo vật. Đó là hai thể thơ từng thủ thỉ đi vào lòng người qua mọi câu chuyện kể, từng róc rách len lỏi vào con tim qua hàng ngàn vạn lời thơ. Chúng hóa thân hòa mình vào điệu hát lời ca, vào nhịp ru câu hò, vào lối ví cách ngâm của mọi miền đất nước.

Nghệ thuật vận dụng hai thể thơ *sáu tám* và *bảy bảy sáu tám* giống như một vườn hoa trăm hồng ngàn tía, càng ngày càng tươi tốt và càng có nhiều giống lai tạo. Thời gian đi qua nhưng thời gian không làm tàn úa, héo hon những cánh hoa hương sắc tuyệt mỹ. Thời gian cung cấp thêm ánh sáng làm cho ngôn ngữ thi ca Việt Nam thêm sáng láng, tinh tế; thời gian bồi dưỡng thêm sinh khí làm cho hình tượng mỹ học dân tộc thêm lộng lẫy, trau chuốt.❐

CHÚ THÍCH

(1) *Chinh phụ ngâm khúc*. Văn Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích. Tân Việt xuất bản; lần in thứ sáu. Sàigòn. 1973. tr.15.

(2) Trương Đình Nguyên. "Thử tìm hiểu về kinh nghiệm truyền thống trong việc dịch thơ chữ Hán ra thơ tiếng Việt qua các dịch phẩm mẫu mực của người xưa." trong *Dịch từ Hán sang Việt, một khoa học, một nghệ thuật*. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hà nội. 1982. tr.152.

(3) *Tâm hồn tôi*. trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*. Nhà xuất bản Văn học. Hà nội. 1986. tr.45.

Lọng người che đồi hoang kín mít
Co ro mình ta vạch lá nhìn trời
Vắng trăng ngày ấy, lời thề ấy
Trấn nước với ta, đuổi giữa đìa người.

...đón xem
HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA
tập truyện Hồ Minh Dũng

Đại Nam xuất bản

mùa hạ nhớ quê

THÁI TÚ HẠP

Mùa hạ ao sen biệt tích người
Sông mang dáng núi ngậm ngùi trôi
Trần gian sao vắng chiều cổ tích
Người đi nhật nguyệt có luân hồi?

Giữ hương đất tỏa bờ tre mát
Mười phương thấu triệt mấy quan hà
Lòng nhau phố cũ hoài lưu luyến
Có không sao tình mãi xót xa?

Gió thổi ngàn năm vừng trăng khuyết
Tóc thơm ngát bưởi chốn quê nhà
Sông với biển chung giòng thương nhớ
Nghĩa tương giao nồng thắm thiết tha

Có phải chim hồng tha trái mật
Thiên thu vàng động dấu em qua
Từng trang hoa mộng bay thành bướm
Đỉnh trời u mặc vết mưa sa

Tôi sẽ về thăm rừng đá tảng
Đỗ Quyên nào khan giọng nỉ non
Chùm hoa tím bờ sông vô thỉ
Trưa hạ nồng hát giữa Trường Sơn

Em nhớ động tâm giòng cổ ngữ
Thời gian cõi tạm nét phù vân
Có bóng hình nhau trong tiền kiếp
Một cánh phượng rơi lạc cuối ngàn.

Nước Cờ Của Hư Trúc

Nguyễn Quốc Trụ

Độc giả say mê Kim Dung và say mê cờ chắc khó quên nổi ván cờ của chưởng môn nhân phái Tiêu Dao. Ván cờ ma quái, chính không ra chính, tà chẳng phải tà. Dùng chính đạo phá không xong mà theo nẻo tà cũng chẳng đặng. Có người ví nó với thế Quốc Cộng ở một số quốc gia trên thế giới. Sau Hư Trúc, không biết đánh cờ nên cũng chẳng màng đến chuyện được thua, cũng chẳng sao luận ra đâu là tà chính, đi đại một nước chỉ nhằn mục đích nhất thời là cứu người, vậy mà giải được. Nước cờ Hư Trúc, cao thủ đều lắc đầu vì là một nước cờ tự diệt, nhờ vậy mà tìm ra sinh lộ. Tác giả thấm nhuần lịch sử, triết học Đông Phương, và cái thế "dựa lưng nỗi chết" đã từng được nhiều danh tướng sử dụng. Thú vị hơn, ông một lần nữa lại sử dụng thế này để giúp Thiên Sơn Đồng Mỗ tìm ra nơi trú ẩn là hầm băng nơi nhà kẻ thù.

Là một nhà văn theo ý nghĩa đầu tiên của từ này, tức là một người kể chuyện, ông hiểu rất rõ, trên đời mọi chuyện đều đã được nói, và sáng tạo chỉ có nghĩa là lặp lại. Những tác phẩm không được người đời biết tới, những tác phẩm đó chưa hề hiện hữu (Les chefs-d'oeuvre inconnus n'existent pas). Nói rõ hơn, những tác phẩm lớn đều cưu mang trong nó bóng dáng những nguyên mẫu có trước đó, trong văn chương hoặc trong cuộc đời. Có những nhà văn suốt đời chỉ viết đi viết lại một cuốn sách. Tất cả những tác phẩm lớn của Kafka đều là những cái bóng được phóng lớn từ những truyện ngắn, những "ngụ ngôn, ẩn dụ" của ông. Bộ tứ khúc *Justine, Balthazar, Clea, Mountolive* của Lawrence Durrell chỉ là một câu chuyện về thành phố Alexandria được kể bốn lần, mỗi lần một khác. Ở cuốn này, nhân vật X chết, sang cuốn tới nhân vật này chỉ mất tích rồi tái xuất hiện. Khổng Minh chết trong T*am Quốc Chí* lại sống lại trong *Bí mật về mả Tào Tháo*. Với nhà văn mọi chuyện đều có thể xảy ra. Bởi vậy, Bắc

Mỹ chia sách ra làm hai loại, giả tưởng, *fiction*, và không-giả tưởng, *non-fiction*.

Có người còn định nghĩa nhà văn là người đốt lên một cây diêm đã được dùng rồi. Cây diêm dùng rồi có thể là một hình ảnh, một ý tưởng, một sự kiện lịch sử, một chân lý, một giả tưởng...Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, khi đưa ra một hình ảnh khác về vua Quang Trung, theo thiển ý, chỉ để mọi người, nhất là nhân dân Miền Bắc có một cái nhìn "thực tế" hơn về vị "cha già dân tộc". Hình như thời điểm này UNESCO đang dự định vinh danh Hồ Chí Minh.

Hơn nữa, hình tượng cha già dân tộc, hình tượng hoàng tử Hamlet vốn đầy rẫy trong văn học cổ điển Nga. Trong *Cô con gái viên đại úy* của Pushkin, anh chàng thiếu úy trẻ bị ông bố đầy ra một tiền đồn heo hút. Anh nằm mơ thấy ông già bị bệnh. Tới bên giường, hóa ra không phải ông già "ruột" mà là Pugachev, một nông dân nổi loạn sau bị Nga hoàng xử trảm. Không hiểu trong lịch sử Đảng CSVN có bao nhiêu Hamlet mong muốn kẻ thù giết cha biến thành cha ruột của họ.

Bởi vậy lập lại không có nghĩa là đạo văn. Không thầy đố mày làm nên. Trong bách nghệ, học được hết bí quyết của thầy, vậy đã mừng húm. Riêng nghề văn, một nghề cần thầy hơn tất cả mọi nghề, học trò bắt buộc phải vượt thầy, theo nghĩa phải bắt đầu từ chỗ ông thầy đang bỏ dở, hoặc tưởng rằng đã hoàn tất. Phải sục sạo những gì ông thầy mình đã bỏ qua. Nói tóm lại, phải mở ra những thử thách mới, những hy vọng mới cho văn chương và cho chính mình. Có thể hiểu theo nghĩa đó, câu của Mallarmé: Thế giới hiện hữu để tiến tới một cuốn sách đẹp.(Le monde existe pour aboutir à un beau livre).

Gabriel Garcia Marquez, lần đầu viết gần 300 trang bản thảo, đọc lại, ông vứt bỏ vì thấy giống tác phẩm của một nhà văn khác. Viết lại từ đầu, ông lấy luôn bộ khung cuốn *Absalom! Absalom!* của Faulkner làm bệ phóng. Lần này thành công, và một tác phẩm lớn xuất hiện. Đọc *Trăm năm cô đơn*, độc giả thấy ngay tác phẩm thoát thai từ Faulkner. Cũng một thành phố giả tưởng. Cũng một kỹ thuật viết quy chiếu về một siêu hình học của thời gian. Faulkner đập nát thời gian rồi xây dựng lại theo ký ức của một tên khùng, đần độn (trong *Âm thanh và Cuồng nộ*), G. Garcia Marquez dùng những vòng tròn thời gian đồng tâm, những nhân vật cùng tên, tạo dựng thế giới Macondo từ những huyền thoại và thực tế Nam Mỹ (giọng văn chương hiện thực huyền ảo). Nhưng tác phẩm *Trăm năm cô đơn* hoàn toàn là của G.Garcia Marquez. Faulkner không thể viết như vậy được, vì ông bị chết cứng như những nhân vật của ông trong hai lần địa ngục, hay là hai thảm kịch của nước Mỹ, đặc biệt là Miền Nam nước Mỹ:

Da đen, và Loạn luân. Trong *Absalom! Absalom!*, địa ngục thứ nhất mở ra khi người anh tố cáo với người yêu thầm kín-cô em ruột, người yêu của cô-bạn học đại học của anh, là một tên da đen. Địa ngục thứ nhì: Người đó cùng ruột thịt, máu mủ với cô (con người vợ đầu-da đen của ông bố). Địa ngục khép lại khi anh em giết nhau, vì ghen tuông, vì màu da. Faulkner sau khi được Nobel là xuống luôn, còn Marquez sau Nobel càng đẩy mới lạ, khám phá.

Nhà văn như vậy còn là người dám đương đầu với những thử thách văn chương, dám đưa ra những cách viết, cách sống mới. Những thử thách này lại phải được chứng nghiệm bằng đời sống. Tuần báo *Time*, số Sept,25.95 kể chuyện tuần trước đó, một viên cảnh sát lưu thông người Do thái đã giúp một sản phụ "mẹ tròn con vuông" nhờ coi cảnh đỡ đẻ trong phim *ER* (Emergency Room). Bởi vậy nghệ thuật bắt chước cuộc đời, và cuộc đời tìm thấy trong nghệ thuật cái lý do hiện hữu của nó.

Lịch sử Việt Nam gần đây thôi lại cho ta một thí dụ về chuyện cuộc đời bắt chước huyền thoại văn học. Đó là chuyện Trương Chi, Mỵ Nương. Theo truyền thuyết, anh chàng lái đò Trương Chi, người thì thực xấu, hát thì thực hay. Nhưng những anh chàng Trương Chi của cuộc đời thì lại suốt đời không biết hát, hoặc chỉ nghe một câu hát "Đường ra trận mùa này đẹp lắm".

Hiểu theo cách đó, nước cờ Hư Trúc có thể cắt nghĩa như vầy: Sau khi tiếng hát của những nàng "thương nữ bất tri vong quốc hận" Mỵ Nương đã làm siêu đổ những miếu thiêng, những đền đài, danh tướng, cũng lại tiếng hát đó đã kết nối mọi hy vọng, đổ nát, vì lần này nó cất lên từ quần đảo ngục tù, từ mồ sâu biển cả, cuối cùng đã giải oan được lời thề " Phanh thây uống máu quân thù".

Có thể cắt nghĩa nước cờ Hư Trúc, khi được áp dụng vào cuộc chiến Việt Nam, qua một hình ảnh mượn từ huyền thoại Hy Lạp: Con ngựa thành Troie. Huyền thoại trở thành hiện thực cùng với cuộc tập kết năm 54 của những người Cộng sản Miền Nam, khi họ được lệnh Đảng, mỗi người phải để lại, ít nhất là một cái bầu cho một cô gái Miền Nam. Huyền thoại tái xuất hiện khi Miền Nam tan hàng, bỏ chạy để lại tình người Việt trong từng câu nói, từng cách sống, từng lời hát, nói tóm lại cái được gọi là tình tự dân tộc. Niềm bí ẩn, điều tối kỵ này lần đầu tiên được bộc lộ đối với những người Miền Bắc, ngay trong ngày 30/4/75 khi họ đụng chạm thực tế Miền Nam. Nhiều người nói, cuộc chiến Việt Nam không có kẻ thắng người bại, thực sự, người dân Miền Bắc, những người chịu tai họa do đảng Cộng sản Việt Nam gây ra, cay đắng, dai dẳng, nghiệt ngã hơn người dân Miền Nam, chính họ là những người thắng trận. Chiến thắng

của họ chấm dứt chiến thắng Miền Nam của những người Cộng sản Việt Nam. Cuộc giao lưu văn hóa giữa người dân hai miền thực sự bắt đầu kể từ ngày đó, không ồn ào, náo nhiệt, không chủ nghĩa, đảng phái, trào lưu, hải ngoại-trong nước. Người viết xin được kể lại một kỷ niệm, những ngày cuối tháng Tư, trong dịp nói chuyện lần cuối cùng với một nhà văn-nhà thơ đàn anh, trước khi ông khăn gói quả mướp lên đường đi học tập "10 ngày". Nhà thơ-nhà tiên tri tuyên bố: "Miền Bắc sẽ bị chấn thương nặng nề vì chiến thắng này".

Nhưng khoảng cách giữa lặp lại và đạo văn nhiều khi thật khó phân biệt và thường chỉ được đo bằng tài năng, lương tâm và liêm sỉ của người viết.

Thanh Tâm tài nhân chỉ là cái cớ cho thiên tài Nguyễn Du xuất hiện dù ông khiêm tốn gọi đây là "Tiếng hát đoạn trường mới". Đọc Kim Dung, chúng ta thấy ông vay mượn rất nhiều nguồn, nhiều người. Ngay cách mở truyện, từ một chi tiết, một sự kiện lịch sử, vốn do A. Dumas và nhận định của nhà văn Pháp này: Lịch sử chỉ là cái đinh để tôi treo tác phẩm của tôi. Nhân vật Du Thản Chi là từ Masque de fer. Tính chất nghẹt thở là của Tây phương. Những nhân vật như Võ Kỵ, Kiều Phong, bà con với những đứa trẻ bất hạnh của Dickens. Lập luận của nhà sư già tại Tàng Kinh Các, khi giải thích tại sao Phật pháp lại giong ruổi với Võ học, xem ra có vẻ như vay mượn từ Lý thuyết (Théorie) và Thực hành (Praxis) của triết học biện chứng : Trên đường giong ruổi, Théorie và Praxis đều triệt tiêu để có được con người hoàn toàn (l'homme total), tức giấc đại mộng của Marx. Cái chết của Thần Đao Hồ Đại Đởm mà mỗi người chỉ biết được một phần sự thực, là mượn từ Rashomon của nhà văn Nhật, Ryunosuke Akutagawa. Những nhân vật nữ "độc, tối độc" như A Tỳ, Chu Chỉ Nhược xem ra vay mượn từ những nhân vật "Série Noire" của J.H. Chase, tuy chất chung tình của họ là hoàn toàn Á Đông. Cách xây dựng nhân vật, cặp Hân Tố Tố- Trương Thúy Sơn vừa nằm xuống, cặp Võ Kỵ-Triệu Minh xuất hiện là thuộc truyền thống Trung Hoa, sóng sau đè sóng trước.

Nhiều trường hợp, chính học trò khám phá ra những ông thầy. James Joyce đâu dễ đọc, nhưng giòng văn chương độc thoại nội tâm, hay giòng ý thức do ông mở ra ngày càng có nhiều thiên tài văn chương gia nhập: W. Faulkner, Hemingway, Claude Simon... Alain suốt đời chỉ là một ông thầy giáo trung học, ngoài bộ *Système des beaux-arts*, gần như không hề viết một tác phẩm lớn trừ những bài *Nghĩ về*... (Propos sur...) nhưng ngoài André Maurois là học trò chính thức, những người học hàm thụ, tôi muốn

nói những nhà văn ảnh hưởng lối viết cô đọng, mỗi câu văn gói trọn vẹn sự bí mật của chính nó, và mọi cây cầu nối kết câu nọ với câu kia bị cắt đứt, trong số này phải kể cả Camus, như nhận định của Sartre về cuốn *Kẻ xa lạ* (L'étranger): Mỗi câu văn là một hòn đảo cô đơn. Mỗi câu văn là một khởi đầu viết.

Nhưng liệu có một tác phẩm "mồ côi", nghĩa là không họ hàng gì với giòng văn chương thế giới không?

Câu hỏi này do một nhà văn nổi tiếng đương thời người Mexico, Carlos Fuentes, 66 tuổi, đưa ra trong một cuộc phỏng vấn cách đây đã lâu. Và ông tự trả lời, chắc là không có. Cắc cớ một nỗi là, bản thân nhà văn lão thành này hiện đang bị một nhà văn trẻ Mexico, thuộc loại chưa được người đời biết tới tuy đã có vài tác phẩm được xuất bản, Victor Manuel Celorio, tố cáo là đạo văn, bởi vì những tương tự giữa *Kỳ lân xanh* (The Blue Unicorn) của nhà văn trẻ này và *Diana* của Fuentes không phải là tình cờ. *Kỳ lân Xanh* lần đầu do tác giả tự xuất bản năm 1989, không kiếm được người mua ngoài 200 thân hữu và bà con, lẽ dĩ nhiên với đề tặng và chữ ký của tác giả, theo kiểu văn chương "sinh nhật" hiện đang thịnh hành trong giới businessman-nhà văn. Con số tái bản vào năm 1994 khá hơn một chút, 1000 ấn bản. Đề tài cuốn truyện: Cuộc tình sóng gió giữa một nhà văn Mexico và một người đàn bà Mỹ, được coi như là một ẩn dụ về mối giao tình chẳng đậm đà gì nếu không muốn nói là gay gắt giữa hai ông bạn láng giềng Hoa kỳ-Mexico. Sau khi đọc *Diana*, tác phẩm mới nhất của Fuentes, xuất bản năm 1994, Celorio giận dữ tuyên bố, anh tìm thấy chừng 110 trường hợp Fuentes "mô phỏng" tình tiết, cách kể chuyện trong *The Blue Unicorn*. Thí dụ, trong hai cuốn, cuộc tình bắt đầu bằng cuộc chiến Việt Nam (lại Việt Nam), như là một cái "phông" cho những lần gặp gỡ (tội nghiệp thật), và trong mỗi lần "gặp" nhau, anh đàn ông Mexico lại nói về dự định sáng tác của mình: Cuộc tình giữa kẻ xâm lược Tây ban nha, Hernan Cortes và cô vợ bé người da đỏ, Malinche.

"Không ai tin tôi", Celorio giận dữ kể lại lần anh tới Bộ Văn hóa, Phòng lo về bản quyền tác giả. "Họ còn kết tội tôi là một tên nói dối. Riêng tôi, tôi đã mất đi niềm kính trọng Fuentes rồi".

Ít người tin anh sẽ chiến thắng con sư tử già đầy đức vọng Fuentes trong trận so tài tại tòa án vào năm tới (1996). Nhưng, ít nhiều con muỗi đã gây một nốt ghẻ trên thanh danh con sư tử. Tuần báo *Time*, Oct,2.95 cho biết Fuentes đang ở Luân đôn, trong *message* gửi về cho bà vợ, tuyên bố: "Chuyện bố láo, ngu xuẩn, phi lý."

Tuy tội đạo văn thật khó chứng tỏ, nhưng trong trường này, nó làm

sống lại những lời chỉ trích trong quá khứ, theo đó, Fuentes đã "vay mượn nặng nề" những nguồn khác. "Tôi không ngạc nhiên", nhà văn gốc Cuba, G. Cabrera Infante tuyên bố với phóng viên tờ *Time* ở Luân đôn. "Theo tôi đây không phải là một trường hợp cá biệt, riêng lẻ". Và ông tố thêm, Fuentes đã mượn một truyện phim của ông để xây dựng thành cuốn *Birthday*, và "quên" không chi cho ông một đồng nào. Còn nhà văn nữ, vợ cũ của Octavio Paz (Nobel văn chương), Elena Garro, tuyên bố một cách nhẹ nhàng hơn: "Tôi không tin ông ta ăn cắp tư tưởng với ẩn ý xấu. Sẵn có đó thì ông sử dụng. Vậy thôi".

Cây diêm đã sử dụng rồi nhiều khi gây thành đám cháy lớn. Hậu quả của nó tuy vậy vẫn còn nhỏ, cùng lắm là tới tòa án như trong trường hợp trên đây. Nhưng "Sửa văn", hoặc "Sửa ngay chính bài văn dịch của mình" nhằm mục đích chính trị, nhằm ảnh hưởng tới bao thế hệ người đọc, chuyện này khủng khiếp hơn nhiều. Trong *Tam Quốc Chí*, Khổng Minh đã cố tình sửa hai câu thơ trong bài *Đồng Tước* để chọc tức Chu Du, và trận Xích Bích kể như đã quyết định. Giai thoại "Minh nguyệt sơn đầu khiếu, Hoàng khuyển ngọa hoa tâm" cho thấy chớ liều lĩnh sửa văn thơ người khác. Hiện nay có nhiều dịch giả đang bỏ công sưu tầm nguyên bản rồi dịch lại tất cả những tác phẩm của Dostoievsky, Nietszche...bởi vì những bản dịch cũ, qua tiếng Pháp, tiếng Anh, (và ngay cả nguyên bản bằng tiếng Đức những tác phẩm của Nietszche) đều có dụng ý nhằm sao cho hợp với "thị trường văn học, chính trị, tôn giáo, sắc tộc" thời đó. Có thể vì vậy Nietszche và chủ thuyết siêu nhân của ông đã bị Nazi lợi dụng. Cụ thể nhất, một trong những đấng giáo chủ của chủ thuyết hiện sinh, Heidegger, bị tố cáo về sự tham gia của ông vào phong trào quốc xã. Đây không phải chỉ là tình cờ mà là một hành động quyết định, phát sinh từ tư tưởng triết học của Heidegger. Những hoạt động Xã hội Quốc gia của ông, được coi như là thí dụ cụ thể, chắc nịch, điển hình của "eigentliches", hiện hữu thực, qua những bài diễn văn của ông vào những năm 1930 cho thấy. Trong bài diễn văn khai mạc khi nhậm chức Viện trưởng Viện Đại học Freiburg, ngày 27.5.1933, để kết thúc, Heidegger đã cố tình "vặn vẹo" (distort) ý nghĩa của từ "episphala," một từ ngữ Hy lạp trong một câu trích dẫn *Republic* của Plato, được dịch ra Đức ngữ là "Alles Grosse steht im Sturm","episphala" được cố tình dịch qua tiếng Đức là Sturm,(Storm, Bão tố). Câu trên có nghĩa "Heideggerian" là: "Everything great stands in the Storm", trong khi thực sự ý nghĩa câu của Plato là: *Everything great is at risk*, hoặc *That which is great is most exposed to risk*. Bạn đọc để ý đến hai mẫu tự S, A trong câu văn dịch, là *Sturmabteilung*, (Storm Group)s, và

chớm thu...

HOÀNG BÍCH ĐÀO

Trời chớm thu như tờ giấy trắng
Những hờ ai chép bài thơ buồn
Đìu hiu mùa nhớ đi vào mộng
Lá biếc rưng rưng ngập lá vàng

Lòng lại nao nao tìm dĩ vãng
Một thời thơ dại, lúc thu sang
Khu vườn tuổi trẻ nhiều hoa bướm
Chim nhỏ hiền lành, bước rất ngoan

Gửi gấm mùa thu vào lãng mạn
Trong hồn nghe có mây lang thang
Tóc ai thả gió thơm màu cúc
Tiếng hót chim di chợt ngỡ ngàng

Trời chớm thu về xao xuyến nhớ
Mùa tường vi cũ đã đi qua
Cho tôi giữ lại tình hoa ấy
Một chút hương xưa, sao những hờ

một trong những tờ báo Nazi bài Do thái hồi đó có tên là *Der Sturmer*. ❐

(Tài liệu về Heidegger lấy từ bài viết "The French Heidegger Debate," tác giả Richard Wolin, đăng trong tạp chí *New German Critique*, N.45, Fall,1988). Bài viết của tác giả, phần lớn dữ kiện được lấy ra từ cuốn sách của Victor Farias: *Heidegger et le Nazisme*, xuất bản năm 1987, éditions Verdier.)

Nghệ Sĩ Lưu Vong Và Hành Trình tới Mỹ Quốc Nhà Văn Việt Nam Mai Thảo

Jane Katz
Tâm Bình dịch

"Khi biển đã lặng, thì mọi người bắt đầu cất tiếng ca hát."

LTS. Artists in Exile - Nghệ sĩ Lưu Vong*: đó là nhan đề cuốn sách của cô Jane Katz do Stein And Day Publishers xuất bản, viết về các nghệ sĩ phải đào thoát ra khỏi quê hương thân yêu của họ từ các nước Nga, Trung hoa, Việt nam, Nam phi, A Phú hãn, Afghanistan...và các quốc gia thống trị bởi những chế độ độc tài khác. Họ thuộc đủ các bộ môn nghệ thuật trên khắp thế giới: văn học, kịch nghệ, âm nhạc, hội họa, điện ảnh... đặt chân tới Mỹ để bắt đầu một khởi nghiệp với trước mắt là những hàng rào về ngôn ngữ và văn hóa. Jane Katz đã giới thiệu với chúng ta chân dung mỗi nghệ sĩ qua những cuộc phỏng vấn sinh động về những bước thăng trầm trong các cơn bão táp chính trị đã làm thay đổi cuộc đời và cả nghệ thuật của họ. Jane Katz đã tìm tới phỏng vấn nhà văn Việt nam Mai Thảo ở những tháng ngày rất sớm khi ông là một "thuyền nhân" mới đặt chân tới nước Mỹ.*

Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ bảy mươi của nhà văn Mai Thảo, Văn Học đã nhờ anh Tâm Bình dịch lại bài viết của Jane Katz, để bạn đọc Văn Học biết thêm đoạn đời gian nan mà lâu nay nhà văn Mai Thảo ít khi nhắc đến. So sánh những kinh nghiệm xót xa Mai Thảo đã trải qua với những bài thơ nhà văn viết trong Ta thấy hình ta những miếu đền*, bạn đọc sẽ thấy từ hiện thực đời sống đến tác phẩm văn chương, rõ ràng có sự thăng hoa hiện thực hết sức kỳ diệu. Có lẽ đó là sức mạnh của văn chương.*

Kể từ 1975 khi Sài gòn rơi vào tay cộng sản, thì tràn ra biển Đông là những người tỵ nạn Việt nam, họ thuộc đủ các thành phần xã hội thà liều mạng sống bước xuống những con thuyền nhỏ thoát ra biển khơi thay vì cam chịu những áp bức chính trị, cưỡng bách đầy ải đi kinh tế mới, chịu đựng mọi thiếu thốn ngay trên quê hương mình. Nhà văn nhà báo Mai Thảo là một trong số những "thuyền nhân" ấy; ông đã từng là tác giả của 42 cuốn sách tiếng Việt, ông phải sống lẩn tránh vì bị cộng sản truy lùng và ông đã vượt biên bằng thuyền tới Mã lai năm 1977, sau đó tới Mỹ định cư ở Seattle, làm chủ bút báo *Đất Mới*, và cũng là chủ tịch hội Văn hóa Việt tại tiểu bang Washington. Toàn bộ tác phẩm của ông được lưu trữ tại thư viện Đại học Cornell. Nhà văn Mai Thảo đã phát biểu một cách trầm tĩnh, và với cả sự tiết chế do những năm phải tự giam hãm. Anh Nguyễn, bạn nhà văn Mai Thảo là người tới Mỹ sớm, đóng vai trò phiên dịch.

ꕥ

Nhà Văn Mai Thảo:

Tôi sinh năm 1927 tại Nam định Bắc Việt. Cha tôi là một phú nông thành công và được dân làng kính nể. Ông là chủ nhân trong gia đình. Mẹ tôi ở nhà trông coi các người làm. Các anh em tôi nhất nhất vâng lời cha tôi trong mọi chuyện.

Khi người Tây phương xâm chiếm đất nước chúng tôi, thì đã xảy ra tranh chấp mâu thuẫn giữa thế hệ già và trẻ . Nhưng ngoại nhân đã không thể chia lìa nền tảng đời sống gia đình của chúng tôi. Đó là một trật tự lâu đời không ai có thể phá hủy được.

Cha tôi trông nom công việc đồng áng. Vì ông vốn giàu có nên không cho phép chúng tôi làm công việc này mà phải tới trường đi học. Nhưng sau giờ học, tôi tung tăng chạy chơi ngoài đồng ruộng, giữa những con trâu kéo cầy trên những thửa ruộng bằng phẳng bên bờ sông Hồng. Đồng ruộng thì xanh tươi và phì nhiêu. Một số dân làng làm công cho cha tôi; một số khác tự canh tác trên những thửa đất riêng của họ. Dân tộc chúng tôi yêu đất đai vì tin rằng trong đó có mang linh hồn tổ tiên họ. Hầu như cả gia đình cùng làm công việc đồng áng và không có ai phải chịu đói.

Khi tôi lên mười thì cha tôi mất hết cả ruộng nương và cả gia đình phải di cư về Hà nội. Thật là đau lòng khi cha tôi phải bỏ lại phía sau lưng đất đai của tổ tiên và cả làng mạc. Trước đây trong làng ông quen biết với hết cả mọi người. Ông không tìm lại được tấm căn cước ấy khi ra ở ngoài thành phố.

Ở Hà nội thì cô có thể thấy thành quách và các đền chùa cổ kính từ các triều đại vua chúa từ những thế kỷ thứ tám và mười. Một ngôi chùa có

tên Ngọc Sơn, một ngôi đền khác là đền Quan Thánh. Ngay giữa thành phố Hà nội là hồ Gươm, nơi dân chúng ra tụ tập nghỉ ngơi sau ngày dài làm việc. Vào mùa hè chúng tôi ra bờ biển.

Cho dù sống ở thành thị chúng tôi vẫn giữ những tập tục. Chúng tôi kính trọng người già và đón rước những ngày lễ theo nghi thức cổ truyền.

Tinh thần quốc gia là một phần trong truyền thống của Việt nam. Hàng ngàn năm, dân tộc Việt nam đã bị người Tầu đô hộ, bị áp đặt dưới hệ thống tư tưởng và giáo dục của Trung hoa nhưng người Trung hoa không thể hoàn toàn thành công. Rồi đến thế kỷ 19 dân tộc chúng tôi lại bị người Pháp đô hộ, thiết lập hệ thống giáo dục và bộ máy cai trị theo Pháp.

Tôi theo phong trào kháng chiến chống Pháp năm tôi 16 tuổi. Chúng tôi lưu diễn văn nghệ qua các làng mạc để khơi dậy lòng yêu nước của dân chúng. Chúng tôi viết truyện ngắn về lịch sử dân tộc và lòng yêu tự do. Nhưng bốn năm sau tôi đã rời bỏ kháng chiến vì nhận thức được rằng cộng sản đã lợi dụng phong trào kháng chiến để tạo những mâu thuẫn trong trật tự xã hội cổ truyền và kích động đấu tranh giai cấp.

Cuộc chiến Pháp Việt kết thúc năm 1954 với đất nước bị phân chia. Cộng sản cho phép dân chúng di cư, và gia đình tôi đã di cư vào Sài gòn. Đó là một hình thức chống cộng. Cha tôi không tin người cộng sản và ngược lại họ cũng chẳng tin gì ông. Dưới chế độ cộng sản, người dân hết còn quan tâm tới nghệ thuật. Làm sao mà cô có thể vẽ tranh khi mà lúc nào cũng phải phấn đấu cho có đủ ăn và nhu cầu thiết yếu mỗi ngày? Trí thức thì bị khủng bố và thường bị cưỡng bách vào quân đội.

Từ 1958 chiến tranh bắt đầu bộc phát giữa chế độ cộng sản miền Bắc - được sự hỗ trợ của Trung cộng và Liên Xô, và miền Nam không Cộng sản được sự hậu thuẫn của Hoa kỳ và các nước đồng minh.

Cả hai phía đều không ngừng tuyên truyền. Miền Bắc rêu rao họ giải phóng miền Nam chống lại đế quốc Mỹ. Chính phủ miền Nam thì tuyên bố giải phóng dân chúng miền Bắc khỏi ách thống trị của Trung cộng và Liên xô. Cộng sản đã thực hiện một cuộc chiến tranh du kích ẩn náu và xuất phát từ trong rừng sâu. Máy bay Mỹ rải chất độc da cam để buộc cộng quân phải lộ diện, nhưng đồng thời cũng gây nhiễm độc cho đồng rừng, cây cỏ muông thú và nguồn thực phẩm của chúng tôi.

Trí nhớ của tôi về những năm chiến tranh ấy còn rất sinh động. Tôi còn nhớ rõ những căn nhà bị đánh bom, những thân cây cháy lá và trơ cành, ngôi đình làng bốc cháy, những đứa trẻ bụng ỏng chột mắt hoặc cụt chân, những bà cụ không nhà mất trí đi lang thang...

Tôi bắt đầu viết từ năm 1950. Giới nhà văn hay học giả thường rất được trọng vọng trong nước tôi. Các sách của tôi được các nhà xuất bản

nhỏ của tư nhân in ra tại miền Nam Việt nam. Cho dù sách tôi có nhiều độc giả - một số thuộc loại sách bán chạy nhất - nhưng chỉ thuần sống bằng nghề viết cũng là điều rất khó khăn. Tôi viết liên tục từ tiểu thuyết tới truyện ngắn. Chúng tôi không có nhiều dịch giả nên các sách của tôi không được dịch ra tiếng ngoại quốc. Tôi còn làm chủ biên các nhật báo và tạp chí văn chương.

Tôi có đọc các nhà văn Mỹ mà tôi rất thích như Henry Miller, Hemingway, John Steinbeck - từ các ấn bản bằng tiếng Pháp. Họ không có ảnh hưởng trên bút pháp của tôi. Nền văn học của chúng tôi rất khác. Chúng tôi có truyền thống văn học riêng từ hàng ngàn năm trước. Nền văn học ấy rất nghiêm túc, nó nhằm thăng tiến xã hội.

Một truyện ngắn mà tôi rất ưa thích với nhan đề *"Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời"*. Câu chuyện một người đàn ông và một người đàn bà chung sống trong một căn nhà nhỏ bên một con suối. Người đàn bà không hiểu sao người đàn ông lại bỏ đi. Anh quyết định leo lên cho được một đỉnh núi cao nhất ở phương Đông. Anh ta muốn biết đỉnh núi ấy cao tới bao nhiêu, anh đang đi tìm một thứ chân lý tuyệt đối và cũng là hạnh phúc. Nhưng khi đặt chân được tới đỉnh cao ấy thì anh thấy như tuyệt vọng, anh chợt ý thức được rằng cái chân lý tuyệt đối ấy thì chẳng bao giờ đạt tới được. Và người đàn bà tìm thấy anh nằm chết bên một con suối. Không ai biết được người đàn ông đã chết ra sao. Người đàn bà đem xác người đàn ông về làng và nàng nghĩ rằng khi đi tìm chân lý, người đàn ông đã chọn cái chết.

Tôi đặt vấn đề nhân bản khi làm nhà văn; nhưng tôi không có ý đi tìm một giải pháp. Phần lớn các sách và truyện của tôi là dựa trên kinh nghiệm của bản thân, hay dựa trên kinh nghiệm của những người mà tôi từng quen biết. Hồi tưởng các sự kiện xen lẫn với tưởng tượng nhưng bút pháp mới thực sự là quan trọng.

Nơi cuối bãi biển, những ghềnh đá che khuất một phần xóm chài Merang sát ngay chân một ngọn núi trần trụi, nép bên là một hàng dừa vật vã những tàu lá phía trên những cụm sóng...

Người Mỹ rút chạy khỏi Sài gòn năm 1975. Bởi vì tôi đã từng chống cộng sản trong các bài viết trước đây nên tôi có tên trong sổ đen của họ và bị coi như thành phần nguy hiểm cho nhà nước. Đa số các nhà văn khác có tên trong sổ đen ấy đều bị bắt vào tù, nhiều người đã bị chết vì đói và thiếu thuốc men.

Tôi thì may mắn hơn. Tôi đã được dân chúng che chở và chăm sóc. Họ đã cứu sống tôi. Không có lòng yêu thương của dân chúng, một nhà văn đã không thể sống sót được ở Việt nam.

Cộng sản ra thông cáo là ai tán trợ các nhà văn bị truy lùng sẽ bị tống giam. Hệ thống công an của họ rất chặt chẽ. Họ bắt những người hàng xóm phải rình rập canh chừng lẫn nhau để báo cáo cho chính quyền địa phương. Nhưng rất nhiều người vẫn bất kể gian nguy tới mạng sống của họ và giúp đỡ tôi. Trong vòng hai năm họ đã che giấu tôi ở tám địa điểm khác nhau. Tôi phải sống trong những căn buồng tối, bởi vì có ánh sáng chiếu sang hàng xóm là gây nguy hiểm cho gia đình chủ nhà. Mỗi lần sợ bị phát hiện họ lại đưa tôi sang ẩn trú ở một căn nhà khác. Thường là những căn nhà không có trẻ con, bởi vì người Việt chúng tôi không hề dạy trẻ biết nói dối. Cộng sản cũng đã lục soát một số căn nhà nhưng vô hiệu, họ đã chẳng tìm ra tôi.

Tôi sống như một con vật trong bóng tối, lẩn tránh như vậy trong suốt hai năm. Có những đêm mất ngủ, ngày thì kéo dài buồn chán. Một người bạn đem tới cho tôi bộ cờ tướng và tôi đã một mình chơi ở cả hai phe. Đôi khi tôi thấy rất cần phải được ra ngoài, và điều này phải thực hiện một cách bí mật vào ban đêm. Tôi cũng không thể tưởng tượng rằng mình đã phải sống trong những điều kiện như vậy. Và đôi khi tôi cảm thấy như ở bước đường cùng, và nghĩ rằng nếu có thể ngủ một giấc dài và cứ như vậy mãi. Nhưng dân tộc Việt nam chúng tôi đã quen chịu đựng khổ đau và biết cách để vượt qua nó. Tôi cảm nhận một cách sâu xa rằng một nhà văn phải gắn bó với xã hội và dân tộc mình. Với bao nhiêu người đã từng giúp đỡ cứu sống tôi, tôi tự thấy mình phải can đảm để xứng đáng với những sự cưu mang ấy.

Tôi thực sự không phải là một Phật tử mặc dù gia đình tôi theo đạo Phật. Nhưng là một nhà văn và là một người suy tư, tôi cho rằng mỗi người nên nhìn lại đời sống mình và cố gắng tìm cho đời sống ấy những ý nghĩa. Do đó hàng ngày tôi đã tĩnh tâm trong nhiều giờ, và đặc biệt trong hoàn cảnh như vậy, người ta sẽ tìm tới sự thật và ý nghĩa của đời sống. Tôi đã từng có cơ hội trải qua, và tôi tin rằng mỗi người trong chúng ta đều có một Thượng đế ngay trong chính mình. Mỗi người đều có thể tự cứu rỗi đời mình bằng chính những công việc mình làm và suy tưởng. Sự tỉnh thức này luôn luôn có ở trong tôi.

Vào cuối năm 1977, có một tổ chức tư nhân của người Việt hoạt động giúp người vượt biên. Họ liên lạc với tôi và bảo tôi cứ chờ ở nơi ẩn náu. Tôi hiểu rằng vượt biên là công việc tốn kém mà tôi thì chẳng có một xu. Không có cách nào mà liên lạc với gia đình tôi mà không gây nguy hiểm

cho họ. Tôi chờ đợi. Vào một đêm tối đen, có một người đàn ông mặc áo sơ mi đen cưỡi xe Honda tới đậu dưới một gốc cây phía sau nhà. Theo lời hướng dẫn tôi ra ngồi sau xe im lặng cùng đi với anh ta về hướng sông Sài gòn, nơi có một chiếc thuyền đánh cá nhỏ đang chờ. Họ bảo tôi chèo thuyền làm bộ như một ngư dân. Sau khoảng hai hoặc ba giờ tôi được chuyển qua một chiếc ghe máy ra biển. Bấy giờ người đàn bà lái tàu bảo tôi có thể hút thuốc. Tôi ngoảnh nhìn Sài gòn một lần chót và tôi đã bật khóc vì biết rằng tôi chẳng còn dịp thấy lại một lần khác. Người dân miền Nam đã quá gắn bó với một thành phố mang tên Sài gòn. Tôi cảm thấy rằng mình đã quay lưng lại với di sản của chính mình.

Ra tới ngoài biển khơi, tôi cảm thấy dịu xuống. Tôi là một con người tự do.

Đêm tối đen và không trăng. Chúng tôi ra ngoài biển khơi nhưng có một cơn bão thổi tới từ hướng Phi luật tân, gió vật vã chiếc thuyền nhỏ khiến chúng tôi phải trở lại bờ. Trở lại nơi ẩn náu, mấy ngày sau tôi được tin cha tôi chết ở tuổi tám mươi hai. Theo tục lệ Á đông thì người con có bổn phận phải dự lễ an táng bố mẹ hoặc nếu không phải chịu tội bất hiếu. Nhưng các anh tôi bảo tôi không được tới vì nhà bị canh chừng và tôi có thể bị bắt. Cũng rất may là tôi đã có thể lén tới thăm mộ cha tôi và đọc lời cầu nguyện. Điều ấy đã làm dịu niềm đau nơi tôi.

Rồi một chiếc xe gắn máy khác tới trong đêm tối. Chuyến vượt biên thứ hai này nguy hiểm hơn cả lần trước. Một chiếc thuyền đánh cá nhỏ đưa tôi tới một cái cồn và tôi phải ẩn náu trong các bụi cây suốt hai ngày. Cuối cùng thì một chiếc ghe khác tới đưa chúng tôi ra biển khơi trong ban đêm để tìm ra được chiếc ghe đánh cá lớn hơn. Chỉ có một ánh đèn hiệu lóe bất chợt, không một tiếng động. Một toan tính thận trọng và cũng vô cùng may mắn. Tôi bước lên một con thuyền sức chứa hai mươi người nhưng số người đã lên tới năm mươi tám. Phải hạn chế số nước uống và gạo vì không đủ chỗ chứa. Mỗi người được chia một khẩu phần rất nhỏ nhưng không một ai chết.

Trên thuyền bao gồm những người tỵ nạn chính trị, sinh viên, người già, và các gia đình với con nhỏ. Trải qua sáu ngày và đêm trên biển, mọi người chịu đói và khát, một số bị ngã bệnh. Khi chúng tôi gần tới Mã lai thì *biển lặng và mọi người bắt đầu cất tiếng ca hát.* Họ đòi tôi ngâm thơ. Tôi đã đọc bài thơ của một người bạn Việt nam nói về tình cảnh một người phải đi xa nhà mà không có một ai tới nói lời giã từ.

Chúng tôi tới Mã lai nhưng lại không được đón nhận. Các viên chức tỏ ra thiếu thân thiện vì đã có quá nhiều người tới đây. Mã lai cũng là một

xứ nghèo và họ không thể cáng đáng nổi tất cả những thuyền nhân đổ tới. Cuối cùng có một ngư dân Mã lai ra dấu cho thuyền chúng tôi cứ ủi đại vào bãi và nếu thuyền bị hư vỡ thì họ phải tiếp nhận chúng tôi. Chúng tôi làm như vậy và có kết quả. Con thuyền chở chúng tôi bị vỡ, chúng tôi dìu trẻ em, người bệnh người già lên bờ. Viên chức cứu trợ Liên hiệp quốc tới gặp, phát tiền cho chúng tôi để mua thức ăn. Món hàng đầu tiên tôi mua là một bao thuốc lá. Họ hướng dẫn chúng tôi về trại tỵ nạn. Trại rất đông nhưng ở đó có chỗ tạm trú và thực phẩm miễn phí. Chúng tôi không bị giữ trong trại. Tôi bắt đầu quý mến người dân Mã lai. Trong trại có buổi phát thanh, tôi được yêu cầu viết bài và đọc cho chương trình. Tôi cũng được bầu vào chức chủ tịch các phiên tòa xử trong trại tỵ nạn.

Tôi tới Mỹ vì đã có hai người anh tôi bên đó và tôi biết đã có một số nhà văn Việt nam tới trước. Bây giờ thì tôi đang viết về những kinh nghiệm của mình. Tôi hy vọng tiểu thuyết tôi sẽ được dịch sang tiếng Anh. Tôi đang vận động trả tự do cho các văn nghệ sĩ đang còn bị cầm tù ở Việt nam. Họ chỉ còn lại một số rất ít. Tôi e rằng các ngành nghệ thuật của chúng tôi sẽ tiêu vong.

Tôi gửi tiền về cho mẹ tôi. Tôi mong bà sang đây nhưng bà thì không muốn là gánh nặng cho con cái ở bên Mỹ. Và bà cũng không muốn chết ở một nơi xa quê nhà.

Tôi muốn nói với thế giới rằng hai mươi năm chiến tranh đã tàn phá đất nước tôi. Dinh thự đường xá có thể xây dựng lại được nhưng vẻ đẹp của quê hương hay tinh thần của dân tộc thì không. Khi chúng ta đang nói chuyện nơi đây thì sự hủy hoại vẫn cứ diễn ra dưới chế độ cộng sản.

Có lẽ sẽ có một ngày Việt nam trở lại tự do và tôi sẽ có thể trở về. Tôi sung sướng được sống ở đây nhưng trong lòng thì rất buồn bã. Buồn cho dân tộc chúng tôi. Tôi không biết liệu chúng tôi còn có một tương lai. Xa lìa quê hương thật khó mà bảo tồn truyền thống. Tôi cảm thấy như là chúng tôi đã bị mất cả linh hồn.

Phỏng vấn ngày 10 tháng bảy, 1980.

Chưa Bẩy Mươi

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chào Mai Thảo, buổi sáng
Chào tác giả đêm giả từ Hà Nội
Trong căn phòng hẹp, ở phố Bolsa quận Cam
Một cái bánh, một ngọn nến
Và trên kệ sách la liệt những chú thỏ ngày sinh nhật
Trên tường là bức tranh chiếc tầu trên Sông Hồng
Mai Thảo ngồi bệt giữa sàn nhà
Giữa những người thân
anh em, bè bạn
và những cốc rượu
...
*

Chào Mai Thảo, buổi trưa
Tháng sáu một chín sáu sáu
Người ta bảo anh bẩy mươi tuổi
Tôi không tin vậy đâu
Anh chỉ mới bốn mươi thôi
Trong tay anh vẫn còn mười đêm ngà ngọc
Trên bàn viết anh vẫn còn bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời
và giữa những ly cốc, muống, nĩa, thức ăn...
Mai Thảo giống như quốc vương xứ Brunei
Hennessey, Martell,...
bốn chữ thứ xịn
Mai Thảo như một ông hoàng

*

Chào Mai Thảo, buổi chiều
Anh chưa bẩy mươi đâu
Anh chưa bao giờ bảy mươi phải không?
Anh đã ít nói, giờ chỉ ít nói hơn thôi
Anh đã lầm lì, giờ chỉ lầm lì hơn thôi
Nhưng Martell vẫn giúp anh
thấy lại Sài gòn,
thấy lại sóng cấp năm đầu vịnh Thái lan

Mai Thảo chưa bẩy mươi đâu
Khi anh bắt đầu nói về thơ, anh chỉ mới hai mươi thôi
Tôi biết chắc như vậy

*

Chào Mai Thảo, buổi tối
Tháng sáu, ngày tám nào chả là gì của anh
Ngày của sáng tạo
Ngày để tưởng nhớ mùi hương
ngày của rong chơi
ngày của văn chương chữ nghĩa mai thảo

Mai Thảo chưa bẩy mươi đâu

Chào sinh nhật Mai thảo
Anh chưa bẩy mươi,
Bẩy mươi thế nào được, phải không các bạn?

hoàng khởi phong

Hoàng Khởi Phong là bút hiệu của Nguyễn Vinh Hiển, sinh năm 1943 tại Hải Dương Bắc Việt. Di tản qua Mỹ năm 1975. Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm trước và sau 1975, trong nước và ngoài nước, gồm thơ, hồi ký, truyện ngắn, truyện dài. Ông cũng là một trong những người chủ trương tạp chí Văn Học, và là chủ nhiệm của tạp chí này trong khoảng thời gian từ 1989 đến 1992.

Tác phẩm gồm có:

- *Mặt trời lên*, thơ, Đại Nam Văn hiến, 1967
- *Phục hồi quyền chức làm người*, thơ, tác giả xuất bản, 1970
- *Trong hoàn cảnh khác*, tập truyện, tác giả xb, 1972
- *Ngẩng mặt nhìn trăng sáng*. tập truyện, in chung với Hoàng Chính Nghĩa, Bố Cái, 1978.
- *Ngày N+*, hồi ký, Văn Nghệ,1988.
- *Thư không người nhận*, tập truyện, Tân Thư & Thời Văn, 1991.
- *Người trăm năm cũ*, trường thiên tiểu thuyết, tập I, Đại Nam, 1994.
- *Cây tùng trước bão*, tập truyện Người Việt, 1994.
- *Những con chuột thời thơ ấu*,tập truyện, Người Việt, 1995.
- *Viết lên trời xanh*, truyện dài, Văn Khoa (đang in)

Nói Chuyện với Hoàng Khởi Phong

Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện

Bài phỏng vấn nhà văn Hoàng Khởi Phong, gồm rất nhiều câu hỏi, được Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện làm hai đợt vào năm 1989 và năm 1995. Văn Học trích đăng một phần của bài phỏng vấn để chia sẻ với bạn đọc những cảm nghĩ của nhà văn Hoàng Khởi Phong.

NMT: *Anh có thể cho các độc giả biết những sách của anh đã in, thời điểm của nó? Cũng như các tạp chí văn chương mà anh đã cộng tác cùng thời gian và không gian?*

HKP: Năm 1967 ở Sài Gòn, Thế Phong người chủ trương nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến in quyển sách đầu đời của tôi. Đó là một tập thơ, tập *Mặt Trời Lên*. Tôi quen Thế Phong rất... tình cờ, rồi xa nhà xuất bản này cũng... tình cờ. Kế đó năm 1970, tôi in lấy tập thơ thứ hai, tập *Phục Hồi Quyền Chức Làm Người*. Tập thơ này khi in tôi có xin kiểm duyệt, nhưng bị cấm. Tôi lén lút in ở nhà in quân đội, thuộc Tiểu Đoàn 20 Chiến Tranh Chính Trị tại Pleiku, bằng cách tặng cho người chịu trách nhiệm cơ sở ấn loát quân đội này một khẩu súng lục loại hiếm. Ông này tưởng tôi in một tập thơ tình, khi in xong ông ta mới được đọc, ông ta đã trả lại tôi khẩu súng và mắng tôi một câu để đời: "Tiên sư cậu, thơ với phú như thế này thì có ngày rũ tù." Tên của toàn tập là tên bài thơ tôi viết nhân kỷ niệm ngày 1-11-63. Năm 1973, tại Đà Lạt tôi tự xuất bản một tập truyện ngắn *Trong hoàn cảnh khác*. Năm 1977, ở Mỹ tôi cùng Hoàng Chính Nghĩa chủ trương nhà xuất bản Bố Cái. Nhà xuất bản này cho ra đời được ba cuốn sách: *Tuyển Tập Thi Ca 75 - 77*, quyển thứ hai *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng* tôi và Hoàng Chính Nghĩa viết chung, và sau cùng là tập *Thơ Tình Cùng Trời Đất* của Hoàng Đông Quải, một bút hiệu khác của Hoàng Chính Nghĩa.

Sau khi nhà xuất bản Bố Cái ngưng hoạt động năm 78, tôi ngưng không viết trong 10 năm liền, vì nhận thấy thời gian này văn chương là một cái gì phù phiếm. Năm 1988 nhân ông Võ Thắng Tiết tính tái bản cuốn *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng*, tôi đề nghị để tôi viết thêm vào đoạn

hồi ký chạy trên Liên Tỉnh Lộ 7B, cho tới khi xuống tầu Hải Quân qua Mỹ, và quyển *Ngày N+...* ra đời trong dịp này. Khi đó tôi vẫn còn làm thợ tiện, chỉ có thể viết trong những lúc rảnh rang. Năm 1990 tôi bị thất nghiệp, tôi lên San Jose mở nhà in với một người bạn vỏn vẹn trong vòng một năm, thì hết vốn. *Cuốn Thư Không Người Nhận* ra đời tại San Jose vào năm 91. Năm 1993, sau khi đi lập nghiệp tại Houston cũng khoảng một năm không khá, tôi quay lại vùng Nam Cali này, vào làm cho Nhật Báo Người Việt, tờ báo mà ngay số 1 của nó ông Đỗ Ngọc Yến đã mời tôi cộng tác, nhưng tôi từ chối. Rút cục tôi là người nhận việc trễ 16 năm, khi tôi vào làm cho tờ Người Việt thì đã gần tới số báo 3000. Tôi khởi sự viết bộ trường thiên *Người Trăm Năm Cũ* trong dịp thực sự sống bằng nghề cầm bút này, và cuốn đầu do nhà Đại Nam in vào cuối năm 1993. Năm 1994 tôi viết cuốn *Cây Tùng Trước Bão* do nhà xuất bản Người Việt ấn hành, năm 1995 mới đây nhất là cuốn *Những Con Chuột Thời Thơ Ấu* cũng do nhà xuất bản Người Việt in. Tôi hy vọng cuối năm nay tôi sẽ in được cuốn hai của *Người Trăm Năm Cũ*.

Tôi thú thật tôi không thích viết báo, bất kể là báo gì. Nể lời bạn bè lắm thì tôi có mặt trong tờ *Ý Thức, Lý Tưởng* (tờ báo của Không Quân do Thế Phong làm Tổng Thư Ký). Sang Mỹ nghe lời đường mật của Lê Tất Điều dính với tờ *Bút Lửa*, nghe lời dụ dỗ của Nguyễn Mộng Giác, có một thời gian gan cùng mình, gánh vác tờ *Văn Học*. Ngày còn làm thợ tiện, thỉnh thoảng nể lời Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Xuân Hoàng, Đỗ Ngọc Yến góp bài cho tờ Người Việt. Bây giờ thì tay đã nhúng chàm, ghét viết báo thì được làm báo còn kêu ca nỗi gì. Tuy nhiên năm 1990, khi phải gánh vác công việc, bài vở cho tờ *Văn Học*, tôi không yêu nghề báo hơn chút nào, nhưng tôi phục và thương các bạn tôi đã sống bằng nghề báo, (năm 1990 tôi chưa sống bằng nghề báo). Tôi phục sát đất những người bỏ tiền ra làm báo văn chương thuần túy tại hải ngoại. Văn chương, cái này đúng là một cái nghiệp đã đe dọa nhiều người, nhiều gia đình. Nó không thua gì hiểm họa chiến tranh. Chả thế mà các tạp chí văn chương cứ hiện ra rồi lại biến đi, còn các nhà văn thì ẩn hiện vô lường. Nghĩ cho cùng thì tôi thấy tội nghiệp cho... tôi và tội nghiệp cho cả ... văn chương.

NMT: *Khi anh cầm bút, anh có nghĩ mình vẫn là người lính của QLVNCH? Dù ở quê nhà thập niên 1960, 1970 hay ở xứ người 1975, 1989?*

HKP: Khi tôi cầm bút, tôi nghĩ tới những "*nhà văn*" đúng nghĩa. Khi tôi cầm súng, tôi nghĩ tới những "*người lính*" chính hiệu. Tôi cho là tư cách "*nhà văn*" nó bao gồm mọi tư cách khác của cá nhân tôi. Nếu những

nhà văn có thời đi lính được gọi là *"nhà văn Quân Đội"*, thì giả dụ có một nhà văn sau năm 75 phải đi đạp xích lô kiếm sống, và hơn thế nữa tác phẩm của ông ta viết về giới xích lô, ba gác, vác thuê, gánh mướn ta có gọi nhà văn đó là *"nhà văn Xích Lô"* không?. Rồi một người nào đó trước kia ở Việt Nam là Cảnh Sát, ta có gọi ông ta là *"nhà văn Cảnh Sát"* không? Bây giờ tôi làm thợ tiện, anh có gọi tôi là *"nhà văn Thợ Tiện"* không?

Nhà văn, nhiêu đó đủ rồi. Tôi có một thời gian đi lính, nên tôi hay viết về đời lính của tôi, vì đó là thời khoảng đáng nhớ nhất trong đời tôi. *"Ở Lính"* tới 13 năm, thì phải có một phần nào chất lính nhập vào cốt, nhưng không phải vì thế mà bây giờ tôi vẫn tự coi mình là một quân nhân. Tôi là một cựu quân nhân QLVNCH, cái này không có gì lợn cợn. Nhưng nói tôi đang còn là một quân nhân QLVNCH, thì không...sai nhưng dứt khoát không đúng, nó có một cái gì đó không chính danh. Nếu chỉ nghĩ mình còn là một quân nhân tuy có vẻ *"sai"*, nhưng còn có thể chấp nhận được. Giờ này vẫn muốn mọi người khác phải công nhận mình là lính, vẫn là cấp Tá, cấp Tướng, vẫn muốn được gọi bằng cấp bậc cũ thì không thể chấp nhận được. Còn một điều khác nữa cần xét tới: Khi còn là Tướng, là Tá anh có làm đủ bổn phận và trách nhiệm mình không? Cái mũ casquette của sĩ quan có một cái khiên, trong cái khiên này tôi nhớ ngay chính giữa là phù hiệu của QLVNCH, bên trên có một hàng chữ: TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM. Đó là ba tín niệm một sĩ quan phải đội trên đầu. Khi còn tại chức, anh đội lên đầu mấy chữ đó hay anh ngồi lên mấy chữ đó?

NMT: *"Ngày N+..." có phải là một hồi ký? Như vậy có phần nào hư cấu hiện diện ở trong không? Hay tất cả những chi tiết đều là 100% sự thật?*

HKP: *Ngày N+...* là một cuốn hồi ký. Trên bìa của nó đề vậy thì chắc là vậy, không có gì hư cấu trong cuốn sách này. Nếu tôi tưởng tượng được những điều đó và sắp xếp cho nó thành ra quyển truyện thì có lẽ *"bảnh"* hơn là tôi chứng kiến rồi ghi lại thành hồi ký. Về sự thật 100%, cái này tùy thuộc đến trí nhớ. Tôi biết trí nhớ của tôi rất tốt, khiêm tốn thì tôi nhớ được 80%, cái 20% còn lại có thể là sai, nhớ lộn thì cũng không phải là hư cấu, mà là lầm lẫn bởi vì câu chuyện đã qua 13 năm. Trong trường hợp tái bản, tôi sẽ sửa lại vài chi tiết sai về tên người, cũng như sự kiện. Hiện nay tôi biết đã lầm ba chi tiết, mà trong đó có một chi tiết liên hệ đến người em họ tôi là Đại Úy Đàm Quang Thức, Nhẩy Dù. Anh ta không chết, đi học tập hơn 10 năm và đã về nhà.

NMT: *Có người nói trong "Ngày N+..." có sự lãng mạn của những bài thơ. Vậy chất thơ ấy có phải là hư cấu? Hay chỉ là cốt lõi ngôn ngữ*

Hoàng Khởi Phong? Theo anh, trường hợp nào xác thực nhất?

HKP: Xin nhắc lại là không hề có hư cấu trong cuốn sách này. Về cốt lõi ngôn ngữ của tôi (chữ của anh dùng trong câu hỏi), tôi muốn dùng một chữ khác: Đó là rung cảm của mỗi người, trước mỗi sự kiện. Cũng chỉ là cảnh mặt trời lặn, có người thấy nó thê lương, có người thấy nó huy hoàng, dẫu cho chỉ huy hoàng một khoảnh khắc, và cũng có người chẳng thấy một chút ấn tượng nào. Trong cảnh hỗn loạn cùng cực của một cuộc rút lui, nếu tôi viết lại ngay lúc đó, tôi cho là sẽ có nhiều hình ảnh khác, sẽ có nhiều súng nổ, đạn bay, người chết như ngã rạ. Mười năm sau, những cái còn lại trong đầu, chính là những hình ảnh mạnh mẽ nhất, sắc nét nhất và lắng đọng nhất. Nếu nó lãng mạn như một bài thơ, thì điều đó có nghĩa là ngay cả trong đời sống, trong chiến tranh, trong cõi chết vẫn có chất lãng mạn, chất thơ của nó. Tôi không cho đó là cốt lõi ngôn ngữ của tôi. Mỗi người cầm bút có một kỹ thuật riêng, thành thử những gì anh cho là cốt lõi đó tôi nghĩ chỉ là kỹ thuật tôi thường dùng nhất trong khi viết.

NMT: *Một đoạn trong "Ngày N+..." anh viết về những em Thiếu Sinh Quân ở Pleiku, trong ngày di tản, hoặc các em Hướng Đạo Sinh dắt dìu nhau ở Liên Tỉnh Lộ 7B, những đoạn ấy rất cảm động. Từ những trường hợp ấy, anh nghĩ gì đến những đứa trẻ trong đời sống hôm nay? Và liên tưởng nào khác xa hơn những cảnh anh đã chứng kiến?*

HKP: Đối với tất cả các quốc gia nói riêng và nhân loại nói chung, thì tuổi thơ chính là tương lai. Nghĩ tới tương lai đất nước mà không nghĩ tới tuổi thơ là một sai lầm lớn. Tuổi thơ của anh, của tôi và hiện nay của các trẻ em Việt Nam quả thật là bất hạnh hơn tuổi thơ của các xứ sở thanh bình. Tôi nhớ lúc nhỏ khoảng 6, 7 tuổi, gia đình tôi chạy loạn, tôi chưa biết sợ bom đạn, nhưng đôi chân bé bỏng của tôi đã chẩy máu rất nhiều lần. Sau cùng cha tôi ở lại vùng kháng chiến, mẹ tôi mang anh em tôi về thị xã Hải Dương. Khi về tới Hải Dương tôi đã học lớp Nhì, nghĩa là tôi có 3, 4 năm vừa học vừa chạy loạn.

Khi về thành ngày nào đi học tôi cũng qua một tiệm bán đồ chơi trẻ em. Ngày nào tôi cũng dán mũi vào cửa kính của tiệm đồ chơi này. Tôi mê một con chuột chạy bằng dây cót, nó có một cái chìa khóa to tổ bố trên lưng, hai con mắt làm bằng hạt cườm lồi ra, những sợi râu cứng và thưa làm bằng lông đuôi con ngựa. Tôi thèm món đồ chơi này, đến độ nằm ngủ mê cũng còn thấy cái dáng lạch bạch của nó chạy lắng quắng trên mặt bàn. Sau này tôi chưa hề từ chối các con tôi một món đồ chơi nào, nếu trong túi tôi có đủ khả năng. Tôi mê nghề dậy học, ở Ban Mê Thuột và Pleiku, tôi cố dàn xếp giờ giấc để dậy một tuần vài giờ cho các Trường Trung Học Bán Công và Tư Thục. Tôi chưa bao giờ được tiêu hết tiền dậy

học của tôi, bởi vì tháng nào trong sân trường cũng có những vành khăn tang mới. Mỗi một lần như thế, tôi lại đóng học phí cho các em này vài tháng. Tôi lập trường tiểu học Vườn Hồng ở Phú Quốc, vì không muốn con em của các binh sĩ trong đơn vị không đi học. Giặc dốt nguy hiểm hơn bất cứ một thứ giặc nào.

NMT: *Nhà văn Nguyễn Mộng Giác có nhận xét anh là người đi chênh vênh giữa suy tưởng và hành động, giữa lý thuyết và thực tế, mong tạo dựng một guồng máy khác với guồng máy hiện nay và khao khát hành động. Với cách thế soi gương nhìn lại chính mình, anh có ý nghĩ gì? Và có thể giải thích cho độc giả biết?*

HKP: Tôi với anh Nguyễn Mộng Giác giao thiệp với nhau qua nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, đến nay cũng đã trên 20 năm. Tôi có thói quen chơi với bạn, và không dấu diếm điều gì, do đó qua thơ văn của tôi, qua cách giao thiệp của tôi với một số người không phải là dân văn nghệ, anh Giác có một lúc nào đó sợ tôi xao lãng việc viết lách, và sa chân vào con đường hoạt động chính trị. Quả thật tôi có sinh hoạt với một nhóm, trong nhóm này trước kia có cả vợ chồng Cao Xuân Huy, và ngay như tập thơ thứ hai của tôi với cái tên: *Phục Hồi Quyền Chức Làm Người*" (Bài thơ mang tên cho toàn tập thơ là bài thơ tôi viết về ngày Cách Mạng 1-11-63). Những đề tài của tập thơ này phần lớn liên quan đến thời cuộc, là những suy nghĩ của anh em chúng tôi trong lãnh vực chính trị và cách mạng. Tôi chống miền Bắc cật lực, nhưng tôi cũng không hoàn toàn đồng ý với miền Nam, thành thử những bài thơ tôi viết, tôi chống cả hai miền. Ngày đó chúng tôi còn trẻ, mới 25, 26 tuổi đầu và mơ đội đá vá trời. Chúng tôi học tập mê say, những mong có một lúc nào đó khi đã đủ lông, đủ cánh và trong hoàn cảnh thuận tiện, chúng tôi sẽ xuất đầu lộ diện.

Tôi thấy chính quyền miền Nam mỗi lúc mỗi xa chính nghĩa dân tộc, do đó trong thâm tâm tôi, tôi mong có một sự thay đổi lớn. Và nếu có sự thay đổi guồng máy này, chắc chắn tôi sẽ tham dự với tất cả trái tim và khối óc của tôi. Để thực hiện điều này, tôi đã sửa soạn tâm lý chính tôi, vì tôi hiểu dấn thân vào lãnh vực này, sẽ có ngày ở tù như bỡn. Tôi không bao giờ hối tiếc những đêm không ngủ, trải dài trong các ngõ hẻm tối tăm, nơi các nhà bạn tôi. Thời gian tôi phục vụ tại Trại Tù Binh Biên Hòa, mỗi buổi chiều sau khi điểm danh đơn vị xong tôi về Sài Gòn, sinh hoạt với các bạn trong nhóm. Tôi chỉ về lại đơn vị sau nửa đêm. Những hôm sáng trăng trên đường về, ngang qua Nghĩa Trang Quân Đội, tôi không thể không buồn khi nhìn thấy pho tượng "*Tiếc Thương*" của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu hiu quạnh dưới ánh trăng. Đôi lúc tôi có cảm tưởng tôi là bạn của pho tượng này.

Bây giờ nghĩ lại, tôi cho là nhận xét của Nguyễn Mộng Giác có phần nào đúng khi viết tôi là người đi chênh vênh giữa hành động và suy tưởng, giữa lý thuyết và thực tế. Ngay cả bây giờ tôi tự biết chưa có được sự cải thiện nào, với nhận xét của người bạn văn, có với nhau hơn 20 năm giao tình gần gũi. Nếu có sự tiếc nuối nào thì tôi tiếc là tôi chưa bao giờ đích thực dấn thân. Nơi đây, bây giờ (1995) việc dấn thân trong lãnh vực chính trị này đôi lúc làm cho tôi... buồn cười. Tôi biết có những nhân vật cùng một lúc có mặt trong 5, 6 đoàn thể. Chỉ cần có mặt thôi vì nhiều khi cuối tuần buồn chẳng biết đi đâu, nhiều người lớn tuổi sợ rằng đời đã quên mình, nên hốt hoảng hành động, nói năng như người lên đồng. Nơi đây có những trò "*chích máu ăn thề*". Máu thì chích được một giọt, thề thì ăn toàn cao lương mỹ vị. Bây giờ tôi hết còn muốn dấn thân, nhưng những suy nghĩ thì không thay đổi được. Nghĩ về giai đoạn này, tôi ghi lại đây một đoạn thơ trong tập "*Phục Hồi Quyền Chức Làm Người*":

"*...Và vì vậy chúng ta phải dấn thân*
Để đốn ngã những tên chủ chốt
Là bọn thầy tu làm chính trị
Bọn chính khách ma cô
Bọn trí thức giả hình
Bọn luật sư dẫn mối
Bọn bác sĩ con buôn
Và bọn giáo sư chỉ điểm
Anh không thể thống kê hết cho các em
Những hố hang anh đã gặp trên đường
Suốt những năm trường đi trong bóng tối
Bởi các anh là thế hệ Trường Sơn
Thật vững vàng như núi
Thật hùng vĩ như rừng
Các anh đã nhen nhúm được từ trong bóng tối
Một ngọn lửa sáng lên như niềm tin
Ngọn lửa cháy mỗi lúc một to
Soi tỏ khuôn mặt các anh mỗi ngày thêm rạng rỡ
Đã đến lúc trân trọng mời thế hệ các em
Những người thua anh dưới trên mười tuổi
Những người tới sau Trường Sơn
Là Trường Kỳ trong Cách Mạng...

Bài thơ này mang tên là "*Nói với Thế Hệ Trường Kỳ*". Có một kỷ niệm giữa tôi, Kim Tuấn, Cao Thoại Châu liên quan tới bài thơ này: Năm 1972 tại Trường Trung Học Tư Thục Minh Đức ở Pleiku, trong dịp làm lễ

phát giải thưởng văn chương cho học sinh của trường này. Kỳ thi này cả Kim Tuấn và Cao Thoại Châu đều làm giám khảo, và cùng ở trong ban tổ chức. Hôm phát giải tôi được mời lên đọc thơ, và tôi đọc toàn bộ bài thơ dài 6 trang đánh máy này. Vài ngày sau Kim Tuấn (trường Minh Đức) và Cao Thoại Châu (trường Bồ Đề) cùng bị hai ban giám đốc nhà trường khó dễ đủ điều chỉ vì đã để cho tôi đọc bài thơ xúc phạm đến các đấng tu hành.

NMT: *Tác phẩm nào anh yêu nhất? Lý do để có cảm giác ấy?*

HKP: Tôi chỉ có những kỷ niệm với các cuốn sách đã viết xong và đã phát hành. Có một điều hơi lạ là tôi chỉ phát giác ra những khuyết điểm, những sai sót khi cuốn sách đã in xong. Phần vì lỗi của chính tôi, phần thì do kỹ thuật ấn loát của các nhà in Việt Nam. Thí dụ như cuốn "Người Trăm Năm Cũ", trang 5 ngay cái tên cuốn sách chữ in to tướng thành: "Người Trăn Năm Cũ", cả tôi và Cao Xuân Huy, người chăm lo phần kỹ thuật cho cuốn sách không phát giác được, cho tới khi Nguyễn Mộng Giác vạch ra thì cả hai mới thấy cái lỗi tày đình. Do đó tác phẩm mà tôi yêu nhất mãi mãi sẽ là cuốn sắp tới, nghĩa là một cuốn sách không có một lỗi nhỏ nào. Tuy nhiên cuốn sách mà tôi tốn công nhiều nhất là cuốn trường thiên *Người Trăm Năm Cũ*, gồm 5 cuốn và hiện giờ mới in cuốn I, hy vọng cuối năm nay (1995) sẽ in cuốn II.

NMT: *Làm thơ, làm báo, viết văn... Cái nào làm anh khoái hơn? Và cái nào đã đời nhất?*

HKP: Làm thơ, làm báo, viết văn... Tất cả đều... khổ cả, chả có cái nào sướng, thì làm thế nào mà đã đời cho được. Nếu anh không tin thì đánh đồng thiếp xuống hỏi ông Tản Đà, ông Nguyễn Vỹ, anh sẽ thấy câu trả lời của hai vị tiền bối này không khác câu trả lời của tôi bao nhiêu.

NMT: *Bây giờ anh nghĩ văn học Việt Nam ở hải ngoại có nhiều khởi sắc?*

HKP: Nếu chúng ta coi nặng về số lượng thì quả là văn học Việt Nam hải ngoại có nhiều khởi sắc. Còn nếu chúng ta quan tâm tới phẩm chất của văn học hải ngoại, thì tôi e rằng phải xét lại.

NMT: *Hình như đã có dòng nước xuôi nguồn chẩy? Thế còn những cái không phải là nước cũng trôi theo dòng văn học ấy? Anh có thể thẳng thắn nhận định một lần?*

HKP: Thú thật với anh tôi không thích câu hỏi này. Tuy nhiên thích hay không thích thì vấn đề vẫn nằm chình ình tại đó. Tôi rất thẳng thắn trả lời câu hỏi không mấy thích thú này. Có gì mà phải lách, né. Hiện nay ở hải ngoại quả là chúng ta có một dòng văn học, có điều dòng nước thì không trong trẻo. Những cái không phải là nước trong cái dòng này thì có

lẽ không kiểm kê nổi, do đó cái dòng mà anh cho là xuôi nguồn chảy đó, lượng nước rất ít. Nó là một cái dòng sền sệt không được trong, đôi khi còn nặng mùi. Nếu phải lấy một ví dụ tượng hình, thì tôi chọn hình ảnh của của dòng nước chảy dưới Cầu Kiệu, Phú Nhuận.

Lấy một ví dụ có tính văn học hơn thì không biết anh có nhớ một câu chuyện trong thời Chiến Quốc: Có một ông vua thích nghe thổi sáo, hợp tấu hàng trăm người. Rất nhiều người không biết thổi sáo, cũng đến kiếm ăn bộn. Khi ông vua này chết đi, con ông ta lên làm vua, cũng mê thổi sáo. Có điều ông vua mới này chơi khó, chỉ thích từng người thổi sáo, do đó có nhiều người trước kia chỉ kê miệng vào ống sáo, bây giờ thất nghiệp. Hiện nay văn học hải ngoại đang được mùa hợp tấu. Chúng ta sẽ không bao giờ bước sang được mùa độc tấu, nhưng tôi vẫn tin chắc độc giả biết ai thổi sáo thật, và người nào chỉ kê ống sáo vào miệng và thổi giả vờ. Cũng nên trách các ông *"Tiên Chỉ, Cai Tổng và Lính Lệ Văn Nghệ"*, những ông này cứ hay kê ống du đủ vào rốn, để thêm hơi cho những ông thổi sáo giả. Trên mọi lãnh vực, những lời khen xã giao có thể chấp nhận được, nhưng trong lãnh vực chữ nghĩa, chúng ta nên thận trọng những lời khen dãi bôi, để độc giả không bị những ông thổi sáo giả tra tấn bằng những cuốn sách có chữ mà không có nghĩa.

NMT: *Những bài văn như "Thư Không Người Nhận, Thư Gửi Người Bạn Cũ, Cháo Lú..." có thể sắp vào loại nào? Tạp Ghi? Tùy Bút? Nghị luận chính trị pha lẫn với văn chương?*

HKP: Tôi rất phục những ai định viết gì...thành cái ấy. Trước khi tôi làm một bài thơ, viết một đoạn văn, tôi để 2, 3 ngày tìm những hình ảnh chính liên quan đến đề tài tôi chọn, rồi dùng những hình ảnh ấy dẫn ý tưởng của mình đi. Thành thử những bố cục ban đầu ít khi giữ được. Cả loạt bài anh đề cập đến, lúc đầu tôi không định viết như thế, rồi hình ảnh dẫn tôi đi, rồi suy nghĩ cộng với cảm xúc, rồi phẫn nộ trộn lẫn với đau xót, và những hình ảnh phụ ở đâu tràn về. Rút cục tạp ghi không phải tạp ghi, tùy bút không hẳn là tùy bút. Tôi công nhận những bài viết này có nhiều chất chính trị, nhưng cũng có nhiều chất văn chương. Điều quan trọng tôi không nghĩ là phải xếp nó và loại nào, mà là tôi làm bật được cái gì trong bài viết.

Trước tiên tôi là nhà văn, vậy bài viết bắt buộc phải có văn chương. Theo tôi một nhà văn, không nhất thiết phải có hành vi chính trị, nhưng trong thời điểm của chúng ta, nhà văn nên có ý thức về chính trị. Đây cũng chính là điểm mà anh Nguyễn Mộng Giác đôi lần tỏ ý băn khoăn về tôi, bởi vì đối với phần lớn các nhà văn, chữ *"chính trị"* bao hàm những ý nghĩ không mấy tốt đẹp. Nói tới chính trị là người ta nghĩ tới *"thủ đoạn"*.

Nhưng nếu chúng ta có "*thủ đoạn*", để cho người xấu không thể hành hạ người tốt, để cho xã hội tốt đẹp hơn, trên ra trên, dưới ra dưới, nhà văn viết những tác phẩm hay hơn, nhà giáo dậy học tốt hơn, nhà binh không lo đến việc phe cánh, bọn tham nhũng không ló mòi ra được, bọn gian thương hết cục cựa, quan tòa ra dáng ông tòa, bác sĩ không ham mở phòng mạch... thì nên có những "*thủ đoạn*" như vậy. Sao lại cản? Sao lại sợ?

Tôi không nghĩ những bài viết mà anh đề cập đến là những bài nghị luận chính trị. Nghị luận, tham luận, khảo sát chính trị nên để cho những người làm chính trị viết, không phải nghề của nhà văn. Nhưng cũng không thể cấm một nhà văn, dùng văn chương là ngôn ngữ chính để diễn tả một vài sự kiện liên quan đến chính trị. Tôi thấy không cần phải xếp loại những bài viết này, mà điều quan trọng là tôi đã chạm được đúng đến vấn đề trong các bài viết của tôi chưa?

NMT: *Lúc này, qua 30 năm sinh hoạt văn chương của anh, anh có vẻ viết hăng nhất. Động lực nào đã thúc đẩy? Vì cần thiết của thời thế? Vì yêu văn chương hơn sau một thời gian chán nản? Vì nhìn thấy được những tia nắng mới?*

HKP: Tôi không viết trong mười năm liền, mỗi lần nhìn thấy các bạn văn có sách mới, tôi đều thấy thèn thẹn. Trong lời tựa của cuốn "*Người Trăm Năm Cũ*", khi đề cập đến việc viết của tôi, tôi nghĩ là tôi nợ rất nhiều người, cả những người viết hay và cả những người viết không hay, những người đã hợp thành dòng văn học nơi quê người này. Tôi nhắc lại một câu nói của người xưa: "*Sĩ phu mà ba ngày không đọc sách, soi gương thấy mặt mũi khó coi*". Có thể anh và độc giả sẽ cười, không hề gì. Là một nhà văn mà mười năm liền không viết, soi gương không còn là khó coi nữa, mà là tởm lắm với riêng tôi, nếu tôi vẫn cứ tìm mọi cách chường cái mặt nhà văn không viết của mình trong mọi chốn đông người. Đúng như thế, hiện nay tôi có nhu cầu viết, tôi đang sống bằng nghề cầm bút, với một số lương tươm tất cho một mình tôi. Tôi không có nhu cầu nhiều, nhà không có, xe cũ không bảo hiểm, không ăn nhậu, không nhảy đầm, không cờ bịch, thì quả tình tôi đang sung sướng với một số lương khiêm tốn so với những người làm sở Mỹ. Tôi không hề có ý tự đề cao, mà bởi vì tôi không còn những thú đam mê vừa nêu trên. Có lẽ nói cho đúng không phải là nhu cầu viết, mà là nhu cầu nghề nghiệp.

Nhìn thấy tia nắng mới, không. Hiện nay chúng ta đang ở trong một con đường hầm tối như bưng. Chính trị tối theo kiểu chính trị, văn học tối theo kiểu văn học, và ngay cả thương mại, thì anh cứ nghe các đài phát thanh xem cách quảng cáo của các thân chủ là thấy ngay về thương mại

chúng ta cũng không sáng sủa gì. Nếu tôi cứ đứng yên mãi trong đường hầm, thì tôi sẽ không bao giờ thấy được ánh sáng, bây giờ hành vi viết của tôi cứ cho là đang lần mò trong bóng tối, đi được bước nào hay bước ấy, lết tới trước, may ra có một ngày nhìn được ánh sáng nơi miệng hầm. Trên năm mươi thì khó ra khỏi căn hầm này, nhưng có thể nhìn thấy được một chút ánh sáng le lói cuối đường hầm.

NMT: *Thói quen của anh khi viết? Nơi chốn, thời gian, điều kiện thích hợp để viết?*

HKP: Thói quen cầm bút của tôi, trước tiên là suy nghĩ thật kỹ về đề tài tôi định viết. Chọn những hình ảnh bắt mắt liên hệ tới đề tài, rồi dùng những hình ảnh này để dẫn những suy nghĩ, những ý tưởng trong đầu. Có khi suy nghĩ cả tuần mà khi ngồi xuống viết chỉ viết trong một buổi tối mà thôi. Suy nghĩ thì đâu có cần đòi hỏi tới nơi chốn, khung cảnh. Suy nghĩ ở trong đầu, nếu còn cần ngoại cảnh thì có khi ngoại cảnh chi phối cả những suy nghĩ của mình chăng? Tôi làm việc thợ tiện, ca đêm, để cho không buồn ngủ, mỗi khi bấm cái nút cho máy chạy, tôi ngồi xuống và nghĩ ngợi xa gần, riết rồi tiếng máy không còn ứng được vào trí tôi. Cuốn "*Ngày N+...*" được tôi viết trong xưởng tiện, cuốn "*Thư Không Người Nhận*" được viết trong lúc bán hàng chợ trời, không có khách. Phần đầu của "*Người Trăm Năm Cũ*" được suy nghĩ và viết trong những lúc lang thang trên đường, suốt hai năm trời không có một địa chỉ nhất định. Trước kia viết bằng bút, tôi có thể viết tại bất cứ chỗ nào, bàn ăn, ghế đá công viên, trên tay lái xe, nằm dài trong sa lông phòng khách, thậm chí còn ghi chú trong phòng vệ sinh. Bây giờ viết bằng máy vi tính, nên phải ngồi vào bàn cẩn thận hơn, thế thôi. Tôi không kiểu cách phải có phòng yên tĩnh, vì nói nào ngay trong khoảng 15 năm nay, tôi không bao giờ có một căn phòng cho riêng mình.

NMT: *Anh có ước mơ nào cho tác phẩm của mình?*

HKP: Mơ ước cho một tác phẩm? Có chứ. Nhưng không mơ ước cho một mình tôi. Tôi mơ ước cho văn học Việt Nam, kể cả những người cầm bút trong hàng ngũ của tôi, hay trong hàng ngũ bên kia. Bất kỳ là ai, một nhà văn, nhà thơ Việt Nam được giải Nobel về văn chương. Bất cứ là ai trong nước hay ngoài nước, dẫu giải Nobel càng ngày càng mất đi cái vô tư của nó, càng ngày càng bị chính trị, quyền lực thẩm thấu, nhưng Nobel văn chương khác với Nobel hòa bình, Nobel hòa bình chỉ thật sự xấu khi đem phát cho hai người là ông Kissinger và Lê Đức Thọ mà thôi. Nhưng mơ ước là một chuyện, và khả năng thực hiện là một chuyện khác. Tôi nghĩ bối cảnh chiến tranh Việt Nam có dư kích thước cho một tác phẩm lớn, một tác phẩm so với văn học của toàn thế giới không một chút mặc

cảm nhược tiểu. Chính trị, Quân Sự, Kinh Tế, Kỹ thuật mới có vấn đề cường nhược, chứ còn văn học thì không có đại cường và nhược tiểu. Điều quan trọng là nhà văn phải làm việc nghiêm túc hơn, làm thơ, viết văn hơn là mê mải lo chức chủ tịch các trung tâm văn bút. Tất nhiên sinh hoạt văn bút cần có, nhưng nhân cách của một nhà văn quan trọng không thua gì tác phẩm của ông ta. Đã không có tác phẩm lại không có nhân cách, thì làm thế nào mà quy tụ, điều động những nhà văn khác được, làm thế nào chống trả trong mặt trận văn hóa được.

Tôi vẫn hằng tin tưởng vào tương lai của tổ quốc tôi, của dân tộc tôi, tôi cũng vẫn tin tưởng vào tương lai văn học Việt Nam, sẽ có một ngày nào đó, một nhà văn, nhà thơ Việt Nam mang được vinh quang về cho sắc dân luôn tự hào về 5000 năm văn hiến, mà không lẽ không tích lũy được một chút nào vốn liếng cũ hay sao? Ước mơ cho một tác phẩm lớn? Bất cứ ai cầm bút thật sự, chứ không phải cầm bút để lòe thì đều nghĩ tới điều này. Nghĩ là một chuyện, có làm được hay không là một chuyện khác. Thiên nan vạn nan, chứ đâu có phải chuyện hội họp, diễn thuyết, ngâm thơ, đọc phú, chụp hình đăng báo. ít nhất hiện nay chiến tranh tàn đã được hai chục năm, cái dòng cuồng lưu cuồn cuộn máu đào đó giờ đây đã lắng, nước tuy chưa hẳn đã không còn tanh nồng, những người viết có đủ thời gian chiêm nghiệm lại mình, nghĩ về đời sống, về tương lai, nghĩ về tác phẩm. Nhất là những nhà văn tại hải ngoại có nhiều điều kiện, đủ tài liệu cũng như phương tiện để sửa soạn cho một tác phẩm có kích thước, có chất lượng. Tôi tin vào những nhà văn trẻ hơn tôi, không bị chiến tranh o ép, không bị những thiên kiến của quá khứ chi phối, được đào tạo kỹ lưỡng, được hấp thụ một nền giáo dục cởi mở, sẽ đi xa hơn thế hệ chúng tôi. Trong thế kỷ này có thể văn học Việt Nam chưa chắc đã dương danh được với văn học toàn thế giới, nhưng 20 năm nữa, phải biết đâu chừng 20 năm nữa chúng ta sẽ có một tác giả mang giải Nobel văn chương về cho chúng ta.

NMT: *Anh có nghĩ gì về một không khí sinh hoạt văn chương trong trẻo, không có nhiều vẩn đục sẽ phải thực hiện qua nhiệm vụ của từng người và của nhiều người?*

HKP: Cái đó chắc như đinh đóng cột khỏi phải thắc mắc. Sinh hoạt văn chương hiện nay không được trong trẻo, mỗi người cầm bút nên dọn sạch những vẩn đục của mình, trong khoảng riêng của mình. Đừng lo mấy người thổi sáo giả. Cái đó không phải là văn chương, có vẩn đục cách mấy cũng không dính líu gì tới các nhà văn. ❐

trần thị kim lan

Trần thị Kim Lan, tác giả tập truyện ngắn *Gió đêm* (Văn Nghệ, California, USA, 1989) và *Tet: The New Year* (Modern Curriculum Press Inc., Ohio, 1992), hiện sống tại Boston tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ và phục vụ thanh thiếu niên thuộc các sắc dân thiểu số về tâm lý giáo dục. Tác giả được đào tạo trong và ngoài nước về hai bộ môn văn chương và tâm lý học.

Trả lời phỏng vấn:

Vì sao viết?

Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều sống, ghi nhận sự việc cảnh đời và diễn đạt ý tưởng, tâm tư bằng cách này hay cách khác. Như một thôi thúc người ta viết, viết mãi.

Viết để làm gì?

Tôi nói lên tâm tình của người sống xa xứ cùng quá trình thích nghi trong hoàn cảnh xã hội mới. Tôi ca ngợi tình người. Tôi tin tôi viết thoải mái tự nhiên và phần lớn do ngẫu hứng. Vì chưa có ước vọng trở thành nhà văn chuyên nghiệp nên tôi ít có công trình đóng góp trong lãnh vực này.

Viết cho ai đọc?

Thật ra tôi chưa bao giờ đặt điều này thành vấn đề. Mỗi độc giả đối với tôi là một ân nhân của người viết. Xin cảm ơn tất cả những ai muốn đọc những sáng tác của tôi.

gió đêm

trần thị kim lan

Má ơi, má còn thức phải không?

–Ừ, Ngủ đi con, mai còn đi học.

–Cho con qua phòng má nói chuyện chút nghe má? Đêm nay con không ngủ được má à.

–Thôi đi cậu, mới mười ba mười bốn tuổi bày đặt ngủ không được.

–Nghe má?

–Ừ, qua đi.

–Má!

–Gì con?

–Đêm nay gió quá!

–Ừ. Gió Boston. Ngày trước khi đến đây học, vào mùa đông, đêm má nằm nghe gió rít bên ngoài má sợ lắm.

–Nghe nó sao sao trong bụng má à.

–Má biết. Đó là cái cảm giác cô độc, thấy mình bị từ bỏ giữa muôn người, nghe mình nhỏ bé, bất lực trước thiên nhiên. Ngày rời Việt Nam trở qua đây, nhớ đến gió Boston má rùng mình.

–Đêm nay má sợ không?

–Không.

–Sao má chì vậy?

–Má tập.

–Tập sao má?

–Đổi cách suy nghĩ. Má nghĩ gió ngoài kia không làm gì mình cả. Mình ở trong nhà ấm áp, vậy là tốt rồi. Sợ nhiều thứ quá khó sống con à. Gió làm con không ngủ được phải không? Con định nói gì với má?

–Dạ chuyện học. Con muốn học thiệt giỏi. Giỏi hơn hết tụi nó. Giỏi tất cả mọi môn, luôn cả thể thao, âm nhạc. Như vậy người ta mới respect mình.

–Có tài thì được nể. Cái đó đúng. Má thấy con chăm học là được rồi. Tại sao phải lo cho vượt trội hơn bạn bè về mọi mặt. Mỗi người có một tài riêng con ạ.

–Má không biết. Tụi Mỹ nó kỳ lắm. Ở trường con thằng giỏi bắt thằng dở hầu hạ. Có một thằng thiệt giỏi bắt thằng Mark bạn con ôm sách cho nó từ lớp nầy qua lớp khác. Nó hất mặt bảo con cầm áo của nó, con ngó lơ bỏ đi, nó xúi tụi kia không chơi với con. Lúc chia nhóm học chung con nín thở chờ, nhưng con biết không nhóm nào nhận con vô cả. Tụi nó không có... không có trái tim má à.

–Ấy chết, con đừng nói vậy. Con người ai cũng có tình cảm con ạ. Trẻ con chưa biết nhiều, đôi lúc ác. Con không nhớ hai anh em Jimmy để dành tiền cả năm để trả chi phí cho con đi chơi Disney World sao?

–Má không biết đâu má. Thằng Jimmy nó hiểu con, còn tụi nầy phải thắng nó mới phục, phải chửi thề thật bạo nó mới cho mình nhập bọn. Nếu không mình đi đến đâu là chúng nó lảng lảng bỏ đi. Phần thì con không biết nói những chuyện tụi nó thích nghe như chuyện thể thao, ai đấu với ai, ai thua ai thắng, tại sao thắng. Còn chuyện Sex thì nó chê con là baby. Nếu con ở Việt Nam thì con chưa cần biết mấy chuyện đó.

–Đến một chỗ lạ, thời gian đầu, có khi phải chịu khổ như vậy con à. Dần dần mình mới biết cách đối phó. Để má vào trường con nói chuyện

với cô giáo con về vụ chia nhóm.

–Thôi đừng, má. Tụi nó trả thù.

–Con an tâm. Để má lo. Con buồn lắm phải không?

–Không phải chỉ chuyện đó. Con nghĩ nhiều chuyện khác. Con kỳ lắm, má không hiểu nổi đâu.

–Con thử nói xem má hiểu không? Má hứa sẽ ráng hiểu.

–Con nghĩ tại sao con ở đây? Con là Mỹ hay là Việt? Ở trường thầy bảo phải tough, không để ai hiếp đáp. Về nhà má dạy phải nhường nhịn. Nhiều lúc chỉ cần chửi thề lại với tụi là xong. Má dặn không được chửi thề. Con nhịn, về nhà đấm tay vào tường cho đỡ tức. Cả nước Mỹ đều chửi thề. Thầy con chửi thề. Sinh viên MIT chửi thề. Sao má cấm con? Con đâu có ham chửi. Nhưng mình làm thinh những lúc như thế không giống ai hết.

–Con không thích thì làm giống người ta làm gì? Chửi nghe kỳ quá con à. Có nhiều người không cần phải chửi thề đâu có sao đâu?

–Má không biết. Khó nói quá.

–Ừ thì má không biết. Nhưng má cho con biết ý má. Trước giờ con cũng tin má nhiều điều. Con suy nghĩ ý con đi, rồi tùy lúc mà đối phó. Con còn lo gì nữa?

–Con nghĩ tại sao có con người? Học cho nhiều rồi chết, uổng công quá! Sống rồi chết, chẳng ra làm sao cả. It... It doesn't make sense, you know. Xin lỗi má, má không cho nói tiếng Anh mà con cứ vọt ra hoài. Con nói với má con kỳ lắm. Không biết con có sao không má?

–Con không sao cả. Có lẽ do hoàn cảnh riêng của mẹ con mình mà con ít vô tư hơn những đứa trẻ khác. Nhưng có thể mỗi đêm cũng có nhiều đứa trẻ, nhiều người lớn đều tự hỏi những câu như con hỏi: Ta là ai? Tại sao có sự sống, sự chết?

–Really? Vậy là con không sao hả má? Thế mà con cứ tưởng một mình con nghĩ ra điều đó!

–Hồi con nhỏ, trong đầu má lúc nào cũng có những câu hỏi tương tự. Má lại không có ai để nói, và cũng không dám nói với người lớn như con đang nói chuyện tự do với má như thế nầy, nên cứ băn khoăn mãi. Cho đến khi, có một lần má đi một mình từ Pháp sang Ý bằng xe lửa. Xe lăn trên đường sắt rì rầm trong đêm. Má nhìn ra bên ngoài, trời tối om, khó khăn lắm mới thấy những ngôi nhà xa xa mờ ảo. Má chỉ mường tượng hai bên đường là những cánh đồng hoang, vì trong không khí thoang thoảng có mùi đất khô và cỏ úa. Má nhìn chung quanh, hành khách gật gù say ngủ. Nhìn thật kỹ những khuôn mặt hoàn toàn xa lạ. Xe lắc mạnh, một người giật mình, sửa bộ ngồi ngay ngắn. Má thèm gợi chuyện, hỏi ông ấy

vài câu. Hỏi bằng hai thứ tiếng, ông ta đều lắc đầu. Má không biết tiếng nào hơn, đành ngồi im. Ông ta nhắm mắt lại ngủ tiếp. Má còn một mình, lại nhìn ra ngoài. Trời tối đen không một ánh sao. Bên trong dưới ánh đèn mờ, những con người kia không biết má là ai. Trong một thoáng giây, má bỗng chợt một chữ "không" to lớn hiện ra trong tâm trí, rồi chữ "nothingness", rồi chữ "néant". Giá mà má biết nhiều thứ tiếng thì sẽ con nhiều chữ đồng nghĩa tiếp tục xuất hiện. Lúc đó má chợt hiểu: Ta không là ai cả, khi không còn một liên hệ với người khác. Ta không là gì cả khi không một ai biết đến ta. Từ đó má không thắc mắc. Má chỉ cố hết sức trong khả năng mình gìn giữ tình liên hệ với bất cứ ai quen biết, trừ khi vì lý do nào đó má bị phủ nhận.

– "Phủ nhận" tiếng Anh là gì má?

–Ở đây má muốn dùng cả hai chữ "refuse" và "reject".

–Má nói tiếng Việt hay quá!

–Không đâu con. Má nói thường lắm. Nếu con nghe hay là vì tiếng Việt mình hay, má không biết nói sao cho dở được. Con khen mà có hiểu gì không?

–Dạ hiểu chút chút. Má nói nếu không ai biết mình thì mình buồn không có ai nói chuyện. Má thường dặn con phải hiểu bạn và giúp bạn hiểu mình, đừng để mất bạn.

–Con hiểu cũng khá khá. Má muốn khi nào con tự hỏi câu "Ta là ai?" Thì con trả lời con là con của má, là học trò của thầy con, là bạn của bạn con, là người hàng xóm của hai ông bà bên cạnh... Tạm bằng lòng như vậy cho đến khi con lớn lên, con tìm được một câu trả lời nào thỏa đáng hơn. Con chịu không? Má chỉ biết có chừng đó.

–Dạ chịu, nhưng mà như vậy cũng con buồn. Má không biết chứ đêm lễ Độc Lập ở đây người ta đốt pháo con nghe khổ khổ trong bụng, suốt đêm không ngủ. Con đâu có tính khóc mà nước mắt chứ chảy ra. Con nhớ Việt Nam quá. Con muốn làm người Việt. Ở đây mãi thành Mỹ mất!

–Con muốn làm người Việt Nam thuần Việt Nam như ông bà mình thì phải về Việt Nam sống. Điều đó chưa thực hiện được. Má đã giải thích với con nhiều lần rồi. Con muốn làm người Việt Nam để làm rạng rỡ dân tộc Việt Nam? Chuyện đó ở đâu làm cũng được. Con muốn làm người Việt Nam để phục vụ dân tộc con? Người Việt mình bây giờ đang ở nhiều nơi trên thế giới. Con có cả cuộc đời để phục vụ nếu con muốn. Con không bao giờ thành Mỹ cả. Con là người Việt chịu ảnh hưởng hai nền văn hóa. Má và bạn bè của má sẽ giúp con hiểu văn hóa của xứ con. Cái chính là con phải biết lựa chọn cái hay của hai nước để học hỏi.

–Con hiểu rồi. Má nói cái đó hoài. Má nói như giảng bài trong lớp.

Con chỉ muốn nói là con thấy thiếu thốn cái gì mà con không nói được. Những lúc má đi vắng, nhà im lặng quá. Chung quanh người ta đóng cửa không thấy ai. Con nhớ chỗ mình ở hồi đó ở đường Yên Đỗ lâu lâu nghe hàng xóm cãi lộn rồi làm lành với nhau cũng vui vui. Với lại người lớn ở Việt Nam thương con nít lắm. Ở đây họ khác. Má dẫn con đến nhà ai người ta cũng chỉ nói: "Hi, con. Sao con mập vậy? Sao ốm vậy?" Rồi thôi. Họ lo nói chuyện mua bán nhà, mua đồ sale, quần áo, máy móc. Chẳng ai thèm để ý nói chuyện với con nít cả. Còn thêm cái nạn mấy đứaViệt Nam ở đây trước, thấy mình chưa biết gì khinh khinh, chơi sao được mà má biểu chơi? Con muốn về Việt Nam vui hơn.

–Má biết con buồn lắm. Ở Việt Nam con là điểm sáng của gia đình. Con là một đứa bé có tình, dễ thương, hiền hậu. Con đến nhà ai họ hàng tụ lại đón mừng vồn vã, hỏi thăm, trêu đùa. Con có đầy đủ tình thương trong gia đình, ngoài hàng xóm. Rồi bỗng dưng không còn gì cả. Ở đây con chỉ có một mình má. Má không thay thế được hết tất cả mọi người. Những người bạn của má phần thì không phải ruột thịt, phần thì quá ít gặp con, nên không có những lưu tâm như con mong muốn. Con cũng không nên thắc mắc về những người bạn nhỏ. Những gì con đã trải qua các bạn đó không được biết. Gặp con họ cũng lúng túng khổ sở như con vậy. Con ở lâu sẽ hiểu bạn con hơn. Má thương con, thấy con thui thủi một mình mà xót xa. Nhưng mà con à, dù sao con cũng còn có má. Học trò của má nhiều đứa không có được một người thân. Mỗi lớp đều có vài ba đứa không nhìn thấy má là cô giáo, chỉ thấy má là "người mẹ", gọi má là "mother" trong giờ học. Chúng nó than với má đủ chứng sổ mũi, nhức răng, chiêm bao, ác mộng. đã bỏ học đi "bụi đời" mà tình cờ gặp lại má vẫn gọi bằng "má" một cách chân thành, trách má không đem về trông nom mới thành hư hỏng. Trong hoàn cảnh nấy phải bằng lòng với cái gì mình đang có. Con không nên quá tủi thân.

–Tội nghiệp mấy bạn đó quá má há. Hôm đến ngủ với con, anh Hùng nói: "Em chịu khó chỉ anh học đi, mai mốt anh giỏi, anh vô trường giúp lại mấy thằng dở". Ảnh người lai mà giống Mỹ quá, mấy thằng bạn con tưởng ảnh Mỹ thiệt nói tiếng Mỹ lia lịa, làm ảnh ú ớ thấy thương lắm. Con phải cứu ảnh.

–Mười sáu tuổi mới bắt đầu đến trường lần thứ nhất đó con. Lúc nầy cậu ta viết được cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt.

–Ảnh chịu khó lắm. Con thấy một chữ mà ảnnh viết đi viết lại mấy trang giấy. Má à, con thấy học cực quá rồi cũng chẳng ra gì cả.

–Con nói vậy nghĩa là sao?

–Mỗi ngày trên đường đi học về, con thấy nhiều người đàn ông mặc

đô lớn, thất cà-vạt, xách cặp da, đứng, ngồi trong xe buýt, trông họ nản lắm. Con thấy đàn bà áo quần thật đẹp mà phấn son trôi hết, mắt lim im mệt mỏi. không thấy ai vui, ai cũng có vẻ lo lắng ráng chịu, chen chúc trong xe. Rồi con lớn lên, học đại học xong, đi làm như họ, cũng mệt mỏi chán chường như họ, con không muốn! Đến nước Mỹ cuộc đời chỉ có vậy thôi sao?

–Con còn nhỏ con chưa biết. "Chỉ có vậy thôi" mà biết bao nhiêu người ở xứ nầy không làm nổi. Con đã nhiều lần chỉ cho má những kẻ không nhà nằm la liệt trong công viên, trên đường phố, đến bữa ăn xếp từng hàng dài đi lãnh phần ăn miễn phí, con nhớ không?

–Dạ nhớ. Họ ngồi quanh thư viện ở Copley đông lắm má. Ngày nào con cũng gặp. Họ xin tiền con hoài. Có nhiều người còn trẻ quá mà sao vậy hả má?

–Vì hoàn cảnh thế nào đó mình không thể biết được. Nhưng cũng có thể có những người nghĩ như con, cuộc đời "chỉ có vậy" thôi thì cố gắng làm gì?

–You got me, mom.

–Không, má không có ý muốn "thắng" con. Má chỉ muốn cho con thấy hai con đường lựa chọn đó. Thật ra còn nhiều con đường nữa. Má không biết hết. Má chỉ nói với con điều má biết. Con có thể bỏ học ngày mai rồi đi làm cũng được. Con đi làm thuê lặt vặt. Con học hỏi ngay trong cuộc đời. Người Việt mình gọi là trường đời. Nhưng cái trường đời của nước Mỹ nầy nó dẫy đầy những chông gai cạm bẫy, thằng con cưng của má mà lọt vô đó thì má hồi hộp từng giây!

–Boom! Lọt vô cái rầm. You're dead! Hì! Hì!

–Chết. Coi như chết trước mắt. Guarantee.

–Thôi để con đi học bảo đảm hơn nghe má.

–Con thấy học có thú không?

–Sure. Biết nhiều cái đã lắm.

–Chọn một việc làm thích hợp với mình cũng "đã" lắm. Con phải có kiến thức căn bản để chọn ngành nghề. Chọn đúng rồi con cứ thế mà vui.

–Dạ con muốn làm cái gì vui vui. Đời má thấy buồn quá. Cứ làm hoài. Má có biết má là workaholic không? Má ghiền làm việc như người ta ghiền rượu. Má phải enjoy life chứ. "Enjoy" tiếng Việt là gì má?

–Là "vui hưởng". Má không được giáo dục phải vui hưởng cuộc đời con ạ. Có lẽ vì thế mà thành thói quen. Vả lại con muốn có một người mẹ bận rộn say sưa với công việc hay một người mẹ buồn rầu than vãn về những khó khăn trong cuộc sống?

–Con biết rồi. Nhưng má không còn nói chuyện với con như hồi ở

Việt Nam nữa. Nhiều khi con không biết má còn thương con không. Má còn thương con không má?

– "Vẫn như xưa không hề phai nhạt!" Sao con hỏi kỳ vậy? Ở đây có nhiều chuyện để lo quá con à.

–Có khi má giống người ở đâu đâu. Con phải gọi hồn má về: "Earth calling Trang! Earth calling Trang! 4, 3, 2, 1" má sợ trái đất nổ cái đùng mới chịu tỉnh lại cười với con.

–Thôi khuya rồi, đi ngủ đi con.

–Con đói bụng. Hồi chiều con còn ớn bữa ăn trưa không muốn ăn cơm.

–Bữa nay trường cho con ăn gì?

–Shit on the bread!

–Món gì ghê vậy?

–Món thịt bầm giống như cái người ta tiêu chảy chế lên bánh mì.

–Chắc là món Sloppy Joe. Thức ăn đừng nói vậy không nên con.

–Con đâu có nói. Thấy con nói. Thầy con nói hồi ở trong quân đội thầy nghe lính nói. Phải công nhận đồ ăn Mỹ dở thiệt! Nước Mỹ coi vậy mà không có cái gì để ăn cho ngon. Con nhớ phở Pasteur, bún ốc chợ Tân Định, nem nướng chợ Phú Nhuận. Bây giờ có sẵn cuốn cuốn chấm tương, yummy! yummy! Đã má há! Con thèm quá. Má à, chắc không có ai thèm hamburger như mình thèm nem nướng đâu há má?

–Có, con à. Bạn má là dì Teresa của con mỗi lần ở Úc về Mỹ là tìm đến McDonald's ngay. Có lần Teresa xúc động nói với má: "Trang à, mình hiểu Trang lắm. Món ăn của Ý dù sao cũng không khác món Mỹ cho lắm, thế mà có lúc mình thèm một cái hamburger trong không khí tiệm ăn McDonald hay Burger King. Thèm lắm, thèm ứa nước mắt, thèm đến run người. Cùng ăn một món đó mà không có ở đâu giống ở xứ mình phải không Trang?" Con thấy không, món ăn mà con chê, con cười, chính là một phần hương vị quê hương của người Mỹ.

–Mom Laura của con cũng kể cho con nghe một chuyện như vậy mà con quên. Mom nói ở Ấn Độ rất nghèo. Mom biết số tiền mua một cái hamburger và một ly cà phê ở nhà hàng bên đó có thể nuôi sống cả gia đình mà Mom quen biết một vài ngày. Thế mà đôi lúc Mom vẫn cứ ra phố để mua cho được.

–Đó, con thấy chưa? Con không nên chê bai, khe khắt, với những gì của người khác không giống của mình, nhất là con chưa có dịp thưởng thức những món ngon nấu nướng rất công phu của nhiều gia đình Mỹ.

–Dạ có, con có ăn turkey dinner ở nhà Auntie Kathy. Con thích lắm.

–Thôi con với má xuống bếp ăn cereal đỡ đi. Mai má dậy sớm nấu

phở con ăn rồi đi học.

–Cereal nầy giống như cỏ khô ngâm trong sữa. Kệ, ăn đại, chết bỏ. Sao má mua loại nầy chi vậy?

–Mình còn nhà quê, phải thử cho biết để lựa chọn con à.

–Ở Mỹ biết chừng nào hết nhà quê. Sao bữa nay má cho con thức khuya vậy?

–Con không ngủ được má ép cũng vô ích. Với lại lúc nầy hai mẹ con đều bận không có dịp nói chuyện với nhau. Con nghĩ gì phải nói cho má biết để má giúp con. Đừng lo liệu một mình nhiều khi...

–Get stuck.

–Ừ. Má muốn dùng chữ "bế tắc" mà sợ chữ đó lạ đối với con, chưa kịp nghĩ ra chữ nào đơn giản hơn thì con đã biết.

–Thông minh mà!

–Thôi được rồi cậu. Ăn nhanh, đánh răng, đi ngủ liền bây giờ.

–Má đưa con đi ngủ.

–Không. Con đưa má. Con lớn rồi. Bể tiếng ồ ồ, râu mọc li ti còn đòi má đưa đi ngủ.

–Con đâu biết. Lúc má nói lớn rồi, con phải làm cái nầy, phải làm cái nọ. Lúc má nói còn nhỏ lắm chưa được làm điều nầy, chưa được làm điều kia. Ha! I got you!

–Tại con đang ở cái tuổi vừa là người lớn, vừa là con nít. Buồn đó rồi vui đó. Mới vừa thắc mắc về cuộc đời xong lại than đói bụng.

–Thôi má ngủ ngon nhé. Để con ém mền vô giường cho má khỏi té như con. Nhớ đừng thức dậy giữa đêm rồi làm thơ "Tôi ngồi trong bóng đêm. Ôm trái tim mềm mại" nữa nghe!

–Việt, đi ngủ!

–Má!

–Gì nữa?

–Con thương má lắm!

–Cám ơn con. Đi ngủ đi! Việt, má sắp sửa hét con rồi đó!

–Eh, calm down, man. Đừng nóng chứ. Má nghe bên ngoài kia!

–Gì?

–Không còn gió nữa.

–Ừ. Tự nó nổi lên rồi tự nó yên. Thiên nhiên mà. Làm gì được nó. Má bây giờ nghe gió để dạy học trò tả cảnh thôi con ạ.

–Má tough quá!

–Không đâu con. Tuổi già. Xúc cảm cũng đổi theo.

–Má! Con cấm má nói "tuổi già". Má qua đây bắt chước Mỹ sợ già. Con không thấy má già. Má không bao giờ già. Má không bao giờ chết.

quê hương mùa lá xanh
ĐẶNG HIỀN

Ở bắt đầu vầng trăng
Chừng hơi thở nhẹ
Có nghe không những câu thơ
Lá choàng áo mới
Từng phiến đời trôi

Bài thơ dài mệt nhọc
Lâu rồi như tuổi của mây
Man man theo cuộc du hành
Đuổi bắt, nằm chơi...

Về thôi...
Chim bàng đợi gió
Chuồn chuồn bay là đà ngọn cỏ
Bát ngát xanh
Xanh mỗi âm buồn
Trăng
Tan...

–Con cãi má riết má chết. Đi ngủ đi!

–Má, một câu nữa thôi. OK?

–Ừ.

–Cám ơn má nói chuyện với con. Cho con hôn má một cái. Cần gì nhớ gọi con, nhất là đừng sợ gió. Con biết má còn sợ chút xíu phải không? Đêm nào có gió to là con thấy phòng má đèn sáng rất khuya!

– ...

Trong bóng tối người mẹ nằm yên nghe ngóng: không có tiếng gió, chỉ có tiếng thở đều trong giấc ngủ say. Bà thở ra nhẹ nhẹ cảm nghe một chút an lòng. Bà đã không đáp lời con vì những con gió dữ về đêm vẫn còn gợi lên trong lòng bà niềm xót thương thân phận. Nhưng điều đó đã trở thành thứ yếu. Nỗi băn khoăn to lớn của bà bây giờ là tiếng lăn trở thao thức, tiếng rên khe khẽ thoát ra từ trái tim non nớt cô đơn của đứa con đang muốn tìm thấy nó giữa muôn người dị chủng. ❐

bùi vĩnh phúc

Bùi Vĩnh Phúc sinh vào mùa Xuân Quý Tỵ (1953) tại Hà Nội. Lớn ở Saigon. Trung học theo ban Toán. Đại học, văn chương và xã hội. Dạy Việt văn và Pháp văn tại Nguyễn bá Tòng, Saigon và Gia Định.

Vượt biển cuối năm 1977. Sống ở Mỹ từ tháng 4, 1978. Học tại University of California, Irvine và Cal State University, Long Beach. Cử nhân Văn chương Pháp, Ngôn Ngữ Học, và Xã hội học; Cao học Ngôn Ngữ Học; Chứng chỉ dạy ESL của hệ thống đại học tiểu bang. Làm việc trong ngành xã hội và tâm lý từ năm 1986. Dạy Anh văn và Ngôn ngữ & Văn hóa Việt Nam tại một số đại học tại California từ 1985.

Viết văn và làm thơ từ 1968. Từ 1985 đến nay, chuyên viết phê bình và lý luận văn học. Trong ban chủ biên cũng như đã cộng tác với một số tạp chí văn học tại Mỹ và trên thế giới, trong đó có *Văn học Nghệ Thuật, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21*.... Tại Mỹ, đã xuất bản:

* *Lý Luận và Phê Bình / hai mươi năm văn học Việt ngoài nước, 1975-1995* (1996)
* *Ở Một Nơi Nào* (tuyển chọn, sửa chữa, và giới thiệu, 1995)
* *Các bài Luận và Tuần ký mẫu* (giáo trình Đại học, 1994)
* *Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam* (giáo trình Đại học, 1992)

* *Quê Hương, Cầm-Tấu-Khúc Kỷ Niệm* (khốc bút, 1982)
* *Những Cơn Mưa Trở Về* (tùy bút, 1981, 1987)
Sẽ in:
* *Thơ Bùi Vĩnh Phúc* (thơ)
* *Nửa Đêm, Tiếng Chuông* (tùy bút)

Trả Lời Phỏng Vấn

1. Tại sao viết? Cái gì đã thúc đẩy tôi cầm lấy cây bút hay ngồi vào bàn máy? Thật ra, tôi rất ít khi nghĩ đến những điều này, ngoại trừ khi bị phỏng vấn. Sartre đã viết cả một quyển sách liên hệ đến vấn đề mà chúng ta đang thảo luận, với một cái nhìn rất văn chương và triết lý, cũng là vì ông...đã bị dồn vào cái thế phải viết nó. Quyển sách là kết quả của một cuộc tranh luận văn chương và triết học.

Tôi viết như là một cách sống ở đời. Dĩ nhiên, trong đời sống, cũng như bất cứ một người nào khác, tôi cũng có những bổn phận, những trách nhiệm phải thực hiện trong cuộc sống riêng của mình mỗi ngày. Nhưng, đối với tôi, viết–và đọc nữa–là một phần của đời sống, một phần của cuộc sinh hoạt. Tôi viết, như một cách thế trả lời đời sống, một cách đóng góp vào đời sống, hay, nói cho gọn, một cách sống. Viết là đối thoại với đời. Và với người. Dù cho anh làm thơ, viết truyện (ngắn, hay dài, hay trường thiên), viết tùy bút, viết phê bình, lý luận..., khi anh diễn tả ý nghĩ của anh xuống mặt giấy là anh có điều muốn chia sẻ. Điều kiện để cho văn chương tiếp tục tồn tại trong thế giới này là còn có những con người muốn chia sẻ. Và còn có những con người muốn đón nhận sự những sự chia sẻ ấy.

Tôi viết, như một bản năng cần thiết để tiếp tục sống. Và, hy vọng, sống với một ý nghĩa nào đó.

Tôi mong rằng thế giới này vẫn tiếp tục còn có những con người muốn chia sẻ và những con người sẵn sàng chấp nhận sự sẻ chia.

2. Viết cho ai? Viết cái gì?

Tôi viết, trước hết như một cách sống, như một thứ bản năng để sinh tồn, nên thường tôi không đặt những câu hỏi ấy trong đầu khi cầm lấy cây bút, hay khi ngồi vào bàn máy, khi nhìn sững vào khung ảnh computer để tìm ý.

Chữ viết của tôi, như một thứ tín hiệu gửi vào đời sống, là con người tôi. Khi tôi viết là tôi nghĩ đến một hơi ấm nào đó. Tôi nghĩ

đến sự đồng cảm, và tôi mong tìm cũng như tạo được sự đồng cảm nơi người khác. Bất kỳ là tôi viết gì. Những tín hiệu từ trái tim tôi, từ đời sống tôi, có thể được phát đi với những chỉ dấu, những dấu mã khác nhau, ở những thể khác nhau, nhưng nó vẫn là những tín hiệu mong chờ hơi ấm.

Nói một cách cụ thể, trong nhiều năm nay, đa số các bài viết của tôi được thể hiện ở dạng lý luận và phê bình văn học. Tôi cũng viết truyện ngắn, tùy bút và làm thơ, nhưng ít thôi. Nhưng ở dạng nào đi nữa, một cách thành thật, tôi vẫn nghĩ những gì tôi viết ra vẫn là một thứ tiếng nói đi tìm sự sẻ chia. Và như thế, tôi mong tôi đến gần được với tất cả mọi người. Dĩ nhiên, tôi có cá tính của mình. Và cái DNA của cá tính ấy, nơi tôi, có thể khiến chữ viết của tôi đẩy hoặc thu hút một số thành phần độc giả nào đó. Điều ấy, tôi nghĩ, không một người cầm bút nào tránh được. Tôi nghĩ mình phải chấp nhận những quy luật của Thượng Đế và của đời sống.

Bài viết tôi gửi kèm theo đây là một phần trích trong tiểu luận "Tô Thùy Yên: Thơ, Như Một Vinh Dự Lầm Than Của Kiếp Người", được in trong bộ sách *Lý Luận và Phê Bình /Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995)* của tôi.

tình yêu, cô đơn và đau khổ trong thơ tô thùy yên

bùi vĩnh phúc

Trong thơ Tô Thùy Yên, *Tình Yêu, Cô Đơn và Đau Khổ* là một hợp chất sống và sáng tạo của nhà thơ. Chúng gắn bó vào nhau khó có thể tách rời. Tình yêu là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc, nếu được cảm nhận với một ý thức quá sắc bén, sẽ đưa đến cô đơn. Cô đơn, vì những giới hạn của cuộc sống đã không cho phép con người đi đến tận cùng tình yêu của

mình. Một cách vật lý, hay trên bình diện triết lý, siêu hình. Tô Thùy Yên viết: "Tình yêu là khuôn mặt dịu dàng nhất của cô đơn" (Ba dấu chân trên một quãng sầu). Khuôn mặt dịu dàng nhất? Có thật vậy chăng? Hay thật ra, người ta chỉ cần nói: "Tình yêu là khuôn mặt bên kia của cô đơn." Khi ta hạnh phúc, đầm ấm với người mình yêu trên phố nắng chiều phai, thì cô đơn đã nằm đợi ta trên giường vắng. Khi nụ cười của em soi sáng đời ta những buổi sớm mai chim ca ánh ỏi, thì những giọt lệ của buổi chia tay đã nằm chờ sẵn trong một đêm dài sâu thẳm bóng đêm. Và lúc ấy, nỗi cô đơn sẽ đẩy ta vào đau khổ, vào hiu quạnh của riêng mình. Cô đơn và đau khổ không nhất thiết phải xuất hiện cùng lúc với tình yêu, nhưng chúng thấp thoáng ở đâu đó trên khuôn mặt của nỗi dịu dàng kia.

Dù sao, trước hết, chúng ta hãy thử nhìn ngắm khuôn mặt của tình yêu trong thơ Tô Thùy Yên.

Với thân thể lân tinh, em sáng lên trong bóng tối, hạt kim cương rạ ngời trong mỏ than đêm, anh trông thấy em không nhầm lẫn được.

Với thịt da gỗ quí, giọt mật tinh khôi nằm giữa đài hoa thơm nức, em dâng hương anh, gã du mục lạc loài trong nhớp nhúa. (...)

Em là chiếc thuyền đời thượng cổ chở đến anh hoa trái tốt tươi ngọt ngào của miền đất anh biết qua thần thoại.

Em là dòng suối trong veo nhí nhảnh chảy mang theo nhan sắc của bầu trời, dòng suối đưa chân anh vào hứa địa.

Đêm đông phương, đêm xanh xao, thơm tho và ấm áp (...) Cả khu vườn tráng men tráng bạc và trên trời tinh tú xum xuê.

Hồn anh cũng tráng men buồn thiu và âm u chất sáng. (...) Tháp đôi thân thể vào nhau, anh nhân lên với em thành vô vàn khoái cảm.

Với linh hồn xao xuyến của rừng thu, anh trút sạch lá vàng đau khổ cũ. (...)

(Lễ Tấn Phong Tình Yêu)

Có thể nói đây là những câu thơ đẹp nhất được trích trong bài thơ có tên ở trên. Bài thơ này được làm trong giai đoạn 56-60. Ngôn ngữ và hình ảnh trong thơ của Tô Thùy Yên đã có những nét khác lạ so với hình ảnh và ngôn ngữ của những người thơ cùng thời. Nhưng cho dù có thế đi nữa, hình ảnh thơ của Tô Thùy Yên trong giai đoạn này vẫn còn tính chất nạm bạc, đặc biệt nếu ta đọc toàn bài. Chẳng hạn trong bài vừa nói, vẫn còn một số hình ảnh *cliché* mà tôi đã không trích ra. Chúng nằm trong những nhóm từ như *sự can trường của hiện hữu, thám hiểm tương lai, băng qua thiếu thời với đôi giày vạn dặm, trong nghĩa địa lãng quên, cây đàn lãng tử, thanh kiếm giang hồ*... Dù sao, nói chung, những bài thơ trong giai đoạn này của Tô Thùy Yên đã thấp thoáng cho thấy một tài thơ hùng vĩ

về sau, khoảng giai đoạn từ 1970 trở đi.

Hãy đọc thêm một vài đoạn thơ nữa của giai đoạn 56-60 này.

Giữa mùa hạ khô tôi bốc cháy
Đời vốn ngăn chia tôi bốc cháy một mình
Bầy tiếng thất thanh cuống cuồng bay tán loạn
Cánh chạm vào tường trong suốt của cô đơn
Nhưng em đến kịp thời khỏa thân xin cứu lửa
Tôi vốc đầy tay đôi vú áp lên môi
Em xõa mái tóc rừng trầm hương mê trùm lấp kín
(...)
Như cây nến cháy ngày đêm trên quan tài quá khứ
Đời tôi em thắp buổi âm u
Mòn rã lần lần ra nước mắt
Chảy đọng thành một vũng lãng quên xanh
Có phải tôi đi qua rồi mất dạng
Như tấm gương em không giữ lại hình tôi

(Tình yêu và cô đơn)

Đọc kỹ, chúng ta thấy Tô Thùy Yên đã có nỗ lực làm mới hình ảnh, làm mới cách nhìn trong thơ mình. Trong nỗ lực đó, ông viết được những câu thơ có một vóc dáng lạ. Nhưng, dù sao, như đã nói, đó vẫn là một sự dát vàng cẩn bạc của Tô Thùy Yên trong giai đoạn này. Đó vẫn là những nỗ lực, những cố gắng. Hình ảnh và ngôn ngữ thơ vẫn chưa hoàn toàn đạt được sự ung dung, tự tại. Có thể nói, đa số những bài thơ tự do của Tô Thùy Yên trong giai đoạn đầu tay thời 56-60 này đều ở trong hướng nỗ lực, tìm tòi, và tìm cách thử định hình ấy. Trừ những bài thơ bảy chữ, tám chữ, và lục bát.

Hãy thử đọc bài *Tội Nghiệp*, được viết năm 1958:

Hai đứa kéo nhau chạy vào mộng mị
Giờ tắt thở nằm trên bãi hư vô
Bầy ngựa chứng hàng thùy dương vó bão
Biển theo trăng lăn vào đá tiếng ru.

Chỉ có bốn câu. Hình ảnh sắc nét, và bạo liệt, và dịu dàng, và thơ mộng, và, cùng lúc, lại thoáng tính chất siêu hình. Những hình ảnh *mộng mị, tắt thở, bãi hư vô, bầy ngựa chứng, hàng thùy dương, vó, bão, vó bão, biển, trăng, lăn, đá, tiếng ru* là những hình ảnh được xếp cạnh nhau và chồng lên nhau. Chúng như những hình ảnh của một cuộn phim quay chậm và vô thanh. Những hình ảnh đi sau cứ tiếp tục được đẩy vào vỗng mô và chồng lên nhau trước khi cái hình ảnh đi trước kịp thời tan biến. Tiếng thở hổn hển của hai kẻ kéo nhau chạy vào mộng mị, tiếng bầy thùy

dương tung vó như bầy ngựa chứng trong lũ cuồng phong, tiếng biển lăn sóng vào đá... làm nền cho những hình ảnh kia. Nhưng đây là cái nền âm thanh bùng vỡ, dội đập ì ầm trong trí tưởng ta, lắng sâu dưới cái tầng vô thanh của hiện thực. Tính chất đối chọi của sự bùng vỡ, cuồng loạn ở tầng vô thức và cái vô thanh ở tầng ý thức, trong cảm nhận của riêng tôi về bài thơ này, đã làm cho bài thơ trở thành đặc biệt. Bài thơ đánh vào cảm xúc tôi như một đợt sóng òa lên, phủ lấp và luồn vào tất cả những ngõ ngách của tâm hồn. Chỉ với bốn câu thơ, thi tài của Tô Thùy Yên đã hiện rõ.

Trong bài *Chiều Trên Phá Tam Giang*, làm năm 1972, một bài thơ thiết tha và chín nục cảm xúc chiến tranh, tình yêu của người thơ thuở này đã chín. Nó tự nhiên, mọc lên giữa đời sống của một người lính trận giữa một ngày buồn bã đứng trên bờ sông mép nước. Cái tình yêu ấy mạnh mẽ, cháy bỏng, nhưng vẫn mềm như một cành mai ngả xuống tay đời:

Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh
Phá Tam Giang, phá Tam Giang
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi
(...)
Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận (...)
Anh yêu em, yêu nuối tuổi hai mươi
Thấy trong lòng nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ (...)

Những chuyến đi xa tiếp tục đẩy ta vào đời sống. Đó là niềm chung thủy với đời sống của ta, với nỗi cô đơn ôm ấp trái tim đầm đìa gai nhọn của ta.

Và để ta cứ còn mãi mãi yêu em.

Anh đã yêu những chuyến đi đêm đời sống chẳng nghỉ ngơi, những bến bắc như em không giấc ngủ suông trổ sai oằn mộng mị. Anh nhớ mãi những thị trấn anh chỉ ngủ đỗ lại một lần, sáng tinh sương sau chia tay không hề rõ mặt. Nào anh có biết vì sao anh nhận chịu thân một phiế nam châm dính những đau buồn lân cận (...) Đau khổ như biển khơi trên mặt cuồng điên mà dưới đáy im lìm (...) Anh mời em ngày đám cưới anh đến dự cùng chồng và cháu bé, về sau kết nghĩa sui gia, đau khổ nhân lên. Cuộc đời, cuộc đời, bis, bis. Khóc đi em. (Phương)

Khổ đau và cô đơn, trong thời tuổi trẻ, thường gắn liền với tình yêu. Thật sự, đó là những khuôn mặt khác nhau của một huyền nhiệm cuộc

đời. Những yếu tố ấy chen kẽ nhau, xoắn xít lấy nhau, nhân nhau lên, và làm cho chúng ta cảm nhận cũng như thức nhận rõ sức mạnh và niềm thắm tươi của đời sống. Hay là sự lôi cuốn của cái chết. Có những người đã bị đẩy đến sự chọn lựa giữa hai sức hút ấy.

Tôi vùi mình xuống cô đơn như quả mìn nổ chậm...

(Đêm hè)

Nhưng khi con người đã chín với với kinh nghiệm đời, đã chín với những năm tháng chồng chất trên vai, bây giờ, cô đơn và đau khổ vẫn hiện diện trong đời sống con người, nhưng chúng không còn là hệ quả của tình yêu nữa. Mà chúng là hệ quả của một sự hiểu biết lớn, một sự nhìn ngắm thiết thân và cẩn trọng đối với cuộc đời. Có khi, chúng là kết quả của một sự lang thang đi tìm linh hồn vũ trụ:

(...)

Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm... (...)
Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
Gốc cây to đến mấy người ôm
Nghĩ tới bao điều thầm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường (...)
Hè, ta trở lại căn nhà cỏ
Tử tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta.

(Hè, ta trở lại gian nhà cỏ)

Đó là nỗi cô đơn qua một sự thức nhận lớn. Một nỗi cô đơn giữa dòng sử lịch.

Cũng với nỗi cô đơn và khổ đau vì lẽ hợp tan, vì nỗi phù du đó của đời sống, trong *Em nhỏ, làm chi chim biển bắc*, Tô Thùy Yên viết: (...)

Đời lộng đưa nhau xuống cuối ngày
Thấy âu sầu hiện mỗi thân cây
Cỏ cao quấn quít chân chùng bước
Ghim xót xa đầy vạt áo bay
Làm sao đi hết những con đường
Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân (...)

Như André của Léon Tolstoi trong *Chiến Tranh và Hòa Bình*, trong

tịch lặng bình yên, ngắm nhìn những thân cây nứt nẻ vỏ, thấy được cả cái đau khổ lẫn cái hùng vĩ, kỳ bí của kiếp người, hay giữa bãi chiến trường, trong những giây phút cuối cùng trước khi nhắm mắt, nhìn những bè mây trôi lang thang muôn đời giữa bầu trời cao rộng, thấy được cái bao la của tâm hồn vũ trụ, cái vĩnh hằng đẹp đẽ của đời sống con người, Tô Thùy Yên cũng bắt gặp và nhìn ra những ý nghĩa đó trong đời sống mình.

Đêm, nằm ngắm trời sao bát ngát, nghe tiếng triều dập dồn xô đẩy, thấy ngày tháng là những bóng nắng cuối chiều, ông nhận ra được cái bao la của vũ trụ. Và cái cô đơn, khắc khoải của lòng mình:

Nằm đây phủ sáng hằng hà sao
Nghe thủy triều lui bậc bậc sầu
Nghe tiếng mõ chùa khô khốc khóc
U minh ngày tháng bóng lao đao
(Vườn Hạ)

Nhìn một hiện tượng thiên nhiên, trái tim ông cũng chạm nỗi đau đời: (...)

Con đường đi mỏi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách tơi (...)
Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
Tiếng rụng tuyệt âm rền tịch mịch
Dòng sông tới biển nức tuôn, tuôn...
Các mùa chuyển động trong trời trống
Di điểu qua sông xẻ luống sầu
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu (...)
Tàu chuối xác xơ reo ngất ngất
Nỗi đời bi thiết xé lưa tưa (...)
(Tưởng tượng ta về nơi bản trạch)

Nhưng cái cô đơn thấm thía nhất, là cái cô đơn vây bủa cùng một lúc bằng tấm lưới đan kín khít vừa của thế giới vật lý bên ngoài vừa của thế giới tâm lý bên trong. Nỗi cô đơn ấy quấn chặt lấy trái tim ta bằng những ngón tay dịu dàng và thân thiết của nó. Nó đẩy ta vào một góc tối, ẩm, và lạnh lẽo của đời; ở đấy, nó đánh bẫy tâm hồn ta. Và ta để cho mình rơi mềm vào chiếc bẫy của cô đơn ấy. Nỗi cô đơn da diết của Tô Thùy Yên có cái mùi ẩm mốc của một đêm mưa.

Ga dầm mưa chịu co ro
Cưu mang tàu thấm rét chờ sáng đi
Khoác rừng dầy núi ngồi lì

Vân vi đường sắt phân ly mấy cành
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cỏ ôm ấp hẳn lãng quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chấm than
Hiên ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quằn quại hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chần chừ
Ngoài trời khói thuốc vật vờ ngại bay
Làm gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tàu góc ga thưa
Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.
(Trời mưa đêm xa nhà, *toàn bài*)

Bài lục bát này là một bài thơ thật đẹp để diễn tả nỗi cô đơn của con người. Những hình ảnh rất mới. Giống như những đồng tiền mới đúc, chúng có trong chúng cái chất thơm và sáng trong cảm nhận ta, cái tiếng vang tinh khôi mới mẻ của chúng trong tâm trí ta. Bài thơ mang trong nó cái hơi thở mênh mang của thời gian, ngút ngàn, thăm thẳm, đồng thời cũng mở ra từ nó cái buồn hắt hiu của không gian vừa co bé lại, vừa dàn trải ra cùng với đêm mưa sùi sụt ngoài kia. Giọng thơ có thể còn ẩn chứa một chút không gian thiết tha của Huy Cận; nhưng hồn thơ, ý thơ, sức sống của thơ thì hoàn toàn mới. Nó mang trong nó cái phong vị của thời đại vẫn hằng ngun ngún như một ngọn lửa cháy mềm trong lòng nhà thơ. Tô Thùy Yên đã làm mới thơ lục bát của chúng ta, qua bài thơ này, không phải bằng những nhịp điệu mới, nhưng là bằng những cảm xúc mới được thể hiện qua những hình ảnh chưa hề mòn. Đóng góp của Tô Thùy Yên, ở đây, thuộc về *chất* chứ không thuộc về *thể*.

THỜI GIAN TRONG THƠ TÔ THÙY YÊN

Thời gian trong thơ của Tô Thùy Yên không phải là thời gian của Salvador Dali, thời gian với đặc trưng nổi bật là lững lờ trôi chảy, lỏng ra, nhão ra, và chùng lại với thiên thu. Thời gian ấy cũng không phải là thời gian của Giorgio de Chirico, kỳ dị một cách âm u, khiến cho người đối diện với nó có một cảm giác hoảng hốt và mất lối. Nếu có thể làm một so sánh nào đó về tính thời gian trong thơ Tô Thùy Yên với thời gian được biểu hiện trong hội họa hiện đại, thì thời gian trong thơ Tô Thùy Yên đã chia sẻ nhiều nét với thời gian của René Magritte. Cũng là siêu thực,

nhưng Magritte đã đi theo một con đường khác với Dali và Chirico. Thời gian của Dali là một thời gian ám ảnh, tàn rữa, và chứa đầy chất ảo. Thời gian của Chirico đóng vào những khung cảnh vật lý thê lương và kỳ bí, giam nhốt người ta trong cái siêu hình của những giấc mơ nghiêng về những chiều kích của vực thẳm. Thời gian của René Magritte là một thời gian bám sát vào thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên trong tranh ông là một thứ thiên nhiên thật mà ảo, với những yếu tố cấu thành đổi chỗ lẫn cho nhau, dan díu vào nhau, khiến cho người thưởng ngoạn dễ mất định hướng khi nhìn vào tác phẩm của Magritte.

Thời gian của Tô Thùy Yên có những lúc đã chia sẻ những nét siêu thực của Magritte như thế. Ngoài ra, nó còn mang chứa trong nó những ấn tượng kỳ dị khác, mới, lạ, và đặc biệt Tô Thùy Yên. Cái thời gian ấy gần như luôn luôn tìm cách gắn bó, dan díu với thế giới vật chất của thiên nhiên bên ngoài (Vậy thì thời gian là một cái gì trôi chảy bên trong chăng? Bên trong cái gì? Đây là những câu hỏi rất siêu hình mà may ra chỉ có thơ và hội họa là thỉnh thoảng mới có thể đến gần để trả lời một cách huyền bí và thơ mộng.)

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên gắn bó, dan díu với thiên nhiên. Nhưng đó là một thiên nhiên đứt rễ. Một thiên nhiên nhiều lúc hình như không còn gắn bó, ràng buộc vào nhau theo một trật tự vật lý thông thường. Những cấu tố của nó như bị tách ra để bám vào những mảnh thời gian khác biệt trong tâm thức nhà thơ.

Thời gian đứt quãng dài vô định
Như sợi dây diều băng mất tăm
Lòng anh thẳng thốt, sông chao sóng
Kỷ niệm buông tay rú ngất chìm (...)
Mùa hè đi khuất kêu không lại
Bãi mía điêu tàn gốc cháy thui (...)
Trời cao mỏi mắt chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, thời gian chết xanh
Ngoài cõi chói chang hư ảo múa
Dường như ai réo ấu danh anh (...)
Ai cúi soi mương rong khỏa mặt
Thấy hồn mùa cũ đọng xanh xao (...)
(Vườn Hạ)

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên cũng trôi chảy. Một dòng. Bên trong hay bên ngoài của tâm thức con người. Làm sao biết. Nó bám vào trí nhớ như một chất keo, một chất keo đủng đỉnh. Nó không cột con người nhà thơ vào một ghềnh đá nào của quá khứ, mà cũng không hẳn là

nó buông thả con người ra.

Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa (...)
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ
(Hề, ta trở lại gian nhà cỏ)

Trong tâm thức của Tô Thùy Yên, thời gian cũng thường có đặc tính thụ động. Nó là chốn để nhà thơ trú thân sau những cơn xiêu tán với đời:

Ta gắng về sâu lòng quá vãng
Truy tầm mê mỏi lý sơ nguyên (...)
Trăm năm, rồi lại trăm năm khác
Tên đóa hoa này, ngươi nhớ chăng?
(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)
Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lặng đi đi khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian
(Hề, ta trở lại căn nhà nhỏ)

Nhưng, thời gian không hẳn đã là nơi nhà thơ có thể yên tâm trở về để dò dẫm, nghe ngóng lại đời. Khi trí nhớ của thời gian cũng đã trôi tuột ra ngoài thiên cổ, thời gian chỉ còn là nỗi thất vọng của nhà thơ khi, bây giờ, nhìn thấy mình không còn gì để bám víu, hắn đành trở lại với đời sống và lang thang đi tìm một lẽ cảm thông:

Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
(Ta về)
(...)
Biển Bắc tuyệt mù con nhạn lạc
Thời gian mất trí trắng vô âm
Hỡi người cố cựu trong trời đất
Khi nước tràn sông, có nén tâm?
(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)

Như thế, trong thơ Tô Thùy Yên, thời gian có thể có những đặc tính như *đọng, lỏng, chảy, cháy, mất trí, đứt, đi khuất, và chết*. Nó vừa có tính vật thể, vừa có tính con người. Vật thể, khi nhà thơ nhìn nó như một "chất thể" mang tính ngoại giới. Nhà thơ dùng nó như một tấm gương, một ngọn đèn để săm soi hay chong sáng cái linh hồn khắc khoải của mình. Con người, khi nhà thơ nhìn thấy chính mình qua nó. Thời gian, ở đây, có cùng xương thịt với con người. Khi "thời gian mất trí trắng vô âm", thì đó

chính là hệ quả của việc con người đi lạc ra ngoài trí nhớ. Khi "mùa hè đi khuất kêu không lại" thì đó chính là tuổi trẻ của ta đã ra đi một ngày biệt mù tăm tích. Còn "thời gian chết xanh" thì chính là sự đứng dừng lại của tâm thức, một sự cột giữ thời gian lại của vô thức để ý thức nhà thơ có thể trở về thăm viếng lại thơ ấu mình.

Thời gian trong thơ Tô Thùy Yên vừa có tính nội giới, vừa có tính ngoại giới một cách mơ mơ hồ hồ trong sự đuổi bắt nhau của hữu thức và vô thức. Nó đầy tính cách siêu thực mà nhiều lúc lại mặc một tấm áo may cắt trên tấm vải của hiện thực. Bởi thế, thời gian của Tô Thùy Yên có những lúc nghiêng về chiều sâu siêu hình. Một thứ siêu hình trắng, buồn, và lặng lẽ:

Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em
(Góa phụ)
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm người
(Trường Sa hành)

THIÊN NHIÊN TRONG THƠ TÔ THÙY YÊN

Thiên nhiên trong thơ của Tô Thùy Yên không yên ả như thiên nhiên của Nguyễn Khuyến mùa thu. Nó cũng không u tịch một niềm hoài nhớ mang mang như thiên nhiên trong thơ của Thanh Quan. Thời đại khác. Bầu khí lịch sử, xã hội, và cả văn học cũng khác. Thiên nhiên trong thơ Việt của những thập niên 60 và 70 không thể không chuyển mình.

Dù sao, trong thơ của Tô Thùy Yên, đó là một sự chuyển mình dữ dội. Thiên nhiên trong thơ của ông hòa nhập với con người, là một với con người. Đó là một thiên nhiên bị lay chuyển tận gốc rễ. Như con người bị quay cuồng trong cuộc chiến, trong một tâm cảm đứt rễ, vỡ toang về mặt tinh thần, thiên nhiên trong thơ Tô Thùy Yên cũng bị nung cháy, đốt nóng đến nỗi rạn ra, nứt ra, rách ra, vỡ ra.

Ngày. Ngày trắng chói chang như dũa
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên
(Trường Sa hành)
Cây rách sâu thân chắt giọt lòng
Nghiệp hờn trả nghĩa đất bao dung
Mùa hè cháy hực cơn cuồng nộ

ồ, máu thơm còn ứa chẳng ngưng
(Em nhỏ, làm chi chim biển bắc)
Mùa hè cọ xát điên kim loại
Con quạ kêu ran giữa quãng không
(Tưởng tượng ta về nơi bản trạch)
Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran
(Chiều trên phá Tam Giang)

Rạn, nứt, rách, vỡ, những hình ảnh tan nát và rách vỡ một cách tiệm tiến ấy là những lưu ảnh còn để lại trong tâm trí ta về cái thiên nhiên và không gian khốn khổ trong thơ Tô Thùy Yên. Dĩ nhiên, mặc dù có những nét bi quan đến độ gần như khắc kỷ một cách đau đớn, Tô Thùy Yên cũng có những lúc nhìn ra cái sáng sủa, lóng lánh, rực rỡ của thiên nhiên chung quanh. Thường thì những lúc ấy là lúc ông còn tuổi trẻ, hoặc là lúc tình yêu đang dát vàng thiên nhiên trong ông. Cũng có khi nó là sự phụt lên của một không gian, một thiên nhiên mong ước khi ông đã đi đến cuối hành trình đau khổ của mình. Những lúc ấy, thiên nhiên trong thơ ông thoát được cái hình ảnh của một hữu thể đau khổ và bị giằng xé:

Mùa thu xẻ ngõ lầy vết xe thổ mộ
Hoa cúc mở toang những cánh cửa vàng
Từng giọt u hoài gõ xuống pha lê thánh thót ngày mưa
(Ba dấu chân trên một quãng sầu)

Tôi vốn nặng đầu như chiếc nấm. chiếc nấm ấy, sáng hôm nào trời rất bình minh, trông thấy một con sơn ca buồn rầu lẻ bạn. Thế là chiếc nấm đột nhiên biến thành một con sơn ca nhẹ nhàng cất cánh liệng bay theo (...)

Mạch gió nhảy phập phồng trong những cánh tay cành cây rực hồng ánh sáng.

Em có thấy, tình yêu anh làm xúc động cả thiên nhiên (...) Cho đến xế chiều khi anh khép cửa phòng trở vào giấc ngủ thì vựa kh anh đã chất đầy những cọng nắng no.
(Lễ tấn phong tình yêu)

Có thể nói, trong bài thơ vừa trích (và nó đã được trích dài hơn trong đoạn nói về Tình Yêu trong thơ Tô Thùy Yên ở một đoạn trên), tất cả thiên nhiên đã trở nên rực rỡ, dát vàng dát bạc như thiên nhiên của những ngày đầu nhân loại. Thiên nhiên của một vườn địa đàng. Tình yêu đã tặng cho con người một khúc diệu ca và một trái tim thánh khiết để nhìn vào thiên nhiên như thế. Thật sự, tất cả những hiện tượng thiên nhiên chỉ thuần túy là những hiện tượng khách quan của ngoại giới. Khi con người đem cái tâm mình nhìn vào thiên nhiên, thì thiên nhiên, lúc bấy giờ, thay

đổi, và trở thành một cái gì đồng chất với khung cảnh nội giới của con người. Thiên nhiên trở nên nội giới hóa.

Khi hạnh phúc, nhà thơ nhìn vào thiên nhiên và thấy được, nghe được những hình ảnh, những âm thanh bát ngát, dịu dàng:

Ve kêu như biển lâng lâng dậy
Xô giạt hồn anh mộng chập chờn (...)
Mương nước rì rào sao sáng thở
Đài hoa sương nạm hạt lân tinh (...)
(Vườn hạ)
Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm (...)
Gặp buổi trời mưa bay phới phới
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân (...)
Gặp buổi trời trong dàn bát ngát
Ngọn cây ô! đã giát hoàng hôn (...)
(Hè, ta trở lại gian nhà cỏ)
Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Áo phơi xanh phới nhánh đào hồng
Mùa xuân bay múa bên trời biếc
Ta búng văng tàn thuốc xuống sông.
(Tưởng tượng ta về nơi bản trạch)

Đó là những khi tâm ta phơi phới, là những khi ta thấy được cái "hiền triết" và "u hiển" của đất trời. Nhưng khi đời sống con người bị xé nát vì những điều đau khổ lớn, trái tim chúng ta chẳng còn được đập theo một nhịp điệu yên ả, thiết tha nữa. Bấy giờ, nó chỉ còn là một phiến gương loang lổ, phản ánh một không gian, một thiên nhiên bất toàn và và đầy những đớn đau.

Trước hết, có thể đó chỉ là một cái nhìn chia sẻ với thiên nhiên. Một thiên nhiên đang trải qua những đớn đau, những lâm lụy của đời:

Bình minh như một làn da phỏng
(Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai)
Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
(Hè, ta trở lại gian nhà cỏ)

Sau đó, sự đồng cảm với nỗi vò xé, đớn đau kia bắt đầu chuyển dần

thành một nỗi hoài nhớ. Một hoài cảm về những bóng dáng xa xưa.

Chiều chiều lớp lớp mây tiền sử
Quần tụ bên trời gọi nhớ nhung
(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)

Sau đó, sự hoài cảm ấy xâm chiếm cái nhìn, ảnh hưởng lên nó, và biến cái nhìn trở thành chiếc gương u sầu của nội giới. Lúc bấy giờ, sự vật đổi màu, không gian và thiên nhiên đổi những tọa độ thẩm mỹ. Tất cả rủ nhau đi chéo xuống những chiều kích sầu muộn của trái tim: Làm sao đi hết những con đường

Gió với cây cùng khóc hợp tan
Mỗi đóa hoa trên đồng chói lọi
Cũng xui phù thế ngậm ngùi thân
(Em nhỏ, làm chi chim biển bắc)
Mùa Đông Bắc gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa (...)
Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tủi nhỏ nhoi
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời (...)
Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vầng khói chim đen thảng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chừng phỏng khắp châu thân (...)
Nghe cây dừa ngất gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nỗi tả tơi (...)
Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đỏ thảm thê (...)
(Trường Sa hành)

Khi trái tim đã bị xé rách, nhìn đi đâu, ngó đi đâu, con người cũng chỉ thấy một nỗi bất an xâu xé. Thiên nhiên đã không còn là một nơi chốn cư trú cho tâm hồn như nó đã là như thế những ngày xưa. Bây giờ, thiên nhiên cũng giống như trái tim ta. Chúng đồng chất và đồng cảnh: (...)

Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đàn như trẻ nhỏ ghê ma
Ta ngó thấy thùy dương gẫy rủ
Từng cây như nỗi bất an già
Ta ngó thấy rào chà cản nước

Từng hàng như nỗ lực lao đao
Ta ngó thấy nhà cửa trốc nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào (...)
(Chiều trên phá Tam Giang)

Trong cái thiên nhiên lâm lụy ấy, nhà thơ không còn nhìn ra những dịu dàng, ngọt ngào, trong sáng cũ. Bây giờ, tấm gương loang lổ tâm hồn mệt mỏi của ông chỉ phản chiếu những hình ảnh của "cát hôn mê, nước miệt mài trôi". Và chiều, đó không còn là một khoảng không gian giát bạc ngày xưa "khi mùa hạ đốt bừng lên những hàng đuốc phượng" nữa. Bây giờ, "chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran". Những hàng phượng xưa đã đi ra ngoài trí nhớ.

Con sông, trong thơ Tô Thùy Yên, là một biểu tượng phản chiếu thiên nhiên và nội giới của nhà thơ một cách khá rõ nét. Dù buồn hay vui, hạnh phúc hay đau khổ, yên ả hay bạo liệt, cái thiên nhiên ấy cũng phản chiếu rõ cái lịch sử của đời sống và của con người.

Chúng ta hãy thử so sánh hình ảnh của những dòng sông qua mấy bài thơ khác nhau của Tô Thùy Yên dưới đây để thấy được điều ấy.

Trước hết, đây là con sông thơm hương tình yêu của một thời tuổi trẻ:

(...) Con sông căng nước nằm im như con thú no kềnh. Ngày chảy lan như một dòng mật ngọt. Không khí nồng hương rượu nồng mới cất làm say. Anh sống, sống để yêu và yêu để sống. Với nhẫn nại nông dân, anh lái đẩy tim anh cày xẻ đời em (...)
(Lễ tấn phong tình yêu)

Còn đây là con sông thần bí như ánh sáng của hừng đông chớm nở chút đau thương tội nghiệp:

(...) Anh đã qua bến bắc ấy nhiều lần nửa khuya mắt vói tỉnh quê em vũng ánh sáng thần bí trên sông như hừng đông e dè chớm hé. Anh đã yêu những chuyến đi đêm đời sống chẳng nghỉ ngơi, những bến bắc như em không giấc ngủ suông trổ sai oằn mộng mị (...) (Phương)

Và đây là con sông tàn bạo trong mùa mưa châu thổ giữa cuộc chiến tranh khốc liệt:

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa (...)
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nỗi không tên (...)
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sình mặt nát lạch mương tanh...

Sông cái nước men bờ sóng sánh (...)
Xuống đò, đời đã bỏ quên
Một sông nước lớn trào lên mắt ngời.
(Qua sông)

Và con sông chảy mê mải hình ảnh giang hồ của người lính trận:

Đây ngã ba sông làng sát nước
Xuồng ba lá đậu kế chân bàn (...)
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân (...)
(Anh hùng tận)

Và chắc những người quen biết với thơ Tô thùy Yên cũng chẳng thể quên được hình ảnh sông nước mênh mang, hôn mê, miệt mài trong "chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran" của phá Tam Giang. Giữa bối cảnh sông nước mênh mang đó, với tâm cảm của một người lính thú thời đại, nhìn vào thiên nhiên, nhà thơ chỉ còn thấy được những gì bất an và gẫy đổ như đoạn thơ tôi đã trích trong bài *Chiều trên phá Tam giang* ở một đoạn trên.

Để tóm kết phần viết về thiên nhiên trong thơ của Tô Thùy Yên này, ta có thể nói rằng, trong những bài thơ thời tuổi trẻ còn thơm mát tình yêu trai gái–cái tình cảm thơm tho, ngọt dịu và đằm thắm ấy của con người đã khiến cho nhà thơ nhìn thấy thiên nhiên như là một sự dàn trải, mở rộng của chính nỗi hạnh phúc trong trái tim mình–thiên nhiên là một hòa âm dịu dàng trước mắt nhìn và trong tâm hồn nhà thơ. Nhưng khi bắt đầu bị đẩy xấp mặt vào đời để đối diện với một cuộc chiến tranh không lối thoát, nhìn thấy tuổi trẻ của mình rạn vỡ, thấy cả một thế hệ thanh niên mình bị nung cháy và tan biến trong bom đạn, cả một xã hội, một đất nước quằn quại và đổ nát, nhà thơ không còn những cảm giác hạnh phúc cũ khi nhìn vào thiên nhiên. Bây giờ, cũng như con người, thiên nhiên bị xé nát, bị xâm phạm, bị làm chủ bởi một sức mạnh kỳ bí. Nó bị vò xé, chặt khúc, bóp vặn. Như con người, nó thảm thấu khổ đau.

Thảm thiết dây leo quấn quít cây (...)
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách tơi (...)
Tàu chuối xác xơ reo ngất ngất
Nỗi đời bi thiết xé lưa tưa (...)
(Tưởng tượng ta về nơi bản trạch)

Đó là một thiên nhiên đau khổ, trong một mắt nhìn nào đó. Nhưng nó vẫn tiếp tục tồn tại và dạy cho con người những bài học lớn. Cũng giống như con người–chính sự đau khổ làm cho con người lớn lao, cao cả, khi nó vượt qua được những khổ đau ấy để vươn lên–thiên nhiên sẽ trở nên kỳ bí và sâu thẳm thiết tha hơn nữa khi ta thức nhận được những ý nghĩa mà

trời đất chứa đựng trong nó. Thiên nhiên, thật ra, chỉ là lá thư của siêu hình gửi cho con người. Giải mã được nội dung của lá thư đó, con người sẽ hiểu được ý nghĩa của cuộc nhân sinh.

TÍNH CHẤT SIÊU HÌNH TRONG THƠ TÔ THÙY YÊN

Trong thơ Tô Thùy Yên, người ta có thể thấy tính chất siêu hình bàng bạc, cùng khắp. Cái tính chất ấy đã có từ những bài thơ đầu của ông những năm 56-60. Rồi bằng đi có đến khoảng chục năm , người ta hình như không thấy thơ ông đăng báo. Rồi, đột nhiên, từ khoảng năm 70-71 trở đi cho đến 75, thơ ông bắt đầu lại thấy đăng trở lại trên báo chí. Và trong giai đoạn này, phong thái của Tô Thùy Yên chững chạc, phong độ hẳn. Những vấn đề ông đặt ra trong thơ là những vấn đề lớn của con người, đặc biệt của con người Việt Nam trong cái bối cảnh giằng xé của hai miền đất nước.

Nhưng vượt lên trên cái tiếng nói của một con người Việt Nam, trong cái bối cảnh đặc thù của lịch sử ấy, trong thơ của Tô Thùy Yên, người ta thấy vang lên cái tiếng nói của con người muôn thuở và muôn nơi, đối mặt với cái mang mang, bao la rợn ngợp của đất trời , của vũ trụ. Những câu hỏi được đặt ra trước những phi lý của đời sống, hay để xác định lại những giá trị của cuộc đời, của bao nhà văn, nhà thơ, của những triết gia phương Đông, phương Tây, đã đưa đến những trào lưu triết học một thời làm tuổi trẻ say mê. Tất cả những điều ấy chắc chắn đã có những ảnh hưởng không nhỏ trên suy nghĩ và trong tiến trình sáng tạo của Tô Thùy Yên. Dù sao, là một nhà thơ, đặc biệt một nhà thơ Việt Nam với những điều kiện sống vật lý và tinh thần hết sức Việt Nam, tiếng nói thơ của Tô Thùy Yên có những nét đặc thù riêng của nó. Ngay vào tháng 4, năm 1956 trên *Sáng Tạo*, bài *Cánh đồng con ngựa chuyến tàu* của Tô Thùy Yên đã mang trong nó một ám ảnh siêu hình. Đó là một ám ảnh về thời gian. Hay là về không gian?

Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đồi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lùi chóng mặt
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau

Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ
Như giữa nền nhung một vết nâu.
(Cánh đồng con ngựa chuyến tàu, toàn bài)

Bài thơ, với những hình ảnh rất thực, rất cụ thể, lại có vẻ như một bức tranh siêu thực. Nó như được phóng chiếu vào tâm thức người đọc từ một giấc mơ miên man nào đó của con người. Con ngựa và chuyến tàu, và cả cánh đồng nữa, tất cả như những biểu tượng và ám ảnh về một thời gian vụt gấp, về một không gian mở rộng mãi như muốn nuốt chửng lấy con người. Con tàu, một khối không gian co chặt, nén ép, đâm sầm vào tâm trí và vào giấc mơ của con người với cái cận ảnh của nó được phóng lớn lên cùng với tiếng sầm sập của thời gian. Trên một trục tọa độ không-thời, con tàu là một chất điểm. Trong nó, có cả thời gian và không gian đang lao đi vùn vụt. Cánh đồng là trang giấy trắng, biểu diễn sự đi về của thiên cổ, của vũ trụ, càn khôn. Nó có thể cứ còn được kéo dài, lắp dài ra mãi. Con ngựa là biểu tượng cho những ước mơ của con người, và cuộc sống hữu hạn của nó. Nếu nhìn vào bài thơ theo cách nhìn phân tâm của Carl Jung, bài thơ này, với những biểu tượng của ám ảnh, của giấc mơ xâm thực vào đời sống như thế, đã nói trước về hướng tới và cuộc lữ của Tô Thùy Yên. Ông không thể nào thoát khỏi cái định mệnh con ngựa-chuyến tàu của mình.

[(Hình ảnh con ngựa, trong những phân tích tiếp theo dưới đây. sẽ cho thấy còn tiếp tục theo đuổi Tô Thùy Yên trong nhiều năm nữa. Còn con tàu, hai mươi ba (23) năm sau, vào năm 1979, Tô Thùy Yên đã nhìn lại mặt nó. Hơn thế nữa, từ trong cái cõi không gian chật hẹp lù mù lửa tóe và cứng cộm thể tích kia, ông đã ghé mắt nhìn ra ngoài đời. Phải, đó chính là con tàu chở tù từ Nam ra Bắc. Và, bây giờ, đối mặt với định mệnh mình, ông ngồi im nghe tiếng ầm ầm của sắt thép chuyển di theo dòng sử lịch.

Tàu đi lúc đó đêm vừa mới
Lúc đó sao trời đã ngủ mê (...)
Thức dậy những ai còn sống đó
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này
Tàu đi như một cơn giông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay (...)
Toa nêm lúc nhúc hồn oan khốc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai

Ta gọi bàng hoàng ta thất lạc
Đất lạ ơi đừng hất hủi ta (...)
Tàu đi những chấn động hung hãn
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau
Ta tưởng chừng như thời đại động
Xô đi âm ỉ một cơn đau
Ta nghe rêm nhức thân tàn lạc
Các thỏi xương lìa đụng chạm nhau
Nghe cả hồn ta bị cán nghiến
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau (...)
(Tàu đêm)

Con tàu hung hãn lao đi như một cơn điên đảo. Nó giống như là chiếc troika ba ngựa của lịch sử Nga những năm đầu mùa "cách mạng", lao đi, lao mãi vào đêm đen thảm thiết. Con tàu sắt, ở đây, cũng lao đi vào đêm đen như thế. Nó bóc đi từng mảng lớn của thời đại và ném chúng mất hút vào đêm tối. Đêm vực dậy những khốn khổ, tan tác, và hoang mang sầu.]

Khởi từ cái định mệnh ấy, Tô Thùy Yên tiếp tục cuộc lên đường của mình vào đời sống. Hãy chú ý đến kinh nghiệm của nhà thơ:

Cũng kiếp ngựa nhưng là ngựa rằn nên không để cưỡi, tôi mở con đường máu cho tâm khảm thoát thân. Khỏi bề mặt của cuộc đời bình lặng. Tôi trang bị hoài nghi mà thám hiểm tương lai, ngày một lạc sâu thê vào hoang địa, nỗi chán chường cứ trải rộng ra.

Và vòm trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch.

(...)

Đêm khuya, tôi mở cửa sổ ra, ngưỡng mộ dự thính cuộc hòa tấu âm thầ của các tinh cầu trong khoảng không.

Và quên đi những điều đã nghe thấy ban ngày dưới phố.
(Lễ tấn phong tình yêu)

Vòm trời như nóc áo quan bằng cẩm thạch. Cuộc hòa tấu âm thầm của các tinh cầu. Đó là cái nhìn trong cuộc sống của đời thường, hay đó là sự xâm thực của những giấc mơ vào đời sống?

Và con ngựa vẫn lại tiếp tục phóng tới. Trục không gian-thời gian mở rộng. Những giấc mơ tan tác rụng rời. Và con ngựa có lẽ lại sắp sửa để lại "giữa nền nhung" của trục tọa độ kia "một vết nâu" chóng mặt.

Trăm năm, rồi lại trăm năm khác
Tên đóa hoa này, ngươi nhớ chăng?
Con ngựa bất kham cuồng bão táp
Cõi hồng trần lội nỗi kinh tâm
Tiếng kêu réo đuổi trong thăm thẳm

Tiếng kêu réo đuổi trong thăm thẳm
Mòn gót chân sương nắng tháng năm....
(Mòn gót chân sương nắng tháng năm)

Trong một cái nhìn liên văn bản (inter-textual), thường được Julia Kristéva và nhóm Tel Quel cổ vũ, ta thấy ám ảnh con ngựa-thời gian-ước mơ là một ám ảnh dài lâu trong cuộc lữ của Tô Thùy Yên. Bài *Cánh đồng con ngựa chuyến tàu* làm vào năm 1956, bài *Lễ tấn phong tình yêu* làm vào khoảng vài năm sau đó, có thể 58 hay 59, và bài *Mòn gót chân sương nắng tháng năm* làm vào năm 72. Con ngựa của ông rồi sẽ ngã gục trong một hình ảnh rõ nét hoặc hàm ẩn ở đâu đó trong bài. Thế nhưng, nó lại được sống lại trong một bài thơ khác. Những ước mơ của con người, tha thiết là thế, nên cho dù cuộc sống nó có hữu hạn, con ngựa kia vẫn tiếp tục dong dả phóng tới để rượt đuổi định mệnh của mình. Những giấc mơ, một khi đã lên đường, sẽ không bao giờ bỏ cuộc.

Nỗi ám ảnh siêu hình tiếp tục theo đuổi nhà thơ. Nhìn đi đâu, ông cũng chạm mặt nó. Những tiếng động trong trời đất cũng kéo ông về gần với nỗi ám ảnh muôn đời của mình:

(...) *Em chạy tìm anh ngoài cõi gió*
Lửa oan khốc giỡn cười ghê hồn
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chân
Em độc thoại lời kinh ánh xanh
Trăng lu khuya mỏi nén hương tàn
Chó tru thăm thẳm ngây thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lăn
(Góa phụ)
Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương
(Vườn hạ)
Các mùa chuyển động trong trời trống
Di điểu qua sông xẻ luống sầu
Ly biệt chẳng từ hạt cát ngọc
Tuần hoàn đến cả giọt sương châu
(Tưởng tượng ta về nơi bản trạch)
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây...
Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm (...)
Trên dốc thời gian hòn đá tuột

(Hề, ta trở lại gian nhà cỏ)

Hình ảnh hòn đá lăn trên dốc của Tô Thùy Yên làm ta chạnh nhớ đến tảng đá lăn của huyền thoại Sisyphe. Camus đã cho thấy ý nghĩa của cuộc sống con người giữa đời trong liên hệ với nỗi đau khổ nhục nhằn của hình phạt kia. Sisyphe cứ phải tiếp tục đẩy tảng đá lên chót núi, cho dù là, sau đó, nó lại lăn xuống. Chính cái thái độ tiếp tục đi tiếp, và đi cho hết, cái bổn phận của mình kia của Sisyphe, đã làm cho "cuộc hiện sinh" của Sisyphe có ý nghĩa. Và có hạnh phúc. Đó cũng chính là ý nghĩa và hạnh phúc của kiếp người.

Bài Trường Sa hành là một bài thơ thể hiện rõ tính siêu hình và những ám ảnh về thời gian, không gian, và ý nghĩa của cuộc sống giữa đời của con người trong thi giới của Tô Thùy Yên. Tôi sẽ phân tích nó riêng trong phần cuối của tiểu luận này để giới thiệu một cách nhìn và một hướng phân tích thơ.

Để kết cho phần bàn về những ám ảnh siêu hình của Tô Thùy Yên, tôi xin đóng nó lại bằng hướng nhìn tích cực của nhà thơ về định mệnh và cuộc lữ của chính ông–hay đó chính là định mệnh và cuộc lữ của bất cứ một con người nào có ý thức về sự hiện sinh của mình giữa đời:

Hoàng hôn xô bóng ta trên cát
Ta lớn lao và ta cô đơn
Ngưỡng mộ cây xương rồng gắng gượng
Thân trần đứng lẻ giữa đồng trơn (...)
Biểu dương–hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự làm than của kiếp người
Hi hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.
*(*Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai*)* ❐

Đính chính: Trên Văn Học số 122, trong bài thơ *"Chúc Mừng"* của Hồng Khắc Kim Mai, trang 121, do sơ suất của Tòa soạn có một lỗi quan trọng: Câu thứ 10 kể từ trên xuống xin đọc lại như sau:
Cưng như cưng trứng mỏng trong ***lòng***
Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc

tháng mười ba

CAO ĐÔNG KHÁNH

Em đến. Đúng ngọ. Phi trường chưa hết lạnh
Dưới dáng cờ hư ảo ngó mênh mông
Miếng đất không quen. Gặp người chưa biết
Lỡ gặp nhau. Tình cờ. Không hiểu ra sao?

Ngồi xuống với nhau. Em. Ngồi chung hình nhựt nguyệt
Gia vị tình yêu. Chút đỉnh. Gói trong lòng
Mấy kẻ có tiền kiếp một lần tề tụ
Một lúc. Một đời. Lấy đó làm vui.

Đêm thấm thoát trong ngôi nhà cảnh thạnh
Chan chứa từ chương sử ký dân gian
Khuya khoắt. Lúc đó. Có người tơ tưởng
Những bài thơ dài truy lục tình yêu.

Người đó. Sống chết. Thiết tha từng chút
Những kiếp ân tình ôm ấp làm tin
Sáng trong thị tứ. Chiều ngoài hải đảo. Tối làm con chó sói
Tru hú cuộc đời ma quỷ ám lương tri.

Người đó. Nói chuyện với người đó. Nói với người có mặt
Đêm sợ tàn đêm. Ngồi đứng không yên
Em cảm giác thật gần. Gần như khiếp đảm
Cảm tưởng ở xa. Xa lạnh lẽo hơi người.

Em nhỏ nhẹ làm vui từng chi tiết
Mỗi sắc rau xanh một tín ngưỡng linh đình
Mỗi tiếng nói. Mỗi miếng ăn. Mỗi hơi thở mỏng
Có linh hồn con mắt ở bên trong.

Con mắt có chân trời phía trước
Những chân trời con mắt tiếp theo
Em tóc ngắn môi đường da mật
Có chân trời con mắt kế bên anh

Rồng rắn cho vui. Đào tươi yếu liễu
Từ đó mơ hồ, đổ vỡ, như là thủy tinh
Dẫu cho thiên cổ long rời lở đất
Bản chức ngồi đây em hãy bình tâm

Em. Sự thật gần trong hơi thở
Cửa biển hở ra mây nước hư truyền
Mặt trời chảy ngọc để cho em hóa bướm
Cây cối hồi xuân mưa nắng múa giang hồ

Ở cuối giòng sông, một bình nguyên bát ngát
Thành phố dựng lên cho bớt đồng bằng
Ra ngoài hạn định. Đầu sóng ngọn gió
Xuống đáy trần gian. Uống rượu vô cùng

Em dạ lý trầm hương tóc ngắn
Nguyệt ngoài khuya. Dương lịch. Gió phong phanh
Mồi lửa mang đi. Gói thuốc để lại
Trong cái gạt tàn tro bụi mê mang

Em hẹn. Một tháng. Có lẽ. Mùa băng rã
Rừng núi căm căm. Nứt. Đổ. Kinh hoàng
Một tháng nữa. Một tháng trời đất động
Hồn vía nào không khỏi kinh tâm

Một tháng. Em. Một tháng nữa. Một mùa hoa. Chưa chắc
Mùa con gái đàn bà rễ má ra riêng
Thế cây có giữ nguyên hình nhựa chảy
Thiên địa hao mòn. Lý lục có sao không

Một tháng quyết liệt. Trời cao hay trời thấp
Trên gò má. Anh hôn. Nắng có nồng nàn
Rú nẩy tược. Rừng đâm chồi. Lá cây xẻ nụ
Thiên hạ có còn âm lạnh phía chân mây

Một tháng nữa, em đặt tên tình ái
Từng thước cây trên ngàn thước núi non
Một tháng trọn vẹn chu kỳ kinh nguyệt
Một tháng ở ngoài mười hai tháng niêm phong.

Dâng Hoa Mỉm Cười

Nguyễn Hữu Nhật

Buổi trưa mùa xuân tại chùa Hoa, một ngôi chùa cổ nằm trên bờ sông Đồng Nai, vào giờ trà Thiền. Ông thầy ngồi yên lặng nghe, ba người học trò của mình tranh cãi với nhau, về truyện Niêm Hoa Vi Tiếu. Tôi là một trong ba người học trò đó, nhỏ tuổi nhất, hai người kia là Thường Chuyển và Tâm Đối. Mở bộ "Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh" bằng chữ Hán, Tâm Đối đọc tới đâu dịch tới đó, khá lưu loát: "Ngày xưa, sau khi đăng đàn xong, đức Phật cầm đóa sen vàng lên cho cả hội Linh Sơn cùng xem. Ngài yên lặng, không dạy bảo gì hết. Mọi người đều ngơ ngác, chẳng ai hiểu đức Phật muốn nói gì. Trong khi ấy chỉ có ông Mahàkassapa (Ma Ha Ca Diếp), tu hạnh Dhùta (Đầu Đà) mỉm cười, tỏ ý hiểu đạo. Nhân đó, đức Phật mới nói: Ta đã chứng ngộ được Pháp môn Vi diệu: Chánh pháp Nhãn tạng, Niết bàn Diệu tâm, Thực tướng Vô tướng. Pháp môn Vi diệu ấy là pháp môn Bất lập Văn tự, Giáo ngoại Biệt truyền. Nay ta đem Giáo pháp ấy giao cho ông Ma Ha Ca Diếp". Tâm Đối ngừng đọc và hỏi tôi:

–Quán Chỉ hãy nói trước. Cho biết cảm nghĩ của Quán Chỉ về việc Đại Phạm Thiên dâng hoa, đức Phật im lặng, Ca Diếp mỉm cười?

Tôi liếc nhìn thầy tôi. Ông vẫn ngồi yên một chỗ, gần cửa sổ, dưới bức cổ họa vẽ cảnh mặt trời lên trong vườn chuối. Hương trầm thơm và gió mùa xuân mát. Cơn buồn ngủ của tôi vừa mới nhen nhúm đã được Tâm Đối dập tắt, tôi muốn nói ra hết những ý nghĩ mà bấy lâu nay vẫn giữ kín trong lòng:

–Lời nói trên cũng được chép trong bộ Chánh pháp Nhãn Tạng. Sau đó, qua bao đời nay, hàng ngàn pho sách đã ca tụng và ra công tìm hiểu một nụ cười. Song, không cuốn nào có nổi một lời cắt nghĩa cho gãy gọn. Theo tôi, truyện Dâng Hoa Mỉm Cười chỉ là một tấm gương hơn là một

ngọn đèn. Trong khi soi gương, chúng ta cần phải có ánh sáng. Ánh sáng thời nào cũng giống nhau, nhưng nguồn sáng thường khác biệt... Như trong kinh ghi người biếu đức Phật bông sen là vị thần tên Đại Phạm Thiên Vương. Cách nói ấy cốt trang trọng, thánh hóa, kiểu truyện thần tiên. Ngoài cuộc đời, thường chỉ là một người đi lễ, dâng hoa biếu Phật để bày tỏ lòng tôn kính. Nhưng tình cảm tôn giáo, đôi khi, mạnh hơn cả tình yêu nước, không bợn chút lý trí nào. Chúng ta bàn chỉ để hiểu rõ hơn về sự cần thiết của các giai thoại mà con người tín ngưỡng, tin và kính. Những gì mà lịch sử không ghi, chưa hẳn đã không có. Nhưng cũng không phải mọi thứ chép trong kinh sử đều nhất thiết là thật hoặc đương nhiên xảy ra như vậy. Chuyện đức Phật vừa mới chào đời đã biết đi và trên mỗi bước nở một bông sen vàng là thần thoại. Niêm hoa Vi tiếu, theo tôi, cũng thế...

Thường Chuyển giơ tay, muốn được nói, nhưng Tâm Đối ra dấu im, để cho tôi tiếp tục:

–Đức Phật, trong câu chuyện, cũng chỉ nói: "Nay ta thấy ông Ma Ha Ca Diếp hiểu đạo" và "Nay ta đem Giáo pháp truyền cho ông Ma Ha Ca Diếp". Đóa sen và nụ cười chỉ là một cái cớ. Chạy theo một bằng cớ không rõ rệt, thử hỏi, người ta sẽ nắm bắt được cái gì? Phải chăng ngoài đức Phật ra, không ai hiểu được nụ cười của ông Ca Diếp? Ngược lại cũng chỉ có mình ông Ca Diếp hiểu đước ý nghĩa của việc đức Phật giơ bông sen lên! Nếu ông Ca Diếp không gặp đức Phật hoặc gặp mà đức Phật không giơ bông sen lên, lấy gì để biết ông, một Ca Diếp của chúng ta, đắc Đạo đứng lẫn trong đám đông người? Tôi vẫn ngờ vực việc nhà tu hành này lặn lội đến hỏi đạo nơi nhà tu khác để nhận lấy dăm câu trả lời tối tăm, đôi khi kèm theo cả những cái tát, cú đá và quả đấm, để nhờ đó mà tỉnh ngộ ra. Bất cứ ngành nào cũng vậy, người thật giỏi thường không thích nổi tiếng. Thầy chúng ta tự giấu mình nơi ngôi chùa nát này, trong khi ngoài kia có biết bao nhiêu đại đức, thượng tọa lừng danh. Những người chép truyện Thiền xưa không ai đá động đến trường hợp một người giỏi, không may, vì nghe danh mà đến tham vấn một người mà mình tưởng là giỏi? Gặp thời tu giả nhiều hơn tu thật thì càng khổ!

Như con sóng bị dồn, tức nước tới vỡ bờ, đập vào bến sông, dội ra nhiều lần, khoét sâu những hõm đất lở, Thường Chuyển nhìn thẳng vào mắt tôi, hỏi:

–Tâm truyền tâm. Quán Chỉ phải hiểu điều đó chứ. Một sự cảm thông vi diệu giữa Thầy và Trò. Tôi cho rằng truyền tâm ấn đúng và hay hơn truyền y bát! Trong bộ Truyền Quang Lục có nói: "Cành hoa đưa lên, tỏ bày cái ý nghĩa chẳng đổi rời. Mỉm cười để tỏ sự sống lâu dài"... và còn

câu gì nữa nhỉ, Tâm Đối?

Tâm Đối vừa mở lại một trang kinh mới bị gió lật, vừa trả lời, hết sức thong thả:

–"Hơi ấm từ người đức Phật truyền đến và tạo một sức sống mới mẻ nơi nụ cười của Ca Diếp". Cần nói thêm là Truyền Quang Lục do thiền sư Oanh Sơn Thiệu Cẩm, vị tổ mở đường của dòng thiền Tào Động ở Nhật Bản...

Thường Chuyển bảo tôi:

–Quán Chỉ... Quán Chỉ hãy nhìn ra bức tường ngoài kia, nắng từ ngoài cổng soi vào đó, ai đi qua cổng hay từ ngoài cổng vào, bóng cũng hiện lên tường. Chúng ta ngồi trong thiền đường, không trông thấy cổng. Nhưng chúng ta có thể biết có người đang vào chùa. Nhờ đâu? Chính bức tường nắng rọi cũng giống nụ cười. Đức Phật thấy được cái Tâm của Ca Diếp, qua nụ cười ấy.

Tôi liền hỏi Thường Chuyển:

–Thế ông Ca Diếp thấy gì nơi ý đức Phật qua việc ngài đưa cành hoa sen lên?

Không có sự trả lời nào cả. Thường Chuyển rót trà. Tôi cũng ngồi yên lặng nghe Tâm Đối nói:

–Thật ra thì tôi vẫn sợ "người biết không nói, người nói không biết". Ấn, tức Giáo pháp, một khi đã truyền bằng Tâm. Mà bên ngoài Giáo pháp, lại thêm «bất lập văn tự» thì, không những chỉ lời nói mà cả đến những pho sách, cũng trở nên vô nghĩa. Càng cắt nghĩa càng sa lầy. Thiền đòi hỏi việc hành thiền, tu và tập. Sở dĩ chúng ta, được thầy cho phép nói, cũng không ngoài mục đích sớm nhìn ra sự bế tắc của ngôn ngữ. Nụ cười trẻ thơ, của cậu bé chèo đò mướn cho chùa, đôi lúc đã giúp tôi như nhìn thấy được một tâm hồn trong sáng... Quán Chỉ thấy sao?

–Như tôi vừa nói, vấn đề không phải ở chỗ đức Phật đã truyền sức sống vào nụ cười Ca Diếp. Con người sống và cười trước đó, ít ra, cũng hàng triệu năm rồi. Khốn nỗi, cười ít, khóc nhiều hoặc không cười được nữa, vì thế mà phải hướng về với Đạo, cốt tìm lại nụ cười của chính mình. Ai cũng than khổ, nhưng nhìn kỹ coi, đời mỗi người đều có một niềm vui lớn, của riêng mình. Có rồi, lại muốn có thêm, chính cái lòng tham lam ấy đã làm cho người ta khổ và gây khổ cho người khác. Càng là người thân, càng là chỗ quen biết, càng làm khổ nhau. Mặt khác, hoa sen sở dĩ cao quý chỉ vì "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Đạo sống trong đời để làm thơm và đẹp cuộc đời, chứ không vấy bùn đời. Hoa sen dẫu khép một vòng luân hồi, quá khứ hoa sen tàn, hiện tại gương sen tròn, tương lai hạt sen mọc, nhưng chẳng hề dính líu tới cái ý nghĩa gọi là "chẳng đổi rời"

như thiền sư Nhật Bản kia đã nói...

Thường Chuyển bưng tách trà lại mời thầy, xong quay trở lại chỗ chúng tôi ngồi và bàn tiếp:

–Mọi sự hiểu biết, dù trình độ cao, ở ngoài Thiền, có giúp gì cho chúng ta hiểu được về Thiền không? Tôi tin là không! Người nghe đàn hiểu được người đánh đàn, trước hết, phải biết về âm nhạc. Hai câu thơ của Mục Châu đã nói lên điều ấy. Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm. Bất thị thi nhân mạc hiến thi...

Tôi cãi ngay:

–Nhưng ít nhất Thiền cũng phải giúp chúng ta hiểu biết những gì ở ngoài nó chứ? Chính cái việc có quá nhiều văn tự, thật mâu thuẫn, để bàn về việc "bất lập văn tự" đã giúp cho người ta hiểu biết tính mâu thuẫn của cuộc sống, hơn là đi tìm hiểu chính các văn tự. Ngoài ra, người thứ ba biết gì về sự cảm thông, của hai người kia, mà bàn bạc? Người thứ ba, là chúng ta, cách hai người kia những mấy ngàn năm, lại dựa vào văn tự, các bộ kinh, cũng do một người thứ ba khác đã viết ra. Chúng ta luôn luôn là sự hiểu lầm, đến sau, của bao sự hiểu lầm trước đó...

Tâm Đối chen vào:

–Khi đức Phật nói bằng sự im lặng, Ca Diếp nghe hiểu và cũng im lặng. Tất cả đều im lặng, đóa sen cũng như nụ cười. Chỉ có người đời sau là ồn ào, bởi những văn tự trong sách vở hoặc ngoài cửa miệng. Nhưng bỏ hết chữ và lời, chúng ta lấy gì để học và dạy Thiền? Còn bảo «Gặp tay kiếm khách nên bàn kiếm. Chẳng phải nhà thơ chớ tặng thơ» đã có ý nhấn mạnh đến sự hiểu biết về một cái chung. Hay là cùng hoặc không hiểu biết về một thứ. Sao trên mười thế kỷ nay, Thiền đã được giảng dạy cho những người không hiểu biết về nó? Những người học Thiền, trong thời buổi chúng ta, phải thành thật mà nói: Phần lớn qua sách vở của Tàu hay Nhật. Trừ một số ít, như thầy chúng ta, nhiều nhà sư khác không ai nhớ đến chứ đừng nói là hiểu biết tới dòng Thiền Việt Nam và cách tu tập. Vài nhà sư trẻ, hiện nay, được đi Nhật học. Khi họ trở về, giảng và viết sách, cũng theo dòng Thiền xứ người. Sự giảng dạy nào cũng mang tính chất gợi ý thôi, việc mỗi người tự học mới là chính. Thầy vẫn dặn chúng ta thế mà. Thầy còn khuyến khích chúng ta nghi ngờ và tranh cãi cho tới khi nào, bằng sự im lặng, chúng ta tự loại bỏ mọi sự ồn ào trong tâm hồn mình. Thông thường, chúng ta nhìn "cái khăn đội đầu" ra "như thể hoa sen", nhưng khi cái khăn chỉ vắt trên vai mà chúng ta cũng cố bảo nó "như thể hoa sen" thì thật quả là mê rồi. Niêm hoa Vi tiếu, chính là sự cảm thông giữa người với ta và giữa ta với người. Sự sai lầm lớn lao nhất của chúng ta, thay vì tìm hiểu sự cảm thông, lại cố trình bày cái cách cảm

thông, theo ý mình, giữa đức Phật và ông Ca Diếp.

Thường Chuyển gạt đi:

–Như vậy Tâm Đối cho rằng đức Phật đã tựa như đốt đuốc, giơ bông sen lên, tìm ra được "trong đống sỏi có con trạch vàng" à? Việc giơ bông sen lên, chính đức Phật đã biết trước là vô nghĩa, chúng sinh trong hội Liên Sơn ngơ ngác, chứng tỏ cái tâm, ưa cắt nghĩa của họ, còn cố đi tìm ý nghĩa của sự việc. Cái Tâm ấy chẳng phải là tâm Không. Chỉ có ngài Ca Diếp, qua nụ cười thanh thản, tỏ ra đã thấu được lẽ Đạo. Loại bỏ được cái tâm đối đãi. Cái tâm sai lệch này khiến chúng sinh còn muốn cắt nghĩa cả tiếng chim hót. Có phải ý Tâm Đối muốn nói, do đó, chúng ta hiểu được thế nào là truyền tâm ấn. Phải không?

Tâm Đối gật đầu:

–Cũng gần như thế. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh đến cách thức truyền thừa của dòng Thiền, ngay buổi đầu đời, tâm truyền tâm, trao y và bát. Việc trao y bát cũng có cái hay của nó. Tấm áo mặc, miếng cơm ăn, như một nhắc nhở rằng cuộc nhân sinh, trong đó con người là chính và con người phải sống, phải được no ấm. Phần khác, y bát đối chúng ta, những người tu hành, chớ quên đã nhận những gì từ cuộc sống thì cũng phải biết cho lại. Phải biết ơn cha mẹ, thầy và mười phương cúng dường. Ngày nay, không tâm ấn, cũng chẳng y bát, chỉ thăng chức... Thật đáng ngại...

Thường Chuyển quay sang hướng tôi ngồi, nói:

–Quán Chỉ thấy thế nào? Ý nghĩa tượng trưng của y bát đâu phải như vậy. Khi mảnh vải có nhiều màu sắc biến thành lá cờ thì nó không còn là mảnh vải nữa. Ấn tín của nhà vua không phải là một khối ngọc như bao khối ngọc khác. "Tháp Mười đẹp nhất bông sen" không phải là Hoa Sen của đạo Phật. Nếu tôi không hiểu được ý trong việc "Thế Tôn niêm hoa, Ca Diếp vi tiếu", khởi đầu ngành Thiền, thì tôi sẽ không biết gì về Thiền cả. Truyện trên được chép lần đầu trong Quảng Đăng Lục, bộ Thiền sử Trung hoa, soạn năm 1029. Cái chính là chúng ta bỏ gốc Thiền Như Lai, chạy theo ngọn, sao đành? Hãy nhìn bằng mắt Như Lai mới thấy được Chính đạo, Chánh pháp Nhãn tạng là như thế! Ta mới thấy được cái khuôn mặt thực của con người và cuộc sống, của chính ta. Chạy thẳng vào cái ngọn, Thiền Trung Hoa, nói gì đến người ngoài đời, ngay các nhà sư cũng thấy khó hiểu. Thí dụ, có ông tăng đến hỏi Triệu Châu: "Đến đây không mang gì hết thì sao?" Triệu Châu đáp: "Buông xuống đi!" Ông tăng lại hỏi: "Một vật chẳng mang theo thì lấy gì mà buông xuống?" Triệu Châu bảo: "Buông chẳng xuống thì giở lên đi!". Nhưng trở về nguồn, Thiền Như Lai, cũng nói về "trụ vô trụ" mà sao ai cũng hiểu được. Thí dụ, một thầy Bà La Môn mang hai cây hoa đến biếu Phật. Phật liền bảo: "Buông

xuống đi!" Thầy Bà La Môn bỏ cây hoa bên tay trái xuống. Phật lại bảo: "Buông xuống đi!" Thầy Bà La Môn liền bỏ nốt cây hoa bên tay phải xuống. Phật vẫn bảo: "Buông xuống đi!" Thầy Bà La Môn nói: "Tôi còn gì nữa đâu mà buông với bỏ. Ý Phật muốn dạy gì?" Phật đáp: "Tôi không nói thầy buông hết mấy cây hoa. Tôi bảo thầy "buông xuống đi" sáu căn, sáu trần, sáu thức...". Cũng thế, truyện Niêm hoa Vi tiếu đã bị người Tàu, khi kể lại, bỏ đi một hoặc hai chi tiết cần và đủ để ta hiểu được...

Tâm Đối hỏi ngay:

–Nhưng khuôn mặt thực, "bản lai diện mục", của "niêm hoa vi tiếu" là gì?

Thường Chuyển vẫn sôi nổi:

–Khoan! Sự cảm thông? Nói nghe dễ dàng thế! Có người còn chê tôi dựa vào lời của đức Phật "Nay ta đem Chánh pháp Nhãn tạng giao cho ông Ma Ca Ha Diếp". Hễ Phật nói thì phải đúng nên tôi cố tìm xem ông Ca Diếp đã hiểu Đạo như thế nào. Giơ bông sen lên là ý nghĩa gì? Tôi không cãi với họ. Nhưng giữa chúng ta, nên cho tôi nói rõ. Một bông hoa sen là nhất nguyên hay cũng chính là cái Tâm "không hai, chỉ có một", điều ấy đúng. Đúng hơn nữa là đức Phật đã truyền một luồng sóng ánh sáng, từ diệu tâm, lan dần tới ý căn của ông Ca Diếp. Từ ý thức, những âm hưởng rung chuyển của thần lực, nhỏ dần, xoáy vào tâm thức, ông Ca Diếp mỉm cười...

Tâm Đối lắc đầu:

–Thứ nhất, tôi nói về buông bỏ, theo đúng tinh thần của Thiền, hãy cho những cuốn kinh và ngay cả các giai thoại Thiền vào lửa. Trong Sa Thạch Tập, Shaseki Shu, thiền sư Vô Trú, Muju, của Nhật Bản đã kể một chuyện tranh luận về lẽ Đạo trong Thiền. Tự diễu cợt chính mình là cách buông bỏ hay nhất, phá ngã tuyệt đối, của chính Thiền. Hai nhà sư, một giỏi dang, một đã đần độn lại chột mắt, đấu lý với nhau bằng ngôn ngữ của người câm, văn tự của họ là các ngón tay. Nhà sư giỏi cho biết vì đâu mà ông ta thua cuộc: "Đầu tiên, tôi giơ một ngón tay, ý chỉ đức Phật. Anh ấy giơ lên hai ngón tay, nhắc Phật và Pháp. Tôi lại giơ lên ba ngón tay, ngụ ý Phật, Pháp và Tăng. Anh ta nắm chặt tay, đấm vào mặt tôi, nhắc nhở phải đập nát, buông bỏ cả ngôi Tam Bảo, mới chứng ngộ được. Nên tôi thua." Nhưng nhà sư thắng cuộc thì lại giải thích như thế này: "Mới vào, hắn đưa một ngón tay lên, diễu tôi chột mắt. Tôi giơ hai ngón tay lên, muốn nhắc rằng hai con người với nhau nên nói chuyện tử tế. Hắn vẫn cố giơ ba ngón tay lên, mỉa mai là hai người nhưng vẫn chỉ có ba con mắt. Tôi tức giận, đập vào mặt hắn và hắn bỏ chạy! Không chạy thì chết!"...

Ngay lúc này, lần đầu tiên tôi thấy thầy tôi cười thành tiếng, dù

không lớn. Còn tôi thì chảy nước mắt ra, không phải vì cười, mà vì cố nén một trận cười. Thường Chuyển cười ròn rã. Tâm Đối không cười, nói tiếp:

–Thứ hai là một câu hỏi: Thiền nước ta đã "buông bỏ" như thế nào? Xin trả lời, Thiền sư Thần Nghi, đời thứ hai dòng Vô Ngôn Thông, hỏi Thiền sư Thường Chiếu: "Sao người ta, theo thói thường, cứ phải chết?". Thường Chiếu hỏi lại: "Thầy thấy ai không theo thói thường?". Thần Nghi trả lời: "Tổ Bồ Đề Đạt Ma! Ngài không chết. Vua Trang Đế cho quật mồ lên, chỉ thấy một chiếc dép trong hòm. Tổ đã đạp sóng biển Đông mà trở về Tây Trúc rồi." Thiền sư Thường Chiếu liền đáp: "Lừa người lấy lợi, đứng đầu là ông đấy Thần Nghi ạ! Tống Vân, kẻ viết truyện ấy, là một con chó lớn, sủa láo!"...

Tâm Đối lạnh lùng nhìn chúng tôi đang háo hức, rồi mỉm cười và nói rõ ràng hơn:

–Chính cái tinh thần độc lập này của đạo Phật ta đã góp phần vào việc xây đắp vững vàng cho nền độc lập của nước mình. Ngày nay, rõ rệt, mọi thứ đều như đi ngược lại với con đường tổ tiên khơi mở. Giơ bông sen lên, không nói gì, mà trở thành truyền một luồng sóng sáng của tâm Phật à? Sao không nói là đức Phật có phép màu, ngài nhìn một cái ra ngay Ca Diếp, giữa đám đông về dự hội Linh Sơn, có tiện hơn không? Tiện ở chỗ dễ hiểu... Hoặc ông Phật của Thường Chuyển im lặng, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, ngụ ý "thiên thượng, thiên hạ", trên trời dưới đất. Ca Diếp liền giơ một bông sen lên, cũng im lặng, muốn nói "duy chỉ có bông sen này" nghĩa là trong cõi trời đất này chỉ có đạo Phật là đáng kể thôi. Do đó, ông Phật của Thường Chuyển thấy Ca Diếp xứng đáng là người thay mình mở Đạo, bèn trao y bát và đọc một bài kệ.

Thường Chuyển tỏ ra hơi bực, song vẫn phải ngồi nghe Tâm Đối nói tiếp:

–Hay ngược lại, ông Phật của Thường Chuyển giơ bông sen lên, ý nói trên đời này chỉ có đạo của ta là đáng kể, Ca Diếp liền bằng lòng, mỉm cười? Hoàn toàn không phải như vậy! Niêm hoa Vi tiếu, theo tôi, vô nghĩa! Nhưng câu chuyện ấy, nhìn chung, đánh dấu cái cách, riêng Thiền mới có, mà ông thầy giao việc Đạo cho người học trò. Hiển nhiên là tùy theo học trò và mỗi ông thầy cũng có những cách giao khác nhau. Quán Chỉ nghĩ sao?

Thường Chuyển đặt tách trà xuống khay và chăm chú nghe tôi nói:

–Dầu sao mỗi sự việc cũng đều có ý nghĩa của nó. Theo tôi, rất có thể, truyện Dâng Hoa Mỉm Cười nhằm nói lên một điều không hẳn là không hiểu được: Hoa sen là Đạo Phật. Nụ cười là hạnh phúc, hay ít nhất cũng là lời chúc phúc. Đạo nào không làm cho con người cười được, trái

lại còn sợ hãi, là tà đạo. "Pháp giới Vi diệu" của đức Phật là gì? Hoa sen thơm, không dính mùi bùn. Sống trong đời mà không đau khổ vì đời, giải thoát. Ta tìm thấy nụ cười trong "không sợ hãi gì cả", chết cũng coi là chuyện thường tình. Cười nhiều hơn khóc. Nhưng không phải là tiếng cười của kẻ vừa thắng được ai vì mưu mẹo độc... Phải là nụ cười mỉm của Ca Diếp. Phật, ánh sáng, đã trở thành Đạo Cả. Nếu cần phải giải thích, tôi mong được giải thích như thế. Song văn tự chỉ là phương tiện. Tối hay sáng đều ở Tâm. Như Tâm Đối nhìn thấy vẻ đẹp nơi miệng cười của cậu bé chèo đò. Nhưng ông cụ Nậm mỗi lần trông thấy cậu bé lại mắng: "Chưa thấy mặt đã thấy răng!" Không ai hiểu được nụ cười đạo hạnh khác với nụ cười trần gian nếu như không từng tu tập. Sự cùng túng về tiền bạc chỉ khổ thân, so ra, không thiệt thòi bằng sự nghèo nàn ý nghĩ, khổ tâm... Thầy chẳng từng dạy chúng ta điều này sao: Phải thấy được hai bài thơ tứ tuyệt của Huệ Năng và Thần Tú, lúc đó, ngũ tổ Hoằng Nhẫn mới tính trao y bát cho ai. Tự mỗi bài thơ, hiển nhiên, nói lên người này hiểu Đạo và người kia thì không. Nụ cười của Ca Diếp, ít nhất, cũng như bài thơ, mang dấu vết một cái gì đó mà ta phải trông thấy mới biết rằng Ca Diếp thật sự hiểu Đạo. Đạo ở đây là Amuttara Samyak Sambodhi, Anậu Đala Tammiệu Tambồđề, Giác ngộ Tối cao, còn gọi là Pháp, Dharma, mỗi người phải tự nhận thấy, qua sự thể nghiệm của chính mình, vượt thời gian và tự chứng ngộ. Đặc biệt là tính hiển nhiên, không mù mờ. Bài thơ của Huệ Năng, tự nó, là một tấm gương. Ai cũng có thể soi được. Sau ngày nhận y bát, thân ngài Huệ Năng còn phải mất mười lăm năm nữa, đau cái đau của mọi người bị nguyền rủa, khổ cái khổ tận cùng của đời tối tăm, chạy trốn, đói khát, sống không nhà... Nhưng tâm ngài, cõi sáng, nguyên vẹn trước sau như đóa sen thơm, tinh khiết. Đâu phải một sớm một chiều, cỡ đồ tể buông dao một cái, cũng thành Phật như lời kẻ thích lừa người thường dối gạt vậy. Một thể chế tàn ác lâu ngày, bỗng chốc, nói đã «đổi mới» mà người ta tin được ư? Ngài Huệ Năng không đọc, chỉ nghe, kinh Kim Cương mà sáng lòng, đẹp dạ. Tựa hồ như chúng ta nghe nhạc, không ai chỉ đọc nhạc mà thấy hay. Không ai đọc được gì được ở tiếng chim hót, tiếng gà gáy nơi quê nhà mình. Vậy mà lớn lên, trôi dạt nơi quê người, tình cờ nghe thấy những âm thanh đó, lòng lại muốn trở về thăm chốn cũ. Tôi nghĩ ngài Huệ Năng không chỉ nghe kinh ở một kiếp này, cái kiếp mà ngài làm người bán củi, xay lúa, giã gạo. Chúng ta chỉ học viết và tập đọc lên những gì mình viết. Thiền dạy ta nghe. Lắng nghe chính mình. Ngược dòng lịch sử Thiền, ngay tổ Bồ Đề Đạt Ma cũng còn dùng một tấm gương lớn, kinh Lăng Già, trao cho người đệ tử Trung Hoa đầu tiên là Huệ Khả. Vị tổ thứ hai này đọc và hiểu. Có thế thôi! Không

dùng gương kính thì cũng phải dùng gương đồng hay gương nước để soi cái bóng của tâm mình chứ? Chỉ dựa vào những tấm gương mù mịt bụi, tối sầm, qua 1700 công án, suốt một thời dài từ các môn đệ Thiền sau Huệ Năng tới nay mà ta hiểu được Đạo à? Những "cái khứa của tấm ván mọc lông" hoặc "Mục Châu đóng sập cửa, Vân Môn gãy chân, đau đớn, hoát nhiên đốn ngộ". Vào nhà Thiền mà qua các cánh cửa ngôn ngữ và hành động như vậy, chẳng trách, ngày nay người ta thích nói đến Thiền chỉ vì nó khó hiểu? Mặc dù "hiểu" và "ngộ" là hai việc khác nhau. Chúng ta, trước hết phải hiểu. Điểm then chốt của kinh Lăng Già nói gì? Nhất thiết vô niết bàn. Vô hữu niết bàn Phật. Vô hữu Phật niết bàn. Viễn ly giác, sở giác! Không Không niết bàn gì cả. Không niết bàn của Phật. Phật không ở niết bàn. Xa rời giác, sở giác! Như vậy mới là Tâm Không, Đại khái: Phá bỏ mọi tướng đối đãi, người với ta, ta với người. Tôi nghĩ: Không lấy cái nghĩ của người làm cái nghĩ của ta. Không lấy cái nghĩ của ta làm cái nghĩ của người. Ai ăn người ấy no. Ai học người ấy hiểu. Sự tự chứng ấy, mấy trăm năm sau, hiện ra nơi bài kệ "Bồ đề bản vô thụ. Minh kính diệc phi đài. Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai. Bồ đề vốn không cây. Gương sáng chẳng phải đài. Xưa nay không một vật. Lấy đâu mà bụi bám". Chứ còn lập lờ, vu vơ, thì không đúng đâu. Người khác, kể cả ông thầy của người tu Thiền, chỉ có thể là bậc chứng giám, căn cứ vào sự tự chứng của người học trò qua các dấu hiệu rõ ràng giác ngộ, như bài thơ, như nụ cười... Dù là mảnh gương con, của mỗi người học Thiền, ngày nay đâu?

Thường Chuyển nghe tôi nói xong, chỉ bảo:

–Mấy anh... Chấp kiến và thuyết ngôn... À quên quý thầy... Có mọi thứ, trừ một Lòng Tin! Chính Lòng Tin đã làm nên cuộc sống này và nó sẽ còn mãi mãi, cùng với con người, bay bổng lên nhờ những ước mơ tốt đẹp. Ai không hơn một lần "mơ mộng hão huyền"?

Ánh mắt của Thường Chuyển nhìn tôi khiến tôi có cảm tưởng như Thường Chuyển chỉ muốn nói cho tôi hiểu:

–Cả một mạng lưới triết học "hiện thực" đã chụp lên đầu, lên cổ dân tộc ta như thế nào? Thà tôi đẽo một khúc gỗ, ra hình ông Phật tưởng tượng, để thờ còn hơn là càng tỉnh táo, tôi càng trở thành khúc gỗ. Tượng Phật, như bất cứ khúc gỗ nào, lâu dần rồi cũng mục. Nhưng trong mỗi tượng Phật có cái hồn của con người, có sự sống. Sự sống của người xưa làm lành tránh ác, chảy một dòng tươi mát, vào mỗi tâm hồn người hôm nay. Làm một điều gì tốt xong, con người tự nhiên cảm thấy yên vui. Tự nhiên không là "chân như" thì là gì? Cái yên vui ấy chẳng là «thực tướng» của "bổn tánh" chúng ta thì là gì? Nụ Cười Ca Diếp chính là sự Yên Vui.

Mất Lòng Tin, người ta khó sống... Hay vẫn sống mà không ra người... Thời buổi quỷ quái gì mà không ai tin ai cả! Bông sen cần "vô tâm", nhưng nụ cười phải "hữu tình", tình người, chứ?

Lúc này tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay, chờ tiếng cái chuông nhỏ vang lên, thầy chúng tôi rung báo giờ "hồi hướng công đức" buổi chiều. Nhưng thầy vẫn ngồi Thiền. Theo lệ thường, thầy chúng tôi ngồi im lặng dự từ đầu đến cuối, rung chuông hai lần, khởi và kết, trong các buổi trà đàm của chúng tôi. Tâm Đối bao giờ cũng là người được nói câu cuối cùng. Tôi ra dấu nhắc nhở. Nhưng Thường Chuyển lại lên tiếng:

–Thật ra chúng ta chưa ai biết chắc rằng người đệ tử lớn, Ca Diếp, mà đức Phật truyền tâm ấn, gương chiếu gương, thấy hoa sen rồi mới đắc đạo, hay đắc đạo rồi mới biết mỉm cười? Nhưng ai cũng thấy rõ: Hoa sen và Nụ cười phải đi đôi với nhau...

Ngay lúc đó, ngoài sân tiếng ông cụ Nậm, một người làm công quả cho chùa, gắt:

–Mày ở đâu đến mà giờ này mới chở thóc tới?

–Bờ bên kia...

Ông cụ Nậm quát to:

–Ai chẳng biết nhà mày ở bên kia sông! Lẹ lên! Không đổ thóc vào lu, đêm nay mưa thì ướt hết! Còn đi đâu nữa mà hớt ha hớt hải vậy?

Tôi nghe thấy Lượm, cậu bé mười hai tuổi, con nhà nghèo, làm nghề chở đò mướn, cười ròn, hỏi ông cụ Nậm:

–Thầy Chỉ Quán ở đâu? Cháu muốn chặt một cành hoa mai về cho mẹ cháu ăn Tết!

Cậu ta luôn luôn gọi tôi là Chỉ Quán, thay vì Quán Chỉ, bảo sửa mấy lần rồi, cũng không chịu nghe. Ông cụ Nậm la:

–Này, đừng có làm ồn. Quý thầy đang giảng về hoa sen. Tao ở ngoài này nghe lõm bõm, câu được câu chăng, mà cũng thích lắm! Trong đầm gì đẹp bằng sen...

Cậu bé, chẳng những không im, còn nói như hét lên, giọng cứ oang oang:

–Ông ơi! Năm nay cây mai trắng ngoài bến sông nở sớm quá. Đẹp khỏi chê! Bông nào bông nấy trắng tươi. Lúc cặp thuyền vào bờ, cháu thấy ở dưới bóng nước cũng có hoa nở. Không cho chặt thì chỉ một cơn mưa lớn là hoa rụng sạch bách! Mùa hè đã tới đâu mà quý thầy bàn chuyện hoa sen...? Lại ngồi ở trong nhà mà nói. Uổng quá!

Cả thiền đường bỗng bật tiếng. Ba chúng tôi nhìn nhau. Không hé răng. Cơn gió ngoài bến sông, thổi vào qua song cửa trúc, mang theo đôi cánh hoa mai. Tôi thấy trên vai áo nâu thầy tôi, có cánh nằm bất động,

Nẻo ý trăng xanh Bàng Giúi

HẢI PHƯƠNG

Ngàn Thu Rớt Hột
trăng Bùi Giáng
rụng xuống hồn xanh
thung lũng truồng
Em Mọi bước ra
đen tỏa sáng
trời Phi châu
cày vỡ đất Mưa Nguồn

trời đất cũ
ôi, nhớ nhung cố quận
cõi đi về
Trăng Tỳ Hải sương tan
đá dựng Ngũ Hoành Sơn
soi bóng
bến Thu Bồn
Khuya khoắc rộng thênh thang

Hoàng Tử Bé
thôi đi về Nẻo Ý
Lá Hoa Cồn khép mở
mép tồn sinh
con cá phiêu bồng thềm biển cạn
"Trong Cơn Yêu Dấu"
hiển-linh-chàng!

trong trắng. Thường Chuyển chợt mỉm cười. Gáo nước lạnh hắt vào mặt, tôi sực tỉnh, thấy một người khác trong tôi, đang nhìn tôi đứng bên lề cuộc sống. Một cậu bé áo rách đã vô tình mở ra cho tôi kho của báu: Không có hoa làm sao có bóng hoa. Không có ánh xuân quang, lấy đâu gương nước chiếu hoa? Ngay lúc đó, bao bông hoa sen trong căn phòng này không những tàn rụi mà còn mất biến. Chỉ có tiếng chuông của thầy tôi rung lên, ngân dài trong vắng lặng, nhỏ dần...Trên giòng nước, trong đầu tôi, có chiếc cánh sen như con thuyền nhỏ cứ trôi xa dần, xa và xa mãi..❐

(trích *Bờ Bên Kia*, sắp in)

Từ Nơi Sóng Vỗ Bồng Bềnh...

Tạ Chí Đại Trường

Người nữ hướng dẫn viên duyên dáng vung nhẹ bàn tay về phía trước mặt. "Đây là nghĩa trang Hàng Dương nơi chôn tội phạm. Nghĩa trang Hàng Keo cũ ở vòng về phía đàng kia. Chỉ còn tên một người - trên một viên gạch, không hiểu vì lẽ gì lại có. Phía này có mả của ông Nguyễn An Ninh, của cô Võ Thị Sáu. Mỗi người chết được đánh dấu bằng một viên gạch có khắc số theo trong sổ sách. Sau 30-4-1975, tội phạm được thả, họ cướp chính quyền sợ Ngụy trở lại nên đốt hết giấy tờ thành thử bây giờ hoàn toàn không hiểu là mả của ai. Sau 1954 có vài người chết được bốc đem về quê cải táng. Gia đình Nguyễn An Ninh xây mả ông tại chỗ. Còn mả cô Võ Thị Sáu là do viên Thiếu tá thời sau 1963 có bà vợ được báo mộng nên xây cất đàng hoàng. Cô chết đi là một trinh nữ nên linh thiêng lắm..."

"Cô là một trinh nữ... cô linh thiêng lắm." Giá như cô từng ngủ với nam sinh, với bạn cùng tổ tam tam - mà bị người ta bắt gặp, thì cô chỉ còn là một viên gạch như những viên gạch loang lổ, sần sùi giữa đám cỏ khô cháy kia. Ở đó có những bụi cây cằn cỗi với vài khóm mai rừng tươi thắm chìm lấp. Cô gái chưa lặng lẽ đi vào cõi hư không vì cô là một "trinh nữ" nên chết linh thiêng. Trớ trêu thay người khiến cho cô nổi bật lên lại là viên chúa đảo "Địa ngục trần gian" của sách vở, và phụ họa sơn phết cho danh vọng cô là cả một quyền bính trùng trùng dâng cao sử dụng đám người viết sách báo, diễn kịch nghệ, nắm phương tiện truyền thông mới dù cô chắc chắn không phải là một đảng viên cộng sản như những người được Đảng huấn luyện, đòi hỏi hy sinh để Đảng được tăm tiếng không cần cưỡng đoạt. Ở cô chỉ có một tâm tình nồng nhiệt của tuổi trẻ, một giây phút mong manh của ngón tay bấm vào cò súng và những năm tháng đày đọa xác thân trong lao tù nào có được ai lưu ý tới - kể cả các đồng chí

- trong thời chiến tranh liên miên vô vàn chết chóc! Bây giờ cô nằm đó để cho người ta ngưỡng vọng vì một quan niệm khác.

Thị trấn đối với người lớn tuổi là một hình ảnh thời Pháp thuộc, của những năm tháng không xa đối với một đời người mà lãng đãng trong bước gấp của thời gian đầy biến động suốt mấy mươi năm qua, chỉ chừa vết tích ở những nơi đặc biệt như trên hòn đảo này, nhóm đảo này. Tản cư, tiêu thổ kháng chiến làm tan nát thành thị, tàn hại nhà cửa cảnh trí của cả thôn quê, xây dựng lại, tàn phá rồi đổi mới gấp gáp theo ý thích của vài ông chủ tịch tỉnh khiến con đường mở rộng còn dấu vết ba ngấn tường vách cũ như ở Nha Trang, Quy Nhơn. Côn Đảo này trong hình ảnh khủng khiếp của người tù chính trị phạm, "Kìa xa xa nơi Côn đảo ú ù...", huyện Côn Đảo của thời mới nối kết với quá khứ đó mà không còn nhiều cái quá khứ tâm hồn xưa. Côn Sơn, nghe như của ông Nguyễn Trãi mà lại là của ông Ngô Đình Diệm, của thời kỳ triều đình khổng nho cuối mùa, trượt trên lối mòn cũ, muốn là Việt, muốn chống Tàu mà lại là Hán - Việt xóa vết tích địa phương "nôm na", "mọi rợ" để Blao thành Bảo Lộc, bắt dân Thượng vào Đà Lạt không được mặc khố, bắt Sóc Trăng thành Khánh Hưng, để Côn Sơn thay thế cho Pulo Condor âm hưởng vùng đảo phương Nam. Thị trấn có các nhà gạch ngói 1931, 1928, 1926 làm nền cho bức hình một người còn là cát bụi lúc chúng đã sừng sững nghênh ngang với đồi dốc, rừng cây. Thị trấn có con đường ven biển nền đá tráng nhựa lối macadam của thế kỷ XIX, rộng vừa đủ cho chiếc xe jeep - ngày xưa chắc là lối đi tung bụi của vài chiếc Citroen, Renault, Delahaye... Ven đường là hàng cây bàng cũng một thời lá vàng rụng, có trái nhân hạt bùi bao bọc ngoài với lớp thịt xơ chua chua chát chát trong miệng của các cậu bé học trò không tiền ăn quà sống nơi các thành phố biển hiền hòa trên đất liền. Thị trấn gượng nhẹ, bình yên như không biết đến khu tù ngục xưa nằm trong vòng tay của nó.

Không khí vắng lặng, chập chờn hư ảo với tường rêu, cây thưa lá, cỏ khô cằn không gợi lên được những gì ghê rợn như trong trí tưởng tượng. Cái chết của một nơi tù ngục không như của một khu lăng tẩm có lẽ vì khi sống nó đã gần cái chết rồi. Tuy nhiên trở lại thời còn sống của nó thì đó lại là sự đoạn tuyệt với thế gian, có chịu đánh đập, có lao động khổ sai như cung cách phải có của tương quan giữa những người trừng trị và những kẻ nằm trong tuyệt vọng mà xung đột có thể bùng lên bất cứ lúc nào. Nhất là khi có cao trào mà người đại diện chính quyền cần ra uy để bám víu quyền lực và phạm nhân mới chưa đè được sức phản kháng lúc còn ung dung bên ngoài, hay tuy đã chịu đựng lâu dài nhưng thấy có cơ hội phá xiềng

xích. Nhưng giữa những biến động bất thường, tù nhân vẫn có những khoảnh khắc đều đặn cơm nước ngủ nghỉ gạt sang bên chốc lát những lao tâm khổ trí vẩn vơ.

Lịch sử ngục tù Côn lôn không phải chỉ tìm thấy trong mớ sổ sách ít oi còn lại sau cơn đốt phá, hay trong các nghiên cứu, trong hồi ký của chính trị phạm, trong một phần tiểu luận Cao học của anh thầy giáo hiểu được nghĩa câu Tái ông thất mã khi bị đẩy tuốt đến nơi này một vài năm về lại đất liền vừa có bằng cấp vừa thấy thang lương của mình lên vùn vụt để cười nhạo các đồng nghiệp sau giờ dạy lê la trên đường phố, và rồi lại cũng thấy mình vô dụng khi đi kiếm thêm việc làm, lọc cọc trên chiếc xe đạp hàng mươi cây số để đánh xi bàn ghế của các khách sạn dựng hối hả trong thời đổi mới. Lịch sử ngục tù Côn Lôn còn như một chứng tích khảo cổ không nằm dưới lòng đất mà chỉ bị phủ lấp gây quên lãng vì lớp không khí lãng đãng bao quanh.

Khu xưa nhất thuộc thế kỷ trước tuy tường gạch, mái ngói nhưng cất liền những dãy dài vài mươi thước, đà rui gỗ, mái dốc tuột có dáng hình không sai chạy với những ngôi nhà lá mái của các cự phú trong đất liền. Duy khác đi là bên trong không có tủ chè, sập gụ, khám thờ, liễn đối mà chỉ có hai dãy nền xi măng liền lạc hai bên lối đi với hai cây sắt xuyên qua các khoen cố định với những chiếc xiềng khóa chân tù nhân ban đêm. Ngoài sân nhưng trong vòng thành là chỗ tắm táp với các khuôn xi măng xây cao vài tấc, trũng xuống để giặt giũ lấy nước từ một giếng tròn cách đấy mươi thước, tất cả nằm trong một khung cỏ đủ để qua lại, cũng có thể gọi là dạo chơi hít thở không khí không ai ngăn cấm được tuôn xuống từ trời cao lồng lộng. Tính tổ chức gặp tính bất thường, tạm bợ khi so sánh với anh vượt biên không thoát phải tắm sau đồng phạm nữ trong một ao nhỏ, hay trần truồng một loạt để vòi nước quét qua quét lại vài lần trong lúc nhảy múa kỳ cọ.

Các "banh" (bagne) cất trong thế kỷ này của người Pháp không có dáng cổ kính thừa thãi với phạm nhân như thế mà lại cùng một khuôn với các nhà tù trong đất liền, có điều to rộng hơn hẳn vì đất đai còn nhiều và tội nhân cứng đầu cũng nhiều hơn. Ở đây có khu chuồng cọp nổi tiếng thế giới sau hiệp định Paris với những bài báo của các quan phóng viên từ những xứ giàu lòng nhân đạo một cách đáng kính nể nhưng cũng đầy lòng vị kỷ muốn nổi bật với các thông tin gây khích động và do đó đưa đến tiền bạc, danh vọng. Chính báo chí của họ cũng đã để lộ sự bất mãn về việc tội phạm Mỹ "sue" chính quyền không chịu cung cấp ti vi, video còn đám bác sĩ, y tá thì co vòi lảng tránh khi một tội nhân ồn ào la hét đòi cấp thuốc theo ý của hắn. Ở tù thì chẳng bao giờ sướng trừ một vài lúc của

anh Việt lưu vong giựt đồ rủi ro ghé vào nghỉ mát. Tương quan cai tù và phạm nhân không phải là sự tương kính bè bạn, vợ chồng "như khách", và cái chuồng cọp Côn Đảo xuất phát từ mối liên hệ mà người ta không chịu nhìn thấy đó: phía dưới, một nền xi măng có chỗ nằm lúc nhúc tội nhân, phía trên là một tầng khác có song thưa để giám thị nhìn xuống kiểm soát người. Nhìn ở một khía cạnh thì "chuồng cọp" nảy sinh từ sự sợ hãi của anh có quyền đối với người mất tự do, mà hàng chấn song lưng chừng nhà ngăn cách là bằng chứng ngược ngạo của tương quan quyền lực thực tế. Anh phóng viên ngoại quốc lỉnh kỉnh trang bị máy thông tin, không cầm cây roi, không đeo khẩu súng nên không biết đến nỗi sợ hãi đó. Với quyền lực gián tiếp từ xứ sở xuất phát, anh thấy mình có bổn phận tố cáo một thảm trạng theo đà vọng tưởng chung của thời điểm có niềm mơ ước thiên lệch mà anh tưởng cũng là của người đồng hành. Và nói như vậy không biết là có bị kết tội thêm khi xét về cấu trúc các "banh" thời "Mỹ ngụy" hay không. Cũng từng dãy nhà dài - tất nhiên cũng có cửa sắt, khoen sắt - nhưng chỉ như nhà ở thông thường, cách khoảng rộng, có vẻ rộng hơn nhờ nhà thấp, có chùa Phật, có nhà nguyện Thiên Chúa. Nhắc lại, ở tù thì không bao giờ gọi là sướng, càng không thể tự coi là có quyền được sướng nhưng một chút thay đổi của thời đại văn minh len được vào trong chốn "địa ngục trần gian" cũng phải được coi là mang lại một không khí dễ thở hơn cho nơi này - ít ra là một phần của nó.

Cờ vàng ba sọc nơi cổng, nhà gác, các khẩu hiệu của VNCH được sơn, kẻ màu tươi. Có điều chúng lại lõm xuống, đó là vì người ta đã cạo vết tích cũ nay muốn hồi phục để làm khu du lịch, hấp dẫn du khách. Một thứ gì khi đã xuất hiện rành rẽ thì không dễ bị bôi xóa. Dù là những chứng tích muốn gây lòng căm phẫn, sự thù ghét. Hình ảnh các cô gái nằm lăn lóc dưới đất, la hét trước mặt đám lính gác, giám thị súng roi nhòe nhoẹt dưới ánh đèn bấm. Hình ảnh đám tù xương bọc da cùm chân vào khoen móc vào thanh sắt dọc theo chỗ nằm. Không thấy có các hình ảnh vệt máu loang lổ trên tường mà ở nhà trưng bày tội ác Mỹ Ngụy thuộc thành phố Hồ Chí Minh người ta đã chú thích đó là dấu vết của những cuộc tra tấn. Có lẽ chính nơi đây, nơi của chứng cứ trực tiếp, người "bản xứ" đã sợ làm chuyện khôi hài khi trưng bày, vì dấu máu rệp rõ rệt quá. Không ai lật ngược câu kinh: "ở đâu có đàn áp, ở đó có đấu tranh" làm câu "ở đâu có đấu tranh, ở đó có đàn áp" cũng đúng sự thật như ai, nhất là trong tù ngục, nơi như đã nói không phải là chỗ của tương quan ôm hôn thắm thiết.

Xưa hơn thì không còn chứng tích, hay nếu còn thì với thời đại các lãnh tụ béo tốt phương phi, 70 tuổi mà treo hình 40, không thể dán lên cho người ta chiêm ngưỡng các tội phạm danh tiếng với thân hình ốm o gầy

mòn, mất long sòng sọc. Chỉ có các tấm bảng đồng khắc những dòng chữ: "Nơi đây từng trải qua các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp..." không có bảng nào ở đây, hay ở phòng Bảo tàng Côn Đảo ghi tên các cụ Đông Du lỡ bước, các đảng viên Quốc Dân Đảng... Còn nói gì đến tên người chính trị phạm đồng hành mà Ba tôi, vì định ghé thăm nhà trước nên từ chối lời rủ rê đi Hà Nội quan sát tình hình dưới chính quyền mới, người chính trị phạm đó bị chôn sống ở Quảng Ngãi và được Đảng sử dụng tên tuổi, cho người con (giả) làm công tác phản gián mà câu chuyện hóa thành tiểu thuyết trong quyển *X30 Phá Lưới* viết thật hợm hĩnh - và ngờ nghệch.

Nhưng không phải nhân vật nào đã được phong thần thì sẽ là thần mãi mãi. Như thành hoàng miền Bắc, "có ông đã bị cách rồi" (Ngô Tất Tố). Ông ấy bị cách vì không hợp thời nữa. Ông Nguyễn Duy Trinh, một thời là Bộ trưởng Ngoại giao VNDCCH, là cựu Phó Thủ tướng, bảng tên của ông một thời được gắn lên nhưng rồi lại biến mất, có người cho rằng vì ông ta có con là một trung úy phi công đã trốn sang Pháp - chưa hẳn đã được phong trung úy trong quân lực Pháp mà đang chúi đầu rửa chén ở đâu đó, tuy cũng đi xe hơi như ai rồi với thời đổi mới áo gấm về làng, vung vẩy credit-card và trốn nợ để Tây Mỹ sợ chơi! Ôi danh vọng sao mà nghiệt ngã, oái oăm và mong manh! Con đường công danh ngày nay đâu có khác con đường sĩ hoạn ngày xưa? Nơi cõi chết, nếu có, những kẻ thù cũ gặp nhau, người xưa người nay nhìn nhau, thấy ở nhau những gì, kể lể những gì với nhau? Chắc là không có gì hết, chỉ là dửng dưng, dành cay đắng thay cho hận thù xôn xao rộn ràng, cho quá khứ trần thế, xa rồi, mất hẳn đi rồi.

Địa ngục hay thiên đàng thì cũng còn giống nhau ở những điều bí ẩn lan qua bên mép hờ ranh giới của những nơi ấy với cõi nhân gian tầm thường. Chuyện thâm cung bí sử dù với thời mới vẫn còn đó để vượt bức tường ngăn cách của cấm kỵ, của sợ hãi. Tất nhiên không phải chỉ là chuyện vợ chồng đánh ghen. Không ai kiểm chứng được - người ta chỉ xầm xì. Muốn giải quyết đòi hỏi sinh lý để lãnh tụ có đầu óc rảnh rang lo cho Tổ quốc, Giai cấp và trở thành thánh nhân trước mắt mọi người, người ta lập cả một đội hộ lý nhục thể. Và trong những bằng cớ như vậy thì điều đáng tin lại là từ những sự kiện bên lề. Một cô gái được lãnh tụ Cha già Dân tộc ban ơn mưa móc, thấy tắt kinh nhất định không chịu phá thai - ý hẳn muốn giữ mầm mống tốt đẹp - liền bị khử cả mẹ lẫn con. Rồi chuyện bà vợ cả ông Lê Duẩn đích thân lựa người hầu hạ ông Tổng bí thư y như các bà mệnh phụ xưa chọn thê thiếp cho chồng. Ta đã trở về với truyền thống đấy, vấn đề tốt hay xấu không phải là điều tranh cãi. Xầm xì

nói lên cũng là truyền thống do thói quen chịu đựng quyền lực. Hệ thống quyền lực tỏa rộng chân rết một thời vào tận tâm tưởng người dân vẫn còn dư hưởng để bám vững và được bù đắp bằng thành quả khoa học với hệ thống điện toán có sự phụ họa của các chính quyền "tư bản" vì sự an nguy của chính họ. Khoa học đem lại cái khung vững vàng cho chính quyền với các mắt lưới được lấp đầy bằng âm mưu và đề phòng âm mưu là thói quen sống của những con người phương Đông trên đường đi tìm và bảo vệ quyền lực. Cuộc sống bình thường được giấu kín đi, ở họ chỉ còn những huyền thoại, ngay cả khi cuộc sống của họ trước mắt người khác cũng được dọn sẵn dưới hình thức huyền thoại. Để rồi đến một lúc không biết đó chỉ là huyền thoại hay là chuyện của con người. Cái nằm trên huyền thoại lại là sự thực như chuyện cô giáo dạy văn xứ Bắc vào Nam kể cho học trò nghe về đôi dép Bác Hồ mà khóc mùi mẫn ngang với tiếng khóc của một giáo sư Toán học danh tiếng từng dự các hội nghị thế giới đã quên đi trong chốc lát các số ảo... để nhớ đôi dép thật. Và hình ảnh người dân Bắc Triều Tiên khóc Chủ tịch Kim Nhật Thành trên tivi không thể là bịa được! Chỉ khi sự thật của huyền thoại hạ xuống ở lớp người thấp hơn thì mới gọi là giả trá như lúc người ta khoe khả năng nắm bắt khoa học tân tiến với khoa thụ tinh nhân tạo, bằng người thật - với ông bác sĩ đó không chừng.

ꕥ

Với người bước chân đến nơi quanh năm sóng vỗ bềnh bồng đầy tính cách hư ảo này thì chuyện thế gian phải lùi bước đi theo thế giới tù ngục vào bên trong bốn bức tường lặng câm mới đó mà đã rêu phong. Người nữ hướng dẫn viên chỉ tay về bên kia làn sóng biển: "Đây là hòn Bà, kia là hòn Cậu. Ở vùng này thường có các miếu thờ Bà, thờ Cậu. Trên đảo này, lúc trước mẹ con riêng biệt, gần đây người ta đem Cậu về để mẹ con gần gũi nhau..."

ꕥ

Miếu Cậu lở nát nhưng khung gạch vẫn còn tấm biển "Thiếu gia miếu", với mồ mả có tấm bia "Thiếu gia chi mộ". Chẳng hề gì, một chút tượng trưng chìu lòng người trần thế đã đặt niềm tin vào Cậu. Nơi thờ phụng Bà lại thật bề thế với biển đề chữ Việt "Miếu Bà", chữ Hán "Phối viên nghi" có câu đối hoành phi ca tụng "thánh đức", "an dân." Cây cao bóng mát u trầm tịch mịch ủ ấp lớp lá rụng trên sân xào xạc. Không như cảnh trơ trụi đất trắng khô khốc của sân đền Đồng Nhân thờ Hai Bà (Hà Nội) nằm bên hồ nước sình thúi xác chó mèo chán sống, gỗ vụn lềnh bềnh trông cứ tưởng là dáng vẻ của đồ tự khí bỏ quên lần cuối lúc hàng năm đem ra tắm rửa trước khi thiết bày cúng lễ theo tục lệ.

Trong bóng dáng tích Gia Long tẩu quốc còn đầy dẫy dấu vết ở Nam Kỳ thì Bà là Thứ phi Lê Thị Răm can Nguyễn Ánh không nên cầu viện nước ngoài không được liền tự tử để tỏ lòng cương quyết bảo vệ "lập trường". Còn Cậu là Hoàng tử Cải. Cậu chưa được nặn ra vai trò lịch sử nào rõ rệt nhưng tính chất mẹ và con nối kết khiến cho nếu miếu của hai người ở hai nơi khác nhau thì phải kéo thêm một người còn thiếu để cất thêm một miếu bên cạnh. Mẹ và Con. Con còn nhỏ thì Mẹ bồng Con. Như người Tô Thị ở đầu đất nước đã té lăn đầu rơi lông lốc vì người ta ham lấy đá vôi bán xây nhà thời đổi mới. Như người Vọng Phu ở giữa và cả phía nam trên một ngọn đèo thấp. Dấu hiệu lịch sử gượng gạo chen vào không che lấp nổi bóng dáng thần linh để bà Lê Thị Răm quê mùa mang tên Phi Yến đẹp đẽ làm hình thức tân biên của câu chuyện thâm cung bí sử ghi nhận từ thế kỷ XVI: một hoàng tử bị một thứ phi ganh ghét đem cắt bộ phận sinh dục và đày đọa bà hoàng hậu mẹ

Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.

Câu hát ru em bình thường đó ẩn tàng một lời than oan khuất của cuộc sống xóm làng, một nhận định về sự phù thịnh của nhân thế lại được ai đẩy vào cuộc sống vương giả?

Nhưng sự kiện về bộ phận sinh dục bị thiến lại là điều nối kết với tin tưởng phồn thực được thờ cúng đầy dẫy và công khai trong vùng rồi qua thời gian mang hơi hướng Việt với truyện Trầu Cau loạn dâm cũng xuất hiện lại ở đây với các tên Mai Thị Trầu, Trúc Văn Cau không rõ thời đại, xuất hiện với tên Đặng Phong Tài, Đặng Phong Trác (sinh ra tên các hòn đảo) nghe bảo rằng mới xảy ra vào thời Hàm Nghi (1885), tất cả có tên tuổi hẳn hòi không như chuyện các hòn Vọng Phu. Tất cả như một mớ bòng bong hỗn tạp để mỗi người tự rút ra những sợi chỉ đan kết thành một hợp thể riêng cho tập đoàn văn hóa đương thời của mình. Thực ra, Bà cũng là bà Thiên Phi, Thiên Hậu, Quan Âm, Thiên Y được thờ cúng dọc biển đe dọa hay bảo trợ người hải hành, còn Cậu là một hình ảnh nương tựa, yếu ớt của con người được níu kéo theo quyền uy kia để cầu sự che chở như đứa bé đỏ hỏn trong cánh tay ôm ấp của Phật bà. Và bởi có Cậu nên có ngựa là hợp lý, và hai con ngựa trắng yên cương đàng hoàng trước Thiếu gia miếu là dấu hiệu hiện diện của thần Bạch Mã Thái Giám cũng từng cứu vớt người đi biển tận trong tít mù thời gian. Tính nữ đã nổi bật với người đi biển xưa, người nữ vượt biển của thời nay, trong ý thức xông xáo cố hữu mạnh hơn người nam với toan tính bứt ra khỏi sự nghèo đói bình thường mà bức xúc, khỏi sự chèn ép của hệ thống phụ hệ còn đó hàng ngày, người nữ đi tìm sự giải thoát cho chồng cho con, tìm sự giải

phóng cho mình hẳn cũng một lần kêu gọi đến vị nữ thần bảo trợ ("Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát") khi thấy sóng gió, gặp hải tặc? Ở đây, Bà thần thoại đã trở thành Thứ phi nơi đâu non góc bể chân trời bơ vơ này, không cần đến quyền bính ép buộc thay thế như trong đất liền. Có vẻ Bà và Cậu còn nằm đó vì sự lạnh nhạt không cần biết đến nhau của quan và dân, của người nắm ý thức hệ lôi kéo và kẻ chìu theo tâm cảm hướng dẫn bằng cuộc sống. Không còn khích bác hằn học, ghen ghét, không còn lời lẽ hơn thua, chỉ có sự bình an câm nín như bức tường rêu phong kia, như ngôi mộ đất giữa làn không khí lặng lờ này.

ꕥ

Người nữ hướng dẫn viên cười cợt gượng gạo: "Tôi người Cần Thơ, mấy năm rồi chưa về lại chốn cũ. Ở thì nhớ mà về thì xa lạ. Chốn cũ đâu có còn như mình tưởng tượng từ nơi cách xa ngàn trùng. Hình như ông Đỗ Phủ nào đó đã có kinh nghiệm từ cả ngàn năm trước. Ở đó hình như không còn gì nữa cả. Mình bứt rứt đau khổ chỉ là do dùng dằng. Nhưng cũng chẳng có ai nói thay cho người ở lại. Cảnh cũ đối với họ cũng không còn như xưa: người cũ bỏ đi, người mới thay thế, kẻ ở lại thành bơ vơ ngay chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình với cái nghèo, sự tàn tạ lấn dần, lấn dần, tuyệt vọng không có đến cả nỗi lo toan kiếm sao cho nhiều tiền của người ra đi."

ꕥ

Cô đã thật có sự an bình - an phận - bên trong chiếc áo dài kia? Chiếc áo dài cũng tội nghiệp vì tuy được ca ngợi liên miên nhưng lại chỉ là khuôn mẫu độc nhất của trang phục dân tộc trên thân người phụ nữ Việt ngày nay. Vậy mà có một thời nó đã phải biến mất như một dấu vết đáng xấu hổ của tầng lớp trưởng giả, tiểu tư sản. Nó chỉ xuất hiện lại trong khuôn khổ nhỏ hẹp, trong nhà trường với màu trắng đơn sơ, ở tận xứ Cà Mau hóc-bà-tó của đất nước. Và cô hiệu trưởng hồi kết ấy phải chịu bao điều mắng mỏ, đe dọa của cấp ủy địa phương. Họ không chịu thấy rằng chính bộ đồng phục ấy mới là dấu hiệu bình đẳng ít ra là ở trong nhà trường, nơi dù sao cũng là khởi điểm của những người điều hành đất nước, công cũng như tư. Học sinh có gì mặc nấy, có cô cậu te tua rách rưới, có cô cậu như ông hoàng bà chúa, thế mà cấp ủy Đảng không thấy ra điều ấy chỉ nhìn việc theo thói quen định kiến và quyền uy, thói quen tuân phục của thuộc lại thời mới. May mắn cho cô Hiệu là đàn bà trong một chế độ tuy thường tuyên truyền về vai trò bình đẳng của phụ nữ nhưng ưu thế đó không phải là từ trong lý tưởng thực hiện được mà từ trong thực tế có sự nể nang lẫn coi thường kiểu cách luồn lọt xông xáo của đàn bà. Cô không phải chịu hình phạt như bản án 20 năm tù của anh du kích công thần

xướng suất đòi ruộng đất cho nông dân miền Tây để đất nước vài năm sau xuất cảng gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới làm hãnh diện cho Đảng lãnh đạo. May mắn cho cô là thời đại Mao Trạch Đông đã tàn nên chiếc áo dài tái sinh như vết dầu loang trên nền tảng học đường miền Nam xưa và rụt rè thấp thoáng ở miền Bắc, hạt nhân của sức mạnh bảo thủ huênh hoang. Chiếc áo dài nhuộm thêm màu sắc đi ra ngoài xã hội, gắn trên mình cô hướng dẫn viên du lịch như điều bất đắc dĩ vượt qua lý thuyết mà Đảng phải nhận chịu để giao tiếp với một khung trời to rộng hơn - để sống còn, ngự trị.

Hai đứa bé con của cô vẫn ngờ nghệch lam lũ như sự thật nằm bên trong sự gượng gạo đó. Không biết ở nhà trường bọn chúng có được dạy lúc xin phát biểu phải chống cùi chỏ lên bàn, sè bàn tay nghiêng khép ngón kiểu Liên Xô (như có thể thấy trong một băng nhạc trẻ hải ngoại) không? Hy vọng chúng thoát khỏi đe dọa tù tội của cậu bé trong đất liền làm bài thi cho rằng anh Nguyễn Văn Trỗi khóc lóc trong nhà giam, hô khẩu hiệu ngoài pháp trường đã đặt mìn ám sát tên Mắc Lênin thay vì Mắc Namara - nhà tù tuy được thoát nhưng cậu vẫn bị cấm thi ba năm. Bọn trẻ ở đây chắc vẫn không được chứng kiến cảnh xe hơi đưa rước như trước trường Colette, Marie Curie xưa kia. Chúng không được hưởng cảnh con một Phó thủ tướng đưa vào trường nào trường nấy chạy mặt, nho nhỏ như con Quận ủy mà khi đi thi Trung học cả hiệu trưởng lẫn thầy cô lo sốt vó tuy rằng tỉ lệ đậu chắc chắn đến 98%! Cứ như thế đến lúc ra đời làm bậy thì được xuất dương, lấy bằng cấp về xây dựng đất nước tinh vi hơn. Bọn nhỏ không biết điều đó còn người lớn thì xầm xì lặng lẽ. Những xáo trộn kinh khiếp đã qua rồi. Nhịp đời thường ngàn năm lại trở về. "Hội đồng xã toàn là nguỵ cũ cả đấy, cứ bầu lại cho họ, họ còn ít ăn hơn người mới, dân còn đỡ khổ hơn." Tờ *Tuổi Trẻ* thành phố HCM như một đại diện cho lớp người mới đó, như ý nghĩa một chừng mực tự phụ, cát cứ của đại biểu địa phương: một lớp người vui vẻ trẻ trung bàn chuyện thể thao, văn nghệ Karaoke hoa hậu, điển hình người tốt việc tốt lơ đi một ít phần kê khai lý lịch, nói chuyện giới tính văn minh và rồi cũng có lần tố cáo, điều tra bức xúc chuyện thiên hạ biết từ mười mươi (nhà giáo câm nín từ lâu chuyện học trò đậu 99%, 100%) không phải vì chúng giỏi dang để điểm trang với đời như một nốt ruồi, một vệt son lệch trên khuôn mặt phấn... Điều đó, ở trung ương còn cho thấy sự quê mùa giằng co, giật giật: trên nền giấy màu sắc nhòe nhoẹt, trang trí thời khắc bản gỗ, hình minh họa đặt vào đâu cũng được, báo *Tiền Phong* lọt ra một tựa đề "Cô đã yêu tha thiết" (nghề nghiệp của mình), báo *Phụ Nữ* trung ương thuật tỉ mỉ chuyện ông cha chồng hiếp dâm con dâu trong tiếng van vỉ rên xiết, báo *Hà Nội*

Mới (1994) nói chuyện phi công lái ra đường băng thấy có vệt sơn liền dừng lại dòm chừng, chuyện chòm sao kim ngưu là cảm tinh Marx, Lenin, Hồ Chí Minh, Mohamed... và cuối năm 1995 có tờ báo tán thưởng chuyện đốt pháo vừa như gọi là có phản kháng vừa như sự trỗi dậy của ý thức bảo thủ. Sách giáo khoa về chủ nghĩa Mac-Lênin dành cho học sinh sinh viên lấy từ quyển cũ thời lên chân có chen thêm các từ mới: kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa - không giấu được tính cách hổ lốn của nó.

Những điều phiền toái đó hình như không vọng đến nơi chân trời góc bể này. Hay có xảy ra thì cũng ở mức độ nhỏ hẹp hơn, tuy nhiên trong ý nghĩa bao quát điển hình thì cũng không kém phần sâu xa. Người tài xế than phiền về những người mới đến: "Nói ra thì sợ mất lập trường... Lúc đầu thì chúng cháu chúng con ngọt xớt, vào được chính quyền thì đổi giọng chúng ông chúng ông ngay..."

"Nói ra thì sợ mất lập trường"... ít ra thì thời đại mới cũng đem lại những ngôn từ khác lạ mở rộng tầm sử dụng ngôn ngữ diễn đạt ý tưởng tinh tế hơn - điều thường không thấy ở những người dân địa phương - tuy nhiên lời phát biểu học thuộc lòng không giấu được một nỗi bực tức, một tính cách cam chịu đông dạng với của những người cùng dòng giống ở nơi khác. Và biểu lộ một nền đạo đức cũ với ngôn từ mới: không còn phản ứng cá nhân, không còn dịp cho những quấy đảo của tập thể nhỏ thành hình dưới lý tưởng cao vời được đưa ra, dù đó là áp đặt, là lợi dụng. Như chân lý phải theo từ vua, từ triều đình ban xuống qua lời dạy của kinh sách được các thầy đồ - chỉ ủy dạy bảo, dặn dò...

ꕥ

"Nói ra thì sợ mất lập trường...", lời vọng lên còn nhỏ hơn tiếng sóng vỗ rì rầm trên chùm đảo bơ vơ này.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Đào Nhí

Hoàng Chính

1

Hắn hôn nàng lần đầu vào buổi trưa một ngày thứ tư, tháng bảy. Lúc ấy, hắn không còn cưỡng lại được làn sóng đam mê cuốn hút lấy mình như một cơn giông mê muội. Hắn ôm lấy thân hình mềm mại và mỏng manh như như một vạt gió mùa hạ của người con gái. Họ thì thào vào tai nhau những lời có ngôn từ nhằng nhịt như những mắt đan dây trên chiếc áo len nhiều mầu sắc.

Những nụ hôn dán đầy lên tóc. Hương thịt da ngào ngạt. Và hắn biết đây là giây phút quyết định. Nếu không hôn được lên môi nàng, hắn sẽ điên lên vì khốn khổ. *Please. Allow me. Just once*! Một lần thôi! Họ ôm chặt lấy nhau như hai đứa trẻ có bố mẹ ly dị, lúc sắp phải chia tay, đứa này về với cha, đứa kia về với mẹ.

Cái đầu tóc có những sợi vàng xoay qua, xoay lại. Vai tròn lẳn, mảnh mai. Đôi vú săn cứng cọ vào lồng ngực hắn rờn rợn. Sinh lực đàn ông cồm cộm trong hắn, dưới lớp vải chật chội. Trời ơi, hắn thèm muốn nàng đến phát điên. Cho anh hôn, một lần này thôi. Hắn nài nỉ.

Mãi, người con gái mới ngước lên. Đôi môi mềm như niềm hoan lạc khôn cùng.

Hôn nhau xong, cả hai cố thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Nàng vuốt sơ lại mái tóc, hỏi trống không, "Có cái gương nào không?"

"Không," hắn hổn hển trả lời. "Mà để làm gì chứ?"

"Em soi mặt."

Hắn chỉ vào mắt mình, cợt nhả, "Soi vào đây không được sao?"

"Điên!"

Nàng lườm hắn không đầy một giây đồng hồ, rồi nhìn quanh quất

bàn làm việc của hắn và cầm cái đồ bấm giấy tờ lên, nhìn vào khoảng cạnh sơn màu đen bóng, cố soi mặt mình trong đó. Hắn nhìn đăm đăm vào đôi môi thoa son đỏ, lòng quẫy động một cơn vui đằm thắm.

Hôm ấy, hắn tự nhủ cuối tháng, lúc vừa lãnh lương xong, sẽ mua cho nàng chiếc gương soi mặt. Nhỏ thôi, để nàng có thể nhét gọn trong cái sắc tay vẫn đeo lủng lẳng trên vai. Hắn liếc nhìn khoảng trời chữ nhật ở bên ngoài khung cửa sổ. Tháng bẩy nở hoa. Tháng bẩy ngỡ ngàng như nắng le lói sau cơn mưa nặng hạt, trái mùa.

"Có quen người Tây nhiều không?" Nàng chợt hỏi.

"Không. Sao hỏi câu đó?"

"Tưởng có quen..." Nàng bỏ lửng câu nói. Trong chớp nhoáng, đầu óc hắn nghĩ ngay tới một tên đàn ông Canada mà cô nàng quen biết. Bọn Ca Na Điên thì ga-lăng phải biết. Hắn cay cú nghĩ thầm. Cái bọn nịnh đầm và chiều chuộng đàn bà ra mặt ấy quả có đáng ngại.

Hắn hỏi, cho chắc ăn, "Bộ có bạn Tây à?"

Nàng lúng túng ngọ ngoạy cái cổ dài, thon và trắng muốt như cổ ngỗng trời, "Làm gì có."

"Sao hỏi?"

"Hỏi cho biết..."

2

"*Hello*, Phải *you* đó không?"

"Dạ phải."

"*You* chọc em hoài!"

"Khỏe không?"

"Không."

"Sao vậy?"

"Em bị sốt, ớn lạnh, ghê quá!"

Hắn nghĩ đến nụ hôn ngày hôm trước. Hôn nàng xong, về, hắn mất ngủ cả đêm. Lâu lắm mới bị trăn trở suốt đêm, thành ra thấy đêm dài không tưởng tượng được. Và hình ảnh cô gái cứ vướng vất trong hắn như một ám ảnh lạ lùng.

Cô bé chắc cũng vậy chứ gì.

"Có uống thuốc gì chưa?" Hắn hỏi, lòng thấp thoáng lo âu.

"Chưa."

"Uống Aspirine đi, nhớ ăn gì trước kẻo đau bao tử."

"Lười uống thuốc quá!"

"Ngoan đi mà!" Hắn dịu dàng nài nỉ.

"OK, tí nữa uống. *How about you*? Khỏe không?"

"Nhức đầu."

"Sao vậy?"

"Tại nghĩ tới *you* hoài."

"*I don't like that*!"

"Thật mà."

"Em không thích vậy. Em không thích làm cho người khác bị ốm đau vì mình."

"Có ốm đau gì đâu!"

"Nếu cứ nghĩ hoài tới *me* thì *you* sẽ ốm *for sure*!"

"..."

"*Do you hear me*?"

"*Yes*."

"Cứ làm việc như thường. *Don't think about me too much*."

"*OK*."

"Ngoan, em thương."

Câu nói này chắc cô gái học được của ai, đâu đó trong sách báo, hay phim ảnh. Có điều cô nói dễ dàng và tự nhiên quá. Thành ra hắn cảm động chết điếng người trên đường dây điện thoại.

Loay hoay một lát với cái ống nghe điện thoại, hắn buột miệng, "Tới lúc nào đó chắc phải hỏi em cái câu *will you marry me* quá."

"Vớ vẩn!" Nàng bắt bẻ một cách chí lý. "Chưa biết người ta thế nào mà đòi *marry* người ta."

"Để lâu quá sợ già..."

Thật là vạ mồm vạ miệng. Vừa nói xong là hắn đã ăn năn ngay lập tức. Và lòng thầm mong nàng không nghe kịp câu mình vừa nói. Nhưng rõ ràng là nàng đã nghe được. Nàng lẩm bẩm:

"Lẽ ra *you* phải con đàn con đống rồi ấy nhỉ?"

"Lấy vợ sớm... mệt." Hắn tự biện hộ một cách yếu ớt.

"Lấy vợ muộn thì già mất rồi." Nàng cười khúc khích. "Thấy chưa, đàng nào cũng mệt."

Im lặng một lát. Nàng rỉa rói, nghịch ngợm: "Lấy em về rồi *you* già sớm, *you* chết mất tiêu, bỏ em lại à?"

Hắn chẳng biết làm gì hơn là cười trừ. Nỗi háo hức tắt ngúm đầu những ngón tay quen táy máy hôm nào bên người con gái. Nỗi háo hức đông lại, tê cứng mười ngón tay phong thấp vào những buổi sáng mùa đông trở gió. Tình yêu không phân biệt tuổi tác, nhưng tuổi tác biết kỳ thị tình yêu. Buồn.

"Nói đùa tí thôi. Chừng nào muốn marry em thì nói cho em biết."

"Thật nhá."
"Thật."
"..."
"Dù *you* không *marry* em, em cũng thương *you* như thường."

3

Mấy hôm sau, cô gái lại chơi, hắn hỏi với nỗi hồi hộp giăng tơ nhện trong cõi lòng, "Có bao giờ hôn ai chưa?"
"*Silly question*!" Nàng trả lời gọn lỏn.
"Hỏi thật mà."
"*What's so good about it*?"
"Thích là người đầu tiên.
"Tại sao?"
"Lần đầu thì... đặc biệt hơn."
"Điên!"
"Thật chứ."
"Thấy cũng vậy!"
Lòng hắn hơi quặn lên một chút; cái đau tê tê của da thịt bị châm chích bằng những mũi kim tà đầu.
"Vậy là vậy sao được?"
"Thật mà."
"Vậy là không biết hôn. Vậy là còn con nít con nôi..."
"Chả ham làm người lớn."
"Người lớn cũng có cái thú của người lớn."
"Làm trẻ con thích hơn."
"Thì vẫn trẻ con đấy chứ."
"Trẻ con ở chỗ nào?"
Vừa nói, cô gái đứng thẳng người, vênh mặt lên, ngực ưỡn ra trước, nét kiêu ngạo ngố ngáo phết đầy trên mặt. Cái mặt này nếu không thương trước chắc sẽ thấy dễ ghét lắm đây. Hắn nghĩ thầm. Cái mặt kên kên, cái mặt nữ chúa cao bồi du đãng. Cái mặt anh chị trong những băng đảng chuyên nghề trấn lột. Cái mặt này mà gắn lên con người khác thì dễ ghét biết chừng nào. Vậy mà cái mặt ở trên cái đầu có những sợi tóc nhuộm vàng râu ngô, trên cái thân hình mum múp ngực non, với đôi bờ vai mềm tròn lẳn, thì cái mặt dễ thương, thấy chỉ muốn hôn một cái rồi ra sao thì ra.
Hai con mắt nhìn đăm đắm. Con mắt lá răm của ca dao. Cô nói bằng giọng khoe khoang, "Có lúc em thấy mình lớn, có lúc em thấy mình bé tí ti."

"Thế lúc này thì lớn hay bé?"

"Bé tí ti." Câu nói kết thúc ở cái vạch của môi dưới, phô ra những chiếc răng trắng, nhỏ bé, xinh xinh.

"Nghĩa là chưa bao giờ hôn ai cả phải không?"

"Nhà quê!"

"Sao không trả lời?"

"Thì trả lời đấy. Nhà quê. Hỏi cái câu nhà quê nhà mùa..."

"..."

Im lặng một lát, nàng đột ngột đổi đề tài:

"À, mà cái chữ Cơ-ri-tô-phơ dịch ra tiếng Việt là gì?"

Hắn cố vểnh tai lên nghe mà vẫn không hình dung ra được cái chữ nàng nói. Sau cùng, hắn yêu cầu nàng đánh vần ra tiếng Việt.

Nàng lôi từ trong cái túi xách tay ra một mảnh giấy vuông xếp làm tư làm tám. Loạt xoạt mở ra. Rồi đánh vần chữ CHRISTOPHER cho hắn nghe. Hắn nhún vai:

"Đấy là cái tên, đâu có dịch được."

"Ừ nhỉ."

"Ai vậy?" Hắn hỏi, đầu óc thấp thoáng bóng một tên thanh niên tóc vàng mắt xanh, ga-lăng nhất thế giới, đang lăng xăng ôm trên tay bó hoa hồng tươi thắm, xun xoe tán tỉnh nàng.

"Có ai đâu." Nàng chối bay chối biến.

"Tên đàn ông đấy."

"Em biết mà."

"Bạn hả?"

"Đâu có. Em có biết tiếng Anh đâu mà dám quen bạn Tây..."

4

Chuyện tình yêu tiến triển tốt đẹp. Cô gái điện thoại cho hắn mỗi ngày. Nói toàn chuyện trên trời dưới đất. Cả tuần sau cô mới lại thăm hắn. Đôi mắt tinh anh bao giờ cũng cười trước khi đôi môi mỏng kịp hé một lời chào nửa miệng.

"*Hi*!"

"Ồ kìa! Khỏe không." Thiếu chút nữa hắn đã chồm tới, ôm cứng lấy cô, như con beo vồ mồi. Cũng may hắn gượng lại được.

"Khỏe. Còn *you*?"

"Cũng tàm tạm."

Xong phần thủ tục xã giao, hắn ôm nhẹ lấy vai nàng. Bờ vai tròn mềm mại làm lòng hắn lao xao. Nàng gục đầu vào vai hắn. Hắn hít hà mùi

hương rạo rực của tóc, rồi thong thả ôm lấy đầu nàng, gượng nhẹ một nụ hôn trên đôi môi đỏ thắm. Nhưng nàng xoay đầu né tránh. Hình như nàng nói "Thôi mà." Hắn ngỡ ngàng giây lát và nghĩ ngay đến cái tên Christopher nào đó mà nàng nhắc tới hôm trước. Rắc rối rồi đây. Hắn thở than một mình.

Hắn đưa nàng đi ăn mà lòng nguội như cái bếp lò hết củi. Rồi hắn bỏ mặc nàng về một mình. Ấm ức trẻ con vì chiếc hôn bị hụt.

Hôm sau, hắn gọi cho nàng.

"Hôm qua lúc về, bỏ quên cái gì đó, nhớ không?"

"Cái gì vậy?"

"Thử kiểm hết lại xem."

"Có quên cái gì đâu..."

"Đếm lại coi còn mấy cái vòng đeo ở cổ tay trái." Vừa nói, hắn vừa hình dung cổ tay nàng đeo loẻng xoẻng cả chục cái vòng vàng lấp la lấp lánh.

"Một, hai, ba... sáu, bẩy..." nàng vừa đếm vừa nói vào điện thoại. "Còn đủ cả mà."

"Chắc không?"

"Chắc."

"*I don't think so.*"

"Vậy chứ quên cái gì, nói cho em nghe đi!"

"Cố nghĩ xem!"

"Không nghĩ được. Mệt rồi; với lại đang lười. Không thèm nghĩ gì hết."

"Vậy thì khỏi nghĩ. Lúc nào rảnh rỗi lại đây mà lấy về."

"Nói em nghe đi!"

"Không nói."

"Trời ơi, tức quá!"

"A ha, có người nhăn nhó như con khỉ làm trò xiếc..."

"Nói không?"

"Không."

"Em không thèm lại đó nữa đâu."

"Thì thôi vậy."

"Nói đi..."

"Hôm qua, lúc về, em bỏ quên..."

"Quên gì?"

"*A kiss.*"

"*Shit!*"

Nàng chửi thề ngọt như Tây như Mỹ thứ thiệt làm hắn nhấp nhổm

trên ghế với cái ống nghe điện thoại dán cứng vào tai. "Ê, ê *lucky* là ngay lúc này em không ở bên cạnh anh; nếu không thì chết ngay..."

"Còn lâu em mới sợ..."

"Mai mốt nằm mơ bị ma bắt, không ai đến cứu đâu."

Nàng bỗng hiền lành như tín nữ mới quy y

"ừ mà tại sao lại không nằm mơ thấy ai khác nhỉ?"

"Tại mình nhớ người ta chứ sao."

"Em có nhớ đâu!"

"Nhớ dữ lắm mới nằm mơ thấy người ta." Hắn quả quyết.

"Em cũng chả hiểu tại sao."

"Tình yêu đấy."

Ngừng một lát như chờ cho những lời hắn nói thấm vào xương vào tủy xong, nàng hỏi:

"Còn *you*? Có nằm mơ thấy em không?"

"Có. Hai lần rồi."

"*What did I do then*?"

"Không thể nói được."

"Nói mình em nghe thôi."

"*No*."

"Mai mốt có nằm mơ thấy, em không thèm kể cho nghe đâu."

"Để từ từ kể mới được. Mơ bạo thấy mồ, kể ra, lỡ..."

"Lỡ gì?"

"Lỡ nó lại xảy ra thật..."

"*Shit*!"

"*I love the way you swear*."

"*Thanks!*"

"Kể em nghe đi mà..." Nghe nàng năn nỉ thú vị như đi giữa con nắng chang chang của mùa hạ mà được uống một ly nước cam vắt ngọt lịm. Nhưng hắn không thể xiêu lòng một cách ẩu tả như vậy được. Giấc mơ đàn ông con trai; giấc mơ đầy ẩn ức ngặt nghèo, mặt mũi nào mà kể cho nhân vật chính trong giấc mơ nghe được. Nhất là người ấy là lại là con gái chưa chồng; chưa biết-hắn đoán chắc vậy-ba cái chuyện nam nữ nọ kia.

Thành ra hắn ậm ờ đánh lạc hướng câu chuyện.

Cuối tháng bẩy, hãng đóng cửa hai tuần, hắn nghĩ cách rủ rê nàng đi xa hưởng tuần trăng mật.

"Ê, nghỉ hè đi đâu chơi không?"

"Đi đâu?"

"Montréal chẳng hạn."

"Xa quá! Đi nhớ... nhà."

"Có ai ở đây đâu mà nhớ."

"Sao không. *You* đi Montréal bao giờ chưa?"

"Rồi!"

"Vậy còn đi làm gì nữa?"

"Muốn dẫn em đi chơi cho biết."

"Bao lâu?"

"Vài ngày."

"Lâu quá!"

"*Weekend* tới vậy!"

"Em có cái đám cưới phải đi."

"Dẹp đám cưới luôn."

"Người ta mời trước cả tháng nay rồi."

"Ai mời?"

"Con bạn."

"Ai muốn lấy chồng cứ việc lấy. Mình cũng phải lo chuyện riêng của mình nữa chứ."

"Không dám hứa đâu."

"Đi cho vui. Anh đi Montréal nhiều lần, nhưng chưa có dịp nào đi vào mùa hạ cả. Anh thích ngồi uống cà phê ở khu Vieux Montréal..."

"Chỉ hứa khoảng bốn chục phần trăm thôi."

"*I know.*"

"*You know, what?*"

"Biết em ngại cái gì rồi."

"Nói em nghe."

"Nghe đây. *I'll always treat you like a little sister of mine. Always... You can trust me... I promise...*" Hắn hứa, thầm sửa trong đầu, câu thơ của Lưu Trọng Lư. Em chỉ là người em gái thôi. Người em nghịch ngợm của muôn đời. Hắn hứa sẽ nhất định chỉ coi nàng như em gái thôi.

Hứa cuội. Vậy mà cô gái tin ngay.

"Thật nhá!"

"Thật."

"Vậy đi ngay chiều nay."

"*What?*"

"Đi Montreal..."

"*Are you out of your mind?*"

"*No.* Em soạn mấy bộ quần áo, rồi đi ngay nha."

"Giỡn chơi hoài."

"Thật đấy."

"Chả dại gì tin."

"Hay là mai đi cũng được."

"Ok."

Vừa cúp điện thoại xong, hắn tức tốc tìm cuốn niên giám điện thoại. Mùa này thuê khách sạn khó khăn dàn trời.

Nhưng hắn cũng tìm ra được. Chỉ phiền một cái là phải đặt cọc một trăm đồng bằng thẻ tín dụng. Khi đọc xong những con số trương mục qua điện thoại cho nhân viên khách sạn, lòng hắn thoáng chút lo âu. Lỡ nàng mà bốc đồng đổi ý thì mất toi trăm bạc.

Vậy mà cô nàng đổi ý thật. Lý do đơn giản không thể tả. Người nhà em ốm nặng. Bỏ đi chơi không đành. Hắn moi trí nhớ, cố tìm những điểm liên-hệ đến "người nhà" nàng. Những vết nhăn trổ đầy trên trán. Con nhỏ được chính phủ bảo lãnh qua đây theo diện trẻ mồ côi thì lấy đâu ra người nhà mà ốm với đau. Hắn tức đến đau ran cả lồng ngực như người no hơi.

Nàng có tài nói lảng qua chuyện khác. Biết hắn bực mình mà nàng vẫn tỉnh queo.

"Bữa trước có cái thằng vô duyên kia nó điện thoại cho em."

"*And*?"

"Nói chuyện gì đâu không!"

"Mà chuyện gì chứ?"

"Tự nhiên đi than thở là dạo này ốm đau bệnh tật quá, em mới hỏi bệnh gì, nó bảo bệnh tim."

"Rồi sao nữa?" Hắn bắt đầu nôn nóng.

"Em bảo nó sao không điện thoại cho bác sĩ xin cái hẹn mà khám bệnh, nó bảo..."

"Nó bảo sao?"

"Nó bảo thì đang điện thoại đây chứ đâu. Rõ là đồ điên!"

"Sao nữa?" Hắn thích thú cười khà khà vào điện thoại.

"Em bảo vậy là bệnh thần kinh, phải bác sĩ chuyên về thần kinh mới chữa được..."

"..."

"Nó chối là không phải bệnh thần kinh. Nó bảo nó còn tỉnh táo lắm."

"Phải nó là Christopher không?"

"*You* nói bậy bạ!"

"Không đúng à?"

"Cơ-ri-tô-phơ có lẫn thì lẫn chứ đâu có điên như thế."

"Christopher lẫn à?" Hắn châm chọc, hình dung ra một ông Ca-na-điên bụng phệ, tóc bạc, da đầy tàn nhang. Đi đứng loạng choạng, nói năng ề à. Nhưng có những trương mục nặng ký trong ngân hàng. Ông Ca-na-điên thích con gái Việt Nam. Cái dáng ngoan hiền; cái *size* vừa vặn.

Lại còn thêm cái e thẹn đông phương...

Hắn nóng ran cả mặt.

5

"Này, Christopher là ai vậy?"

"Bí mật." Nàng ngúng nguẩy trả lời.

"Bạn trai phải không?"

"Nói bậy cho người ta đi."

"Vậy chứ gì?"

"*You* cứ hay hỏi vớ vẩn."

"Chắc nó đẹp trai lắm." Hắn dọ dẫm như người lính đi trên bãi mìn. Chỉ cần con bé gật đầu một cái là hắn sẽ tan tành như xác pháo.

Nhưng nàng không gật đầu. Nàng chỉ bất bẻ:

"Đừng gọi người ta là nó."

Ngực hắn nóng ran. "Chẳng lẽ kêu là anh. Anh của ai thì người đó kêu thôi chứ."

"Không phải anh mà."

"Vậy chứ gì?"

"Đừng hỏi, lúc nào em nói cho nghe." Nàng bỏ lốt chằng ăn trăn quấn, khoác lên người chiếc áo cừu non. "Ngoan, em thương!"

Chao ơi cái câu nói ngọt ngào, cùng với nụ hôn mỏng teo như giấy bóng kính dán hờ trên má hắn. Vậy là hắn quên mất tiêu nỗi hậm hực.

Nhưng một lát hắn lại nhớ lại chuyện cũ.

"Có bao giờ nói dóc không vậy?"

"Có chứ!"

"Hèn chi!"

"*What*?"

"Mai mốt nói gì người ta không tin nữa."

"Bộ *you* không biết cái câu *thật thà ăn cháo, bố láo ăn cơm* à?"

"Không."

"Em đọc lại cho nghe nhá: *Thật thà ăn cháo, bố láo ăn cơm.*"

"Hay!"

"*You* thích ăn cơm hay ăn cháo?"

"Thà ăn cháo!"

"Ăn cháo mau đói lắm."

"Thà ăn cháo."

"Cháo chỉ dành cho người ốm đau, bệnh tật. Người khỏe không bao giờ ăn cháo."

"*What do you mean*?"

"Hôm nay *you*... chậm hiểu."

"..."

Hắn cứng họng. Nàng thì vẫn thao thao như nữ thí sinh hoa hậu Mỹ trả lời phỏng vấn.

"Trên thế gian này có ai mà không có lúc bố láo. Bố láo là bình thường. Thật thà quá có vẻ... tiêu cực."

"Ai bảo *you* vậy?"

"Chả ai bảo hết."

"Thua!"

"Thua là phải thôi!" Ngưng một lát, rồi như để trắc nghiệm trí nhớ của hắn, nàng thì thào:

"Đọc lại em nghe thử..."

"Thật thà ăn cháo..."

"Gì nữa?"

"Bố láo ăn cơm."

"*Good!*"

Vậy nghĩa là sao chứ. Chuyện người nhà ốm nặng là chuyện thật hay bố láo đây! Hắn cay cú lắm nhưng nhất định không thèm nói ra. Và lần đầu tiên hắn hiểu ra được nỗi khổ tâm của những tên đàn ông xồn xồn có người tình mới lớn, mà thiên hạ hay gọi nôm na là đào nhí.

6

Nhớ nàng quay quắt. Hắn cầm điện thoại lên, lẩm bẩm đọc những con số đã khắc sâu trong trí nhớ. Hắn đọc như người thầy pháp niệm bùa. Bảy con số đơn giản bắt đầu bằng số 7. Ba số đầu tiên dễ nhớ: 747; như tên một loại máy bay khổng lồ chở hành khách của hãng Boeing. Bốn con số sau cũng quá là đơn giản. Tiếng o o từ ống nghe điện thoại văng vẳng bên tai. Giờ này em đang làm gì. Anh chỉ gọi để nói với em rằng anh yêu em. Bài hát tiếng Anh dễ thương chi lạ. *I just call to say I love you*. Hắn dự tính khoe với nàng bài hát đó. Tiếng nói léo nhéo vọng ra từ ống nghe. *Please hang up and try your call again*. Hắn khẽ lắc đầu. Đã bấm số nào đâu mà *try again*. Giờ này em đang làm gì nhỉ. Anh nhớ vô cùng chút hương quen đằm đằm của da thịt, và cái quắt quay, đằm thắm của một nụ hôn mềm. Hắn đặt điện thoại xuống để cắt ngang những tiếng léo nhéo nhắc nhở của tổng đài. Rồi lại nhấc máy, lẩm thầm những con số điện thoại nhà nàng. Hôm nay sinh nhật em. Lẽ ra em phải gọi cho anh ngay khi đi chơi với bạn về. Em nhỏ ơi. *Happy Birthday* đó nghe! Điện thoại

em bắt đầu bằng ba số 747, như một loại máy bay của hãng Boeing. Những ngón tay hắn chạm hờ trên những mặt số. Hình ảnh khoảng cổ trắng ngần của nàng hiện ra trước mắt hắn, nhòe cả những con số trên mặt điện thoại. Hai viền cong của khuôn ngực hồng hào nhập nhòe không gian trắng mỏng. Ngón tay hắn dừng lại ở con số bẩy. Nhớ quá lắm rồi. Nhỏ biết không.

Nhưng mà đã hứa không gọi điện thoại cho nàng nữa nên hắn phải giữ lời. Quân tử nhất ngôn.

7

Hắn giận cô gái được đúng ba ngày. Đến ngày thứ tư thì nàng gọi điện thoại lại, rủ hắn đi chơi. Hôm nay em dành cho *you* một *surprise*. Vẫn cái tật dùng hai thứ tiếng một cách nhộn nhạo ấy. Nghe hoài cũng quen. Lại còn nhớ ngây ngây như kẻ ghiền nhớ rượu. Cả cái mùi thịt da ẩn khuất ở những chân tóc mai vạch xuống khoảng vai trần. Gây gây, ngặt nghèo. Vậy nên hắn mừng cuống lên khi nhận ra giọng nói quen thuộc nhấm nhẳng ở đầu dây.

"Đang làm gì đấy?"

"Chẳng làm gì cả."

"Đi chơi với em không?"

Hắn suy nghĩ vài giây ra chiều đắn đo, rồi mới thở dài, "Đi thì đi."

Nàng sốt sáng, "Lại đón em nhá."

"Chỗ mọi khi phải không?"

"Vâng, chỗ mọi khi. Bai."

Bai thì bai. Hắn chả buồn hỏi xem nàng rủ đi đâu. Con nhỏ này thì còn chỗ nào khác ngoài mấy cái quán nhạc Karaoke. Vậy thì việc gì phải hỏi, ra vẻ quan tâm, cho đối phương lên mặt. Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Ông bà mình đã giáo huấn từ ngàn xưa. Dạy con bé này chắc khó không thua gì việc xây Vạn Lý Trường Thành.

Chạy xe vòng vèo qua không biết bao nhiêu phố phường, dừng lại đây đó ở những ngã tư đông người. Ngu ngơ nhìn thiên hạ dắt díu nhau thả rong trên đường phố, hắn bâng khuâng nghĩ ngợi đâu đâu. Người con gái ngồi bên cạnh hắn lắng chìm như thủy triều giờ nước rút. Hắn xa xăm, nàng cũng xa xăm. Con bé trẻ trung nghịch ngợm trong nàng biến mất tiêu. Nàng, như người chiến sĩ cách mạng đang hăm he mưu đồ đại sự. Có lẽ tại tiếng nhạc trong cuốn băng cổ điển mà hắn đang cho chạy trong cát-sét. Lúc xe chạy qua một quán karaoke Việt Nam thì bản nhạc hòa tấu của Mozart cũng vừa hết.

Nghe hắn suýt soa thích thú, nàng hỏi: "Nhạc của ai thế?"

"Mozart đấy."

"À."

Chẳng hiểu cái à của nàng có ý nghĩa gì nhưng hắn vẫn không bỏ được cái hân hoan lấp lánh trong giọng nói đầy sảng khoái.

"Bản nhạc nghe đã không?"

"*Not bad*!" Nàng buông dấu chấm câu thật gọn. Trời thần ơi. Nhạc Mozart trình diễn bởi dàn nhạc giao hưởng thành Vienne mà nàng dám phê là cũng không đến nỗi tệ. Hắn lặng lẽ đổi băng nhạc. Lần này hắn cho nàng nghe nhạc kích động ngoại quốc do ca sĩ Việt Nam hát. Hắn thoáng thấy nàng gật gù.

"Vâng, nhạc này bốc đấy. Linda Trang Đài phải không? Sao biết em thích nghe nhạc này? Tại thương em nên biết cả ý thích của em phải không?"

Nàng đưa cánh tay lên, vuốt nhẹ má hắn. Cái bàn tay lành lạnh, có những chiếc móng mài dũa cẩn thận, tô màu đỏ chói, làm người hắn nổi gai. Ơi, hắn thầm thĩ câu ca dao ngày cũ. Ước gì anh lấy được nàng, để anh mua gạch Bát Tràng về xây... Nàng hai mươi tuổi, còn con nít con nôi. Mà hắn thì già khằng như ông cụ. Nhưng đã yêu nhau ai bận tâm làm gì cái chuyện tuổi tác. Có ngại chăng là ngại cái tay Christopher nào đó kìa. Như hiểu được ý nghĩ của hắn, nàng vừa vuốt mái tóc phủ gáy của hắn vừa thì thầm trong tiếng nhạc.

"Hôm nay em sẽ giới thiệu *you* với Cơ-ri-tô-phơ." Hắn nhảy nhổm, nhấn bàn chân vào bàn đạp, thiếu chút nữa đâm sầm vào xe đằng trước.

"Christopher?" Hắn thảng thốt hỏi.

"*Yes*."

"Tại sao?"

"Cho hai người quen biết nhau luôn." Nàng tỉnh như đang nói chuyện trời mưa trời nắng. Nàng không cần biết lòng hắn đang nhíu lại những vết khâu rối chỉ, nhói buốt, râm ran. Hình ảnh tên chủ hãng bụng phệ hiện ra trong đầu hắn. Hắn nhất định cho đối phương cái bụng phệ; phệ đến nỗi nếu đứng thẳng mà cúi đầu xuống, thằng cha sẽ không thể nhìn thấy những đầu ngón chân của mình. Tướng tá như vậy mà nàng vẫn mê được thì chả còn cách chi hiểu nổi!

Nhất định là gã phải có tiền triệu trong ngân hàng. Bàn tay mềm mại của nàng rời má hắn bỏ lại cái cảm giác hoang mang, vướng mắc chút thèm muốn dịu dàng. Cái bàn tay móng đỏ ấy vói ra trước, vặn nhỏ tiếng nhạc, rồi lại đặt hờ trên cánh tay cầm tay lái xe của hắn. Bàn tay phải hắn buông tay lái, đan vào những ngón thon của bàn tay cô gái. Hai bàn tay

siết chặt lấy nhau. Nồng ấm.

Chợt nàng hấp tấp: "Ghé vào đây hộ em một tí đi." Hắn vội vã đạp thắng xe. Tiếng còi xe thoá mạ ở phía sau. "*Sorry you*. Cho em vào đây một tí đã." Nàng chỉ cho hắn cái cổng vào một nhà dưỡng lão cũ kỹ như một tòa lâu đài ma quái trong truyện cổ. "Vào đây với em một tí rồi đi đâu thì đi." Hắn chẳng bận tâm cãi cọ làm gì. Nàng muốn là trời muốn. Hơn nữa hắn đang nóng lòng muốn biết cái tên Ca-na-điên bụng phệ kia mặt mũi ra sao mà lựa bề đối phó. Thành ra hắn răm rắp tuân theo những cái bàn tay chỉ ngang chỉ dọc của nàng mà ghé xe vào bãi đậu. "Vào đây với em một tí thôi." Nàng níu tay áo hắn, kéo đi vùn vụt như đang nắm áo một con nợ gai góc, lôi đến sở cảnh sát.

Nàng ấn hắn vào lòng thang máy. Nàng hôn nhẹ lên môi hắn. Nhẹ như người ta hôn một bông hồng mà sợ gai đâm. Rồi lại níu lấy tay áo hắn, nhùng nhằng, hấp tấp bấm con số tầng lầu phải đến. Hắn xà đến bên nàng, hậm hực hôn lên tóc, rồi rà dần xuống vai nàng. Hắn liếc nhìn những con số chớp tắt ở khung hình chữ nhật chỉ số thang lầu rồi thong thả đặt tay lên khoảng cong cong, đầy đầy phía trên ngực người con gái. Tiếng thở phì phò bên tai hắn. Hắn vuốt ve một phần ba ngực nàng. Cái hình bán nguyệt trắng muốt và dẻo mềm như thạch cao còn nhuyễn. Nàng đứng đờ ra nghe ngóng những vuốt ve mềm ướt.

Nhưng hắn nhất định chỉ vuốt ve một phần ba ngực nàng. Hắn không muốn tự xếp loại mình phàm phu tục tử. Hắn thèm làm người thợ đồ gốm hay một nghệ sĩ tạo hình nắn nót đắp cho đời sống một pho tượng thơm hương da thịt. Nhưng cửa thang máy đã mở. Nàng lại lôi hắn đi vùn vụt. Một thứ mùi lạ lẫm xộc vào mũi hắn. Mùi của thuốc men, bệnh viện; mùi của phòng khám cấp cứu pha lẫn mùi nhà bếp vương vãi thức ăn; mùi của đĩa thức ăn ruồi bâu kiến đậu. Dãy hành lang hẹp mở ra trước mặt hắn những hình hài xương xẩu, cong queo. Những con mắt kéo mây đục lờ; những con mắt vằn vện gân máu đỏ lơ mơ nhìn hắn. Một bà già ngồi xe lăn vui vẻ chào nàng. Nàng tíu tít chào lại. Nàng vui như thiếu nữ chưa chồng có người đi coi mắt. Nàng buông hắn ra, chạy tới ôm người này, vỗ vai người kia. Những người già uặt ueo, khô hạn như rễ loài cổ thụ.

Nàng bỏ hắn tuốt lại phía sau, chạy băng băng trong khoảng hành lang hẹp. Rồi nàng rẽ ngang, ngoái cổ lại nhìn hắn và biến mất vào một khung cửa chữ nhật. Mùi ẩm mốc xốc vào mũi hắn cay nồng, nhưng hắn không dám nhăn mặt biểu lộ cảm giác khó chịu. Hắn ngập ngừng bước đi trong hành lang, thong thả lướt qua những chiếc xe lăn ôm gọn những thân hình xương xẩu. Một người đàn bà *good morning* với hắn. Hắn buột miệng đáp lời chào buổi sáng mặc dù bóng tối của buổi hoàng hôn đã ụp

xuống phía bên ngoài những khung cửa sổ hẹp. Ánh đèn nê-ông xanh xao làm những bộ xương già cỗi hằn lên mầu xám bệnh bệch của xác người trong giây phút sinh thì.

Vậy mà nàng giấu hắn bấy lâu nay. Nàng bảo nàng được chính phủ bảo lãnh qua đây theo diện trẻ mồ côi. Nàng giấu mẹ, hay bố trong viện dưỡng lão. Nàng đeo cái mặc cảm ốm đói của đứa con gái nhan sắc không muốn thiên hạ biết mình có bà mẹ tật nguyền, xấu xí mang dáng hình phù thủy; hay có người cha què quặt, hình hài quặt quẹo của lão gù nhà thờ Đức Bà trong truyện kể.

Hắn sụng lại trước cửa căn phòng chữ nhật.

"*Be a good boy! Good boy...*" Giọng nói quen thuộc của nàng. Chất giọng ngọt ngào bất nguồn từ bản năng làm mẹ từ muôn đời của người nữ. Dưới ánh đèn trắng xanh tỏa xuống từ trần nhà, hắn thấy nàng đang loay hoay tròng vào một thân hình xương xẩy trần truồng, chiếc áo ngủ rộng thùng thình có những sọc màu xanh thẫm. Hắn đến sát bên nàng. Người đàn ông già đến độ hắn có cảm tưởng ông ta đã sống hàng hai ba thế kỷ. Nàng vuốt má ông cụ, như cố vuốt ve cái giận dỗi gàn bướng của những tiếng ư ư phát ra từ cái cổ họng dài ngoằng, khô quắt.

"Ông già mới khỏi ốm xong." Nàng nói nhỏ với hắn bằng tiếng Việt.

Hắn lừng khừng đứng sát bên nàng. Trong không gian nặng trĩu, hắn ngửi được thấp thoáng mùi nước hoa dịu dàng tỏa ra từ tóc nàng, lẫn mùi khai của tấm khăn trải giường chắc đã lâu không giặt. Hắn nhìn chăm chăm vào con mắt nhắn nghiền của người già, rồi nhìn qua những sợi tóc loe hoe bạc như cước trên cái đầu meo méo. Ông già gối mặt trên hai bàn tay chắp lại. Khoảng cạnh sườn võng xuống như chiếc lồng sắt vênh vẹo. Cơ quan sinh dục chảy dài, héo quắt như miếng dưa cải muối phơi khô trên chiếc đùi khẳng khiu xương xẩu.

Mãi nàng mới tròng được chiếc áo ngủ dài vào cho ông cụ. Rồi nàng xoay qua hắn, phì phò như vừa leo dốc.

"Ông cụ lẫn rồi, lại hay hờn mát..." Rồi nàng ôm chầm lấy cái thân hình gầy gò ấy, thì thào, "*Be a good boy. I'll be back this weekend.*"

Hắn nghe tiếng ư ư vọng ra từ lồng ngực ông già. Một lát, cái đầu ông lão mới gật gù khe khẽ. Nàng thì thầm vào tai ông cụ, "*Good-bye, darling!*" Rồi tất tả kéo hắn ra ngoài.

"Hôm nay ông cụ giận nên không giới thiệu *you* được..."

Nàng nói liến thoắng, còn hắn thì thẫn thờ như người đi lạc. "Ai vậy?"

"Cờ-ri-tô-phơ đấy."

"Người nhà em à?"

Nàng nhoẻn miệng cười, ngây thơ như một thiên thần mới lớn. "Người nhà gì đâu. Tại thấy ông cụ không có thân nhân, em nhận làm bố nuôi. Thỉnh thoảng em vào thăm vậy mà. Bữa trước Cờ-ri-tô-phơ bị ốm nặng thành ra em phải *cancel* cái vụ đi Montreal với *you*. Định *surprise you* mà cũng không xong. Tại ông già cứ hay hờn mát..."

Nỗi hổ thẹn chàng lấy lồng ngực hắn. Vậy mà cứ tưởng Christopher là gã nhà giàu tư bản nào đó, âm mưu dụ dỗ cô đào nhí của hắn. Nỗi thẹn thùng chẹt cứng cổ họng làm hắn không nói nên lời. Hắn chỉ biết cầm lấy cổ tay nàng, mân mê những chiếc vòng sơ-men bằng vàng. Vàng giả hay vàng thật hắn cũng không rõ lắm nhưng hắn biết chắc mình đang đứng bên cạnh một tấm lòng vàng ròng trân quý.

Lúc dắt díu nhau ra khỏi viện dưỡng lão, nàng cầm lấy tay hắn, đắn đo mất nửa phút đồng hồ, mặc cho gió lùa những sợi tóc vàng óng ả quất sang mặt hắn. Rồi nàng thì thào:

"Nhớ lời *you* hứa bữa trước không?"

"Hứa gì đâu?"

"Hứa *treat me like a sister* ấy mà."

"À." Hắn ngơ ngác như người ngồi trong xe cảnh sát, bối rối tìm một lời giải thích hợp lý cho việc vượt đèn đỏ của mình. "Thì vẫn giữ lời hứa đàng hoàng mà."

"Vẫn giữ?"

"ừ. Đã bao giờ vượt giới hạn đâu!"

"Vậy thì *boring* chết đi!"

"..."

Nói xong cái câu dễ thương nhất trong ngữ vựng của mình, nàng ngã vào người hắn như bất chợt lịm vào cơn say dãn mềm gân cốt. Hắn hoàn toàn đồng ý với nàng. Yêu nhau đến rát ngọt thịt da, đến cồn cào gan mật mà phải coi nàng như em gái thì còn khổ đau nào bằng. Hắn kéo bàn tay mềm mại của nàng, đặt môi mình lên đó. Mùi ẩm mốc của thân thể người già còn vương trên tay áo người con gái. Mùi của sự bao dung, chân chất. Có bồ nhí cũng vui. Cơn vui réo gọi, lao xao trong lòng hắn. Hắn nghĩ đến Christopher; cái ông già lú lẫn được nàng nhận làm cha nuôi. Cái người vẫn dành chỗ của hắn bên cạnh nàng mỗi chiều cuối tuần. Hắn nghĩ đến bố mình ở quê nhà. Hắn nhớ đến ông nội, ông ngoại hắn ngày xưa. Nàng làm hắn nhớ đến bao nhiêu người. Bất chợt hắn hôn nhẹ lên mái tóc có những sợi vàng óng ánh dưới ánh đèn đường lấp lánh.

"Christopher." Hắn lẩm bẩm tên ông cụ, băn khoăn, "Sao lại chọn ông cụ Christopher?"

Im lặng một lát, cô gái thì thào, "Vì Cờ-ri-tô-phơ giống ông ngoại

phép lạ
NGUYỄN TUẤN HÙNG

nhờ phép lạ, hoa vặn mình tung cánh
mượt mà tươi giữa sa mạc không mưa
nhờ phép lạ mà cây khô gãy nhánh
đâm chồi non sau cơn hạ mùa xưa

thật tình tôi cũng tin vào phép lạ
trăm vạn người chờ phép lạ đấy thôi
nhìn cho kỹ những diệu kỳ khó tả
trong đất trời làm rung động tim tôi

phép lạ tôi có Quan Âm đứng đó
giữa khói sương xiêm áo trắng lượn lờ
nâng bầu tiên lóng lánh nước cam lồ
tưới lên tôi gội sạch hồn héo úa.

em. Em mồ côi bố mẹ. Ông ngoại em nuôi em từ nhỏ. Ông ngoại chết hồi em đi vượt biên, thành ra..." Nàng bỏ lửng câu nói để buông ra một tiếng thở dài man mác hơi hướm của sự buồn phiền. "Bây giờ em chỉ còn Cờ-ri-tô-phơ và *you* thôi."

Hắn kéo người con gái lại bên cạnh cây cột đèn, dịu dàng nâng mặt nàng lên, đăm đăm nhìn vào đôi mắt mầu nâu thẫm. Chợt đôi môi mềm của người con gái mấp máy, "Trăng kìa, *you* thấy không. Hôm nay trăng tròn. Mấy người cùng xóm em bảo ông ngoại mất hôm rằm..."

Hắn hôn nhẹ lên những giọt nước lấp lánh trong con mắt lá răm ướt sũng bóng đêm. Bây giờ hắn không sợ những bất trắc của việc có một cô đào nhí nữa. Chỉ cần một tấm lòng. Người con gái trong vòng tay hắn có trọn vẹn một tấm lòng cao cả. Hắn hân hoan như người được bạc. Và trong cái lâng lâng của gió đầm hương tóc, hắn trang trọng nói cho nàng nghe một câu tỏ tình.❐

Chiều cuối năm

Nguyễn Hiền

Tối hai mươi bảy tháng mười hai chị Minh gọi điện thoại cho tôi. Tiếng chị run run làm tôi hốt hoảng:

– Chị sao vậy ? Bệnh hả ?

– Không.

– Sao chị gọi cho Toàn khuya dữ vậy ?

– Tại chị quên mất. Hôm nay hai mươi bảy tháng chạp rồi.

Tôi thở ra:

– Ờ... ờ. Mà đâu có chị. Còn tháng nữa mới Tết kia mà.

Giọng bên kia điện thoại ngập ngừng:

– Biết rồi. Nhưng mà Tết ta bên này chẳng có gì Tết hết. Ai cũng đi làm.

– Mà chị gọi cho Toàn có chuyện gì vậy. Tôi bắt đâu mất kiên nhẫn.

– Ngày mốt thứ bảy Toàn có rảnh không ?

Tôi ngẫm nghĩ:

– Rảnh... thì không rảnh lắm. Nhưng Toàn có thể thu xếp được. Chị cần gì ?

– Toàn lên gói cho chị mấy chiếc bánh chưng được không ?

– A... à.

Tôi ngại ngùng, bản tính lười có sẵn đang muốn tìm sự an thân

Gói thì được, nhưng mà...

– Nhưng mà sao ?

– Giờ này đâu có mua kịp đô chị. Tôi tìm cách thối lui. Bữa nào cũng đi làm.

– Thì mai Toàn đi làm về chịu khó rẽ vào hiệu Tàu dưới ấy xem mua cho chị mấy xấp lá, với cuộn dây. Chị mua đủ thịt nếp đậu rồi. Nhớ đấy nhá. Mua được mai điện lại cho chị để chị còn ngâm đậu.

Chị nói nửa năn nỉ, nửa như ra lệnh, theo thói quen. Tôi hết đường thoái thác. Hơn nữa ít khi tôi để chị phải phiền lòng. Cho dù phải thỏa mãn một khẩn cầu trái khoáy. Dù sao chúng tôi cũng chỉ còn có nhau để an ủi. Tôi một mình, còn chị Minh cũng một thân bên này. Tôi quen chị hôm chị vừa ở bên đông lưu lạc sang phần thành phố bên này sau khi bức tường Berlin đổ xóa nhòa biên giới. Chị tình cờ gặp tôi, bám xoắn lấy, mong tìm một cái mốc bám víu. Cái mốc tôi mục rữa, bản thân tôi lo chưa xong bữa cơm tươm tất cho chị. Chị vươn vào cuộc đời, tự tìm việc, tự xoay sở mướn căn phòng tồi tàn ở tạm, như thân tầm gửi bám lấy một nơi vừa tấp vào. Tuy nhiên, tình bạn giữa chúng tôi mỗi ngày một đậm thêm, không vì sự trục trặc cỏn con này mà sứt mẻ, khi chúng tôi cùng lúc trực diện với thực tế phũ phàng. Biên giới địa dư đã đổ sụp, tại Đức cũng như ngay tại quê hương chúng tôi, nhưng biên giới trong lòng người vẫn còn đó, sừng sững chắn ngang người với người. Quá khứ nhiều khi để lại dấu ấn đau nhói. Dấu ấn của một miền đất đã bị một số người vô hình chung tạo thành một hãi hùng và ghê tởm cho họ. Chúng tôi bơ vơ. Chỉ vì giọng nói của chị, thân người, điệu bộ tố cáo nơi chốn chị sinh ra và lớn lên. Nơi ấy tuy trên mảnh đất mang cùng một tên, nhưng đối với nhiều người ở đây, miền đất ấy đã được gắn liền với khổ đau. Họ không muốn nhắc đến tên vùng đất ấy, khắc khoải tìm những tĩnh tự xấu xí cố gán ghép vào. Người ta ngại cả những giao du, chào hỏi với những người cùng mang một hoài bão, một tâm trạng, có lẽ chỉ vì nghĩ rằng hoài bão của mình to lớn hơn, tâm trạng mình đứng đắn hơn chăng. Hay là hoài bão chính đáng hay không còn tùy thuộc vào con người mang nó. Và vì thế, tôi cũng trở thành bơ vơ vì trót quen với chị.

ꕥ

Hai hôm sau tôi lễ mễ mang đồ nghề lên. Căn chung cư chị ở nằm nơi đầu hành lang lầu hai, sát bên chiếc cầu thang hẹp tè, hôi hám mùi nước tiểu. Một khu xóm mà người lương thiện đều sẵn sàng trả thêm một ít tiền để khỏi phải chui vào cặn bã của những mảnh đời tạp nhạp. Thui thủi một căn phòng dài năm mét, rộng bốn mét hai. Bếp sát đầu giường, ngăn bằng một tấm phên ván ép mỏng. Bước xuống giường đụng ngay bàn làm việc. Trên bệ cửa sổ nhìn xuống bãi cỏ có những chiếc xe móp méo đặt hai chậu cây giả tứ thời nở hoa và một chậu xương rồng gai tua tủa. Hôm mới dọn đến, được chị mời đến thăm, tôi ngạc nhiên hỏi chị: Chị ở như thế mà chịu được sao ? Chị cười, bảo tôi: Cũng còn rộng chán, so với căn hộ chị ở bên nhà, với chồng và bà mẹ ốm quặt quẹo. Nhà gì bằng cái lỗ mũi, khói từ những căn hộ khác trong khu tập thể mỗi buổi chiều bay mù mịt như xông chuột. Chị nhún vai: Bên này họ dùng lò điện,

chả có mùi mẽ gì.

– Nhưng nhiều lúc ngửi mùi khói bếp cũng thấy vui lạ. Tưởng như mình đang ở bên nhà.

– Đành vậy. ở đâu rồi cũng quen đấy. Chứ Toàn muốn hít khói bếp à ? Bên này bếp chị chỉ có độc một mùi cơm cháy.

Tôi chỉ biết cười che giấu sự bẽn lẽn.

Căn phòng độc thân ấy sáng nay có vẻ như tươm tất hơn. Hình như chị mới lau cửa kiếng. Chiếc màn cửa đóng bụi suốt một năm có lẽ cũng vừa được tẩy trần. Chị đón tôi bằng nụ cười muôn thuở:

– Rét không ? Đưa chị cái áo đây.

Tôi đi thẳng vào bếp, thảy gói đồ ăn lên bàn nước, xoa hai bàn tay cóng vào nhau:

– Rét thì có rét, nhưng quen rồi chị.

– Chị thì chưa quen được. Cũng may nhà ở hướng này khuất gió. Hướng Tây Nam, lúc nào cũng có nắng.

Chị thêm:

– Nhưng mà mình có mở lò sưởi hay không họ cũng lấy bằng ấy tiền. Lạ nhỉ. Đất nước giàu có họ chẳng để ý gì đến những cái vặt ấy. Chả có công bằng gì.

– Bởi vậy phòng chị mới nóng như cái lò nung người.

Chị cười nụ. Ấm nước bắt đầu rít lên tiếng còi chói tai. Tôi bắt chuyện:

– Sao tự dưng chị nổi hứng đòi gói bánh vậy ?

Giọng chị chùng xuống:

– Bỗng dưng buồn.

– Buồn gì chị. ở mãi rồi cũng quen.

– Không quen được. Ngày thường đi làm, còn cố mà chịu. Gần Tết, thấy thiên hạ sắm sửa, cũng đâm nôn nao theo.

– Thì chị thấy Toàn đấy.

Chị cười gượng:

– Nhưng chị khác, Toàn khác. Chị còn có gia đình. Tết thường làm người ta nhớ đến người thân. Toàn không nhớ nhà hử ?

Tôi lắc đầu, không hỏi thêm sợ khơi nỗi buồn tha hương của chị. Nỗi nhớ càng tăng lên mỗi khi chúng tôi nghĩ đến hoàn cảnh riêng. Tôi ngồi uống nước, vẩn vơ nhìn chị vo gạo. Bên xứ này không có rổ rá, thiếu tiếng xào xạc của hột gạo lướt trên những nan tre. Vả lại, gạo ở đây xay máy sạch như lau, không có thóc sạn. Tôi thổi cơm thường□ cũng chẳng vo, chỉ bắc nước nấu. Chị bảo:

– Sống ở xứ người đành mượn tạm cái vui của họ làm cái vui của mình vậy. Chỉ có cái buồn là không chia cho ai ở đây được. Họa may chỉ

có chia cho được một mình Toàn, thành ra chị vẫn còn ít nhất một nửa cái buồn.

Tôi quay sang vấn đề chính:

– Mà sao chị cứ bắt Toàn phải gói bánh cho bằng được thế ?

– Đúng ra chị gói một mình cũng xong. Nhưng khổ nỗi bánh chưng phải nhiều người gói chung mới vui. Mà Toàn gói đẹp hơn chị nhiều. Bánh vuông, có chạy đường sống lá hẳn hoi. Chị em mình gói mỗi người một cặp. Toàn gói, chị nấu. Tối thức canh bánh kể chuyện cho nhau nghe. Chiều nay lên lò, hai giờ khuya vớt bánh, sáng Toàn mang về cho cái cô gì ấy một chiếc. Còn chị ít nhất phải đủ một cặp ăn dần suốt tuần.

Chị nói thêm:

– Lạ. Chẳng biết ông giời sinh sao mà đàn bà chỉ biết nấu qua quít. Đầu bếp khéo tuyển là đàn ông.

Tôi nghĩ chị lẩn thẩn, nhưng không nói ra. Mỗi người có những suy tư riêng của họ. Tôi hỏi cho có lệ:

– Chị hồi này sao ?

– Vẫn vậy. Chao, mới được lên lương, tháng thêm vài chục, thôi kệ. Được đồng nào hay đồng ấy. Bên này chả có chuyện phụ cấp bồi dưỡng này nọ. Tháng nào cũng bằng chừng ấy tiền, không sai một đồng, chán phèo.

– Còn bên nhà sao chị ?

Tôi vừa hỏi vừa nhìn đống đồ chị tha lôi về chất dưới gậm tủ. Dường như cuộc sống của chị chỉ thu vào một số việc: đi làm kiếm tiền, mua đồ và gửi đồ về. Tôi biết chị có ý định khi xây xong căn nhà gạch cho vợ chồng, chị sẽ về lại với gia đình sau nhiều năm xa cách. Những ngày tháng dài lặn lội bên bờ sông xứ lạ lâu lâu mang về cho chị một niềm vui nho nhỏ qua lá thư của chồng gửi sang, để cho chị hấp tấp lấy giấy bút hồi âm trở về. Chị nói: Kiếp tằm gửi bên này chẳng có hay ho gì, sống lửng lơ tìm mãi một mảnh đất bám hờ. Ban đầu chị cũng hy vọng sẽ kéo được cả chồng và bà mẹ sang đất người lập nghiệp, nhưng sau nhiều đụng chạm với thực tế chị đành dứt khoát. Có lần chị tâm sự với tôi:

– Bây giờ mình mới thấm cuộc đời. Mình sống bên này chẳng khác nào tụi ngụy bên nhà, Toàn nhỉ.

Tôi sửng sốt:

– Chị nói sao ?

– Lúc trước chị cứ nghĩ là mình phải tìm cách cho con cái bọn ngụy không thể ngóc đầu lên. Chúng nó bản thân có lý lịch không tốt, không thể tin cậy được. Ai mà ngờ bây giờ mình phải chịu cái cảnh y như thế.

– Sao chị ?

– Hôm vừa rồi đi xuống phố mua hàng, chị đứng cạnh đám tị nạn, tình cờ nghe chúng nó nói lén mình. Đứa này bảo đứa kia: Cái con mẹ bộ đội ấy nó cứ tìm cách làm quen với mình, chẳng biết nó định dở trò gì nữa đây. Đứa kia nói: Đừng có dây vào nó mà mang họa. Chị quay lại nhìn. Bọn chúng im bặt. Như thế tức là nó muốn nói chị chứ còn gì nữa.

Chị thở ra:

– Mà nghĩ cho cùng, chị có một ngày bộ đội nào đâu. Hòa bình, mình còn bé tí, thế mà nó cứ gán cho mình hai chữ bộ đội vào cái bản lý lịch vô hình của chúng nó. Chị đếch cần. Mình có thân mình lo. Nhưng mà nhiều khi thấy tủi. Chúng nó có lý lịch không tốt thì chỉ khi nào có việc cần đến giấy tờ mới lòi ra. Đằng này...

Chị ngập ngừng. Tôi hỏi:

– Sao cơ ?

Gương mặt chị bỗng đỏ lên:

– Cái bộ dạng mình cũng đủ tố cáo mình không giống tụi nó. Mà quái lạ, sao tụi nó tinh thế. Mình có làm thế nào bọn nhãi ranh cũng biết mình không phải dân Nam bộ. Toàn thấy chị có khổ không. Chỉ vì tiền mà chị phải lao ra đi làm hợp tác, chứ ai mà biết rồi ra đến nông nỗi này.

Tôi suýt bật cười, nhưng cố nén kịp. Thật khổ cho chị. Có những người cả đời chỉ loay hoay cố biến mình cho giống cái mẫu mực chung, mà quên đi bản sắc riêng của mình. Chị mập tròn, lúc đi nguyên cả phần sau lúc lắc, chưa kể giọng nói rổn rảng, đầy ngập từ địa phương. Tôi an ủi:

– Chị có nhà cửa đàng hoàng, công ăn việc làm tử tế. Mình sống cho mình, cần gì người khác, như chị vừa nói ấy.

Chị im lặng, nhưng tôi biết chị không hoàn toàn đồng ý với tôi. Bởi tôi biết điều triết lý vụn vừa rồi chỉ là một cách tự an ủi cho những dày vò thường trực. Chúng tôi cặm cụi gói bánh. Tôi nhớ đến cha tôi khi xưa thường bảo: khi con làm việc gì cho người phải nghĩ đến họ. Có thế kết quả của việc mình làm mới có giá trị. Bài học ấy tôi nằm lòng, nay mang ra nhẩm lại. Nhưng tôi không biết phải nhớ đến ai ? Đời sống hiện tại là một chuỗi bọt bèo, bạn bè hời hợt, nay gặp mai quên. Chẳng lẽ nhớ đến chị Minh, lúc chị còn đang ngồi sờ sờ trước mặt tôi. Đành nhớ đến những ngày còn ở nhà, có cha mẹ anh chị em. Nhưng thuở đó tôi đã mấy khi được ăn cái tết gia đình. Cha tôi và chị tôi thay nhau đi biệt mỗi khi Xuân chập chờn đến. Tôi cột một vòng dây nhỏ vào chiếc bánh làm dấu, định bụng sẽ mang về hai tuần nữa cúng rằm tháng chạp thay cho Tết, với ý nghĩ chiếc bánh đó biết đâu sẽ ngon hơn. Chị Minh loay hoay với nồi nước sôi, chiếc nồi mười chị mượn tạm của nhà hàng xóm đông con chồm chỗm trên vỉ lò chật hẹp. Nếp đậu còn dư, chị đồ thêm nồi xôi hoa cau

thay cho bữa cơm chiều. Bếp điện không lửa cháy, căn phòng trơ trẽn lạ. Chúng tôi thả mấy chiếc bánh vào, ngồi nghe nước sôi reo, mắt dán vào màn ảnh truyền hình nhưng đầu nghĩ vơ vẩn. Tôi khua không khí tẻ nhạt, bảo chị:

– Chị mua đủ hàng chưa để Toàn đóng kiện gửi về cho anh ấy kịp ăn Tết.

Chị lắc đầu bảo tôi:

– Thôi chả nhờ Toàn nữa. Để thư thả chị đóng một mình cũng được.

Tôi linh cảm một chuyện chẳng lành xảy ra, hỏi. Thường chị vẫn bàn soạn với tôi những mặt hàng nào có thể bán chạy, và cùng nhau đóng kiện gửi về. Thấy tôi hỏi tới, chị buồn rầu kể lại câu chuyện gia đình. Những thùng hàng của chị đã trở thành món quà thường xuyên của chồng chị cho một người đàn bà khác. Một người quen bên nhà mới sang cho biết như vậy. Tôi chưng hửng, không tin ở tai mình. Người đàn ông trong tấm ảnh treo trên tường có khuôn mặt chất phác, mà chị vẫn khen, trong cái khen có chút hàm ý tự ca tụng cái may mắn của riêng mình. Chị kết luận:

– Đời người, mấy ai mà biết được. Bao nhiêu công lao thành ra đổ sông đổ biển hết.

Tôi căm phẫn:

– Chị để thế mà chịu được à ? Toàn mà như chị thì thằng cha ấy biết tay.

Chị hỏi, giọng đanh lại:

– Thì Toàn sẽ làm gì nào ? Giật được thằng chồng khỏi tay con mụ ấy rồi thì thằng chồng ấy nó cũng đâu còn xứng đáng với mình nữa. Chỉ còn cái xác vô tâm hồn. Như thế chỉ thêm vài người khổ.

– Sao chị không nghĩ là anh ấy có khi còn trông lại...

– Hừ. Chị biết. Ai cũng chăm chăm muốn rũ bỏ cái quá khứ nào xấu xa mà mình không thích, hay những chuyện quá khứ lâu ngày đã trở thành cái gánh nặng cho tương lai mình. Chị mới nói với Toàn khi nãy. Cái quá khứ nhiều lúc làm mình trở nên lẻ loi.

– Nhưng chị để vậy mà chịu được à ? Mình phải làm ra ngô ra khoai...

Chị buông xuôi:

– Ngô khoai gì thì cũng tại mình. Suốt đời, chị theo anh như cái bóng. Cái bóng một hôm lỡ dại bỏ người mà đi. Bây giờ người không còn nữa. Thành thử chị bây giờ chỉ là cái bóng của một cái gì đó rất là vô hình.

Tôi đến gần bên chị. Nghe thấy từng hơi thở nóng, tiếng nấc. Tôi đặt tay lên vai chị. Trong tôi hiện lên hình ảnh tôi vẫn đọc trong tiểu thuyết. Anh chàng an ủi cô gái trong một tình huống không lối thoát. Cô gái,

hư tưởng

HOÀNG XUÂN SƠN

đêm trở dạ lọt lòng con hoang tưởng
mộng du tôi trên ngờ vực em còn
đời lung lạc đã không cùng định hướng
chút mơ mòng lên đỉnh tháp chon von

cứ đợi nhé ngàn mây ru thầm lặng
vũ khúc buồn man mác điệu blue đen
khi trổi giọng với tình cầu yên ắng
là tiêu sơ hồn cũ lạnh hương đèn

đừng hơ hỏng trăm chiều sương khói nhạt
có gì đâu vai nắng đã nghiêng trời
mùa tao loạn vẫn se cùng tay rét
vệt trăng loang hoài mộng úa theo đời

tách khỏi bóng sẽ bao giờ níu lại
mảnh hồn vàng khuya nến lụn cầm canh
thê thiết lắm một triều sương gập gẩy
bước mơ hồ đâu đáng mỏng em – anh

xanh lên khơi xanh tình xanh thắm mãi
mai tinh khôi và biển rộng tay chờ
mắt cỏ lá dẫu vô vàn khép lại
giữ một niềm hoan lạc ý tình thơ

trong một thoáng ngạc nhiên, ôm lấy anh ta. Cái hôn say đắm, những gì phải đến sẽ đến. Nhưng bây giờ tôi biết, những chuyện đó chỉ có trong tiểu thuyết. Bàn tay tôi cảm nhận những cái rung nhẹ của hai bờ vai qua lần áo vải bông. Nhưng tôi chỉ thấy thương chị, những gì từ hai bàn tay tôi truyền sang chỉ là một cảm thông của hai người chỉ còn nhau để sống nốt chuỗi ngày xa quê hương.❐

Qua làng Sơn Tịnh

Điệp Mỹ Linh

Dưới ánh trăng, con tàu băng mình về phương Bắc. Tiếng xình xịch của máy tàu hòa với âm thanh của gió rít bên khung kính cùng tiếng bánh sắt cạ lên đường rầy tạo nên chuỗi âm thanh dồn dập, vội vã, rộn ràng. Những lúc bánh sắt chạm vào hai mí nối liền của hai đoạn đường rầy, dường như âm thanh nghe sắc và mạnh hơn.

Tỳ tay lên chiếc kệ nhỏ nơi cửa sổ toa xe, Bảo-Trân nhìn ra cánh đồng mờ nhạt ánh trăng. Bảo-Trân thấy dường như ánh trăng lóng lánh hơn nơi ao nước hay ruộng sâu. Xa thật xa, ánh đèn leo lét trông đến thê lương. Những lùm cây thấp hoặc cổ thụ hay lũy tre dài, dưới ánh trăng trong, biến thành màu xám đậm. Và hình thể của lũy tre cũng như những khóm cây và cổ thụ biến thế tùy theo vị thế di chuyển của con tàu.

Lớn lên từ phố thị và đã sống dưới vòm trời Âu-Mỹ suốt bao nhiêu năm trời, nhưng khi thấy khung cảnh này, không hiểu tại sao Bảo-Trân lại cảm thấy quen thuộc và gần gũi vô cùng.

Bất chợt còi tàu huýt lên não nuột rồi từng thân sắt lớn - loại thân sắt để làm nhịp cầu - vượt qua khung kính trong khi tiếng gió rít mạnh như thét gào. Âm thanh gió rít, chiếc cầu sắt và cánh đồng ngập ánh trăng gợi nơi tiềm thức Bảo-Trân hình ảnh những chuyến tàu đêm của mấy mươi năm trước.

Trong khi những tế bào óc đang âm thầm mò mẩm trong vùng "a-lại-gia-thức" của Bảo-Trân thì tự dưng một điệu "valse" vang lên từ tâm cảm và Bảo-Trân vô tình ư hử theo. Bảo-Trân cứ nhìn cánh đồng ngập trăng và ư hử mãi như vậy cho đến khi con tàu chậm lại và ngừng hẳn.

Dưới ánh đèn vàng nhạt, ba chữ "Ga Quảng-ngãi" màu đỏ hiện ra sau mấy tàu dừa. Trong tầm mắt Bảo-Trân, thay vì hiện ra một nhà ga khang trang, sân ga im vắng - như một thực thể - thì Bảo-Trân lại như mơ

hồ thấy một nhà ga đổ nát vì bị máy bay Pháp bắn phá, chỉ còn nền xi-măng vỡ vụn. Trên nền xi-măng ấy, dưới ánh sáng hiu hắt của những ngọn đèn lồng, nhiều người đàn bà lam lũ cùng những đứa trẻ rách rưới đang ngồi trên mấy cây đòn gánh, giữa đôi gióng. Trong mỗi chiếc gióng thường có một cái thúng,bên trên là cái trẹt đựng kẹo thèo lèo, kẹo đậu phọng, bánh thuẫn, bánh in, thuốc rê, bắp, khoai, v. v... để bán cho khách của những chuyến xe gòn ban đêm. Thỉnh thoảng hành khách cũng thấy một đứa bé nằm ngủ cong queo trong một cái thúng không. Nhiều đứa bé trai tay xách ấm nước trà, nách kẹp vài cái ly, miệng rao trầm trầm: "Nước đây. Nước trà đây." Nhiều người trên xe gòn nghịch ngợm: "Sao mày dám 'bán nước', mày?" Mấy đứa bé "bán nước" có vẻ sợ, lắc đầu lia lịa: "Đâu có, tui đổi nước mà".

Bảo-Trân thấy gần gũi và thương yêu quá hình ảnh những đứa trẻ khốn khổ ban ngày phải đi mót lúa, mót khoai, lượm củi hoặc chăn trâu, chăn bò; ban đêm phụ mẹ bán hàng hoặc "bán nước" ở ga xe lửa.

Gọi là ga xe lửa nhưng vào thời điểm đó, những chuyến tàu đến ga Quảng-ngãi chỉ là những chuyến xe gòn. Xe gòn gồm một hay vài toa xe lửa được nối vào nhau, do sức người đẩy từ phía sau và xe chạy trên những đoạn đường rầy chưa bị phá hủy theo chính sách "tiêu thổ kháng chiến". Khi nào xe xuống dốc, những người đẩy bám lên toa xe, để xe tự do tuột dốc. Khi tốc độ xe giảm nhiều, những người ấy nhảy xuống, đẩy tiếp. Xe gòn chỉ dám chạy ban đêm vì ban ngày sợ phi cơ Pháp oanh tạc.

Nếu ai đã từng sống ở "vùng giải phóng" mới cảm thấy được nỗi hãi hùng mỗi khi nghe tiếng phi cơ. Vì vậy người dân ở đây thường đào hầm tròn trong sân để trốn máy bay. Nơi công sở, ngoài hầm tròn còn có hầm dài. Dọc hầm dài, có người kỹ hơn, còn đào hầm ngang, miệng hầm xoay ra hầm dài. Mỗi khi đi đâu ai cũng mặc quần áo màu sậm và không đội nón lá - sợ màu sáng phi cơ dễ thấy - và thường cầm theo một nhánh cây tươi. Hễ nghe tiếng máy bay, lập tức nằm rạp xuống, phủ nhánh cây lên người để ngụy trang.

Cách ngụy trang đó chỉ áp dụng vào những lúc đi trên đồng trống. Còn như đi từ ga Quãng-ngãi về sông Trà-khúc, rẽ tay trái rồi đi dọc theo bờ sông để về Sơn-tịnh thì khỏi phải ngụy trang; vì dọc bờ sông này là sự tiếp nối của những lũy tre dài hun hút và nhiều vườn dừa rợp bóng.

Vào buổi trưa nắng hạn, dưới bóng mát êm đềm của bờ sông này, nhiều bác nông phu núp nắng, ăn trưa. Ăn xong, có bác tựa gốc dừa, lấy nón cời (nón rách) che mặt, "đánh" một giấc; có bác ngồi phe phẩy chiếc nón cời, vừa phì phèo điếu thuốc rê được vấn bằng lá chuối non vừa nghe tiếng reo hò nghịch ngợm của lũ trẻ đang nghịch nước dưới bến sông;

cũng có bác trở ra đồng, ngán ngẩm nhìn những đường nứt nẻ - dấu tích khắc nghiệt của mùa Hè - trên thửa ruộng đất cứng như nung.

Để giúp ruộng lúa bớt cằn cỗi, những bánh xe nước dọc bờ sông Trà-khúc vẫn quay đều để lấy nước vào ruộng, nhưng vào mùa Hạ nước vẫn không đủ cung ứng cho nhu cầu của nhà nông. Vì vậy, những buổi sáng sớm, Bảo-Trân thấy nhiều người đàn bà bọc con sau lưng hoặc trước ngực bằng tấm vải cột thắt vào người rồi đi ra đồng đứng tát nước nơi một góc ruộng.

Phương tiện tát nước, đôi khi là chiếc gàu sòng có bốn sợi dây dừa, do hai người đứng hai bên ao nước kéo lên và thả xuống một cách nhịp nhàng; cũng có khi chỉ gồm ba thanh tre được cắm vào ba góc nơi có nước rồi cột ba đọt tre vào với nhau. Ngay chỗ ba đọt tre được cột vào người ta cột thêm một sợi dây có gắn cái gàu đã được trét đầu rái cho nước khỏi chảy. Phía trước của cái gàu được xoay về hướng mà người tát nước muốn nước chảy vào; phía sau cái gàu người ta cột một thanh tre ngắn. Người tát nước chỉ việc kéo thanh tre này ra sau, dúi cái gàu xuống nước, xúc mạnh lên rồi đẩy ra phía trước. Nước từ cái gàu sẽ tuôn vào thửa ruộng mà người tát nước muốn.

Trong khi người trẻ lo tát nước, gieo mạ hoặc đi rẫy thì trẻ con lùa trâu bò ra đồng hoặc đi mót củi, đào khoai và các cụ già miệng móm, lưng còng lum khum bên đàn gà hoặc bên máng cám heo. Dĩ nhiên mọi cử động của các cụ rất chậm chạp, giống như bước đi của các cụ. Trong tất cả hình ảnh vừa trỗi dậy từ tâm thức, Bảo-Trân bỗng thấy hiện lên hình ảnh đứa bé gái tóc cắt bum-bê, mỗi sáng được mẹ chải đầu, chia mớ tóc phía sau ra làm hai rồi thắt lại bằng hai nơ đỏ. Ngoài hai nơ đỏ, đứa bé gái thường mặc áo tay phồng cổ Hồng-kông, do mẹ tỉ mỉ may tay.

Cổ áo Hồng-kông chỉ là một đoạn vải dài, đoạn giữa nhỏ. Xuôi về phía hai đầu phần vải được cắt rộng ra. Cuối hai đầu vải được cắt xéo khoảng 135 độ rồi may bẻ trái lại. May xong lộn ngược ra. Đoạn nhỏ ở khoảng giữa được may dính liền vào cổ áo. Hai đoạn vải rộng để dài, khi nào mặc áo xong thì thắt hai đoạn ấy lại thành cái nơ ngay nơi cổ. Quanh cổ áo cũng như dọc bâu áo và lai áo, mẹ "đột" từng mũi kim đều nhau, mới nhìn qua nhiều người tưởng là may máy.

Đàn bà, con gái trong làng Sơn-tịnh nhỏ bé này ai cũng mặc áo cổ kiền hay cổ bà-lai hoặc tân thời lắm là áo cổ bẻ chứ ít ai biết áo cổ Hồng-kông như thế nào. Từ ngày gia đình đứa bé gái về đây, cổ áo Hồng-kông bắt đầu thịnh hành. Ngoài kiểu áo tay phồng cổ Hồng-kông và hai nơ đỏ trên mái tóc, đứa bé ấy còn có cái tên rất lạ. Ở đây thường thường con gái chỉ mang những cái tên đơn mộc mạc như Mận, Lượm, Gái, v. v...hoặc

những cái tên có tính cách văn hoa như Lan, Mai, Cúc...Đằng này đứa bé lại có tên kép: Bảo-Trân.

Bảo-Trân không những lạ ở cái tên mà còn trông khác hẳn những đứa bé trong làng vì làn da trắng mịn, sóng mũi cao và mái tóc nâu nâu. Chính mái tóc và sóng mũi khiến nhiều người gọi bé là Tây lai.

Danh từ Tây lai không phải bây giờ ông bà Dư - cha mẹ ruột của Bảo-Trân - mới nghe nhiều người gọi Bảo-Trân mà từ dạo còn ở "vùng tạm chiếm" ông bà cũng thường nghe thiên hạ xầm xì mỗi khi ông bà đẩy xe đưa Bảo-Trân đi dạo biển.

Thời điểm đó những gia đình danh giá, giàu sang không bao giờ muốn ai nghĩ rằng con hay cháu của họ có máu lai, vì đó là điều xấu hổ, nhục nhã. Vì vậy Ngoại của Bảo-Trân cứ cạo tóc Bảo-Trân hoài, với hy vọng khi tóc mọc ra sẽ trở thành đen. Nhưng tóc của Bảo-Trân chưa bao giờ trở thành đen như ý Ngoại muốn.

Bảo-Trân có nhiều đặc điểm khác biệt như vậy nên trẻ con trong làng thích xúm xít bên Bảo-Trân - nhất là những lúc Bảo-Trân học Pháp-văn hoặc tập đàn "mandoline".

Những lúc tập đàn, Bảo-Trân tỳ phần dưới của thùng đàn lên vế phải, bàn chân trái giữ nhịp. Khi nào Bảo-Trân lỗi nhịp, ông Dư bảo ngưng, bắt đầu lại. Bảo-Trân vừa nhìn vào bản "valse" vừa lắng nghe tiếng ông Dư "chát chát chình, chát chát chinh" rồi vừa liếc chừng bàn tay đánh nhịp của ông Dư. Những đoạn nghỉ dài, Bảo-Trân phải "trémolo" thật đều. Khi thấy bàn tay ông Dư gặc mạnh xuống và tiếng "chình" hoặc "chinh" phát ra, Bảo-Trân hiểu ngay đó là thì mạnh (temps fort), phải "vào" ngay thì mới đúng nhịp. Những buổi trưa yên ắng, Bảo-Trân thích ra gốc chuối sau hè bắt chước điệu bộ y hệt ông Dư và miệng cũng nói "chát chình, chát chinh" nếu bản nhạc thuộc thể loại "2/4". Thỉnh thoảng Bảo-Trân vừa hát vừa làm điệu bộ như mấy người lớn đứng hát trên sân khấu. Nhóm trẻ con trong làng không hiểu quê quán Bảo-Trân ở đâu; nhưng mỗi khi rình nghe và thấy Bảo-Trân vừa làm duyên vừa hát: *"Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm, chạy dài trên khóm cây, đàn chim riu rít ca. Bao người ra ngồi hay đứng bên thềm, đợi chồng con mắt trông về phía trời xa. Sáo diều êm nào khác lời thơ. Lúa vàng reo ngàn muôn sóng nhấp nhô. Ôi! Chiều quê, chiều sao xiết êm đềm, nhìn theo tơ khói vương, chờ giây phút mến thương..."* ("Quê nhà tôi" của Thẩm-Oánh) thì hầu như cả nhóm đều cảm thấy buồn buồn về những gì mà người bạn nhỏ phải bỏ lại nơi cuối trời thương nhớ.

Một lần Bảo-Trân đang mơ màng cất tiếng hát: *"Chùa Hương với dòng nước xanh biết bao êm đềm..."* chợt nghe tiếng cậu con trai hàng

xóm nhại theo: *"Chùa Hương có thằng chết trôi, vớt lên thúi ình..."* Bảo-Trân "giận cành hông", nguýt về hướng nhà cậu ta một cái thật dài rồi ngoe nguẩy đi vào nhà, định bụng sẽ "nghỉ" cậu ta ra, không thèm chơi với cậu ta nữa. Nhưng hôm sau, hai chiếc phi cơ bất ngờ xuất hiện và cùng một lúc bắn phá, thả bom. Bảo-Trân hãi quá, chẳng biết làm gì, chỉ ôm Phiêu - đứa em kế - ngồi ngay giữa sân.

Khi hai chiếc máy bay vút lên cao sau một đợt dội bom, cậu bé hàng xóm ló đầu lên nhìn, muốn tìm xem máy bay bắn phá chỗ nào. Chính lúc đó cậu bé thấy chị em Bảo-Trân ôm nhau ngồi khóc. Cậu bé nhảy lên, nhanh nhẹn ẵm Phiên và kéo Bảo-Trân xuống hầm. Từ đó Bảo-Trân hết giận cậu ta. Và những khi rảnh rỗi, Bảo-Trân thích xin bà Dư cho theo cậu ta và các bạn khác đi tát cá.

Trong tất cả phần việc mà trẻ con thời đó có thể giúp cha mẹ, Bảo-Trân thích đi tát cá nhất; vì bé thích vọc bùn. Bùn ở ruộng sạch, nhuyễn và mịn như những thỏi bột nếp bà Dư thường nhồi để nấu chè trôi nước bán; chỉ khác nhau ở chỗ bột nếp màu trắng, ăn được còn bùn màu nâu đậm và ăn không được. Thỉnh thoảng Bảo-Trân vốc đất sét, ngồi bệt lên bờ ruộng, tỉ mỉ nắn thành hình con trâu, con bò rồi phơi nắng, để dành đem về cho Phiêu chơi.

Bảo-Trân chỉ thích những niềm vui nho nhỏ vậy thôi. Nhưng các bạn lại thường đem đến cho Bảo-Trân những niềm vui lớn, những chuỗi cười dòn khi các bạn tạt nước, tạt bùn lên nhau, mặt mũi, áo quần ai cũng lem luốc. Vui đùa phá phách cho đã rồi cả đám mới hốt bùn đắp bờ ngăn nước, tát nước. Khi nước cạn, bé nào cũng tranh nhau bắt cá xâu vào sợi dây lạc (giây tét ra từ cây tre); chỉ có Bảo-Trân đứng yên, không chịu bắt khi thấy những con cá cố nhủi vào bùn lẩn trốn. Bảo-Trân không thích nhìn bất cứ sinh vật nào bị hành hạ hoặc bị dồn đến đường cùng. Một lần, thấy vật gì đen đen, mềm mềm dính vào chân, rảy hoài không rớt, Bảo-Trân chỉ cho bạn xem. Khi bạn bảo "Mày bị đỉa đeo" thì Bảo-Trân la hoảng lên. Cậu bé hàng xóm phải chạy đi xin tý vôi xức vào con đỉa mới chịu nhả ra.

Từ đó Bảo-Trân không dám đi tát cá nữa mà lại theo phụ các bạn đi hái lá dâu về cho gia đình bạn nuôi tằm. Hái lá dâu thật vui. Nhưng khi về nhà bạn, thấy từng nong tằm, Bảo-Trân bụm mặt thét lên. Trời ơi! Đây là sâu! Những con sâu đen ngòm đang vươn cao dưới lớp lá dâu. Bảo-Trân tưởng như nghe được tiếng "rào rào" do đàn tằm nhai lá dâu. Từ đó Bảo-Trân chẳng bao giờ hái lá dâu và đến mấy nhà nuôi tằm nữa. Tuy nhiên, nghe lời bạn dặn, khi nào phải đi đâu vào lúc chiều tối, Bảo-Trân không quên cầm theo một roi dâu để...ma sợ, không dám dẫn bé đi lạc!

Ngoài những giờ vui với bạn, Bảo-Trân còn có thêm một thú vui riêng. Đó là gieo, trồng mấy luống rau cải và làm giàn cho mấy cây cà chua. Dạo đó, theo chỉ thị của cán bộ, gia đình nào cũng phải tăng gia sản xuất ngay trên phần đất quanh nơi cư ngụ. Để tăng năng suất thu hoạch, cán bộ khuyến khích mọi người phải dùng nước tiểu pha loãng để tưới rau; nhưng gia đình Bảo-Trân lại không thi hành.

Mỗi chiều Bảo-Trân lén múc nước dưới ao cho vào cái bình bằng nhôm, có quai cầm và cái vòi dài. Cuối cái vòi xòe ra như hình cái phễu. Khi Bảo-Trân nghiêng bình, nước từ cái phễu theo mấy lỗ nhỏ phun nhè nhẹ từng "sợi" trong suốt, mềm mại. Hôm nào tưới nước sớm, khi mặt trời còn cao, Bảo-Trân thấy - ở độ khúc xạ ánh sáng không thể tính nhẩm được - ánh nắng chiều tạo thành một cầu vồng nhỏ xíu quanh những "sợi nước" long lanh. Nếu âm thanh rì rào của những "sợi nước" rơi đều trên từng chiếc lá xanh quyến rũ thính giác Bảo-Trân bao nhiêu thì màu vàng tươi của hoa cải, hoa tần ô, hoa cà chua cũng quyến rũ đàn bướm và lũ ong bầu bấy nhiêu.

Có những chiều, sau khi tưới nước, Bảo-Trân đang nhìn bướm lượn hoặc đang xua đuổi lũ ong bầu để cho ong khỏi chích mấy trái cà chua đang ửng chín thì tiếng "dí, thá" của mấy chú chăn bò vang lên xa xa. Bảo-Trân biết thế nào tý nữa cũng nghe tiếng xe bò chậm rải đi qua trước nhà.

Lúc mới ra "vùng giải phóng", Bảo-Trân lấy làm lạ khi thấy con bò và chiếc xe bò. Chiếc xe bò gồm hai cái ách (joug) phía trước để máng vào cổ con bò và hai bên thùng xe là hai bánh xe bằng gỗ, chung quanh được niền bằng một vòng sắt. Khi con bò chậm rải bước, tiếng bánh sắt lăn trên đường đất tạo nên âm thanh trầm trầm, đều đặn. Lâu lâu, người đánh xe bò hét "dí, thá" rồi dùng roi mây quất trót trót lên lưng bò. Khi nào bị đánh đau quá, bò ngẩng lên, kêu "b...ò...ò...". Tiếng kêu kéo dài nghe bi thương lạ lùng! Bảo-Trân không hiểu tại sao khi tiếng kêu ấy thoát ra vào lúc xâm xẩm tối thì lại nghe não nùng hơn! Vì vậy, Bảo-Trân thường cố hoàn tất việc tưới rau trước khi trời chạng vạng rồi vào nhà sớm để khỏi bị bứt rứt trong lòng vì tiếng kêu ai oán của mấy chú bò.

Nơi thôn dã, nếu chiều là khoảng thời gian lắng đọng nhất của một ngày thì đêm là sự trầm mặc trong từng chuỗi âm thanh êm ả của muôn loại côn trùng.

Trên bờ ruộng khô, theo tổng hợp âm thanh quen thuộc đó, ông Dư thường đạp xe đạp vào "Sở quân giới Liên-khu V" - nơi ông Dư phục vụ - kiểm soát ban văn nghệ xem họ tập dượt như thế nào; và bà Dư ra chợ Sơn-tịnh bán mắm nêm, vì gia đình ông bà Dư không thể sống với phụ

cấp 18 ký gạo do "nhà nước" cấp cho ông Dư.

Vào những hôm chợ phiên, bà Dư thường cho Bảo-Trân đi theo để "tập mua bán giống như con người ta chứ Bảo-Trân thiệt thà quá!" Đó là lời bà Dư thường nói với ông Dư. Hôm đó trời mưa, đường trơn trượt. Bà Dư quảy đôi thúng nhỏ, bên trong là hai hũ mắm nêm, một cái vá nhỏ bằng võ dừa khô dùng để múc mắm và một xấp lá môn tươi dùng để gói mắm. Bảo-Trân xách đèn lồng đi theo. Hai mẹ con mặc hai cái áo mưa được chằm bằng lá dừa. Vì chằm bằng lá dừa nên áo cứng, không thể uốn theo hình dáng con người mà chỉ được cột nơi cổ rồi suông đuột từ vai cho đến đầu gối, chỉ hở một đường dài trước ngực.

Khi đến bên gò mối, bà Dư trượt chân té nhào, quang gánh cũng lăn theo. Bảo-Trân vội vàng đỡ mẹ lên. Bà Dư đau ê ẩm một bên hông nhưng không nghĩ đến tình trạng của mình, chỉ hối Bảo-Trân: "Hốt mắm nêm vô hũ đi, con. Hốt lẹ không thôi mưa cuốn trôi hết chừ." Bảo-Trân nhìn mẹ: "Bùn không hà, má." Bà Dư không còn thì giờ giải thích cho con. Bà nén đau, đi cà nhắc đến bên hai hũ mắm, khum xuống lật ngửa hai hũ mắm ra rồi vội vã hốt hợp chất đen đen nhầy nhầy chung quanh mà bà nghĩ rằng đã trào ra từ hũ mắm. Bảo-Trân thấy mẹ làm thì cũng làm theo như vậy. Hốt được một lúc, Bảo-Trân nhìn bà Dư: "Má à! Mắm trộn với bùn, bán cho người ta ăn mình mang tội chết đó, má." Bà Dư đau nhói trong lòng. Đó chính là những điều ông bà Dư đã giáo dục các con. Nhưng trong hoàn cảnh này, nếu không bán "mắm bùn", làm sao bà có được tiền để về trả vốn lại cho chủ vựa và có tí tiền mua cua đồng về giã nát, lọc lấy nước nấu với khoai sọ cho con ăn có chút bổ dưỡng! Bà Dư đưa cánh tay quệt ngang mắt, Bảo-Trân ngước nhìn mẹ, không hiểu mẹ gạt nước mắt hay nước mưa. Bà Dư gánh đôi thúng lên vai phải rồi đưa tay trái khoèo tay Bảo-Trân: "Đi, con".

Hai mẹ con đi được một đoạn khá xa thì cơn mưa cũng vừa dứt. Từ xa Bảo-Trân đã thấy một vùng ánh sáng nhạt nhòa của nhiều và rất nhiều đèn lồng gom lại nơi chợ Sơn-tịnh.

Khối ánh sáng ấy trông giống như quang cảnh của những lần ban văn nghệ của "Sở quân-giới Liên-khu V" trình diễn ngoài trời. Những lần đó Bảo-Trân thường hát "xô-lô" (danh từ thời ấy thường dùng) "Về Miền Trung", "Cô gánh gạo", "Quê nghèo" của Phạm-Duy.

"Quê nghèo" chỉ là một bản nhạc ngắn, lời ca diễn đạt được tất cả sự bần hàn, cơ cực của người dân vùng này. Nhưng câu điệp khúc: *"Bao giờ anh lấy được đồn Tây, anh ơi!..."* (Sau này trở về Thành, Phạm-Duy đổi lại là: *"Bao giờ cho lúa được mùa luôn, lúa ơi!..."*) được ông Dư chia thành nhiều bè để nhiều người cùng hợp xướng từ sau hậu trường vào lúc Bảo-

Trân hát đến đoạn này. Âm thanh vang vọng ấy khiến người nghe có cảm giác nôn nao, xao xuyến như nghe được tiến non sông vọng về.

Trong tất cả những buổi trình diễn văn nghệ, có lẽ chỉ có kỳ Đại- hội văn-nghệ Liên-khu V mới đủ tầm cỡ để ban văn nghệ của "Sở quân giới Liên-khu V" thi thố tài năng.

Vào buổi chiều trước hôm trình diễn, một toán tù binh người Pháp, trên đường bị áp giải từ Trung ra Bắc, đã ghé lại Sơn-tịnh để tham dự Đại-hội văn-nghệ.

Trong toán áp giải tù binh, ngoài một số cán bộ người Việt còn có vài người Đức và Pháp đã rời hàng ngũ của họ, đi theo Việt-minh. Một trong những người này tên Alain, rất có cảm tình với ông Dư; vì chỉ qua vài câu xã giao, Alain biết trình độ Pháp-văn cũng như nhạc lý của ông Dư không phải tầm thường. Lúc đầu, cả hai nói về nhạc, lan man đến chuyện gia đình rồi sang đến chuyện kháng chiến. Khi biết ông Dư từ trong Nam thoát ly ra, Alain bảo:

- Khi còn ở 'vùng bị chiếm', chúng tôi được tuyên truyền nên tin tưởng rằng chỉ ngoài này mới có tự do. Vì vậy, cũng như anh, Pierre - bạn tôi - và tôi đã thoát ly. Pierre đã làm một bài thơ, nói lên tâm trạng thơ thới của một thanh niên khi nghĩ rằng mình đã tìm thấy lý tưởng. Bài thơ ấy rất dài, tôi chỉ nhớ hai câu cuối: 'De l'autre côté, c'est la liberté'. Nhưng từ khi áp giải toán tù binh, thấy họ hành xử quá tàn nhẫn đối với tù binh chiến tranh, tôi bất nhẫn vô cùng.

Ông Dư dè dặt:

- Anh có để lộ sự bất mãn của anh cho họ biết không?

- Tôi không dại.

- Vậy mà anh dám tâm sự với tôi. Tại sao?

- Tôi không hiểu. Nhưng dường như tôi tin tưởng anh. Vì anh là một nghệ sĩ; và tâm hồn của nghệ sĩ thường vượt xa những sự nhỏ nhen trên đời.

Ông Dư cảm mến Alain thật sự:

- Xin cảm ơn anh đã nghĩ như vậy về tôi. Thật tình mà nói, tôi thoát ly ra 'bưng' chỉ vì cái lãmg mạn của một nghệ sĩ. Tôi muốn đi tìm nguồn sáng tác.

- Vậy anh sáng tác được bao nhiêu nhạc khúc rồi?

- Những bản nhạc tôi sáng tác theo sự rung cảm của tâm hồn, bạn bè ai biết thì đàn, hát, không thì thôi, tôi không dám phổ biến rộng rãi, vì sẽ bị kiểm thảo tư tưởng nặng nề. Còn bảo tôi sáng tác theo lệnh, tôi không làm được. Vì vậy họ chỉ cho tôi phụ trách phần trình diễn thôi.

Alain nhìn thẳng vào mắt ông Dư:

- Có bao giờ ý nghĩ 'trở về' thoáng qua trong trí anh không?

Ông Dư giật mình. Thật ra ý tưởng "trở về" cứ lởn vởn trong đầu ông Dư, nhưng ông không biết phải thực hiện bằng cách nào. Ông Dư chưa bao giờ thố lộ ý tưởng này với bất cứ ai - ngay cả với bà Dư. Vậy tại sao Alain lại đột ngột hỏi mình? Sau một thoáng lo sợ, ông Dư trấn tĩnh, cười:

- Nếu tôi hỏi anh câu ấy, anh sẽ trả lời như thế nào?

Bây giờ lại đến phiên Alain ngại ngùng. Dù không nghi ngờ ông Dư sẽ phản bội mình, Alain cũng không muốn xác định lập trường của chàng với bất cứ ai cả. Alain nghĩ, nếu chỉ nói ra niềm bất mãn của chàng, rủi bị lộ cũng không đến nỗi nào, nên đáp:

- Trường hợp của anh và tôi xem vậy mà không đến nỗi nào. Chỉ tội nghiệp toán tù binh này. Dù gì đi nữa, toán tù binh này cũng là đồng chủng của tôi. Có thể lý tưởng giữa những người tù này và của tôi khác nhau, nhưng người Tây-phương chúng tôi tôn trọng con người và quý mạng sống con người. Chúng tôi chấp hành nghiêm chỉnh quy ước quốc tế về tù binh chiến tranh.

Ông Dư như bị tự ái:

- Anh nghĩ người Việt-nam chúng tôi không tôn trọng con người và không quý mạng sống con người và xem thường quy ước quốc tế hay sao?

Alain im lặng, lắc đầu. Ông Dư nhìn Alain với vẻ khó hiểu. Một lúc sau, Alain khẽ đáp:

- Anh hiểu tôi muốn nói ai rồi. Họ đã giết những hàng binh và dọc đường họ đã giết những tù binh bị thương hoặc đau yếu, không đi bộ theo kịp.

Ông Dư xúc động, cúi mặt. Trong đầu không biết bao nhiêu ý nghĩ nảy sinh nhưng ông Dư không dám nói chi cả. Lúc ăn cơm trưa, đoàn tù binh được cho ăn bánh mì với chuối. Bánh mì chỉ làm bằng bột gạo nên rất cứng; vậy mà Alain ăn rất ngon và bảo rằng đó là bữa ăn ngon nhất sau gần hai tuần phải cùng toán tù binh và cán bộ áp giải ăn cơm khô trong ruột tượng và uống nước hố bom. Lúc đó ông Dư ít quan tâm đến Alain nên ông chẳng bận lòng. Bây giờ tình cảm đã nảy sinh, ông Dư thành thật khuyên Alain:

- Dù dưới bất cứ hoàn cảnh nào, tôi cũng khuyên Alain nên cố giữ gìn sức khỏe và gắng chịu đựng để khỏi xảy ra điều đáng tiếc như Pierre.

Alain thở hắt ra:

- Cảm ơn anh. Hy vọng từ đây ra đến Hà-nội tôi sẽ đủ kiên nhẫn để không có những hành động ngu xuẩn.

Vừa khi ấy một thanh niên người Đức, lúc nào cũng mang trên vai chiếc phong cầm màu trắng ngà, nắm tay Bảo-Trân tiến đến bên ông Dư:

- Cô bé này làm tôi nhớ đứa cháu gái của tôi kinh khủng.

Ông Dư cười, nói cảm ơn. Alain nói với thanh niên người Đức rằng Bảo-Trân biết âm nhạc. Thanh niên người Đức vừa chỉ đàn phong cầm vừa hỏi Bảo-Trân bằng tiếng Việt lơ lớ:

- Bé thích học đàn này không, tôi tập cho.

Bảo-Trân lắc đầu:

- Dạ, thích. Nhưng cây đàn ấy lớn và nặng lắm. Em thích cái 'mandoline' của em hơn.

Tối đến, những người ngoại quốc này cứ tưởng sẽ thấy Bảo-Trân xuất hiện trên sân khấu với chiếc "mandoline" nhỏ nhắn; nhưng không, Bảo-Trân xuất hiện trong vở kịch "Đói!" Vở kịch này diễn lại cảnh đói năm 1945 do Nhật gây nên cho đồng bào miền Bắc.

Trên sân khấu, ánh sáng hơi nhạt, chỉ đủ cho khán giả thấy đôi lưỡng quyền nhô cao, hai gò má trũng sâu cùng đôi mắt lạc thần của các diễn viên đang run rẩy lê bước. Văng vẳng sau hậu trường, ban đàn dây chơi bản "Đói lạnh" của Lưu-Hữu-Phước. Vở kịch kéo dài bằng những lời đối thoại gay gắt, lên án sự tàn bạo, dã man của chế độ Phát-xít.

Đến màn cuối, giữa khi tinh thần khán giả hoàn toàn bị khung cảnh và âm thanh chi phối, Bảo-Trân - đã được hóa trang thành một bé gái đói hom hem và rách tả tơi - gượng đứng lên giữa đoàn người đi xin ăn, cất giọng run run như khóc, hát theo bản "Đói lạnh". Đến đoạn giữa, Bảo-Trân cong người, ôm bụng, gương mặt nhăn nhó như cơn đói đang hành hạ rồi gào lên nho nhỏ: *"...Vì đâu, từ ba bốn hôm nay không ăn? Nhà không có, áo quần nay không còn...Trời ơi! Đói quá đi thôi! Rét quá đi thôi!.."* Tám tiếng sau cùng được một tập hợp âm thanh nhiều bè hát theo từ sau hậu trường, nghe rền rền như vang lên từ cõi chết!

Một tù binh Pháp xúc động quá, sẵn đang cầm mẩu bánh mì nguội trong tay, anh ta thảy lên sân khấu. Bảo-Trân ngưng hát, lượm ngay miếng bánh mì, ăn ngấu nghiến như một đứa bé thật sự sắp chết đói!

Trước diễn biến đột ngột này, ông Dư chẳng biết làm chi khác hơn là ra dấu, hạ lệnh: "Kéo màn! Kéo màn!" Màn được từ từ buông xuống. Phải một lúc sau tiếng vỗ tay mới vang lên thật lâu, thật dài. Ông Dư hé cánh liếp nhìn ra khán giả, thấy nhiều người còn đưa tay quẹt nước mắt.

Trong khi khán giả ai cũng khen vở kịch kết thúc một cách cảm động và Bảo-Trân đã diễn xuất sống động như một diễn viên nhà nghề thì ông Dư thở một hơi mạnh như trút được gánh nặng rồi quay sang bà Dư: "Thiệt! Cái con nhỏ! May mà không ai biết mình 'bể dĩa'!" Gương mặt bà Dư buồn xo: "Tội nghiệp con, anh à! Anh biết bao lâu rồi con nó không nhìn thấy miếng bánh mì không?" Lúc này ông Dư mới chợt nhớ đến

cảnh sống hiện tại của vợ con. Ông Dư cúi mặt, nhưng bà Dư vẫn thấy được nét mặt buồn vô hạn của ông!

Sau buổi trình diễn đó nhiều cơ quan lân cận mời ban văn nghệ của "Sở quân-giới Liên-khu V" đến trình diễn vở kịch "Đói!" Thế là Bảo-Trân được nhiều dịp đi xe gòn từ ga Quảng-ngãi.

Vào những đêm trăng, trong khi chuyến xe gòn âm thầm lăn bánh thì tiếng "Harmonica" của ông Dư lại rộn rã trong điệu "valse". Khi xe gòn chạy ngang sông Trà-khúc, âm thanh gió rít qua cửa sổ mạnh hơn và tiếng "Harmonica" của ông Dư cũng dồn dập hơn ở đoạn điệp khúc. Những lúc ấy Bảo-Trân cao hứng hát theo: *"...Tuôn màu khói trắng, ôi tàu ngát men đời. Cây rừng chếnh choáng dịu dàng gió cuốn trôi. Lạnh lùng tung phím diệu cung trìu mến nối lời than. Dặm trường mờ xa, tàu đi rồi thôi không tiếng vang. Chìm trong trăng gió, tàu lao mình cuốn lớp ngàn cây. Đường đời ngập sương, tàu đi rồi thôi không tình thương. Nặng oán hờn, còi rít lên. Tàu ngất ngây vì nhớ thương. Lặng phím đôi. Người lắng nghe, hồn tái tê lệ sầu vương!..."*

Giòng ý tưởng của Bảo-Trân vừa đến đây thì nàng chợt nhớ ra bản "valse" mà nàng ư hử từ nãy giờ chính là bản "valse" mà ông Dư thường thổi "Harmonica" trên những chuyến xe gòn của gần bốn mươi năm trước. Và đó là bài "Chuyến tàu trăng".

Bất ngờ còi tàu huýt vang, báo hiệu chuyến tàu tốc hành sắp lăn bánh, tiếp tục cuộc hành trình về phương Bắc. Không dưng Bảo-Trân hơi hốt hoảng, bối rối như nàng vừa đánh mất một vật gì quý hóa lắm. Bảo-Trân xót xa nhìn về hướng Sơn-tịnh, lòng nghĩ đến người cha già đã vì cái lãng mạn nhất thời của một nghệ sĩ mà hoang phí tuổi thanh xuân, và rồi - sau tháng Tư 1975 - phải nhận chịu những khổ nhục, đọa đày mà những "đồng chí cũ" đã dành cho ông suốt bao nhiêu năm trời trong trại cải tạo.

Khi cầu Trà-khúc mờ hẳn trong tầm mắt, Bảo-Trân thở dài, tự hỏi: "Không hiểu sau tháng Tư 75, lúc Ba bị các 'đồng chí cũ' của Ba giải ra Bắc bằng xe lửa, khi xe chạy ngang cầu Trà-khúc, nhìn về hướng Sơn-tịnh, Ba nghĩ gì?"

Dù lúc ấy ông Dư nghĩ gì đi nữa, bây giờ Bảo-Trân cũng chỉ mong những oán hờn, những uất hận trong lòng ông Dư chóng vơi. Bởi vì, Phật đã dạy, hận thù chỉ đưa tâm hồn con người đến với phiền não; chỉ có lòng vị tha mới đem đến cho con người cuộc sống thanh thảng, êm đềm.❐

Truyện Thật Ngắn

Phạm Chi Lan

Ngày xưa, ngày xưa ...

Ngày xưa, hồi còn nhỏ khoảng lên năm, tôi nhớ ông tôi thường dắt tôi đi dạo bộ trên bờ đê, những buổi chiều trời trong và gió mềm như lụa. Chúng tôi sống trong một thôn nhỏ có những rặng tre rì rào, cánh đồng lúa thơm có tiếng chim rơi rớt ngoài mặt sông, vài cánh vạc bay vút vào khe núi mất hút. Tiếng ông tôi kể chuyện giọng hiền hòa, trầm ấm. Ông tôi đẹp quắc thước, trán hói cao, mái tóc bạc trắng. Ông nói về những chuyện thần tiên, về những con người lương thiện sống thuận hòa yêu thương nhau, che chở bảo bọc nhau trong một thế giới đại đồng (tôi chẳng hiểu thế giới đại đồng là thế giới gì, lúc đó không hiểu bây giờ cũng chẳng hiểu). Ông nắm chặt bàn tay nhỏ xíu của tôi, dắt đi dọc trên bờ sông.

Chúng tôi đi đến một chiếc cầu vắt qua giòng nước đục lờ, nước đặc sệt giống bùn không soi nổi sắc xanh của màn trời phía trên. Ông tôi chỉ cho tôi xem những đám bèo xám ngắt, có xác một con chim nổi lềnh bềnh lấp trong đám lá, bảo tôi kìa quà của trời. Có người vừa bắn chim nhưng không tìm thấy xác. Ông tôi thương lũ chim nhưng lại nghĩ đến một bữa thịt chim băm nhỏ với tiêu hành rau răm và thì là. Người thợ săn sẽ không bao giờ tìm thấy xác chim rơi nơi nào. Tôi không rõ cảm xúc của mình nhìn xác chim rơi từ trên trời rơi xuống, lúc đó và ngay cả bây giờ, nhưng nhìn vẻ mặt hân hoan của ông, tôi biết ông tôi rất mừng. Chim hiền lành vẫn có trong các câu chuyện ông kể, và chim cũng ngon lành trong bữa chả chim ông tôi diễn tả. Đầu óc non nớt của tôi chỉ có thể hiểu rằng, những gì hiền lành đáng thương cũng có thể ngon lành bổ ích khi thèm khát. Thế giới đại đồng của ông tôi nhiều cái phản nghịch, mà ngày nay người ta có từ gọi là mâu thuẫn (tiếng này ngày xưa tôi chưa biết tới). Một

bữa ăn có thịt chim lấy được của người thợ săn, khiến ông tôi sảng khoái thích thú, ông tôi lại kể nhiều chuyện về những con người và đời sống hiền lành, thương yêu đùm bọc nhau. Thế giới đại đồng là một thế giới tuyệt vời. Tôi bao giờ cũng thích nghe ông kể chuyện.

Người thợ săn không tìm thấy xác chim, đến nhà gây chuyện (có lẽ người đó ngửi thấy mùi thơm từ bữa chả thịt chim). Ông tôi quát tháo to, mặt đỏ như gấc chín. Người thợ săn cũng giận dữ không kém. Họ gây chuyện lớn, dùng những tiếng tôi chưa nghe bao giờ. Rồi ông tôi cầm cây ba-toong quật túi bụi lên người thợ săn vu khống (tiếng này tôi còn nhớ). Người đàn ông ôm đầu tướm máu chạy về, thề sẽ trả thù chuyện xác chim. Những hôm sau ông tôi trầm ngâm ít kể chuyện hơn, và tôi lợm giọng mỗi khi nhớ đến mùi chả chim. Ngày qua ngày, mùi chả chim ám ảnh, và thế giới đại đồng của ông tôi mờ nhạt trong những chuyện kể. Lờ mờ tôi hiểu rằng thế giới đại đồng có những điều không đồng nhất, cả con người cũng vậy. Tôi rất thương ông tôi, tôi vẫn nhớ đến ông thường.

Chỉ có điều, tôi không bao giờ có người ông nào trong đời. Ông tôi mất ngoài miền Bắc, trước khi tôi được chào đời.❐

chia mừng

Được Anh Chị Nguyễn Mộng Giác báo tin ngày 22 tháng 6 năm 1996 vừa qua Anh Chị đã làm lễ vu qui cho trưởng nữ là

Nguyễn Thụy Dao Tiên

kết hôn cùng Anh

Nguyễn Đức Thư

thứ nam của Ông Bà Nguyễn Đức Vy

Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học và các văn hữu cộng tác xin chia vui cùng Anh Chị Nguyễn Mộng Giác, và cầu chúc cho hai cháu Tiên Thư trăm năm hạnh phúc.

Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Mai Thảo, Trần Hồng Châu, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng, Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Võ Thắng Tiết, Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Nguyễn Bá Trạc, Trương Vũ, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Đức Quang, Đinh Cường, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức-Bé Kỳ, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Bùi Vĩnh Phúc, Tạ Chí Đại Trường

Hồ Nước

Ray Bradbury

Vũ Huy Quang dịch

Khoa học giả tưởng, trường phái sáng tác văn chương mới nhất, hình thành ở Tây phương, mạnh mẽ với ấn dụ do các ý niệm về không gian, thời gian và các bộ môn khoa học thực nghiệm đem lại - còn xa lạ và ít được khai triển, cống hiến trong lãnh vực văn chương Việt - hiện đang chi phối trên lãnh vực sách báo, điện ảnh, truyền hình, hoạt họa đương đại toàn thế giới... không những chỉ ảnh hưởng trên hàng trăm triệu thiếu nhi, sinh viên, học sinh; mà còn tác động trên mọi văn hóa phẩm, trên kỹ nghệ giải trí cho hàng trăm triệu người lớn... đặc biệt, là tại các nước tiên tiến kỹ nghệ nữa.

Trong thế giới của văn thể khoa học giả tưởng, các tên tuổi hiện thời của Anh Mỹ là Robert Heinlein, Isaac Asimov, và Arthur C. Clarke... nhưng, lừng lẫy, là Ray Bradbury, một tác gia từng xuất hiện trên 50 năm nay. Tác phẩm quan trọng: The Martian Chronicles *('50),* The Illustrated Man *('51),* Fahrenheit 451 *('53)... các kịch bản phim (Moby Dick), các tác phẩm điện ảnh (It Comes from Outer Space)... là các sản phẩm có ảnh hưởng và lôi cuốn lớn trong số 29 cuốn sách ông đã viết về truyện khoa học giả tưởng - đặc biệt thu hút khi các biến cố về khoa học không gian xảy ra, như khi phi thuyền Sputnik phóng lên mặt trăng, hay như khi phi thuyền Viking đáp trên Hỏa tinh. Người mà chuyên tạo ra những cú sốc cho độc giả ấy, nay đã 75, vẫn bình dị sống trong khu trung lưu ngoại ô Los Angeles - và nhất định không lái xe hơi (!).*

The Lake *(Hồ Nước) là truyện ngắn đầu tay của ông - để khởi đầu văn nghiệp khoa học giả tưởng về sau - được chú ý ngay về hành văn cùng lối dựng truyện, đã lập tức được tán thưởng - cứ được in đi in lại - cho đến*

tận bây giờ... trong các tuyển tập thuộc khoa học giả tưởng hoặc kinh dị.
Truyện này viết ra khi R. Bradbury mới 22 tuổi.

Người ta cắt bầu trời bé lại cho đến bằng thân hình tôi rồi liệng trên hồ Michigan, xong rồi để lên ít đứa trẻ la chạy trên bãi cát vàng cùng vài quả bóng nhún nhẩy, một hai con hải âu, một bà mẹ cằn nhằn, còn tôi, thì tôi bước khỏi mạng lưới sóng để thấy rằng cái thế giới này vừa ẩm ướt vừa bợt bạt.

Tôi chạy trên bãi.

Má thấm người tôi bằng tấm khăn bông có sọc.

"Đứng đó cho nó khô," Má nói.

Tôi đứng đó mà ngó nắng hút bớt các giọt nước đọng nơi cánh tay, da đang săn lại, lần lần hiện ra các vệt chân ngỗng.

"Chà, gió quá," Má la. "Mặc áo thun vào đi nào."

"Để con xem mấy cái vết chân ngỗng tím nắt này đã," tôi đáp.

"Harold!" Má lại la.

Tôi chuồn người vào cái áo thun và ngó sóng nước nhấp nhô chỗ bờ đất. Sóng nó không đần. Nó biết mục tiêu, lại mang màu xanh lơ đẹp đẽ. Ngay ông nào say sưa tới đâu cũng không nỡ ngả ngớn được trước vẻ thanh cao của sóng.

Đấy, là vào tháng Chín - những ngày cuối tháng mà mọi chuyện đều có vẻ buồn không cần lý do. Bờ cát dài và trơ trọi có sáu nhân mạng. Vài đứa trẻ ngưng thảy bóng vì gió chắc cũng làm chúng chán, với tiếng gió réo rắt, làm chúng ngồi xệp xuống, cùng nhau cảm thấy mùa thu đang phủ lên bãi cát dài.

Tất cả các quầy bán đồ Hot-dog đứng sững với các tấm chóp vàng ống, bên trong đầy mù tạc, hành, thịt... của mùa hè dài. Y như mùa hè đang bị đóng đính vào một dẫy quan tài. Từng quầy hàng, mái che hạ, cửa liếp khóa nghiến, và gió thổi cát lùa bay hết mọi dấu vết của tháng Bảy, tháng Tám. Nay là tháng Chín, không còn gì ngoài dấu giầy ten-nít bằng cao su của tôi cùng dấu chân thằng Donald và thằng Delau Shabold, và ba tụi nó đang ngâm mình trong hõm nước ngoài kia.

Cát thổi tung những tấm màn ngăn lối vệ đường, khung vải trùm khu chơi của trẻ con thì phủ toàn thể các con ngựa cóng rúm, giơ vó trên không trung, lủng lẳng với các cột kim loại bằng đồng, lũ ngựa vừa nhe răng, vừa phi nước kiệu. Chỉ còn tiếng gió reo thay nhạc, vi vu khi len vào màn vải. Tôi đứng sững. Giờ này trẻ con đi học cả, trừ tôi ra.

Ngày hôm sau tôi đi về phía tây, băng nước Mỹ bằng tàu lửa.

Má với tôi ra chơi hồ nước lần cuối. Tôi cảm như có gì níu lấy mình. Tôi bứt rứt.

"Má, con thích chạy trên cát," tôi nói.

"Ôi dào, cũng được, nhanh nhanh lên, chớ đến gần nước đấy."

Tôi chạy. Cát thì xoáy dưới chân, gió thì thốc tôi lên.

Bạn biết đấy, khi mà chân chạy, tay dang, bạn tưởng như giữa kẽ các ngón tay có tấm màng mỏng do gió dệt. Như mọc cánh.

Bóng Má lùi xa. Rồi từ xa, Má nhỏ lại thành một đốm nâu bé, thế là tôi trơ trọi. Cô đơn là điều hoàn toàn mới với đứa trẻ tuổi mười hai. Luôn luôn có người bên cạnh trẻ con. Muốn được riêng biệt một mình, con nít chỉ còn cách tưởng tượng. Đó, là lý do sao mà bọn con nít hay tưởng tượng ra lắm thứ rất diệu kỳ. Quá nhiều người vây quanh một đứa bé, luôn luôn nhắc nó điều này, bảo nó điều nọ, thúc nó sớm lên bờ, đâm ra bờ hồ chỉ có trong trí nó, cùng với cái thế giới riêng biệt của đầu óc nó thu gọn lại.

Tôi hoàn toàn đơn độc.

Bước xuống, nước ngập tới bụng tôi. Trước, khi có ai bên cạnh, nào tôi có dám nhìn. Nay, tôi thấy người tôi bị cắt làm đôi. Thật như làm xiếc. Nước làm ra thế. Làm người chúng ta bị cưa đôi ra, nửa phần kia tan loãng như đường bị ngâm trong nước. Nước mát rượi, lâu lâu sóng gờn gợn, và tôi tưởng như có một chuỗi dây nào quấn nhẹ quanh mình.

Khe khẽ, tôi kêu tên con bé. Thì thầm cả chục lần.

"Tally! Tally!... ới... Ơi Tally!"

Có lạ gì nào, bởi khi bạn còn nhỏ, mỗi khi bạn kêu tên ai, bao giờ bạn cũng mong ngóng có tiếng đáp lại. Bạn cứ cho là bất cứ gì trong đầu bạn tưởng tượng cũng là có thật. Đôi khi, điều ấy cũng không sai cho lắm.

Tôi mường tượng Tally, đang bơi trong nước mới tháng Năm rồi, tóc vàng thắt bím sau ót. Con bé vừa bơi vừa cười, ánh mặt trời rơi trên đôi vai bé bỏng của đứa bé mười hai tuổi. Thế rồi tiếng nước khua ngưng, rồi viên cứu cấp trên bờ nhào xuống nước, rồi tiếng la rú của Má Tally, rồi bé không bao giờ trở lại.

Viên cứu cấp dùng đủ cách nắn nỉ bé trở lại mà không được. Anh ta lên bờ cùng rong rêu bám trên các đốt tay, và Tally thì cứ thế đi luôn. Cô bé không còn ngồi ngang dãy bàn học với tôi trong lớp nữa, không chơi bóng trên con đường lát gạch trong mùa Hè với tôi nữa. Cô bé đi đâu xa lắm rồi. Mặt nước hồ không được đón bé chơi với nữa.

Rồi vẻ cô quạnh của bầu trời mùa Thu như rộng thêm, mặt hồ cũng rộng ra, bờ cát cũng dài ra, trong cái lần cuối cùng này, ở đây, với mỗi mình tôi.

Tôi thầm gọi tên cô bé, gọi mãi.

"Tally, ới... Tally?"

Gió dịu dàng, lướt qua tai, như kiểu vẫn luồn vào các vỏ sò rỗng làm thành tiếng vi vu mơ hồ. Nước dâng tới ngực, vờn quanh đầu gối tôi, dập dình, sau rồi giống như nước níu gót tôi.

"Tally! Lên đây nào, ới... ơi... Tally!"

Tôi mười hai tuổi. Nhưng tôi biết tôi yêu cô bé đến thế nào. Cái tình yêu có trước khi thể xác với luân lý nhận biết. Cái tình yêu không tốt xấu nào dính dáng đến được, như sóng như gió, như biển cả, như cát trên bờ muôn đời nằm cạnh nhau, vĩnh viễn. Nó sinh ra bởi những ngày nắng ấm trên bờ, những rì rào trong lớp học. Bởi những ngày dài mùa thu, những năm tháng mà tôi ôm cặp sách cho bé từ nhà đến trường.

"Tally... ơi!" Tôi gọi lần chót.

Rồi bỗng tôi rùng mình, sao mà nước ướt đẫm mặt tôi. Sóng đâu có đập nước văng lên đấy. Sóng dâng trong tôi mới làm tôi ướt mặt như thế.

Tôi quay bước lên bờ, rồi lặng đứng nửa giờ đồng hồ, một mình lắng chờ bất cứ động tịnh nào, một dấu hiệu nhỏ tí nào cũng được, một chút xíu gì về Tally để ghi trong trí nhớ. Sau rồi, quỳ xuống, tôi vốc cát, đắp một tòa lâu đài sát bờ nước, như đã đắp biết bao lần trước kia đã cùng đắp chung với Tally. Lần này, tôi cũng đắp một nửa. Xong, tôi đứng lên.

"Tally, ra mà làm nốt nào."

Rồi tôi đi về cái đốm nâu đàng kia, chỗ Má ngồi. Mặt nước hồ gợn gió, thành những vòng tròn lăn tăn, rồi tan dần, với một vẻ êm ả bình yên.

Tôi thừa biết chẳng tòa lâu đài đắp cát nào mà không bị sóng xóa đi. Tôi bước đi, lầm lũi. Xa xa, khu chơi con nít có tiếng nhạc reo khe khẽ, nhưng là gió làm.

Tôi lên đường rời vùng hồ nước bằng chuyến xe lửa ngày hôm sau. Xe lửa băng ngang cánh đồng bắp Illinois. Xe lửa giữ ký ức rất tồi. Chả mấy chốc nó bỏ lại sau hết thảy. Nó bỏ lại cả các con sông thời ấu thơ, các cây cầu, các hồ nước, thung lũng, lều gió, các nỗi đau buồn lẫn vui sướng. Nó rãi ra sau các kỷ niệm lăn lóc, nơi chân trời.

Rồi xương tôi dài ra, thêm da thêm thịt, tâm hồn già đi, quần áo cũ không vừa phải vứt bỏ, lớp học thì chuyển, từ tiểu học, lên cao đẳng, rồi các sách đại học, rồi các sách luật. Rồi một thiếu nữ ở Sacramento, những lời cam kết, tỏ tình và các nụ hôn.

Tôi theo ngành luật. Khi hai mươi hai tuổi, tôi như quên hết về miền Đông.

Margaret gợi ý là tụi tôi nên về lại đó, hưởng tuần trăng mật trễ.

Xe lửa lúc về, lại tạo ra ký ức, vì nó có tác dụng hai chiều. Nó ngốn

ngấu trở lại những gì mà nó quăng lại lúc đi. Hồ Bluff, với cư dân 10,000 người từ từ hiện ra trên trời cao. Margaret thanh lịch trong bộ y phục mới, cứ đăm đăm nhìn tôi khi tôi trân trân trước cảnh cũ. Tay nàng nắm chặt tay tôi khi xe lửa từ từ vào ga. Rồi hành lý tụi tôi được người ta đem xuống.

Thời gian trôi, tác động lên nét mặt, thân hình con người. Tôi không nhận ra khuôn mặt cũ nào khi tụi tôi nắm tay nhau tản bộ trong tỉnh lỵ. Nhưng vẫn có những nét thủa xưa - âm vang vọng lên của tiếng reo cười lúc tan trường, của tiếng kẽo kẹt từ then sắt treo xích đu trong vườn chơi trẻ con.

Tôi không nói gì, chỉ bước đi mà nhìn hầu gom ký ức, như vào mùa thu, người ta vẫn gom lá chất đống để đốt.

Thời gian hai tuần ở đó, tụi tôi rất hạnh phúc. Tôi khá yêu thương Margaret. ít nhất tôi cũng thấy tôi có yêu nàng.

Rồi những ngày cuối. Tụi tôi xuống hồ nước. Khi ấy, thời tiết chưa vào những ngày cuối năm, thế mà cũng có cảnh tượng hoang vắng trên bờ hồ. Thiên hạ vắng hẳn, các sạp bán Hot-dog đã đóng cửa, liếp che đã hạ, đinh lại đóng chặt quanh quầy, và gió lại reo bên tai như thường lệ.

Như tôi lại thấy Má ngồi trên cát phía xa kia. Tôi bỗng lại có cảm tưởng muốn được một mình. Nhưng không dám nói điều ấy với Margaret. Đành cứ cầm tay nàng mà đợi.

Một ngày tàn. Trẻ con về nhà gần hết, chỉ còn vài người lớn tiếp tục phơi mình trong trời chiều.

Chiếc tàu cứu cấp cặp bờ. Viên cứu cấp chậm chạp nhô lên, tay xách cái túi.

Tôi cóng người. Nín thở, tôi có cảm tưởng trở lại của đứa bé tuổi mười hai, nhỏ xíu, câm nín vô vàn cùng nỗi sợ hãi. Gió lạnh. Rồi như tôi không thấy Margaret đâu. Chỉ thấy bãi cát, nhân viên cấp cứu bước đi, tay xách cái túi không mấy nặng, bộ mặt anh ta xám ngoẹt với nhiều nếp răn.

"Margaret, đừng đi đâu cả," tôi nói mà không biết tại sao.

"Nhưng, sao thế?"

"Có gì thế?" Tôi hỏi người đàn ông.

Viên cấp cứu cứ nhìn tôi một hồi, không nói gì. Ông ta để cái túi xám xuống mặt cát, sóng xô vào, vờn cái túi rồi lại rút đi.

"Cái gì thế?" Tôi gặng.

"Con bé chết rồi." Viên cấp cứu nói nhỏ.

Tôi đợi.

"Lạ thật," ông ta tiếp. "Rất lạ, tôi chưa từng bao giờ thấy. Con bé chết - đã lâu lắm rồi."

Tôi nhắc lại.

"Lâu lắm rồi."

"Dễ đến mười năm, tôi đoán vậy. Năm nay không đứa trẻ nào bị. Mười một năm nay, tất cả mười hai đứa bé chết, nhưng tụi tôi kiếm ra hết, sau vài giờ là cùng. Tìm ra hết, trừ một. Cái xác này không hiểu sao mà dưới nước lâu đến thế, phải đến mười năm. Không - Chả nên xem làm gì."

"Ông cứ mở ra đi," tôi nằn nì mà không hiểu vì sao.

Ông ta nắn cái túi. "Tôi cho là, nó là đứa bé gái, vì cổ còn đeo cái dây chuyền có hộp. Ngoài ra có gì đâu mà xem."

"Ông à, mở ra đi!"

"Nhìn làm gì," ông ta trả lời. Rồi chắc tại nhìn thấy mặt tôi lộ vẻ nào đó, "Con bé... bé lắm," ông ta mở hé cái túi. Thế là đủ.

Bãi cát hoang vắng. Chỉ có bầu trời, gió, nước cùng nỗi cô quạnh của mùa thu.

Tôi cúi xuống. Rồi cứ lắp bắp câu gì đó. Viên cấp cứu nhìn tôi.

"Ông vớt được ở đâu?"

"Phía kia. Chỗ nước nông đằng kia. Con bé... lâu lắm rồi, nhỉ."

Tôi gật gật. "Phải rồi. Trời ơi. Phải rồi."

Tôi nghĩ miên man. Tôi đã lớn. Ai cũng lớn lên. Chỉ cô bé thì không. Vẫn bé tí, và tôi yêu con bé tí ấy. Mãi mãi. Trời ạ.

Viên cấp cứu buộc cái túi lại.

Lát sau, tôi đi xuống hồ nước một mình. Tôi tìm lại được một điều không ngờ. Ở nơi người ta vớt được cô bé.

Chỗ mé nước, có một tòa lâu đài cát mới đắp một nửa. Y như cái cách tôi với Tally vẫn cùng chơi.

Cô bé - một nửa. Tôi - một nửa.

Tôi nhìn chòng chọc. Đây là nơi người ta tìm ra Tally. Tôi quỳ xuống cái lâu đài cát, thấy những dấu chân từ hồ nước bước đến chỗ lâu đài cát, rồi những dấu chân quay trở về hồ nước, mà không thấy dấu quay lại lên bờ.

Rồi - tôi hiểu.

"Anh cùng làm lâu đài cát với cô bé đây," tôi thầm thì.

Bốc cát, tôi tiếp tục đắp phần dở dang chừa lại cho tôi, chậm rãi. Khi xong, tôi quay mình đứng dậy, bước đi khỏi nơi ấy, để không phải nhìn thấy cái lâu đài cát mà tụi tôi vừa cùng nhau làm xong bị sóng xô mất. Bởi sóng cứ xóa nhòa mọi vật.

Tôi trở về chỗ có một người lạ, bỡ ngỡ chờ đợi, mang tên Margaret đang mỉm cười...❐

đảo tâm sự

HÀ NGUYÊN DŨNG

Ta là núi đứng giữa trời ngạo nghễ
từ khai thiên lập địa mãi tới ngày
khi tỉnh giấc, giật mình, dâu hoá bể
ta thành hòn đảo bị biển xiềng dây!

đã bao lần ta bị lũ nắng quay
ta vẫn cắn răng cam lòng chết khát
bao nhiêu bận biển sùng lên mạt sát
lũ sóng xô bọn gió quật tơi bời...

đâu cái thời ta ngạo nghễ giữa trời
nhìn sông suối bò dưới chân run rẩy
ôi dáng thiêng khí hùng ngày xưa ấy
đã tiêu tàn theo chớp bể dâu, sao?

biển cả nhường kia ta có là bao
mà biển vẫn không nhận chìm ta nổi
ta, hòn đảo, ngồi đây làm gạch nối
giữa những bờ ảo vọng của nhân gian

dường trong ta những mơ ước chưa tàn
cây cỏ tươi xanh do lòng ta còn vẹn?
những búp nõn, trái tơ đầy hứa hẹn
để cho ta thêm lý lẽ mơ màng...

một đời lòng biển động miên man
ta vẫn an nhiên, giữa điệp trùng cuồng bạo
ta, hòn đảo! dù chỉ là hòn đảo
chiếc phao thầm cứu kẻ đắm lòng trôi.

"Bãi sông có đôi chim cưu"

Võ Đình

Năm 1985, nhà xuất bản Tủ Sách Cành Nam ấn hành tập I Kinh Thi Quốc Phong, *bản dịch của bà Kim Y Phạm Lệ Oanh, hình bìa và phần chữ Hán của họa sĩ Tá Chi Trương Cam Khải.*

Qua năm sau, 1986, Tủ Sách Cành Nam lại trình làng tập II và tập III. Tập I bắt đầu với Lời Giới Thiệu của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục. Tập III kết thúc với lời Bạt của Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích.

Mười năm đã trôi qua. Nay Tủ Sách Cành Nam tái bản bộ Kinh Thi Quốc Phong *này dưới hình thức một tập dày, in lại toàn bộ nội dung ba tập cũ. Thêm vào, sau Lời Giới Thiệu là mấy trang Ghi Nhận của họa sĩ nhà văn Võ Đình: "Bãi sông có đôi chim cưu"*

Văn Học.

Thời người ta mới lớn thường được coi như giai đoạn đẹp nhất trong đời. Phải chăng vì vậy mà gọi là "hoa niên"? Nhìn lại thời "hoa niên" của mình, tôi thấy cũng đại khái như tuổi nhỏ của nhiều người, vui buồn sướng khổ đều đủ cả. Có gì đáng nói chăng về cái "đẹp" là một vài hình ảnh đã để lại trong lòng tôi những ấn tượng lâu dài. Những hình ảnh thật đẹp. Tôi nghĩ rằng vui buồn sướng khổ, những cái ấy chúng đến rồi chúng đi. Cái đẹp, nó ở mãi với mình.

Vào khoảng năm 1945, tôi mới mười hai mười ba tuổi, một hôm ông ngoại nuôi chúng tôi [mọi người gọi là "ôn"] sai quét vôi lại bức tường chính giữa phòng khách, đằng sau bộ tràng kỷ. Rồi mấy hôm liền, "ôn" dùng màu nước thật lợt (nhạt) vẽ lên tường bốn bức "trướng" dài, có hình tượng trang trí, những hoa văn, những hình mây gió sóng nước, hình hoa bướm lá cành, v.v.. Màu khô, những bức "trướng" lớn trông cao sang,

diễm ảo như giấy hoa tiên.

Rồi một sáng đẹp trời, cụ Tham đến chơi. Tham là tham tri, một chức lớn trong chính phủ Nam triều, chỉ dưới thượng thư một bậc. ở Huế, ai cũng biết danh cụ Tham N. là người thanh liêm chính trực mà lại văn hay chữ tốt. Hai cụ ngồi uống trà trong khi chúng tôi, đúng hơn, anh K., cháu nội đích tôn của "ôn", và anh H., anh ruột tôi - cả hai ở tuổi mười bảy mười tám - lăng xăng mài mực. Rồi cụ Tham khoát tay đứng dậy. "Ôn" cũng đứng dậy theo. Cụ Tham xắn nhẹ cổ tay áo the, cầm lấy cây bút lông anh H. dâng lên, chấm vào nghiên mực anh K. nâng hầu. Rồi phóng tay lên những bức "hoạ" "ôn" đã bỏ ra mấy ngày chuẩn bị trước. Chúng tôi nín thở nhìn những nét mực đen nhánh vun vút hiện ra, lấp lánh trên nền vôi vân vi xanh nhạt.

Trời đất cỏ cây cơ hồ ngưng lại. Tay cụ Tham thoăn thoắt, khi chậm khi nhanh, khi cứng cỏi khi mềm mại, khi gãy gọn khi dịu dàng. Mấy thằng cháu đứng sững sờ, tưởng chừng quên thở. Vậy mà tôi còn nhớ như in là khi cụ Tham viết xong, buông bút, thì "ôn" chúng tôi chắp hai tay xá cụ Tham một xá thật dài. Rồi quay lại chúng tôi, "ôn" khẽ bảo: "Thôi, mấy đứa ra ngoài chơi..."

...Cũng vào khoảng thời gian đó, tôi bắt đầu xun xoe mê sách. Truyện kiếm hiệp, truyện Tàu, sách Tự Lực Văn đoàn, Thơ Mới...Đọc bài "Chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp, tôi nói với các anh lớn là thi sĩ họ Nguyễn "đía" (ba xạo) quá! Vì tôi đã từng được thấy thế nào là "thảo" một bản văn hay một bài thơ lên tường nên tôi biết rằng sức mấy mà mới

Khi qua chùa Giải oan
Trông thấy bức tường ngang
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.
Chàng "lẹ bút" như vậy mà còn được
Tấm tắc Thầy khen hay
Chữ đẹp như rồng bay

v.v...

Tuy biết rằng thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp "đía" như vậy, tôi vẫn yêu bài thơ và đến ngày nay vẫn còn thuộc lòng đôi ba đoạn trong khi cả đời tôi vẫn không rõ sáng đó, trong ngôi nhà cổ kính cách hồ Tĩnh Tâm chỉ một con đường nhỏ, cụ Tham N. đã viết những gì trên tường hoa. Tôi chỉ biết ngày hôm đó tôi đã thấy một cái đẹp hiếm có. Và cái đẹp đó đã để lại dấu ấn suốt đời trong lòng tôi. Một dấu ấn sâu hơn, lớn hơn, đẹp hơn bài thơ "Chùa Hương" nhiều.

...Lớn lên, học sách, học người, học đời lắm chuyện hay hay. Nhưng kể từ khi thấy được cái đẹp một sáng nọ trong thành nội cố đô Huế, tôi ít khi được thấy một cái đẹp hiếm hoi như thế nữa. Cảnh đẹp, người đẹp, nhà đẹp, không ít. Cái đẹp như tôi đã thấy sáng nọ, thật khó tìm. Cho đến ngày, cách đây mười mấy năm, lần đầu tiên tôi được đến thăm anh chị Nguyễn Huy Long, và hai cụ thân sinh ra chị Trương Anh Thụy.

Đến nay thì đồng bào hải ngoại đã biết được khá nhiều về công việc của hai cụ rồi, tôi xin khỏi dông dài. Tôi chỉ muốn ghi lại đôi điều đơn sơ tôi đã viết ra vài năm sau đó:

> "...Trong hoàn cảnh ly hương, hai cụ vẫn tiếp tục giữ được một tinh thần, một lối sống thật đẹp: phóng khoáng, u nhã, thanh đạm. Tuổi cao sức yếu, hai cụ vẫn lấy những thú tinh thần làm điều vui chính cho cuộc sống thường nhật: đọc sách, vẽ tranh, viết báo, dịch thơ, dịch truyện. Có lẽ vì thế mà hai cụ còn trẻ trung và tinh anh lắm, hơn cả nhiều người chỉ vào hạng con cháu."
>
> ... "Bài học của các cụ cho chúng ta là biết sống trọn vẹn. Sống với cuộc đời khổ đau mà vẫn tha thiết yêu đời. Tuổi cao sức yếu mà vẫn giữ được cho tinh thần linh hoạt phóng khoáng. Sống thanh đạm mà lấy làm đầy đủ yên vui."...
>
> (Diễn Đàn Tự Do, I-XII-1987)

Thỉnh thoảng chúng tôi ghé lại Arlington, Virginia, vấn an hai cụ. Cụ ông Tá Chi nay đã ngoài chín mươi, không còn vững chãi như trước. Tuy tai nghe không còn thính, nhưng trí nhớ vẫn còn dai. Hầu chuyện cụ, phải đâu ra đó, nói có sách, mách có chứng, không thì cụ biết ngay. Cụ sắc sảo, mà lành. Cụ cho tôi uống rượu thuốc, nhắm với lạc rang. Cụ gọi là "tửu lạc"!! Cụ hóm lắm.

Cụ bà Kim Y cũng đã cao tuổi nhưng còn rất tinh anh. Với người lớn tuổi, thường thường cái ăn, cái ngủ, cái ấm, cái lạnh là chuyện đại sự. Với cụ Kim Y, thiếu gì chuyện lớn hơn. Cụ để tâm rất nhiều về chuyện sách vở, chuyện quê hương đất nước, chuyện thế thái nhân tình. Có lúc ngồi hầu chuyện cụ, tôi thấy lại được ở cụ hình ảnh người thiếu phụ trẻ tuổi trong chiếc ảnh cũ chụp cụ bà Kim Y mấy chục năm về trước: tóc vấn lối Bắc, đường ngôi rẽ giữa, cổ deo chuỗi hạt trai nhỏ, nét mặt xinh đẹp nhưng bình thản, kín đáo.

Đến lúc được cuốn *Thi Kinh Quốc Phong*, tập I (bản 1985) tôi mới giật mình biết rằng câu nói "yểu điệu thục nữ" đã có từ xửa từ xưa trong Kinh Thi. Và "yểu điệu" không có nghĩa là thướt tha như ta thường tưởng. Trong phần *Chú thích* cho bài ca dao đầu tiên trong thiên Chu Nam, ta

đọc được rằng: "Theo Trần Hoàn truyện chú thì *Yểu* là nói về cái nết người đàn bà trầm tĩnh, kín đáo. *Điệu* là nói về dáng người đàn bà nhàn nhã, ung dung. (Hai chữ này chính âm là *diểu điểu*, ta quen gọi là yểu điệu)

...Nửa thế kỷ về trước, tôi được thấy tận mắt cụ Tham N. phóng tay viết lên tường hoa. Đẹp. Nay đã ngoài sáu mươi, tôi lại được đọc Thi Kinh Quốc Phong.

Quan quan thư cưu
Tại hà chi châu
Yểu điệu thục nữ
Quân tử hảo cầu.

Cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh đã dịch ra là:

Bãi sông có đôi chim cưu
"Quan quan" cất tiếng thương yêu giao hòa.
Kìa ai yểu điệu mặn mà,
Sánh cùng quân tử thật là đẹp đôi.

Sống ở đời mà được thấy, được đọc những cái đẹp như thế, tưởng chẳng có gì để thở than!❐

Chia buồn

Được tin Nhà văn

Đỗ Thúc Vịnh

tác giả *Dì Mơ*

đã từ trần tại Nam California ngày 17 tháng 6 năm 1996, hưởng thọ 78 tuổi.

Xin chân thành chia buồn cùng Bà Đỗ Thúc Vịnh và tang quyến.

Cầu chúc hương hồn nhà văn Đỗ Thúc Vịnh sớm siêu thoát về Cõi Phật.

Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Mai Thảo, Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Võ Thắng Tiết, Tạ Chí Đại Trường, Hồ Minh Dũng, Kinh Dương Vương, Trần Hoài Thư, Thái Tú Hạp, Hà Thúc Sinh.

giữa người đọc và người viết

● Góp ý của nhà văn Trần Hoài Thư về bài "Hiện Thực và Tưởng Tượng"

Qua bài viết trên, nhà văn NXH đã viện dẫn kinh điển và sách vở cùng những tác phẩm có tầm mức để chứng minh quan niệm sáng tác của ông. Ông đã dùng Trần Vũ với "Ngôi nhà sau lưng Văn miếu" như một thí dụ để nói tại sao một người không biết gì về Hà nội lại viết về Hà nội. Tôi rất ngưỡng phục trí tưởng tượng của nhà văn tài hoa Trần Vũ.

Tuy nhiên qua một bài văn đăng trên Hợp Lưu, nhà văn Trần Vũ đã tả lại một đơn vị Biệt động quân đóng đồn và dùng những danh từ nhà binh từ thời khố xanh khố đỏ. Như vậy là trí tưởng tượng sáng tạo hay sao? Trong khi ai ai trong binh chủng này cũng biết rõ Biệt động quân là một binh chủng trừ bị. Tác giả Kim Thi trên Hợp Lưu đã nói rõ cái lỗi lầm (rất nhỏ, theo tôi nghĩ) kia.

Tuy nhiên có những cái tưởng tượng sáng tạo độc địa như trong "Nỗi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh, khi tác giả tả một tóan thám báo VNCH nhảy vào mật khu bắt dẫn theo ba cô gái, hãm hiếp và giết thả trôi sông. Tôi xin được phép trích lại nguyên văn lời tả của Bảo Ninh về viên trung úy trưởng toán thám báo (dĩ nhiên anh ta phải có tối thiểu bằng Tú tài) để quí độc giả thẩm định về trí tưởng tượng sáng tạo của Bảo Ninh:

"Tên nom to con nhất trong bọn, mắt trái bị báng súng dộng lòi ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lành nhìn Kiên cười khẩy, và khàn khàn nói, nhe hai hàm răng trắng ởn: Ba nhỏ đó, trình quí anh, tụi này làm thịt cúng hà bá rồi...Mấy nhỏ la khóc quá trời..." (NBCT, trang 51.52).

Tiện đây, tôi xin nói rõ về vai trò thám báo: Tuyệt đối bảo mật. Đó là những toán (có thể gọi là viễn thám) gồm những người tình nguyện, nhiệm vụ là nhảy vào mật

khu hay các điểm nghi ngờ để lấy tin, do thám..

Như vậy, theo tôi nghĩ, trí tưởng tượng sáng tạo là một điều cần thiết cho nhà văn, nhưng không phải là cái sáng tạo viễn mơ hoang đường hay không thật. Hôm nay là một ngày mùa xuân, nhưng tôi có thể viết một câu chuyện mùa thu, mùa hạ. Trong tâm trí tôi, vẫn là những chất liệu của mùa thu, mùa hạ mà tôi đã gặp đã thấy. Nhà văn Trần Vũ tuy không thấy Hà nội bằng mắt, nhưng đã thấy bằng lời kể, khảo cứu tìm tòi.

Vì vậy khi viết, trước hết anh phải tự tin. Đừng lừa mị người đọc. Như Bảo Ninh lừa người chưa biết vai trò thám báo là gì hay chưa biết rõ trình độ kiến thức của người sĩ quan VNCH.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng trả lời: Cảm ơn Anh Trần Hoài Thư. Về trường hợp Trần Vũ, xin Anh đọc bài viết về cuốn "Cái chết sau quá khứ" của tôi trên Văn Học số 80 & 81 tháng 12.93 và tháng 1.94. Vấn đề mà anh nêu ra đã được bàn tới trong bài nói trên.

Văn Học còn nhận được một số ý kiến của độc giả về bài viết Hiện Thực và Tưởng tượng của Nguyễn Xuân Hoàng qua hệ thống Internet, do anh Phùng Nguyễn, một thân hữu và là một văn hữu cộng tác thường xuyên với Văn Học *chuyển. Văn Học chọn lọc và nhuận sắc một số ý kiến trao đổi sau đây:*

● **Ông Bùi Thanh Liêm**

Bài viết của Nguyễn Xuân Hoàng rất hay, chứng tỏ tác giả đã bỏ ra nhiều thời giờ nghiên cứu và biên khảo. Tuy nhiên có vài điểm tôi không đồng ý.

Tựu trung, điều mà tác giả muốn nêu lên (theo tôi hiểu) là văn chương phải gắn liền với hiện thực. Trong 4 điểm mà tác giả "Người Đi Trên Mây" nêu ra, tất cả đều bao chứa một hàm ý là tính chất hiện thực không thể tách rời sáng tạo được.

Ông nhập đề bằng cách đưa ra thí dụ về ảnh hưởng của môi trường sống đến người cầm bút, và kết luận rằng những nhà văn trẻ, của thế hệ trưởng thành bên này "chỉ sẽ chinh phục người đọc bản xứ hay người đọc thế giới một khi họ quay về nguồn cội của họ." Điều này không hoàn toàn đúng. Đã có những nhà văn lưu vong, viết về quê hương đất nước mình, độc giả Mỹ (ở đây tôi nói theo đa số) không thèm đọc. Các nhà văn lưu vong này đã phải hòa nhập vào văn hóa xứ người, sau khi có chút tiếng tăm rồi thì họ mới dám quay về cội nguồn, điển hình là trường hợp Amy Tan. Nhìn qua âm nhạc thì thấy ngay, có biết bao nhiêu bài nhạc trữ tình của chúng ta đâu có thua ai, nhưng người ngoại quốc

nào biết đến. Nói đến Nguyễn Ngọc Ngạn, Mỹ chỉ biết qua tác phẩm duy nhất là *The Will of Heaven*, là tác phẩm (theo thiển ý của tôi) tệ nhất của Nguyễn Ngọc Ngạn.

Nguyễn Xuân Hoàng cũng đã đưa ra một vài tên tuổi như Nguyễn Quí Đức, Andrew Lâm, Lại Thanh Hà, đã phải quay về nguồn cội để tạo sức thu hút. Những bạn trẻ này thành công thật, nhưng theo tôi thì cái mức thành công của họ chưa đủ để đánh giá và đưa đến kết luận nêu ở trên. Điểm thứ 2 vây quanh tiêu đề "nhân vật trong một tác phẩm không phải bước vào trang sách từ cõi hư vô", thể hiện qua tác phẩm *Cha & Con* của Turgeniev. Tôi hoàn toàn đồng ý với NXH ở điểm này. Đồng ý luôn với ông là cá tính sáng tạo của nhà văn là yếu tố quyết định tác phẩm.

Điểm thứ ba lại trở về điểm thứ nhất, lại quay quanh câu hỏi: "Có cần phải có ngoại cuộc để tạo nên tác phẩm hay không?". Theo tôi là không cần thiết. Người sống ở Hà Nội viết về Hà Nội thì có gì là lạ? Thì cũng như là một học sinh đang làm bài luận văn tả cảnh mà thôi. Người chưa từng sống ở HN mà viết về Hà Nội, viết cho hay, cho thật thì mới độc đáo. Nếu cứ phải bắt buộc phải có điều kiện môi trường thì làm gì có những chuyện ma, truyện giả tưởng, thần thoại. NXH nêu ra một điểm chí lý là không nhất thiết phải mô tả lại hiện thực một cách máy móc. Ông viết: "Người ta đòi hỏi từ hiện thực kia, nhà văn viết một cái gì khác hơn, rộng hơn, sâu hơn cái mà ông ta cũng như mọi người sống và trải qua trong cuộc sống. Rất chí lý! Tôi đang chịu ông ở điểm này, nhưng rồi cuối cùng nghe ông kết luận một câu làm tôi sững sờ: "Hãy viết bằng tiếng nói, bằng trái tim của mình. Hãy nói bằng cổ họng của mình. Đừng để cái giọng nói của người khác trong cổ họng của mình. Đừng để giọng nói của mình phát ra từ bất kỳ cổ họng một người nào khác." Ủa! Sao lạ vậy, vừa mới nói ở trên là mình nên "phăng" một tí, rời xa hiện thực một tí, tưởng tượng phong phú một tí, có nghĩa là mình không còn phải là mình nữa. Bây giờ sao lại phải nhất thiết bằng tiếng nói của mình.

Bùi Thanh Liêm tôi thật là rối trí, thật confused! Thôi không dám bàn tiếp nữa!

....

• Ông Phùng Nguyễn....

Bài nhận định của anh Liêm hay lắm. Có điều tôi nghĩ rằng anh đã hiểu khác đi điều NXH nói về "Đừng để giọng nói mình phát ra từ một cổ họng nào khác..." Theo tôi, nguyên đoạn kết của NXH nhằm trình bày quan điểm của ông trong sáng tác: *Đừng bắt chước ai, kể cả những cây đại thụ tiền bối,*

hay ngự sử văn đàn trong công việc xây dựng tác phẩm của mình. Nên tìm cho mình một nét riêng, không vay mượn của ai, tạo sự độc đáo chỉ có ngòi bút, cây cọ của mình mới vẽ nên được. Tất nhiên, tôi cũng có cảm giác là NXH hơi đi xa trọng tâm bài viết của ông, vốn bàn luận về sự cần thiết của tưởng tượng trong bộ môn sáng tạo nghệ thuật rồi lại chấm dứt bằng một kết luận về sự cần thiết của một văn phong độc đáo. Có lẽ tại ông muốn nhấn mạnh về sự "Độc Lập" của người sáng tạo chăng ?

...

● Ông Nguyễn Kỳ Phong

....

Về chuyện của NXH: anh Hoàng chỉ viết rất là "phác họa" [sketch] về cảm nghĩ của mình. Bài viết rất ngắn để có ý nghĩa như là một tham luận văn học.

[Ivan Sergeyevich] Turgennev là một tác giả hiện thực [realist] về tình trạng xã hội. Bút pháp [Style] của ông tương tự như Trần Tiêu hay Tô Hoài của chúng ta. Liêm nói đúng: là tác gia của *Người Đi Trên Mây* và *Ý Nghĩ Trên Cỏ* mà bắt [để nghị thì đúng hơn] chúng ta phải "viết-như-thấy" thì hơi lạ. Hay là NXH đã bỏ uống rồi: (Bài viết của ông làm tôi tốn mấy tiếng đồng hồ: [phải coi lại bài viết của ông, của NXH, của Ivan Sergeyevich...và phải làm vài ly mới có đủ nghị lực đọc Ivan Segeyevich [trong tiếng Nga, khi thân và thích, mình gọi người đó bằng tên và chữ lót...]Mr. Turgenev [không có "i" như đã ghi: Turgeniev]...

● Ông Dũng Nguyễn

....

Cho phép tôi, với tư cách một độc giả, bàn thêm về bài viết của NXH.

Không như Liêm, tôi đồng ý với NXH về quan điểm văn chương phải gắn liền với Hiện thực và Tưởng Tượng (sự sáng tạo). Văn mà chỉ hiện thực không thì chỉ giống như bản chụp lại như NXH đã viết giống như ký sự, hồi ký...Còn văn chương mà chỉ tưởng tượng không thì giống như là "nói dóc không có căn." Đó là lý do tại sao nhiều tác phẩm phải thai nghén rất lâu mới thành hình, đó là tác giả phải thu thập tài liệu, đọc rất nhiều, tham khảo nhiều sách báo để viết về những cái mà mình không biết cho đúng. Không phải đương nhiên mà tác giả viết về một nơi mà tác giả không hoàn toàn biết tới mà hay được, mà đúng được. ít nhất đâu đó thấp thoáng phải phản ánh đúng sự thật, đó là tác giả đã nghe, hoặc đã có tài liệu về cái mà mình muốn viết. Bởi vậy chẳng ai thấy làm lạ khi thấy trong một truyện gì đó của Trần Vũ, anh ta đã làm thiên hạ ngạc nhiên khi cho một trung đội trưởng Biệt động quân đi đóng đồn. Chính cái chi tiết nhỏ nhoi này làm độc giả thấy

áy náy cho tác giả vì "tưởng tượng không có căn."

Bài viết của NXH có thể chia làm Nhập đề (đoạn 1), Thân Bài (đoạn 2 và 3) và Kết luận (đoạn 4).

Nhập đề giới thiệu về hiện thực và tưởng tượng trong văn chương. Phần Thân Bài chứng minh hiện thực và tưởng không thể tách rời trong văn chương. Đến phần kết luận thì có vẻ hơi lạc đề (irrelevant) nhưng không có ý như Liêm nói là tác giả không cho tưởng tượng. Nếu như đúng như một bài Luận Văn, thì phần kết luận, tác giả nên nói đại loại như: "Tóm lại, qua phần trình bày trên, văn chương không thể tách rời hiện thực và tưởng tượng." Sau đó mới nói về việc phát thanh bằng cổ họng của mình. Theo tôi chỗ này tác giả không có gì mâu thuẫn với mình hết. Tác giả chỉ muốn nói làm gì thì làm, mình phải có nét riêng của mình, bút pháp riêng của mình chứ không cần phải bắt chước ai hết. Giống như Khánh Ly hát, ta biết ngay là Khánh Ly, Lệ Thu hát ta biết ngay là Lệ Thu... Khi nào Dũng tôi mà đọc văn phân biệt được đây là văn của Liêm, hoặc văn của Phùng, hoặc văn của Phong thì lúc đó các bạn có thể tạm hài lòng là ừ, mình cũng có văn phong riêng đấy chứ!

...

● **Ông Bùi Thanh Liêm**

Những cảm nghĩ của mình khi nhận xét về bài viết của Nguyễn Xuân Hoàng là những cảm nghĩ rời, thuộc loại bá láp (blah blah...), đâu có dè được CCB chiếu cố và mang lên VHNT. Thật ra thì BTL tôi đã hiểu sai tác giả "Người Đi Trên Mây" ở một điểm then chốt. Anh Phùng Nguyễn đã làm sáng tỏ chuyện này. Tuy nhiên, những hiểu lầm đều có nguyên cớ của nó. Khi đọc bài viết của NXH, tôi đọc rất kỹ, vậy mà cũng không bắt được ý của ông. Cho đến giờ tôi không biết là tôi tối ý hay là NXH đã không rõ ràng, khi ông viết: "Đừng để giọng nói của mình phát ra từ bất kỳ cổ họng một người nào khác." Ý ông, theo anh PN, là đừng nên bắt chước những người cầm bút khác. Trời ơi! phải chi ông cứ huych tẹt ra là đừng nên lập khuôn những ngòi bút khác thì dễ hiểu biết bao. Ai bảo ông dùng những chữ "cổ họng" với "giọng nói", làm tôi hiểu nhầm. Những chữ này làm tôi liên tưởng đến những ai thấp cổ, bé miệng, những người không nói được hoặc không được quyền nói, và tôi đã tự hỏi tại sao mình không thể "nói" giùm họ ? Thôi thì dù sao thì những cảm nghĩ của tôi, dù có lệch lạc, cũng đã đến tay hàng trăm độc giả VHNT rồi. Mong Nguyễn Xuân Hoàng thông cảm, và hy vọng ông đừng có lơ lửng trên mây mãi nữa, hãy xuống đất mà chơi với bọn mình.

...

● **Ông Phùng Nguyễn**

...

Cho đến hôm nay, chỉ mới có Bùi Thanh Liêm, Kỳ Phong, và Dũng Florida đóng góp vào phần thảo luận về "Hiện Thực và Tưởng Tượng." Tôi cảm thấy mình cũng có bổn phận đóng góp một chút vào đề tài này. Thay vì đưa ra những nhận xét về bài viết của NXH, mà tôi nhiều phần đồng ý với tác giả và BTL, tôi xin phép được chia sẻ với các bạn cái kinh nghiệm ngắn ngủi của mình trong sáng tác.

Tôi nghĩ mỗi người đều có cách dựng truyện khác nhau. Có người có cốt truyện rồi mới dựng nhân vật. Có người bắt đầu bằng đoạn kết. Có người lấy ý từ một câu chuyện nghe thấy được ở đâu đó... Nói chung, cái lý do thúc đẩy người viết thì rất nhiều, và thay đổi tùy theo người viết và có khi vì cả cái môi trường mà người viết đang ở vào. Riêng tôi, tôi bắt đầu truyện với nhân vật. Trước giờ tôi chỉ viết truyện ngắn, mà cũng chỉ có chừng mươi bài. Bài nào cũng dựa vào một nhân vật nào đó, hoặc quen thân, hoặc chỉ gặp gỡ thoáng qua nhưng để lại một ấn tượng nào đó, và có khi chính mình [cái tôi đáng ... tội nghiệp, không phải *haïssable* như anh Hưng nói đâu]. Và tôi dựa vào nhân vật này để ...bịa ra cốt truyện. Viết về mình thì có lẽ dễ hơn, bởi vì chất liệu có sẵn, nhưng dễ sa vào cái tật dông dài, kể lể. Đôi khi, những điều mình cho là quan trọng, nhồi nhét vào cho nhiều lại làm độc giả mau chán. Đó là cái hàng rào chủ quan, nói theo kiểu Nguyễn Mộng Giác, mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn chưa vượt qua được! Trở lại vấn đề nhân vật. Có một dạo tôi vẫn đi hớt tóc ở một tiệm quen, cô thợ hớt tóc trông hay hay, tôi viết "Nàng và Tôi." Anh bạn nối khố của tôi qua Mỹ theo diện HO ở chung nhà một thời gian, có bà dì đến thăm, tôi viết "Điện đàm." Anh chàng phi công của hãng mà tôi thỉnh thoảng đi công tác chung một hôm tiết lộ là cựu đại úy Biệt Động Quân Hoa Kỳ giải ngũ, tôi dựa vào anh viết "Ruộng Gió." Và gần đây nhất, CCB dẫn đi ăn crawfish, tôi viết "Suối Trong Rừng." Tất nhiên BTL không thể trách tôi được, vì không thể để nhân vật nam yêu ... crawfish! Những điều vụn vặt ở trên chỉ để đưa đến một điều: bất kể bạn bắt đầu một "tác phẩm" bởi nguyên cớ gì, thường thường cái hiện thực chỉ đóng một vai trò nhỏ trong toàn bộ tác phẩm. Ngay cả khi kể lại một câu chuyện có thực, người viết cũng đã "hư cấu" không ít khi dựng lại khung cảnh, đối thoại, tình tiết theo quan niệm riêng của mình. Cho nên, sáng tạo là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng một tác phẩm nghệ thuật. Và điều này đã được NXH nhấn mạnh trong bài viết của ông. ❐

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

● Ngẫu nhiên hay cố ý?

Trong đời sống văn học nghệ thuật, người ta thỉnh thoảng bắt gặp sự giống nhau giữa hai tác phẩm, tựa như tác giả này "lấy ý" của tác giả kia, hoặc tệ hơn, "sao y" tác phẩm của tác giả kia.

Trong âm nhạc, người ta đã có lần biết đến một nhạc sĩ sáng tác kiêm ca sĩ những bài dân ca đã lấy nguyên một nhạc khúc Summer-time của Gershwin đặt lời Việt và xem như đó là nhạc của mình.

Thật ra khi bắt đầu viết nhạc, thơ, truyện...hoặc vẽ, người ta dễ viết và vẽ theo cái mẫu tác phẩm mà người ta ưa thích.

Những tác phẩm "đầu tay" hiểu theo nghĩa là làm lần đầu chỉ để mình tự chiêm ngưỡng thường là một tác phẩm sao chép từ những tác phẩm mình ưa thích.

Thế nhưng, khi lớn lên, khi đã quyết tâm chọn con đường văn học nghệ thuật để đi, người sáng tác bắt đầu biết từ bỏ tất cả những gì vướng víu vào mình từ những người đi trước. Và anh ta chỉ thực sự sáng tác khi anh ta khám phá ra tiếng nói của chính anh, một tiếng nói riêng biệt không giống bất cứ một tiếng nói nào đã có trước.

Nhà văn Henry Miller có lần viết: "Tôi bắt chước mọi bút pháp trong niềm hy vọng tìm thấy chìa khóa của sự bí ẩn đã dầy vò mình: Viết cách nào; cuối cùng đi tới một kết cục tẻ ngắt, một nỗi thất vọng và tuyệt vọng. Bởi bản thân tôi như một nhà văn và tôi như một con người. Thất bại như một nhà văn có nghĩa là thất bại như một con người".

Trong văn học nghệ thuật, tính chất độc đáo của tác phẩm làm thành tên tuổi của tác giả.

Người ta thường nói nếu thế kỷ này chưa có Einstein thì thế kỷ tới thế nào cũng có thuyết tương đối của nhà khoa học vĩ đại này. Nhưng nếu thế kỷ này không có Nguyễn Du, thế kỷ tới không chắc

có *Truyện Kiều*.

Cho nên một phát minh khoa học kỹ thuật khi ra đời phải cầu chứng tại tòa để khám phá tới sau, nếu trùng hợp, không được xem là của mình - dù mình không hề ăn cắp của người đi trước - bởi vì phát minh ấy đã có người tìm ra trước mình.

Một nhà phát minh chỉ có thể lấy được tên tuổi một khi ông ta khám phá ra được điều chưa ai khám phá.Trong văn học nghệ thuật, điều này gắt gao hơn nhiều.

Mới đây vào đầu năm 1996, tên tạp chí *Văn Học và Nghệ Thuật* (Literature and Arts) ở Anh đăng bài "Trên đất Mỹ cũng không thiếu nạn đánh cắp nội dung tác phẩm, xâm phạm tác quyền", một cuộc tranh luận nổ ra gay gắt giữa hai giới văn học và báo chí Anh Mỹ.

Bài báo xuất phát từ vụ án văn học hồi tháng Ba, 1995, giữa nguyên cáo là nhà thơ Stephen Spender - cây cổ thụ của thi ca Anh thập niên 30 - và David Leavitt, một cây bút trẻ người Mỹ.

Thi sĩ Stephen Spender, 84 tuổi, tác giả tự truyện *World Within World* (viết tắt là WWW) đã đưa đơn ra tòa Luân Đôn kiện nhà văn Mỹ David Leavitt, 32 tuổi, về tội ăn cắp ý và ăn cắp toàn bộ chi tiết trong tự truyện *WWW* của ông để đưa vào tác phẩm *While England Sleeps*.

Tuy nhiên tòa Luân Đôn thụ lý vụ này đã tuyên xử " mỗi văn nghệ sĩ có quyền tự do sáng tạo theo quan niệm nghệ thuật và tư duy cá nhân, đôi khi tư tưởng có trùng hợp, nhưng cũng chỉ là ngẫu nhiên"

Nhà thơ Spender không đồng ý phán quyết của toà, mang nội vụ đưa sang tòa Nữu Ước.

Nhưng toà án Nữu Ước chưa kịp mang ra xử thì tạp chí Văn Học và Nghệ Thuật bên Anh đã mở cuộc tranh luận trên, khiến các tờ *Washington Post, Los Angeles Times* và *New Republic* nhảy vào lên tiếng.

Thật ra từ tháng Năm 1995 tờ Washington Post đã có bài phê phán vụ án Spender-Leavitt, nhưng phải đợi đến khi tạp chí *Văn Học và Nghệ Thuật* bên Anh thổi bùng vụ án văn học này, ngọn lửa tranh luận mới cháy rực lên.

Đề tài cuộc chiến văn chương này xoay quanh tư cách đạo đức của người sáng tác cũng như lòng tự trọng của nghệ sĩ trước công chúng thưởng ngoạn.

Và cuộc chiến này đã tạo một lằn ranh phân chia hai phe rõ rệt: báo chí Anh bênh vực Spender, báo chí Mỹ đứng về phía Leavitt.

Báo *Los Angeles Times* viết: "Sau khi chúng tôi đọc tự truyện của Spender thì thực sự chẳng thấy có mối liên quan gì giữa *WWW* với cuốn tiểu thuyết của David Leavitt.

Còn tờ *New Republic* thì lập luận rằng:"Nếu David Leavitt già hơn và đi trước Stephen Spender

khoảng 50 năm thì vấn đề sẽ ra sao? Ai cũng biết nhà thơ Anh nổi tiếng, nhưng việc gì David Leavitt lại mù quáng dựa vào tác phẩm của Spender để xây dựng tác phẩm của mình?"

Tony Lacey, biên tập viên nhà xuất bản Viking - nhà xuất bản đã in sách của Leavitt - đồng thời cũng là người phụ trách phê bình sách cho đài BBC Luân Đôn và tờ *London Times*, cho rằng: "Spender được ghinhận là người có sự nghiệp lớn lao về thi ca, còn David là một hậu bối, làm sao David dám cả gan đạo văn như lời ông Spender đã tố cáo?"

Trong khi đó, trong đơn thưa nộp cho tòa án Nữu Ước, luật sư của Spender viết rằng: "Toàn bộ tiểu thuyết của David Leavitt đều dựa trên nội dung tác phẩm của thân chủ tôi, từ bố cục đến cách diễn đạt nội dung."

Luật sư Alain de Bottom của David Leavitt tuyên bố với tạp chí *Arts Weekly* phát hành ở Nữu Ước rằng: "Ông Leavitt đừng nên bận tâm về vụ kiện này, hãy tập trung tinh thần viết cho được tác phẩm mới ăn khách hơn."

Phải chăng qui định dành cho một loại tiểu thuyết nào đó phát hành khắp thế giới thường phải ghi câu: "Đây là sản phẩm của trí tưởng tượng. Mọi trùng hợp về sự kiện, hoàn cảnh liên quan đến người sống hoặc kẻ đã chết, đều do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của tác giả" đã giữ thế mạnh cho tác phẩm của David Leavitt?

Vụ *kiện* chắc chắn sẽ không gây tổn thất tài chánh nào cho nhà văn Leavitt hay nhà xuất bản Viking, nhưng *vụ án văn học* này sẽ còn ở lại trong lịch sử văn học.

Tuy nhiên có người bỗng dưng nổi tiếng và rở thành triệu phú. Người đó không ai khác hơn là David Leavitt. Nhà xuất bản Viking ký hợp đồng in 10 tác phẩm khác của Leavitt với số tiền nhuận bút 30 triệu Mỹ kim. Riêng cuốn *While England Sleeps* đã tái bản lần thứ ba.

● Henry Miller: Suy nghĩ về kinh nghiệm sáng tác

Nói về kinh nghiệm sáng tác, nhà văn Henry Miller, tác giả *Tropic of Cancer*, cho rằng giải thoát là đề tài tối thượng của ông. Ông viết: *Tôi muốn chữ nghĩa của tôi trôi chẩy như kiểu mà thế giới chẩy trôi, một vận hành trườn uốn qua vô lượng chiều, trục, xứ sở, phong thổ, trạng huống"* Qua bài" Suy tưởng về kinh nghiệm sáng tác" trích trong *cuốn The Wisdom of the Heart*, Henry Miller cho thấy "một người không một chút tài năng rõ rệt nào, một người viết mới hoàn toàn, bất tài, vụng về, miệng lưỡi dính chặt, hầu như tê liệt vì sợ hãi và nhút nhát" lại trở thành một bậc thầy, trong tư tưởng cũng như

trong nghệ thuật, trong cách sống cũng như trong cách viết. Henry Miller nói ông nghiên cứu bút pháp và kỹ thuật của những người mà ngày xưa ông đã từng thán phục và tôn sùng như Nietzsche, Dostoievski, và ngay cả Thomas Mann, người mà ngày nay ông loại bỏ vì ông đã xem Mann "như một tay thợ khéo, một tên làm gạch, một con lừa hay một con ngựa chở đồ hăng hái." Ông nói ông bắt chước mọi bút pháp nhằm trả lời cho ông câu hỏi: viết cách nào đây?. Cuối cùng, ông nói, ông đã đi tới một kết luận tẻ ngắt, một nỗi thất vọng và tuyệt vọng mà ít người biết tới, "bởi không có sự chia cách giữa chính bản thân tôi như một nhà văn và tôi như một con người: thất bại như một nhà văn có nghĩa là thất bại như một con người." Và ông ý thức rằng ông không là gì cả, hay còn tệ hơn không là gì cả, ông tự cho mình là "một lượng âm". Chính tại điểm này mà ông bắt đầu thực sự viết. "Tôi viết ào ào, liệng tất cả mọi thứ trên boong tàu xuống biển, ngay cả những thứ tôi yêu thích nhất. Hốt nhiên tôi nghe thấy tiếng nói của chính tôi, tôi phấn khởi: Chính bởi sự kiện nó là một tiếng nói riêng biệt, xuất sắc, độc đáo nâng đỡ tôi. Tôi bắt cần nếu những điều tôi viết có thể bị coi là dở. Hay và dở bứt khỏi tự vựng của tôi." Henry Miller bảo ông không có mảy may ý tưởng nào về những cuốn sách tương lai của ông, ngay cả một ý tưởng để theo một cách trực tiếp. Những đồ biểu và chương trình của ông là một thứ hướng dẫn mong manh nhất. "Tôi chỉ nghe theo bản năng và trực giác của tôi. Tôi không biết gì trước. Tôi thường hạ bút ghi những điều chính tôi cũng không hiểu ất giáp gì cả, an nhiên trong cảm thức rằng sau này chúng sẽ trở nên minh nhiên và có ý nghĩa đối với tôi. Tôi tin vào con người đang viết, chính là tôi, nhà văn. Tôi không tin vào chữ nghĩa, thây kệ dù được nối kết bởi người khéo léo nhất: tôi tin vào ngôn ngữ, là một cái gì ở trên chữ nghĩa, là một cái gì chữ nghĩa chỉ cho một ảo tưởng bất tương ứng về nó. Chữ nghĩa không hiện hữu một cách biệt lập, trừ trong đầu óc những học giả, nhà ngữ nguyên học, ngữ học gia, v.v...Chữ nghĩa tách khỏi ngôn ngữ là những sự vật chết, và không sản sinh ra một bí ẩn nào." Henry Miller thường nghĩ rằng có lẽ một ngày kia ông sẽ viết một cuốn sách giải thích tại sao ông viết những đoạn nào đó trong những tác phẩm của ông. Và ông tin rằng ông có thể viết một cuốn sách cỡ lớn về một đoạn rất ngắn, lựa chọn một cách tình cờ từ tác phẩm của ông. Một cuốn sách về sự bắt đầu, khởi nguyên, biến hoá, ra đời của nó, về thời gian trôi qua giữa sự nẩy sinh của ý tưởng và sự ghi nhận nó, thời gian dùng để viết nó, những ý tưởng ông có giữa thời gian ông viết nó, ngày của tuần lễ,

tình trạng sức khoẻ của ông, trạng thái tinh thần ông, những sự gián đoạn xảy ra, những sai biệt nhiều loại của cách diễn tả xảy ra cho ông trong quá trình viết lách, những sự thay đổi, điểm ông bỏ rơi và trong khi trở lại, thay đổi hoàn toàn hướng đi, hoặc điểm ông đã bỏ rơi một cách khéo léo, tựa một bác sĩ giải phẫu tận lực cứu vãn một việc tệ hại, định quay trở lại và bắt đầu làm lại sau này, nhưng không bao giờ làm vậy, hoặc trở lại và tiếp tục chiều hướng một cách vô ý thức vài cuốn sách sau này, khi hoài niệm về điều đó đã hoàn toàn tan biến. "Hoặc tôi có thể lấy một đoạn đối chọi với một đoạn khác, những đoạn mà cặp mắt lạnh lùng của những phê bình gia chụp lấy như những mẫu mực nào đó, và hoàn toàn làm cho họ điên đầu, những nhà phê bình-đầu óc-phân tích, bằng cách chứng minh một đoạn văn có vẻ viết thoải mái lại được hoàn thành trong gò bó rất mực, trong khi đoạn văn khó khăn lại được viết như một cơn gió thoảng, như một suối nước nóng tuôn trào. Hoặc tôi có thể cho thấy một đoạn được hình thành như thế nào khi đứng lên và lại thay đổi như thế nào lúc nó ngồi xuống ghi lại...." Vẫn theo Henry Miller, "tất cả những điều nhà phê bình viết về một tác phẩm nghệ thuật, mặc dù được viết khéo nhất, mặc dù vững chắc nhất, xác đáng nhất, thích hợp nhất, mặc dù được thực hiện với yêu thương, điều hoạ hiếm, không có nghĩa lý gì khi so vớicách cấu tạo thực sự, khởi nguyên đích thực của một tác phẩm nghệ thuật." Theo Henry Miller có một nghìn cách khác nhau để kết thúc một cuốn sách. Ông nói: "Tôi có thể bắt đầu trở lại câu chuyện kể bất cứ điểm nào, tiếp tục đào kinh rạch, đặt cầu cống, nhà cửa, xưởng máy, reo rắc dân cư khác, động vật và thảo mộc địa phương khác, hoàn toàn đúng như thực vậy." Tác phẩm giống hệt như cuộc sống có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. "Nhưng mỗi khởi đầu, dù khởi đầu của sách, trang, đoạn, câu hay từ ngữ đều đánh dấu một mối quan hệ sinh tử....Mỗi dòng, mỗi chữ liên hệ một cách thiết yếu với cuộc đời *của tôi*, cuộc đời của tôi mà thôi,... "Tựa con nhền nhện, tôi trở lại công việc hoài hoài, ý thức được rằng lưới nhện tôi đang dệt làm bằng chính bản thể tôi, rằng nó không bao giờ làm tôi thất vọng, không bao giờ khô cạn."

Henry Miller cho rằng "viết không phải là một cuộc *đào thoát*, một phương tiện trốn tránh thực tế hàng ngày; trái lại, viết có nghĩa là một sự phóng mình sâu hơn nữa xuống hồ ao đen tối nhất - một phóng mình về nguồn cội khởi nguyên nơi nước non thường trực đổi mới, nơi thường xuyên có vận hành và chuyển động."

● Vĩnh biệt nhà văn Đỗ Thúc Vịnh

Nhà văn Đỗ Thúc Vịnh, sinh năm 1918, có bút hiệu là Mai Xuyên, nhưng ông ký tên thật trên các tác phẩm đã xuất bản, từ 1944 đến nay. Tác phẩm đầu tay của ông, truyện dài *Bóng Tre Xanh*, được trao giải thưởng Văn Chương Gia Long, năm 1942. Ông lấy bối cảnh thôn quê để dựng truyện, và thôn quê cũng chính là đối tượng phục vụ mà ông tin rằng dân tộc Việt Nam đã không coi trọng trong suốt một thế kỷ đầy biến động vừa qua. Ba cuốn truyện sau, lần lượt ra đời: *Dì Mơ* (1959), *Mùa Ảo Ảnh* (1962) và *Những Người đang Tới*" (1964), thực ra là ba phần của một bộ trường thiên gắn bó với nhau, xoay quanh một nhân vật chính tên Văn, tượng trưng cho lớp trí thức trẻ thành thị ý thức được sự quan trọng của khối nông dân - khối người đã và còn đang chiếm đa số, tới 80 phần trăm dân số Việt Nam. Năm 1990, khi cho tái bản ba cuốn sách nói trên, ở lời "Tự Luận" của cuốn *Những Người Đang Tới*, Đỗ Thúc Vịnh nói rõ hoài bão mà ông ôm ấp suốt cuộc đời ông. Ông viết: "*Diễn biến lịch sử dân tộc Việt, kể cả thế kỷ hai mươi này, minh chứng rằng khối nông dân là lực lượng cơ bản. Một chính quyền nào, một chế độ nào, khi đã tách rời khỏi quần chúng nông thôn, không đáp ứng với nhu cầu và nguyện vọng của họ, thế tất đi đến bế tắc và đổ nát. Cho nên tác giả hằng tin tưởng có xây dựng được một nền văn minh mới, mà không mất gốc, cho nông thôn thì mới cải tiến được xã hội Việt Nam trên một căn bản vững chắc, đưa đến ổn định lâu dài và tiến hóa.*" Quả thực, làn sóng tư tưởng và nếp sống Tây phương tràn vào Việt Nam từ đầu thế kỷ, được tôn sùng vì cái sức hấp dẫn hào nhoáng, đã đẩy hai, ba thế hệ trí thức thành thị xa rời nông thôn, xa rời cái gốc của dân tộc. Nhìn lại giai đoạn văn học từ 1954 đến 1975, ở miền Nam, đời sống nông thôn dường như không hiện hữu. Một phần do chiến tranh xô đẩy, để nếu có nhà văn nào, nhạc sĩ nào, họa sĩ nào, nhà thơ nào, muốn về với nông thôn, muốn đưa nông dân vào tác phẩm, cũng không thực hiện được. Từ 1975 đến nay, văn học Việt Nam hải ngoại lại càng xa lìa và xa lạ với nông thôn Việt Nam - trừ những hồi ức, những hoài niệm đó đây, mà cũng rất ít âm vang. Luận điểm của Đỗ Thúc Vịnh được minh chứng rằng lịch sử cận đại và hiện đại, nhưng dường như chưa được cảm thông. Tuy thế, ông vẫn đặt hy vọng vào "những người đang tới," những người trẻ có một khoảng cách đủ xa đối với những biến chuyển bão táp của lịch sử dân tộc ở giai đoạn 1945-1975, để nhìn rõ hơn cõi rễ của vấn đề, để "*những người dân chân lấm tay bùn, và lớp người có*

chút học thức không còn như thể hai thế giới cách biệt, thì mới có thể sống hòa đồng, nâng đỡ lẫn nhau, mới có thể cùng khá để chung sức xây dựng một nền văn minh mới cho nông thôn, cải tiến được xã hội và đưa dân tộc ra khỏi tình trạng bế tắc hiện tại." ("Những Người Đang Tới", tr.9). Như vậy, Đỗ Thúc Vịnh là người ôm mộng lớn. Nhưng ông nói lên bằng giọng nói ôn tồn, thủ thỉ. Người ta chưa bao giờ thấy ông "lớn tiếng" kêu gọi, vận động. Nhưng ông rất kiên trì với chủ trương của ông. Ông chỉ chia sẻ những hoài bão lớn lao với một ít bạn tâm giao, đặc biệt là các văn hữu trong nhóm *Tự Do*, như Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Trần Việt Sơn, Hà Thượng Nhân, và Như Phong Lê Văn Tiến. Nhóm người này kẻ còn người mất, đều ở lứa tuổi gần tám mươi cả, nhưng ai nấy đề tiết tháo cao vời, nêu cao những chữ "uy vũ bất năng khuất." Và với lứa tuổi gần tám mươi, những người còn lại như Đỗ Thúc Vịnh, Như Phong, Hà Thượng Nhân, vẫn cầm bút, vẫn miệt mài cổ súy cái thiện, cái chân, vẫn rút ruột để trao truyền cho lớp đàn em, cho con cháu, những tâm huyết một đời là đưa dân tộc ra khỏi cơn bế tắc, để có tự do, dân chủ và hạnh phúc. Niềm lạc quan, sự tin tưởng bền bỉ đó, thể hiện trong những câu thơ khóc bạn mà Hà Thượng Nhân gửi cho Như Phong, để đọc trước linh cữu của Đỗ Thúc Vịnh: *"Anh Vịnh ơi, trên mỗi luống cầy Có nước mắt, có mồ hôi đổ xuống Những mất mát của chúng mình chẳng uổng. Ta sống hoài, trong con cháu, anh em..."*

(Lê Tam Ca)

báo cũ

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

*** Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 15, 19, 20, 27, 29, 31, 32, 33, 38, 39, 42, 44, 53, 54, 59, 60.

*** Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

*** Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 & 118, 119, 120, 121...

Bạn đọc cần mua các số cũ để sưu tập cho đủ bộVăn Học ,xin gửi chi phiếu về Tòa soạn. VH sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

● Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ

MN San Jose Public Lib, CA; Pitney Bowes Credit Co. Norwalk CT, Biblio Ville Montreal Canada, Library of Congress DC, Nguyễn Khắc Phú Australia, Cornell University Lib NY, Ngô văn Bình Falls Church VA, Nguyễn Xuân Ba Oxnard CA, Nguyễn thị Sương Houston TX, Thiên Nga Bookstore Houston TX, Ngày Nay Bookstore Houston TX, Tâm văn Nguyễn Vienna VA, La Thạch Hà Australia, Nguyễn Xuân Tính Florida, Nga T. Cao Alexandria VA, Nguyễn văn Thiệu NSW Australa, Thêm Hồng La Habra CA,Hoàng Quốc Hùng Peoria Il, Westminster Lib Westminster CA, Nguyễn Đình Phùng El Paso TX, Loan Trang Dang Ventura CA, Điệp Mỹ Linh Alief TX, Nguyễn văn Mẫn NSW Australia, Nguyễn Xuân Sinh Annandale VA, Thinh T. Nguyên Anaheim CA, Huỳnh Bích Đào Corona CA, Bảo Nguyễn Cherry Hill NJ, Võ Hồng San NSW Australia, Trần Sách Somerset NJ, Lam Minh Tai San Jose CA, Hồng Khắc Kim Mai Beaverton OR, Hồ N. Mih MD San Diego CA, Nam Van Ly St. Louis MO, Nguyễn Thanh Quang Vienna VA, Bao Nguyen Cherry Hill NJ (mua báo cũ), Đỗ Hoà Houston TX, Nguyễn Xuân Thu RMIT Australia, Nguyễn Thanh Quan Holland

● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng

Thơ và Nhạc gửi từ Beaverton OR, Lấy chồng xứ lạ, Thơ dại gửi từ Paris France, Mùa hạ nhớ quê, Ý từ Hoàng hạc lâu gửi từ Rosemead CA, Góp ý về Hiện thực và Tưởng tượng gửi từ Somerset NJ, Tình yêu trong thơ cổ Trung Hoa gửi từ Cherry Hill NJ, Ru em mùa hạ gửi từ Gardena CA, Em vẫn mù sương gửi từ Hawthorne CA, Tự truyện gửi từ Houston TX, Bạn bè xưa, Một thời trong chín tầng địa ngục gửi từ Garden Grove CA, Thông báo của Ủy ban Đặc cử Tái thống nhất VBVNHN, Bố về ăn sau gửi từ Portland OR, Ý nguyện Văn hóa và Ý nguyện Văn minh (lược dịch),Tiên tri, khả năng kỳ diệu của con người gửi từ Bulgaria, Chị ấy, ở phía sau gửi từ Worcester MA, Suối trong rừng gửi từ Bakersfield CA, Khi tư tưởng và hình hài tái nhập, kịch bản, gửi từ Houston TX, Tháng Mười ba gửi từ Houston TX, Hè Cali gửi từ S. Ana CA, Đi với em gửi từ S. Ana CA, Không tên 8 gửi từ Orlando FL, Hà Nội Phố gửi từ Germany,

Thơ Nguyễn Tuấn Hùng gửi từ San Jose CA, Hư tưởng, Múa gửi từ Roxboro Canada, Mai em về, Người em Kiên lương gửi từ Somerset NJ, Những nạn nhân của thời cuộc gửi từ Australia, Chuyện không bình thường gửi từ Dorchester MA, Dịch thơ Lý Bạch Đỗ Phủ gửi từ Cherry Hill NJ.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

🕮 ***Night, Again, Contemporary fiction from Vietnam*** (*Đêm, lại đêm: tiểu thuyết Việt Nam đương đại*) tuyển tập truyện ngắn Việt Nam, Đinh Linh tuyển chọn, gồm 12 truyện ngắn của Nguyễn Thi Ấm, Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Lê Minh Khuê, Đỗ Phước Tiến, Thế Giang, Phạm Thị Hoài, Mai Kim Ngọc, Trần Vũ, Đỗ Kh. và Nguuyễn Minh Châu. Các truyện ngắn trong tuyển tập do nhiều người dịch khác nhau. Sách dày 176 trang, bìa cứng, do nhà Seven Stories xuất bản, phát hành ngày 15 tháng 7 năm 1996.

Các truyện ngắn trong tuyển tập được chọn lựa nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu tâm tình và đời thường của người Việt. Khác với những tuyển tập khác đặt trọng tâm vào chiến tranh Việt Nam, "*Night, Again* tách khỏi cái nhìn cổ điển [của người Mỹ] về Việt Nam trong thời chiến tranh, chuyển hướng chú ý đến Việt Nam thời hậu chiến. Những nhà văn này đã cho ta những ấn tượng, cùng một lúc vừa lạ lẫm lại vừa thân quen, về hiện thực Việt Nam sau chiến tranh...."

Đinh Linh sinh năm 1963 tại Sàigòn, đến Mỹ năm 1975, tác giả của nhiều thơ, truyện ngắn, điểm

sách đã xuất hiện trên các tạp chí *Manoa, Sulfur, Denver Quarterly, Vietnam Forum, The American Poetry review* và *New Observations*. Năm 1993, Đinh Linh được giải Pew Fellowship dành cho thi ca.

Đinh Linh còn dịch ca dao và tục ngữ Việt Nam, và hiện đang dịch những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp sang Anh Ngữ.

Đây là một tuyển tập truyện ngắn giá trị. Phần lớn các bản dịch đều lưu loát, theo sát ý lẫn văn của nguyên bản.

Sách có bántại các hiệu sách như Barnes & Noble, Borders, Waldenbooks,v.v. Số danh mục ISBN 1-888363-02-9. Giá $25.00

🕮 ***Sóng Trôi***, tập truyện ngắn của Ngự Thuyết, bìa họa sĩ Nguyễn Đồng, Thanh Văn xuất bản, bạt của Mai Kim Ngọc và Nguyễn Mộng Giác, sách dày 240 trang, giá $12.00.

Tác phẩm gồm: Lời vào truyện và 12 truyện ngắn của nhà văn quen biết của độc giả Văn Học, nhiều truyện trong tập đã đăng tải trên tạp chí này. Truyện ngắn của Ngự Thuyết tạo được một thế giới không giống với thế giới tiểu thuyết những người khác: nhân vật của Ngự Thuyết là những nạn nhân của cộng sàn, nhưng Ngự Thuyết không mô tả các nạn nhân ấy theo lối thông thường. Những nhục nhã đầy đọa họ từng chịu đựng thay vì biểu lộ bằng lời nói hành động, qua văn Ngự Thuyết lại biểu lộ bằng những tiếng khóc nghẹn, những hành động khác thường.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 ***Ba năm hoàn thành cuộc khởi nghĩa Tây sơn,*** của Hồ Uyển, tác giả tự xuất bản tại Úc, sách dày 344 trang, giá 19 Mỹ kim. Tác giả là một chính khách lão thành từng là dân biểu hai nhiệm kỳ (1968-1975) của VNCH, hiện định cư tại Cabramatta NSW Úc châu, về cuối đời viết cuốn tiểu thuết dã sử này như trả một món nợ đối với quê hương. Tác phẩm chỉ chú trọng đến ba năm khởi nghĩa của anh em Tây sơn, tuy dựa vào một số sử liệu và truyền thuyết địa phương nhưng phần hư cấu đóng vai trò quan trọng hơn lịch sử. Đặc biệt sách có nhiều tấm hình quí như đền thờ vua Tây sơn tại Xóm Lũy, An khê nơi Tây sơn làm căn cứ địa khởi nghĩa, điện Tây Sơn tại Kiên Mỹ Bình khê, cây me 300 tuổi trên nền nhà cũ gia đình Nguyễn Tây sơn, di tích Bến Trường Trầu, chiếc ấn triều Tây sơn tìm thấy ở chùa Linh sôn cổ tự huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận. Cuối sách có phụ lục trích đoạn báo Dân Việt tường thuật buổi ra mắt sách tại Cabramatta NSW.

🕮 ***Văn Học Miền Đông,*** đặc san Mùa Xuân 1996 do Trung tâm Văn bút Miền Đông Hoa Kỳ chủ trương, tranh bìa của họa sĩ Rừng

(nhà văn Kinh Dương Vương), dày 180 trang, giá 6 Mỹ kim. Đặc san có nhiều bài vở đóng góp của Nguyễn văn Ba, Nguyễn thị Thanh Bình, Trần Kiêu Bạt, Ái Cầm, Lâm Chương, Hoài Ziang Duy, BS Nguyễn Ngọc Dung, Hồ Minh Dũng, Phạm Nhã Dự, Trần Trung Đạo, Lưu Nguyễn Đạt, Tâm Minh Ngô Tằng Giao, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Long Hồ, Ngô Minh Hằng, Thái Tú Hạp, Thanh Hiền, Tạ Quang Khôi, Vi Khuê, Lê văn Lân, Trần Thảo Lư, Vĩnh Liêm, Trần Vấn Lệ, Nghiêu Minh, Trần Quán Niệm, Tuệ Nga, Cao My Nhân, Thân Trọng Phúc, Nguyễn Quang, Trần Ngân Tiêu, Đắc Trung, Sơn Tùng, Trần Ngọc Toàn, Trần Mộng Tú, Võ Đình Tuyết, Lãm Thúy, Lâm Văn, Hà Trung Yên.

Địa chỉ liên lạc: Trung tâm Văn bút Miền Đông
PO Box 6203,
Falls Church VA 22040

🕮 ***Niềm Riêng***, đặc san của Trung tâm Văn bút Nam Hoa Kỳ, tranh bìa của Việt Phương, phụ bản tranh Vi Vi, Trương Sỹ Lương trình bày, dày 264 trang, giá 14 Mỹ kim.Đặc san có sáng tác và nghiên cứu của Nguyễn Nguyệt Ánh, Nguyễn Thế Giác, Nguyễn Khắc Hoàng, Phượng Khánh, Trương Đình Luận, Trương Sỹ Lương, Trường Sơn Lê Xuân Nhị, Dương Đức Nhự, Việt Phương, Quốc Sơn Dương Đình Hoàng, Ngô Du Trung, Hà Trang, Trần Hồng Văn, Phạm Ngũ Yên, An Phong Nguyễn Văn Diễn. Đặc biệt trước mỗi bài viết có ảnh và tiểu sử tác giả.

Địa chỉ liên lạc: Trung tâm Văn bút Nam Hoa Kỳ
1246 Mountain Lake Dr.
Missouri City TX 77459.
Phát hành:
1700 Chip-N-Dale Dr.
Arlington TX 76012
Phone: (817) 265-6356.

Bạn đọc Văn Học tìm mua ngay

MARIE SẾN

Cuốn tiểu thuyết dữ dội, độc đáo của nhà văn

Phạm thị Hoài

do Thanh Văn xuất bản tháng 4 năm 1996. Giá 10 Mỹ kim.

Xin liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ
PO Box 2301, Westminster, CA 92683 U.S.A.
Phone: (714) 527-5761

Đã phát hành khắp nơi:

Lý Luận và Phê Bình

Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995)

bùi vĩnh phúc

• Bộ sách đưa ra một cái nhìn trình bày và đánh giá có thể nói là rộng nhất từ trước đến nay trên mặt phê bình, lý luận về hai mươi năm văn học Việt bên ngoài đất nước.

• Với những nhận định, đánh giá sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ, nó giới thiệu được các tác giả trong nhiều khuynh hướng, nhiều phong cách khác nhau. Nó lại cũng trình bày những vận động và diện mạo của dòng văn học ngoài nước trong những mốc, những chặng định hình và phát triển trong suốt quá trình đi tới của nó. Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình, tác giả của bộ sách vừa bàn về thơ vừa nói về văn, vừa soi chiếu ý nghĩa và giá trị của các tác phẩm, cùng lúc bật sáng chân dung của các tác giả.

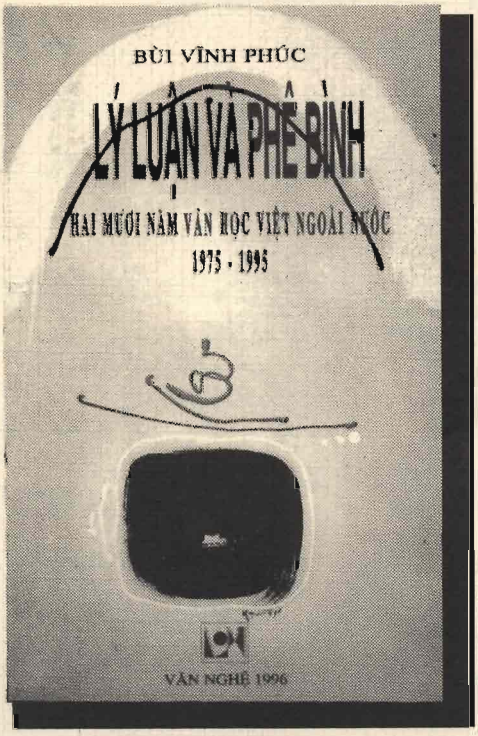

• Đây là một nỗ lực ghi nhận quan trọng, đẹp đẽ và cần thiết về hai mươi năm văn học Việt Nam ngoài quê hương mà tất cả những ai quan tâm đến văn học Việt đều không thể không tìm đọc.

Sách dày 764 trang, có bìa phụ bọc ngoài. Giá $27.00 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm $3.00 MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 -
Điện thoại: 714-527-5765

Giá:$4.00